

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG MINH SƠN

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG
XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG MINH SƠN

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG
XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

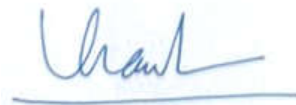
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS, TS. TRƯƠNG HỒ HẢI



2. PGS, TS. NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI



HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Đề tài luận án được tôi nghiên cứu, sử dụng các số liệu, nguồn trích dẫn rõ ràng và tuân theo quy định về thực hiện đề tài luận án. Tôi chịu trách nhiệm về các nội dung trình bày trong luận án.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'HMS', is written above a horizontal blue line.

Hoàng Minh Sơn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN	9
1.1. Các công trình khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân	9
1.2. Các công trình khoa học nghiên cứu hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân.....	17
1.3. Các công trình khoa học nghiên cứu quan điểm, phương hướng và giải pháp bảo đảm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân.....	21
1.4. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân và những vấn đề đặt ra tiếp tục nghiên cứu.....	26
1.5. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu	29
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN.....	33
2.1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân.....	33
2.2. Cơ sở lý luận của việc hội thẩm tham gia vào xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân.....	47
2.3. Pháp luật một số quốc gia về sự tham gia của hội thẩm trong xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân và giá trị tham khảo cho Việt Nam	77
Chương 3. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH.....	93
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân.....	93
3.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân.....	100
3.3. Thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân.....	121

Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TÀI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM.....	151
4.1. Quan điểm bảo đảm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân ở Việt Nam.....	151
4.2. Giải pháp bảo đảm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân ở Việt Nam.....	160
KẾT LUẬN	179
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	182
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	183

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BLTTDS:	Bộ luật Tố tụng dân sự
CCTP:	Cải cách tư pháp
HĐND:	Hội đồng nhân dân
HĐXX:	Hội đồng xét xử
LTCTAND:	Luật Tổ chức Tòa án nhân dân
NCS:	Nghiên cứu sinh
NNPQ:	Nhà nước pháp quyền
Nxb:	Nhà xuất bản
PTST:	Phiên tòa sơ thẩm
QTP:	Quyền tư pháp
TAND:	Tòa án nhân dân
TTDS:	Tố tụng dân sự
VADS:	Vụ án dân sự
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa
XXST:	Xét xử sơ thẩm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1: Kết quả XXST VADS của Hội thẩm tại TAND từ năm 2020 -2025....	133
Bảng 3.2: Chất lượng XXST VADS của Hội thẩm tại TAND từ năm 2020 - 2025	133
Bảng 3.3: Kết quả XXST VADS của Hội thẩm tại TAND khu vực từ năm 2020 - 2025.....	134
Bảng 3.4: Chất lượng XXST VADS của Hội thẩm tại TAND khu vực từ năm 2020 - 2025.....	135
Bảng 3.5: Kết quả XXST VADS của Hội thẩm tại TAND cấp tỉnh từ năm 2020 - 2025.....	135
Bảng 3.6: Chất lượng XXST VADS của Hội thẩm tại TAND cấp tỉnh từ năm 2020 - 2025.....	136
Bảng 3.7: Kết quả so sánh chéo giữa cấp Tòa án và chất lượng XXST VADS có Hội thẩm tham gia giai đoạn 2020-2025.....	137
Bảng 3.8: Kết quả so sánh, phân tích chéo giữa cơ cấu nghề nghiệp, chuyên môn của Hội thẩm và chất lượng xét xử.....	137

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chế độ xét xử có đại diện Nhân dân tham gia là một nguyên tắc hiến định quan trọng, phản ánh bản chất dân chủ và nguyên tắc quyền lực thuộc về Nhân dân của Nhà nước pháp quyền (NNPQ) xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam. Thông qua hoạt động của Hội thẩm, Nhân dân trực tiếp tham gia lĩnh vực xét xử, đồng thời thực hiện chức năng giám sát xã hội đối với hoạt động của Tòa án.

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu hoàn thiện NNPQ XHCN và CCTP tiếp tục được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã đặt ra yêu cầu đổi mới, hoàn thiện chế định Hội thẩm theo hướng mở rộng và nâng cao chất lượng tham gia vào quá trình xét xử. Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới tiếp tục yêu cầu rà soát, hoàn thiện các thiết chế pháp lý, tư pháp theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với sự vận động của quan hệ xã hội và mô hình tổ chức mới của bộ máy nhà nước. Đồng thời, việc thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, các Kết luận 126, 127, 135-KL/TW và Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 đã tác động trực tiếp đến mô hình tổ chức của hệ thống Tòa án nhân dân (TAND). Việc chuyển đổi sang mô hình TAND 3 cấp, gồm TAND tối cao, TAND tỉnh, TAND khu vực, kết thúc hoạt động của TAND cấp cao và TAND cấp huyện, đặt ra yêu cầu nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tổ chức và hoạt động của Hội thẩm nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả nguyên tắc Nhân dân tham gia xét xử trong điều kiện tổ chức bộ máy mới.

Bên cạnh đó, sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng đã làm phát sinh nhiều quan hệ dân sự mới, phức tạp như tranh chấp thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, giao dịch số, dữ liệu và công nghệ. Điều này đòi hỏi hoạt động xét xử sơ thẩm (XXST) vụ án dân sự (VADS) không chỉ đúng pháp luật mà còn phải bảo đảm tính chuyên

môn, minh bạch và thuyết phục xã hội. Trong bối cảnh đó, vai trò, năng lực và hiệu quả tham gia xét xử của Hội thẩm đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn.

Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (LTCTAND) năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã thiết lập cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ cho hoạt động của Hội thẩm trong XXST VADS. Tuy nhiên, các quy định pháp luật hiện hành vẫn còn những hạn chế nhất định. Pháp luật chưa thiết lập đầy đủ cơ chế bảo đảm tính độc lập của Hội thẩm trong mối quan hệ với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa; quy định về lựa chọn, phân công Hội thẩm tham gia giải quyết các VADS có tính chuyên môn sâu còn thiếu cụ thể; trong điều kiện xây dựng Tòa án điện tử và xét xử trực tuyến, pháp luật chưa quy định đầy đủ về điều kiện để Hội thẩm tiếp cận hồ sơ điện tử, đánh giá chứng cứ điện tử và tham gia xét xử trong môi trường số. Sự thay đổi mô hình tổ chức TAND cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với tổ chức và hoạt động của Hội thẩm bảo đảm thống nhất, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước.

Thực tiễn XXST VADS cho thấy Hội thẩm đã có những đóng góp quan trọng trong việc bảo đảm tính dân chủ, khách quan của hoạt động xét xử. Tuy nhiên, sự tham gia của Hội thẩm trong một số trường hợp còn mang tính hình thức; việc nghiên cứu hồ sơ, đánh giá chứng cứ, tham gia tranh tụng và nghị án chưa thật sự tích cực, hiệu quả; một bộ phận Hội thẩm còn phụ thuộc đáng kể vào quan điểm của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng xét xử, cơ chế bảo đảm điều kiện hoạt động, chế độ trách nhiệm và đánh giá chất lượng hoạt động của Hội thẩm còn nhiều bất cập. Trong điều kiện hệ thống TAND được tổ chức lại theo mô hình mới, khối lượng công việc xét xử có xu hướng tập trung nhiều hơn tại TAND khu vực và TAND cấp tỉnh, yêu cầu nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của Hội thẩm càng trở nên cấp thiết.

Trong khoa học pháp lý Việt Nam, đã có một số công trình nghiên cứu về chế định Hội thẩm hoặc sự tham gia của Nhân dân trong hoạt động xét xử. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào tổ tụng hình sự hoặc tiếp cận khái quát về tổ chức và hoạt động của Tòa án. Cho đến nay, chưa có công trình khoa học cấp luận án tiến sĩ nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện về cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND dưới góc độ chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật, nhất là trong bối cảnh xây dựng NNPQ XHCN, đổi mới mô hình TAND 3 cấp, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Từ những lý do trên, việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Đề tài góp phần làm rõ vai trò của Hội thẩm trong hoạt động XXST VADS, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội thẩm, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp (CCTP), đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước và bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân trong hoạt động tư pháp. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài: ***“Cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân ở Việt Nam”*** làm luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Từ việc nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng công tác xét xử, đáp ứng yêu cầu CCTP trong tình hình mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên đây, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xem xét, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, làm rõ những kết quả nghiên cứu đã công bố. Từ đó, khái quát các vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo hoặc chưa được đề cập, định hướng các nội dung sẽ được luận án kế thừa, phát triển và tập trung nghiên cứu, xây dựng giả thuyết khoa học, xây dựng câu hỏi nghiên cứu để thực hiện đề tài luận án.

- Làm rõ cơ sở lý luận của việc Hội thẩm tham gia vào XXST VADS tại TAND: khái niệm, đặc điểm và vai trò, cũng như các nguyên tắc, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm trong XXST VADS; các điều kiện bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND; đồng thời, nghiên cứu hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại một số quốc gia trên thế giới và chỉ ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng pháp luật và thực trạng hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam hiện nay, phát hiện những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập đó.

- Phân tích và đề xuất những quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án tập trung vào những vấn đề sau:

- Cơ sở lý luận của việc Hội thẩm tham gia vào XXST VADS tại TAND;
- Thực tiễn thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, thuật ngữ “Hội thẩm” được hiểu là Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng XXST VADS tại TAND; không bao gồm Hội thẩm quân nhân trong hệ thống Tòa án quân sự.

Luận án chỉ giới hạn nghiên cứu hoạt động của Hội thẩm trong thủ tục giải quyết VADS theo thủ tục sơ thẩm thông thường; không nghiên cứu thủ tục rút gọn và thủ tục giải quyết việc dân sự trong tố tụng dân sự (TTDS) Việt Nam.

- *Phạm vi thời gian*: Luận án nghiên cứu thực tiễn hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay. Đây là giai đoạn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, vừa là giai đoạn bản lề chuẩn bị và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV. Đây cũng là thời kỳ chứng kiến sự chuyển đổi mạnh mẽ của hệ thống tư pháp nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NNQP XHCN trong kỷ nguyên mới.

- *Phạm vi không gian*: Luận án nghiên cứu trên phạm vi cả nước, trong đó chú trọng phân tích hoạt động của Hội thẩm tại các mô hình Tòa án theo tiến trình cải cách tư pháp: (1) Đánh giá thực trạng tại TAND cấp tỉnh và TAND cấp huyện (giai đoạn trước sáp nhập); (2) Nghiên cứu định hướng và mô hình hoạt động của Hội thẩm tại TAND khu vực (theo lộ trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; chủ trương đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về tổ chức và hoạt động của TAND và đại diện Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Trong từng chương, tiết, tiểu mục của Luận án có nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu cụ thể, Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp, như:

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Sử dụng để nghiên cứu phân tích, tổng hợp các văn bản, tài liệu, số liệu liên quan đến hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án; các kết quả nghiên cứu đã được công bố và áp dụng; giúp NCS lý giải những vấn đề, xác định những luận điểm, luận cứ, từ đó nhận diện những vấn đề đặt ra cần giải quyết.

- *Phương pháp thống kê*: Sử dụng để thống kê từ số liệu thực tế và kết quả hoạt động thực tế liên quan đến hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án

của các cơ quan chức năng và tài liệu tin cậy từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

- *Phương pháp lịch sử*: Sử dụng để tìm hiểu, nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và hoạt động XXST VADS của Tòa án có sự tham gia của đại diện Nhân dân trong quá trình tổ tụng.

- *Phương pháp so sánh*: Sử dụng để so sánh hoạt động xét xử của Hội thẩm trong các vụ án nói chung và sự tham gia XXST VADS của Hội thẩm ở từng giai đoạn tại Việt Nam và một số mô hình TTDS tiêu biểu có đại diện Nhân dân tham gia xét xử trên thế giới.

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm*: Sử dụng để tổng kết và rút ra những vấn đề có tính nguyên tắc của chế định Hội thẩm nói chung và những quy định về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm trong TTDS.

- *Phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi*: Sử dụng để thu thập ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, người làm việc trong các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm rõ đánh giá, nhận xét về thực trạng vị trí, vai trò, hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án ở Việt Nam.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Xây dựng kế hoạch, sử dụng các câu hỏi phỏng vấn sâu dành cho những người tiến hành tố tụng có kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn xét xử VADS; đương sự trong VADS, Luật sư đã tham gia tố tụng VADS tại cấp sơ thẩm; và chuyên gia nghiên cứu chính sách, chế độ của Hội thẩm nhằm tìm hiểu thêm các thông tin quan trọng như đánh giá về thực trạng hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND khu vực; tình hình đội ngũ Hội thẩm, những ưu điểm, tồn tại, hạn chế, những vấn đề đặt ra cần giải quyết, giải pháp tiếp tục đổi mới, hoàn thiện.

5. Những đóng góp mới của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện và có hệ thống về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam, với những đóng góp mới chủ yếu sau:

- Luận án xây dựng khái niệm và làm rõ nội hàm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND; phân tích các đặc trưng cơ bản của hoạt động này và của Hội thẩm; đồng thời so sánh, chỉ ra những điểm khác biệt giữa hoạt động XXST VADS với xét xử vụ án hình sự, hành chính.

- Luận án khái quát các nguyên tắc cơ bản, nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện bảo đảm cho hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án; xây dựng bức tranh tổng thể về hoạt động của Hội thẩm trong mối quan hệ với các chủ thể tố tụng khác mà các công trình trước đây chưa đề cập đầy đủ.

- Luận án mở rộng nghiên cứu so sánh các mô hình tố tụng và cơ chế nhân dân tham gia xét xử VADS tại một số quốc gia tiêu biểu và một số quốc gia có điểm tương đồng với Việt Nam, qua đó rút ra các giá trị tham khảo phù hợp cho Việt Nam.

- Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học, Luận án phân tích, đánh giá kết quả đạt được, bất cập, hạn chế và nguyên nhân của hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND trong giai đoạn 2020-2025. Đặc biệt, Luận án khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động này từ ngày 01/7/2025 đến nay trong bối cảnh hệ thống Tòa án được tổ chức lại theo mô hình Tòa án 03 cấp, gắn với những thay đổi về pháp lý, nhân sự và tổ chức của ngành Tòa án.

- Luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND theo hướng đồng bộ, logic và khả thi; trong đó có các giải pháp về nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền, thành phần của Hội thẩm tại PTST dân sự; hoàn thiện pháp luật về Hội thẩm; đổi mới công tác quản lý, lựa chọn, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động XXST VADS và khắc phục tình trạng hình thức.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện và làm phong phú thêm lý luận hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND; góp phần nhận thức một cách sâu sắc, đúng đắn, thống nhất những vấn đề lý luận về tính

dân chủ, lẽ công bằng và bảo vệ công lý trong hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam, gắn với yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án, phục vụ tiến trình CCTP và xây dựng NNQP XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn tới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần làm rõ thực trạng hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND; đồng thời, các quan điểm và giải pháp được đề xuất có thể là cơ sở tham khảo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện, hướng tới xây dựng nền tư pháp trong sạch, nghiêm minh, dân chủ, bảo vệ công lý, công bằng xã hội, quyền con người và quyền công dân. Luận án cũng có giá trị tham khảo trong nghiên cứu khoa học, giảng dạy pháp luật, nhất là trong lĩnh vực tư pháp và hoạt động xét xử.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, như sau:

Chương 1: Tổng quan những công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND.

Chương 2: Cơ sở lý luận về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại TAND.

Chương 3: Thực trạng pháp luật Việt Nam về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND và thực tiễn thi hành.

Chương 4: Quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NGHIÊN CỨU NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

*** Sách:**

Các công trình “*Thể chế tư pháp trong NNPQ*” [13] do GS.TS. Nguyễn Đăng Dung chủ biên; “*QTP trong NNPQ XHCN Việt Nam từ lý luận đến thực tiễn*” [58] do TS. Nguyễn Văn Quyền - PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn đồng chủ biên đã phân tích cơ sở lý luận về tư pháp trong NNPQ XHCN, như sự hình thành, đặc điểm, bản chất của QTP; các giá trị phổ biến, đặc thù của QTP; vai trò của người dân trong NNPQ. Các công trình cũng khái quát mô hình, tổ chức, nguyên tắc hoạt động của Tòa án, Thẩm phán và Hội thẩm; trong đó các nguyên tắc xét xử tập thể, độc lập xét xử và xét xử có đại diện Nhân dân tham gia được phân tích, luận giải.

Các công trình “*Độc lập xét xử trong NNPQ ở Việt Nam*” [15] của Lưu Tiến Dũng; “*Độc lập tư pháp ở Việt Nam và tiêu chí đánh giá*” [35] do GS.TS. Lê Hồng Hạnh chủ biên; “*Tính độc lập của Tòa án - nghiên cứu pháp lý về các khía cạnh lý luận, thực tiễn ở Đức, Hoa Kỳ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị đối với Việt Nam*” [40] của Tô Văn Hòa đã làm rõ độc lập tư pháp trên cơ sở triết lý kiểm soát quyền lực nhà nước bằng tư pháp độc lập; đặc trưng hoạt động xét xử trong các hệ thống pháp luật khác nhau; cơ sở khoa học, ý nghĩa và vai trò của độc lập xét xử. Đây là nguồn tham khảo quan trọng khi NCS phân tích quyền năng pháp lý, trách nhiệm của Hội thẩm trong các giai đoạn tố tụng.

Công trình “*Xây dựng và hoàn thiện cơ chế nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp - Cơ sở lý luận và thực tiễn*” [49] do GS.TS. Phan Trung Lý, TS. Đặng Xuân Phương đồng chủ biên đã phân tích cơ sở lý

luận, nguồn gốc, vai trò của cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án; xác định Hội thẩm trực tiếp xét xử là một hình thức dân chủ trực tiếp, qua đó Nhân dân tham gia thực hiện QTP. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tiếp cận xét xử của Hội thẩm như một hình thức dân chủ trực tiếp, chưa đi sâu phân tích đầy đủ đặc điểm, vai trò của Hội thẩm trong hoạt động xét xử.

Các công trình *“Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp 5 nước chọn lọc: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Nga”* [50] của nhóm tác giả Hoàng Thế Liên, Nguyễn Huy Ngát, Đặng Hoàng Oanh, Nguyễn Minh Phương, Dương Thiên Hương, Nguyễn Quốc Vinh; *“Hệ thống Tòa án của một số quốc gia trên thế giới - kinh nghiệm cho Việt Nam”* [76] của TAND tối cao phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản đã phân tích tương đối toàn diện về tổ chức, phương thức hoạt động, quyền hạn, trách nhiệm và quan hệ tổ tụng của Hội thẩm. Trên cơ sở đối chiếu mô hình của một số quốc gia thuộc các hệ thống pháp luật tiêu biểu, các công trình rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam, tạo nền tảng cho nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm.

Công trình *“Tổ chức xét xử VADS đáp ứng yêu cầu CCTP”* [30] của Lê Thu Hà nghiên cứu lý luận về tổ chức xét xử VADS, đặc biệt là phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp dân sự giữa các cấp Tòa án như thẩm quyền chung, thẩm quyền riêng, thẩm quyền theo lãnh thổ, thẩm quyền theo lựa chọn của nguyên đơn, thẩm quyền của TAND cấp huyện và Tòa Dân sự TAND cấp tỉnh. Công trình có giá trị tham khảo về mặt lý luận đối với đề tài luận án.

Công trình *“Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam”* [63] do Nguyễn Bích Thảo chủ biên đã phân tích các vấn đề lý luận và yêu cầu đặt ra đối với chính sách pháp luật TTDS Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trên các phương diện: nguyên tắc cơ bản, thẩm quyền, tổ chức tư pháp dân sự và điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật TTDS.

Công trình *“PTST dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* [44] của Bùi Thị Huyền đã làm rõ lý luận về PTST dân sự, vai trò của các chủ thể tại

PTST dân sự, các mô hình PTST dân sự theo truyền thống tranh tụng và truyền thống xét hỏi; đồng thời chỉ ra xu hướng đan xen giữa hai mô hình này là lựa chọn phổ biến của nhiều quốc gia.

Đối với tài liệu nước ngoài, trước hết cần kể đến nhóm công trình kinh điển về chủ quyền nhân dân, khế ước xã hội, công lý và dân chủ tham dự trong tư pháp. Đây là nền tảng lý luận quan trọng để nghiên cứu vai trò của Hội thẩm trong XXST VADS. Công trình “*Leviathan*” [141] của Thomas Hobbes lý giải sự hình thành quyền lực chung nhằm bảo đảm trật tự, an toàn và ổn định xã hội. Tuy Hobbes nhấn mạnh quyền lực tối cao của nhà nước, nhưng tư tưởng của ông gợi mở rằng xét xử là bộ phận thiết yếu của quyền lực công, có nhiệm vụ giải quyết xung đột, bảo vệ trật tự xã hội và củng cố niềm tin vào công lý.

Công trình “*Second Treatise of Government*” [142] của John Locke và “*The Social Contract*” [143] của Jean-Jacques Rousseau làm rõ nền tảng của chủ quyền nhân dân và tính chính đáng của quyền lực nhà nước. Locke cho rằng quyền lực chính trị hợp pháp phải dựa trên sự đồng thuận của những con người tự do, bình đẳng; còn Rousseau khẳng định chủ quyền thuộc về Nhân dân và quyền lực nhà nước phải phản ánh ý chí chung. Các học thuyết này là cơ sở quan trọng để lý giải sự cần thiết của việc Nhân dân tham gia, giám sát và kiểm soát quyền lực tư pháp thông qua cơ chế đại diện trong HĐXX.

Từ góc độ lý thuyết công lý hiện đại, các công trình “*A Theory of Justice*” [144] và “*Justice as Fairness: A Restatement*” [145] của John Rawls có giá trị tham khảo quan trọng. Lý thuyết “công lý như là sự công bằng” nhấn mạnh yêu cầu các thiết chế xã hội bảo đảm quyền tự do cơ bản, bình đẳng về cơ hội và quan tâm đến chủ thể yếu thế. Vận dụng vào tư pháp, xét xử không chỉ là áp dụng pháp luật, mà còn phải bảo đảm thủ tục công bằng, vô tư, khách quan và tính chính đáng của phán quyết. Theo đó, sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS có thể được nhìn nhận như cơ chế đưa kinh nghiệm xã hội, lẽ công bằng và tiếng nói của Nhân dân vào quá trình bảo vệ công lý.

Đáng chú ý, công trình “*Democracy in the Courts: Lay Participation in European Criminal Justice Systems*” [146] của Marijke Malsch tiếp cận sự tham

gia của người dân trong xét xử như một biểu hiện của dân chủ trong Tòa án. Qua nghiên cứu mô hình người không chuyên tham gia xét xử tại một số quốc gia châu Âu, tác giả cho thấy sự tham gia này không chỉ hỗ trợ Tòa án trong đánh giá sự kiện, chứng cứ, mà còn góp phần tăng tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và niềm tin xã hội đối với tư pháp. Dù chủ yếu nghiên cứu trong lĩnh vực hình sự, công trình vẫn có giá trị tham khảo trực tiếp đối với việc nghiên cứu Hội thẩm trong XXST VADS ở Việt Nam.

Bên cạnh các công trình lý thuyết, các văn kiện quốc tế về độc lập xét xử cũng là nguồn tài liệu quan trọng, như “*The U.N. Basic Principles on Judicial Independence*” [106]; “*Beijing Statement of Principles of the Independence of the LAWASIA Region*” [107]; các Nguyên tắc Bangalore về ứng xử tư pháp và tài liệu “*Independence and Impartiality of the Judiciary, Jurors and Assessors and the Independence of Lawyers*” [108]. Các tài liệu này khẳng định yêu cầu độc lập, vô tư, khách quan của hoạt động xét xử; đồng thời ghi nhận vai trò của Bồi thẩm viên, Hội thẩm và người tham gia xét xử không chuyên trong việc bảo đảm tính đại diện và tính chính đáng của phán quyết tư pháp.

Ở góc độ nghiên cứu hệ thống pháp luật cụ thể, các công trình “*Outline of the U.S. Legal System*” [109] của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và “*Law 101: Everything You Need To Know About American Law*” [110] của Jay M. Feinman đã phân tích tổ chức, chức năng của thiết chế tư pháp Hoa Kỳ; quy trình lựa chọn, tổ chức và hoạt động của Bồi thẩm đoàn; cũng như ý nghĩa của Bồi thẩm đoàn trong tư pháp dân sự. Các công trình này giúp luận án có thêm cơ sở so sánh về cơ chế người dân tham gia xét xử trong hệ thống thông luật, đặc biệt là vai trò của cộng đồng trong đánh giá sự kiện, chứng cứ và bảo đảm quyền được xét xử công bằng.

Công trình “*Juries, Lay Judges, and Mixed Courts: A Global Perspective*” [111] của Sanja Kutnjak Ivković, Shari Seidman Diamond, Valerie P. Hans và Nancy S. Marder cung cấp cái nhìn tương đối toàn diện về Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên và Tòa án hỗn hợp trong nhiều hệ thống pháp luật. Công

trình cho thấy sự tham gia của người không chuyên trong xét xử không chỉ là vấn đề kỹ thuật tố tụng, mà còn gắn với dân chủ, tính đại diện cộng đồng, kiểm soát quyền lực tư pháp và niềm tin xã hội đối với Tòa án. Tuy nhiên, công trình chủ yếu nghiên cứu ở phạm vi so sánh rộng, chưa đi sâu vào cơ chế cân bằng giữa tính đại diện cộng đồng và năng lực chuyên môn của Hội thẩm trong giải quyết tranh chấp dân sự phức tạp, nhất là trong bối cảnh chính trị - pháp lý đặc thù của Việt Nam.

Công trình “*Charting the Divide Between Common and Civil Law*” [119] của Thomas Lundmark phân tích sự khác biệt giữa truyền thống thông luật và dân luật trên các phương diện văn hóa pháp lý, thiết chế tư pháp, vai trò của các chủ thể pháp lý, việc lựa chọn và đào tạo Thẩm phán, Bồi thẩm viên, người tham gia xét xử không chuyên tại Đức, Thụy Điển, Anh, xứ Wales và Hoa Kỳ. Đây là nguồn tham khảo hữu ích để so sánh giữa Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên và Hội thẩm. Ngoài ra, “*Handbook for Trial Jurors Serving in the United States District Courts*” [120] của Administrative Office of the United States Courts cung cấp những hướng dẫn cụ thể về quy trình tố tụng, trách nhiệm, nghi thức, hành vi của Bồi thẩm đoàn tại phiên tòa, trong phòng nghị án và sau khi kết thúc vụ án.

Nhìn chung, nhóm tài liệu nước ngoài nêu trên cung cấp cho luận án ba giá trị tham khảo chính. *Thứ nhất*, các học thuyết về chủ quyền nhân dân, khế ước xã hội và công lý giúp lý giải nền tảng chính đáng của việc Nhân dân tham gia hoạt động tư pháp. *Thứ hai*, các văn kiện quốc tế về độc lập xét xử làm rõ yêu cầu độc lập, vô tư, khách quan của Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm và người tham gia xét xử không chuyên. *Thứ ba*, các công trình so sánh về Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên và Tòa án hỗn hợp cho thấy sự tham gia của người dân trong xét xử vừa có giá trị dân chủ, vừa đòi hỏi những điều kiện bảo đảm cụ thể để tránh hình thức. Đây là cơ sở quan trọng để luận án tiếp tục nghiên cứu hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam.

*** Đề tài, hội thảo khoa học:**

Công trình khoa học cấp bộ “*Tiếp tục kiện toàn tổ chức và hoạt động của TAND đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu CCTP*” [67] do TS. Nguyễn Trí Tuệ chủ nhiệm đã nghiên cứu cơ sở lý luận đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án; đồng thời phân tích vị trí, vai trò và yêu cầu đặt ra đối với chế định Hội thẩm trong bối cảnh mới. Công trình có giá trị tham khảo lớn đối với luận án.

Kỷ yếu hội thảo khoa học “*Hoàn thiện chế định Hội thẩm theo yêu cầu CCTP*” [77] do TAND tối cao tổ chức ngày 26/4/2021 tập trung vào 10 chuyên đề chuyên sâu, bao quát cả lý luận và thực tiễn về chế định Hội thẩm, từ lịch sử hình thành, vị trí pháp lý, công tác quản lý tại Tòa án địa phương đến định hướng hoàn thiện theo yêu cầu CCTP. Kết quả hội thảo cung cấp luận cứ khoa học góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội thẩm.

*** Luận án:**

Luận án tiến sĩ “*Hội thẩm nhân dân trong tổ tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*” [69] của Liêu Chí Trung và “*Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*” [66] của Quản Thị Ngọc Thảo đã phân tích cơ sở lý luận về hoạt động xét xử của Hội thẩm trong tổ tụng hình sự và nguyên tắc độc lập xét xử trong luật TTHS Việt Nam. Dù giới hạn trong tổ tụng hình sự, các công trình vẫn có giá trị tham khảo cho nghiên cứu chuyên sâu về Hội thẩm trong luận án.

Luận án tiến sĩ “*Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm ở Việt Nam hiện nay*” [72] của Vũ Gia Trường đã làm rõ khái niệm, đặc điểm, thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm; phân tích quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể tổ tụng và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết tranh chấp. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất giải pháp hoàn thiện thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại cấp sơ thẩm.

Luận án tiến sĩ “*Địa vị pháp lý của Hội thẩm ở Việt Nam hiện nay*” [37] của Trần Thị Thu Hằng đã luận giải lý luận chung về địa vị pháp lý của Hội

thẩm. Tuy nhiên, công trình chưa đề cập nhiều đến lịch sử ra đời của cơ chế đại diện Nhân dân tham gia xét xử và chưa phân tích riêng về Hội thẩm trong hoạt động XXST VADS tại TAND ở Việt Nam.

*** Bài báo khoa học, tạp chí:**

Bài viết “*Triết lý về sự tham gia của đại diện nhân dân trong hoạt động xét xử*” [65] của Quán Thị Ngọc Thảo và Lê Lan Chi đã luận giải nguồn gốc, bản chất của việc Nhân dân tham gia xét xử. Theo các tác giả, sự hiện diện của người dân trong hoạt động xét xử không chỉ góp phần làm rõ sự thật khách quan, bảo vệ công lý, bảo đảm quyền được xét xử công bằng, mà còn là cơ chế để xã hội giám sát quyền lực nhà nước, giúp phán quyết tư pháp dân chủ và thuyết phục hơn.

Bài viết “*Hoàn thiện cơ sở pháp lý về Hội thẩm nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*” [53] của Đặng Thị Kim Ngân phân tích cơ sở của việc Hội thẩm tham gia xét xử như một biểu hiện của tư tưởng lấy dân làm gốc, bảo đảm nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Bài viết “*So sánh chế định Bồi thẩm đoàn của Hoa Kỳ và Hội thẩm nhân dân của Việt Nam và một số kiến nghị*” [43] của Phạm Quang Huy chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai chế định về bản chất pháp lý, cách thức lựa chọn người dân tham gia xét xử và thẩm quyền khi xét xử; từ đó đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện chế định Hội thẩm ở Việt Nam. Bài viết “*Hội thẩm nhân dân với việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động xét xử*” [42] của Nguyễn Huy Hoàn và Lương Vũ Lam Giang làm rõ vai trò của Hội thẩm cùng Thẩm phán trong bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người và thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân trong hoạt động Tòa án.

Ở nước ngoài, bài viết “*Jury Systems Around the World*” [113] của Valerie P. Hans phân tích sự tham gia của người dân trong hoạt động xét xử ở nhiều quốc gia; lý giải sự phát triển của các mô hình Bồi thẩm đoàn mới và đánh giá tác động của cơ chế này đối với quan hệ giữa công dân và nhà nước. Bài viết “*Civil Lay Judges: A Global Overview*” [121] của Jérémy Boulanger-Bonnelyy nghiên cứu vai trò của Thẩm phán không chuyên trong VADS trên phạm vi toàn

cầu, qua đó cung cấp cơ sở quan trọng cho việc so sánh các mô hình người không chuyên tham gia xét xử dân sự ở những hệ thống pháp luật khác nhau.

Bổ sung cho hướng nghiên cứu về Tòa án hỗn hợp, bài viết “*Exploring Lay Participation in Legal Decision-Making: Lessons from Mixed Tribunals*” [135] của Sanja Kutnjak Ivković phân tích mô hình Thẩm phán chuyên nghiệp và Thẩm phán không chuyên cùng tham gia quyết định vụ án. Công trình cho thấy mô hình này hướng tới sự kết hợp giữa tri thức pháp lý với kinh nghiệm xã hội của người dân, qua đó tăng tính đại diện, dân chủ và chính đáng của hoạt động xét xử. Tuy nhiên, hiệu quả của cơ chế này phụ thuộc vào địa vị tổ tụng thực chất, quyền tiếp cận thông tin và mức độ bình đẳng giữa người không chuyên với Thẩm phán chuyên nghiệp.

Các bài viết “*Ears of the Deaf: The Theory and Reality of Lay Judges in Mixed Tribunals*” [147] của Sanja Kutnjak Ivković, “*Silent Lay Judges—Why Their Influence in the Community Falls Short of Expectations*” [148] của Stefan Machura và “*Judgment by Peers: Lay Participation in Legal Decision Making*” [149] của Valerie P. Hans, Shari Seidman Diamond, Sanja Kutnjak Ivković và Nancy S. Marder đã tiếp cận mô hình Thẩm phán không chuyên từ các góc độ lý luận, thực tiễn và xã hội học pháp luật. Các công trình cho thấy người không chuyên tham gia xét xử có thể đưa tiếng nói cộng đồng, kinh nghiệm đời sống và giá trị xã hội vào quá trình ra quyết định tư pháp; góp phần nâng cao chất lượng nhận thức sự kiện, tăng tính minh bạch, tính chính đáng của Tòa án và củng cố niềm tin xã hội. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra nguy cơ vai trò của người không chuyên bị hạn chế nếu Thẩm phán chuyên nghiệp chi phối quá trình xét hỏi, đánh giá chứng cứ, thảo luận và nghị án; đồng thời đặt ra yêu cầu bảo đảm năng lực, địa vị tổ tụng thực chất và điều kiện để họ phát huy vai trò cầu nối giữa Tòa án với Nhân dân, giữa pháp luật với đời sống xã hội. Đây là những gợi mở quan trọng khi luận án đánh giá tình trạng Hội thẩm tham gia xét xử còn hình thức, chưa phát huy đầy đủ vai trò độc lập trong HĐXX.

Bài viết “*Beacons of Democracy? A Worldwide Exploration of the Relationship Between Democracy and Lay Participation in Criminal Cases*”

[150] của Sanja Kutnjak Ivković và Valerie P. Hans tiếp cận sự tham gia của người dân trong xét xử từ mối liên hệ với dân chủ. Dù tập trung vào lĩnh vực hình sự, công trình vẫn có giá trị tham khảo đối với đề tài, bởi XXST VADS của Hội thẩm tại TAND cũng là một hình thức thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân trong lĩnh vực tư pháp.

Bài viết “*Justification for Juries: A Comparative Perspective on Models of Jury Composition*” [122] của Jane E. Dudzinski so sánh một số mô hình xét xử có sự tham gia của người dân, gồm Bồi thẩm đoàn, Tòa án hỗn hợp và mô hình xét xử chỉ do Thẩm phán chuyên nghiệp thực hiện. Tác giả cho rằng mô hình Bồi thẩm đoàn Hoa Kỳ có ưu thế ở phương diện độc lập và đại diện cộng đồng, trong khi mô hình Tòa án hỗn hợp tại châu Âu có thể gặp hạn chế do Thẩm phán chuyên nghiệp có xu hướng chi phối quá trình thảo luận.

Các bài viết “*Civil Justice: Lay Judges in the EU Countries*” [115] của Stefan Machura; “*Civil Juries in British Columbia: Anachronism or Cornerstone of the Civil Justice Process?*” [123] của British Columbia Law Institute; “*The Role of Lay Judges in the Process of Adjudication*” [124] của Adriana Sylwia Bartnik và Katarzyna Julia Kowalska; “*Lay Judges in China Under the New People’s Assessors Law: The Shaping of a Legal Institution*” [125] của Knut Benjamin Pissler đã phân tích vai trò của Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên và Hội thẩm trong tư pháp dân sự tại EU, Canada, Ba Lan, Trung Quốc và một số khu vực pháp lý khác. Các công trình này góp phần làm rõ xu hướng phát triển, những ưu điểm, hạn chế và yêu cầu bảo đảm để người không chuyên tham gia xét xử VADS một cách thực chất, hiệu quả.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

*** Sách:**

Các công trình “*CCTP để hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam*” [6], “*CCTP tại TAND Việt Nam trong giai đoạn mới*” [7] của tác giả Nguyễn Hòa Bình; “*CCTP vì một nền tư pháp liêm chính*” [91] do GS.TSKH Đào Trí Úc và

PGS.TS. Vũ Công Giao chủ biên; “*CCTP ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*” [94] do PGS.TS Nguyễn Tất Viễn và TS. Trần Mạnh Đạt chủ biên đã phân tích thực trạng nền tư pháp nước ta còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cải cách; thiết chế Hội thẩm còn hiệu quả hạn chế, các quy định liên quan còn tản mạn, thiếu tập trung; mức độ đóng góp của Hội thẩm vào chất lượng xét xử chưa tương xứng với vị trí, vai trò pháp lý của họ. Đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng cho NCS trong đánh giá thực trạng hoạt động xét xử VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam.

Cuốn “*Độc lập tư pháp ở Việt Nam và tiêu chí đánh giá*” [35] do GS.TS. Lê Hồng Hạnh chủ biên đã phân tích việc thực hiện nguyên tắc tổ chức quyền lực và độc lập tư pháp trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), LTCTAND và các đạo luật tố tụng; đồng thời làm rõ các yếu tố hạn chế tính độc lập xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm tại phiên tòa và thực trạng độc lập tư pháp ở Việt Nam qua đánh giá của công chúng.

Cuốn “*Tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn 30 năm đổi mới (1986-2016) về Tư pháp - Nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí*” [3] của Ban Nội chính Trung ương đã tổng kết lý luận và thực tiễn hoạt động của TAND trong thời kỳ đổi mới; đánh giá vai trò của hệ thống Tòa án trong bảo đảm công lý, ổn định chính trị, trật tự xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và xây dựng NNQP XHCN Việt Nam.

Đối với thực tiễn hoạt động của Hội thẩm, công trình “*Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án đáp ứng yêu cầu CCTP*” [8] của Nguyễn Hòa Bình đã phân tích hiệu quả, hạn chế, bất cập của chế định Hội thẩm trong thực tiễn xét xử; đồng thời tiếp cận vấn đề từ yêu cầu cải cách tư pháp, kinh nghiệm quốc tế và định hướng hoàn thiện trong giai đoạn tới. Công trình có giá trị tham khảo trực tiếp đối với luận án.

Các sách “*Pháp luật TTDS - tình huống và phân tích*” [41] của Đặng Thanh Hoa; “*Hội thẩm và xét xử*” [52] của Chu Xuân Minh; “*Cẩm nang pháp luật và nghiệp vụ dành cho Hội thẩm trong xét xử các VADS*” [9] do Phạm

Thanh Bình chủ biên; “*Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ Hội thẩm nhân dân - Phần chuyên sâu về hình sự, dân sự*” [78]; “*Cẩm nang giải quyết các VADS, kinh doanh, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình*” [68] đã nghiên cứu chuyên sâu về nghiệp vụ xét xử VADS gắn với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm. Các công trình này tập trung phân tích quy định pháp luật, kỹ năng, phương pháp, kinh nghiệm xét xử, đồng thời chỉ ra một số tồn tại, hạn chế và kiến nghị hoàn thiện.

*** Đề tài, hội thảo khoa học:**

Đề tài khoa học cấp bộ “*Thực tiễn thi hành BLTTDS năm 2015 và một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện*” [34] do Tống Anh Hào làm chủ nhiệm đã đánh giá thực tiễn thi hành BLTTDS năm 2015 trong mối liên hệ với Bộ luật dân sự, Bộ luật lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Đất đai...; phân tích tình hình thụ lý, giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự trong 08 năm thi hành BLTTDS năm 2015, từ đó chỉ ra hạn chế, bất cập và nguyên nhân.

Các dự án “*Law and Policy Reform at the Asia Development Bank*” [126] và “*A Measurement Model for Synthesizing Multiple Comparative Indicators: The Case of Judicial Independence*” [127] của Drew A. Linzer, Jeffrey K. Staton đã tiếp cận vấn đề cải cách pháp luật, chính sách và độc lập tư pháp từ góc độ so sánh quốc tế. Trong đó, nghiên cứu khảo sát 191 quốc gia, xếp Việt Nam thứ 146/191 về bảo đảm xét xử độc lập thông qua đánh giá quy định pháp luật.

*** Luận án:**

Luận án tiến sĩ “*Tranh tụng trong TTDS ở Việt Nam hiện nay*” [16] của Đặng Quang Dũng tập trung phân tích nguyên tắc tranh tụng trong TTDS, đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật về tranh tụng tại Việt Nam, chỉ ra khó khăn trong thực hiện cơ chế tranh tụng tại phiên tòa XXST VADS, đồng thời làm rõ hạn chế về vai trò, trách nhiệm của các thành viên HĐXX, đặc biệt là Hội thẩm.

Luận án tiến sĩ “*Giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm, thích ứng trạng thái bình thường mới sau đại dịch*” [88] của Nguyễn Minh Quốc Việt đã phân tích, tổng hợp, đánh giá có hệ thống các hạn chế, bất cập,

thiếu sót và những vấn đề còn có cách hiểu khác nhau trong quy định của BLTTDS hiện hành về thủ tục giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm.

*** Bài báo khoa học, tạp chí:**

Bài viết “*Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm nhân dân trong TTDS*” [36] của Nguyễn Thị Thúy Hằng đã đối chiếu quy định pháp luật hiện hành với thực tiễn thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của Hội thẩm trong giải quyết VADS; chỉ ra một số bất cập làm cho sự tham gia của Hội thẩm trong nhiều trường hợp còn hình thức, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội thẩm.

Bài viết “*Những bất cập trong việc Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử án dân sự*” [70] của Nguyễn Văn Thành đã phân tích vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong xét xử; cho rằng do không được đào tạo bài bản về pháp lý, kỹ năng và nghiệp vụ xét xử, Hội thẩm khi tham gia xét xử VADS thường có xu hướng phụ thuộc vào quan điểm của Thẩm phán.

Đặc biệt, để có cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá và đề xuất giải pháp, tháng 7/2025 NCS đã tiến hành khảo sát chuyên gia về “*Hoạt động XXST VADS của Hội thẩm hiện nay*” đối với 200 người, gồm Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án đã và đang tham gia XXST VADS tại một số địa bàn miền Bắc, miền Nam, miền Trung và Tây Nguyên; cùng các chuyên gia, nhà khoa học thuộc Vụ Giám đốc, kiểm tra về dân sự; Vụ Giám đốc, kiểm tra về kinh doanh, thương mại, phá sản, lao động, gia đình và người chưa thành niên; Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học thuộc TAND tối cao; Học viện Tòa án; Trường Đại học Luật Hà Nội. Các ý kiến khảo sát là nguồn tư liệu thực tiễn quan trọng phục vụ đánh giá hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam.

Ở nước ngoài, bài viết “*In Defense of Civil Juries*” [128] của Peter W. Culley bảo vệ vai trò của Bồi thẩm đoàn dân sự trên cơ sở lập luận rằng thiết chế này có ưu thế so với xét xử chỉ bằng Thẩm phán, bởi Bồi thẩm đoàn giúp giải quyết công bằng các vụ án khó, đưa giá trị cộng đồng vào quyết định tư pháp, là công cụ của dân chủ, bảo vệ người kiện tụng khỏi thiên vị của Tòa án và tác động tích cực đến hoạt động của Tòa án, luật sư.

Các bài “*Deliberative Democracy and the American Civil Jury*” [112] của Hans, Valerie P.; Gastil, John; Feller, Traci và “*The Contemporary American Jury*” [129] của Shari Seidman Diamond, Mary R. Ros tiếp cận Bồi thẩm đoàn dân sự Hoa Kỳ như một hình thức dân chủ thảo luận. Các tác giả phân tích sự thay đổi về thành phần, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục lựa chọn Bồi thẩm đoàn; sự thay đổi trong tính chất vụ án do Bồi thẩm đoàn quyết định và các yếu tố làm suy giảm xét xử bằng Bồi thẩm đoàn, qua đó đánh giá tác động đối với hệ thống tư pháp và nền dân chủ.

Bài viết “*Recent Developments about Lay Judges in the European Union*” [116] của Machura, S., Kutnjak Ivkovic, S., & Hans, V. P tổng quan sự tham gia của người không chuyên nghiệp trong xét xử VADS tại các quốc gia EU. Nghiên cứu cho thấy 16 quốc gia có Tòa án hỗn hợp; các mô hình Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán đơn lẻ hoặc hội đồng chỉ gồm người không chuyên đã trở nên hiếm. Bài viết khẳng định Thẩm phán không chuyên là một phần của văn hóa pháp lý châu Âu và sự tham gia của họ góp phần nâng cao chất lượng phán quyết tư pháp.

Bài “*Lay Judges at Labour Courts: A Cross-national Study*” [117] của Stefan Machura nghiên cứu Thẩm phán không chuyên tại Tòa án lao động của 09 quốc gia EU. Theo đó, tranh chấp lao động thường được giải quyết bởi Tòa án chuyên biệt, bên cạnh Thẩm phán chuyên nghiệp còn có hai Thẩm phán không chuyên do hiệp hội người sử dụng lao động và công đoàn đề cử. Sau khi được bổ nhiệm, họ không còn là đại diện của tổ chức đề cử mà trở thành thành viên của ngành tư pháp. Xu hướng sử dụng Thẩm phán không chuyên trong Tòa án lao động được xem là phổ biến ở nhiều quốc gia châu Âu.

1.3. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC NGHIÊN CỨU QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

*** Sách:**

Bàn về quan điểm, phương hướng và giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm, công trình “*Độc lập tư pháp ở Việt Nam và tiêu chí đánh*

giá” [35] của Lê Hồng Hạnh đã phân tích cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng độc lập xét xử, làm rõ các trở ngại đối với tính độc lập của Tòa án ở Việt Nam và đề xuất hướng khắc phục phù hợp với đặc thù Việt Nam. Công trình là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị cho NCS khi nghiên cứu chuyên sâu về hoạt động xét xử của Hội thẩm.

Trong các công trình *“CCTP để hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam”* [6], *“CCTP tại TAND Việt Nam trong giai đoạn mới”* [7], Nguyễn Hòa Bình đã dự báo bối cảnh, xác định quan điểm, mục tiêu CCTP tại Tòa án và đề xuất 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có yêu cầu xây dựng một đạo luật độc lập về Hội thẩm nhằm nâng cao địa vị pháp lý của thiết chế này. Cùng hướng tiếp cận đó, Nguyễn Tất Viễn và Trần Mạnh Đạt trong chuyên khảo *“CCTP ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới”* [94] nhấn mạnh giải pháp bảo đảm tính độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, qua đó nâng cao chất lượng xét xử nói chung và hoạt động xét xử VADS của Hội thẩm nói riêng.

Trong chuyên khảo *“Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án đáp ứng yêu cầu CCTP”* [8], Nguyễn Hòa Bình đã phân tích thực trạng cơ chế nhân dân tham gia xét xử và đề xuất các giải pháp: hoàn thiện cơ chế hiện hành về Hội thẩm tham gia xét xử; hoàn thiện pháp luật về Hội thẩm; tăng cường tính chuyên môn của Hội thẩm trong một số loại vụ án đặc thù; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng; hoàn thiện chế độ, chính sách. Đây là công trình có giá trị tham khảo trực tiếp đối với luận án.

Công trình *“Law and Policy Reform at the Asia Development Bank”* [126] của Asia Development Bank đưa ra sáu khuyến nghị nhằm tăng cường độc lập tư pháp ở Việt Nam, tập trung vào việc hoàn thiện thể chế để công khai rộng rãi bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bảo đảm thực hiện hiệu quả nguyên tắc độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật; đồng thời xây dựng mô hình quản trị hành chính - tư pháp phù hợp trong nội bộ hệ thống Tòa án.

*** Đề tài, hội thảo khoa học:**

Kỷ yếu hội thảo quốc gia “*Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả CCTP đáp ứng yêu cầu xây dựng NNQP XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*” [4] của Ban Chỉ đạo xây dựng đề án Chiến lược xây dựng và hoàn thiện NNQP XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, với các tham luận như “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về tư pháp và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam*” của TS. Trần Thị Kim Ninh; “*Kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện QTP đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện NNQP XHCN Việt Nam*” của GS.TS. Phan Trung Lý và TS. Nguyễn Văn Cường, đã kiến nghị bốn vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu: bảo đảm Nhân dân tham gia xét xử thực chất, hiệu quả; tiếp tục duy trì Hội thẩm nhưng xem xét lại cơ chế ngang quyền và quyền biểu quyết như Thẩm phán; quy định số lượng Hội thẩm tùy từng loại án; nghiên cứu áp dụng Bồi thẩm đoàn trong một số vụ án.

*** Luận án:**

Luận án tiến sĩ “*Bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam hiện nay*” [59] của La Thị Quế đã đánh giá thực trạng bảo đảm thực hiện QTP, phân tích nhu cầu bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam và đề xuất giải pháp củng cố, tạo dựng các bảo đảm nhằm nâng cao vị thế, vai trò của Tòa án trong tổ chức quyền lực nhà nước.

Luận án tiến sĩ “*Bảo vệ công lý trong hoạt động xét xử của TAND ở Việt Nam hiện nay*” [17] của Trần Trí Dũng và “*Vai trò của Tòa án trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay*” [10] của Đặng Công Cường đã phân tích việc thực thi pháp luật và thực tiễn bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người của các cơ quan tư pháp, trọng tâm là Tòa án; từ đó kiến nghị các giải pháp như bảo đảm tính độc lập của Tòa án, hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của TAND, hoàn thiện quy định về Thẩm phán và Hội thẩm.

*** Bài báo khoa học, tạp chí:**

Bài viết “*Cải cách để bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân*” [29] của Vũ Công Giao và Nguyễn Minh Tâm; “*Quy định của pháp luật về Hội thẩm nhân dân ở Việt Nam hiện nay - một số vấn đề đặt ra trong tình hình*

mới” [71] của Phạm Đình Thanh đã phân tích các quy định pháp luật liên quan đến Hội thẩm, làm rõ yêu cầu đặt ra đối với Hội thẩm trong xét xử và đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của Hội thẩm, bảo đảm thực hiện hiệu quả các nguyên tắc tố tụng.

Các bài viết “*Chế định về Hội thẩm, vai trò của Hội thẩm khi tham gia xét xử - Một số kiến nghị hoàn thiện*” [61] của Lê Văn Sua; “*Một số vấn đề về đổi mới tổ chức, hoạt động của Hội thẩm nhân dân*” [55] của Nguyễn Văn Pha đều tiếp cận chế định Hội thẩm từ nhiều góc độ, khẳng định Hội thẩm là thiết chế pháp luật dân chủ, tiến bộ; đồng thời đề xuất các giải pháp đổi mới tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội thẩm khi xét xử, bảo đảm quyền làm chủ và tạo điều kiện để Nhân dân trực tiếp thực hiện QTP.

Ở nước ngoài, bài viết “*The Civil Jury: Reviving an American Institution*” [130] của Richard L. Jolly, Valerie P. Hans, Robert S. Peck phân tích Bồi thẩm đoàn dân sự như một thể chế quan trọng trong cấu trúc xã hội và hiến pháp Hoa Kỳ, nhưng đang bị suy giảm bởi các tác động pháp lý, chính trị, thực tiễn và đại dịch COVID-19. Các tác giả đề xuất khôi phục thiết chế này thông qua việc xóa bỏ rào cản đối với phiên tòa Bồi thẩm đoàn dân sự, áp dụng thủ tục mặc định có Bồi thẩm đoàn, mở rộng thủ tục xét xử nhanh, cải cách lựa chọn Bồi thẩm đoàn để bảo đảm đại diện cộng đồng và có hành động pháp lý cụ thể nhằm duy trì Tu chính án thứ Bảy.

Bài viết “*Jury Trial Techniques in Complex Civil Litigation*” [131] của Ronald S. Longhofer phân tích những thách thức khi xét xử VADS phức tạp trước Bồi thẩm đoàn, đồng thời đề xuất các kỹ thuật tố tụng như áp dụng nghiêm quy tắc chứng cứ, thường xuyên hướng dẫn Bồi thẩm đoàn, cho phép Thẩm phán bình luận về chứng cứ, sử dụng công nghệ mới để trình bày chứng cứ, nhằm bảo đảm phán quyết chính xác và công bằng.

Bài viết “*Interaction between lay assessors and professional judges in German mixed courts*” [118] của Stefan Machura phân tích sự tương tác giữa Thẩm phán chuyên nghiệp và giám định viên không chuyên trong Tòa án hỗn hợp Đức. Tác giả đề xuất: người không chuyên cần được đào tạo tốt hơn về quyền tố tụng, kỹ năng đặt câu hỏi và tranh luận tại tòa; cần được cung cấp thêm

thông tin, quyền xem hồ sơ và kỹ năng đọc hồ sơ; đồng thời Thẩm phán chuyên nghiệp cần được đào tạo về hành vi công bằng và năng lực làm việc nhóm.

Bài viết “*较法视野下的人民陪审员制度改革*” [132] của 作者丁相顺 phân tích những tương đồng, khác biệt về thể chế, văn hóa pháp lý và mục tiêu CCTP của Trung Quốc; từ đó đề xuất hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử theo đặc sắc Trung Quốc, gồm thay đổi nhận thức về sự tham gia của người dân, tăng cường chức năng tư pháp của Hội thẩm nhân dân, cải thiện thủ tục tuyển chọn công khai, phạm vi áp dụng và tiếp thu hợp lý kinh nghiệm quốc tế.

Nhìn chung, các công trình trong nước và nước ngoài đã tiếp cận cơ chế đại diện Nhân dân tham gia xét xử từ nhiều bình diện. Ở bình diện triết học chính trị - pháp lý, các học thuyết về chủ quyền nhân dân, khế ước xã hội và công lý như là sự công bằng đã cung cấp nền tảng lý luận để khẳng định quyền lực tư pháp phải có tính chính đáng, hướng tới công lý, công bằng, bảo vệ quyền con người và chịu sự tham gia, giám sát của Nhân dân. Ở bình diện tổ chức quyền lực nhà nước và cải cách tư pháp, các công trình trong nước đã làm rõ vị trí, vai trò của Hội thẩm như một thiết chế thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân trong hoạt động Tòa án, góp phần bảo đảm xét xử tập thể, độc lập xét xử và nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Tòa án. Ở bình diện so sánh và xã hội học pháp luật, các công trình quốc tế về Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên và Tòa án hỗn hợp đã chỉ ra giá trị dân chủ, tính đại diện cộng đồng, khả năng bổ sung kinh nghiệm xã hội vào quá trình xét xử; đồng thời cũng cảnh báo nguy cơ hình thức, sự chi phối của Thẩm phán chuyên nghiệp và những hạn chế về năng lực, điều kiện bảo đảm của người không chuyên.

Tuy nhiên, các công trình quốc tế chủ yếu nghiên cứu Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên hoặc Tòa án hỗn hợp trong bối cảnh Hoa Kỳ, châu Âu và một số hệ thống pháp luật khác; nhiều công trình tập trung vào tổ tụng hình sự hoặc mô hình xét xử nói chung, chưa đi sâu vào hoạt động XXST VADS của Hội thẩm. Các công trình trong nước tuy đã đề cập đến địa vị pháp lý, nguyên tắc độc lập xét xử, vai trò dân chủ và yêu cầu đổi mới chế định Hội thẩm, nhưng

chưa phân tích đầy đủ hoạt động XXST VADS của Hội thẩm như một chỉnh thể gồm cơ sở lý luận, đặc điểm, nội dung hoạt động, điều kiện bảo đảm, thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả trong bối cảnh cải cách tư pháp, xây dựng NN PQ XHCN Việt Nam và tổ chức TAND theo mô hình mới. Đây là khoảng trống nghiên cứu mà luận án tiếp tục tập trung làm rõ.

1.4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.4.1. Đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân

Các công trình nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã tiếp cận tương đối toàn diện những vấn đề liên quan đến sự tham gia của đại diện Nhân dân trong hoạt động xét xử nói chung và Hội thẩm trong xét xử VADS nói riêng. Các nghiên cứu đã làm rõ nhiều nội dung quan trọng về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, thực tiễn tổ chức thực hiện và định hướng hoàn thiện chế định Hội thẩm.

Trước hết, về cơ sở lý luận, các công trình đã góp phần làm rõ nền tảng của việc Nhân dân tham gia xét xử từ nhiều góc độ: chủ quyền nhân dân, dân chủ trong tư pháp, công lý, quyền được xét xử công bằng và kiểm soát quyền lực nhà nước. Nhiều nghiên cứu khẳng định sự tham gia của Hội thẩm không chỉ là yêu cầu về tổ chức phiên tòa, mà còn là cơ chế để đưa kinh nghiệm xã hội, chuẩn mực cộng đồng và tiếng nói của Nhân dân vào quá trình xét xử. Qua đó, các công trình đã bước đầu lý giải được ý nghĩa dân chủ, ý nghĩa pháp lý và ý nghĩa xã hội của chế định Hội thẩm trong hoạt động Tòa án.

Về cơ sở pháp lý và thực tiễn, các công trình đã phân tích vị trí, vai trò, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm trong hoạt động xét xử; làm rõ mối quan hệ giữa Hội thẩm với Thẩm phán trong HĐXX; đồng thời chỉ ra yêu cầu bảo đảm nguyên tắc xét xử tập thể, độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật. Đối với xét xử VADS, các nghiên cứu đã đề cập đến vai trò của Hội thẩm trong việc đánh giá chứng cứ, tham gia hỏi, nghị án, biểu quyết và góp phần bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án

khách quan, công bằng, phù hợp với pháp luật và đời sống xã hội. Tuy nhiên, mức độ nghiên cứu về Hội thẩm trong TTDS còn chưa đồng đều, nhiều công trình mới dừng ở việc phân tích quy định pháp luật hoặc nêu thực trạng chung, chưa đi sâu vào toàn bộ quá trình hoạt động của Hội thẩm trong XXST VADS.

Các công trình cũng đã nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển của chế định Hội thẩm ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy thiết chế này được hình thành từ sớm, gắn với quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và tiếp tục được hoàn thiện qua các giai đoạn phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam. Qua đó, vai trò của Nhân dân trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội và tham gia thực hiện QTP từng bước được khẳng định, phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện NNQP XHCN Việt Nam.

Ở Việt Nam, Hội thẩm tham gia xét xử VADS là nguyên tắc hiến định và là nguyên tắc cơ bản của pháp luật TTDS; Hội thẩm cùng Thẩm phán tham gia HĐXX sơ thẩm, có quyền hỏi, thảo luận, nghị án và biểu quyết. Trong khi đó, ở một số quốc gia, cơ chế người dân tham gia xét xử được tổ chức theo mô hình Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên hoặc mô hình kết hợp, với cách thức lựa chọn, phạm vi tham gia và quyền quyết định khác nhau. Các nghiên cứu so sánh đã giúp nhận diện rõ hơn điểm tương đồng, khác biệt giữa chế định Hội thẩm ở Việt Nam với các mô hình nước ngoài; đồng thời chỉ ra những kết quả tích cực của chế định Hội thẩm ở nước ta như góp phần thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân, tăng tính dân chủ trong hoạt động xét xử và củng cố niềm tin xã hội đối với Tòa án. Tuy nhiên, các công trình cũng chỉ ra một số hạn chế như nhận thức về vai trò của Hội thẩm chưa đầy đủ, quy định pháp luật còn phân tán, năng lực và kỹ năng xét xử của một bộ phận Hội thẩm còn hạn chế, điều kiện bảo đảm hoạt động, chế độ chính sách và cơ chế quản lý chưa phù hợp. Một số giải pháp đã được đề xuất như hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng lựa chọn, bồi dưỡng Hội thẩm, cải thiện điều kiện làm việc và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài; song nhìn chung còn mang tính định hướng, chưa gắn chặt với đặc thù XXST VADS tại TAND ở Việt Nam.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trước đây đã cung cấp nền tảng quan trọng về lý luận và thực tiễn cho việc nghiên cứu hoạt động XXST VADS của Hội thẩm. Những kết quả này giúp nhận diện rõ hơn bản chất, vai trò, giá trị dân chủ và những vấn đề đặt ra đối với chế định Hội thẩm. Kế thừa các giá trị khoa học đó, luận án tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu hoạt động XXST VADS của Hội thẩm như một chỉnh thể, bao gồm cơ sở lý luận, nội dung hoạt động, điều kiện bảo đảm, thực trạng thực hiện và giải pháp nâng cao hiệu quả trong bối cảnh cải cách tư pháp, xây dựng NNQP XHCN Việt Nam và tổ chức TAND theo mô hình mới.

1.4.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu của các công trình trên đây đã gợi mở, cung cấp thông tin, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận vấn đề trong nhiều nội dung của luận án kết hợp với việc tìm hiểu về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về cơ chế nhân dân tham gia xét xử gắn với thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị hiện nay và những vấn đề liên quan trên cả phương diện lý luận, thực tiễn và yêu cầu thực tế, tác giả xác định luận án cần nghiên cứu, hoàn thiện những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục nghiên cứu hệ thống hóa và xây dựng khung lý luận chuyên biệt về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm trong TTDS bị chi phối mạnh mẽ bởi nguyên tắc tự định đoạt, quyền tự do cam kết, thỏa thuận của các bên và bản chất tư của các quan hệ xã hội. Đặc biệt, luận án cần tập trung giải quyết bảo đảm tính hài hòa giữa tính đại diện cộng đồng của Hội thẩm (đặc trưng không chuyên nghiệp) với yêu cầu chuyên môn hóa khắt khe (đặc trưng chuyên gia) khi giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại ngày càng phức tạp trong điều kiện kinh tế thị trường hội nhập.

Thứ hai, luận án cần nghiên cứu kinh nghiệm các trường phái pháp luật, mô hình TTDS của một số quốc gia trên thế giới để làm rõ: vấn đề lựa chọn đại diện của người dân được quy định và thực hiện ra sao, vai trò của Hội thẩm hay Bồi thẩm trong quá trình tố tụng (hay chỉ đơn thuần trong xét xử) theo các trường phái pháp luật và mô hình TTDS khác nhau có các ưu điểm, khuyết điểm thế

nào. Phân tích, đánh giá xu thế hội tụ pháp luật thế giới nói chung và Nhân dân tham gia xét xử VADS nói riêng và chỉ ra được những giá trị phổ quát, qua đó rút ra những giá trị tham khảo bảo đảm phù hợp với đặc thù của Việt Nam.

Thứ ba, từ những khoảng trống trong các công trình nghiên cứu trước đây, luận án đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu thực tiễn tham gia XXST VADS của Hội thẩm theo toàn bộ quá trình tố tụng VADS. Đồng thời, cần đánh giá khách quan mức độ thực chất trong việc thực hiện vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm thông qua hồ sơ vụ án và dữ liệu khảo sát thực tiễn. Quá trình nghiên cứu cũng cần làm rõ tính độc lập của Hội thẩm trong hoạt động xét xử, cũng như phân tích mức độ tác động của Hội thẩm đến chất lượng giải quyết vụ án thông qua tỷ lệ án bị hủy, sửa.

Thứ tư, luận án hướng tới đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động XXST VADS của Hội thẩm. Các giải pháp cần được nghiên cứu theo hướng vừa kế thừa những giá trị truyền thống của chế định Hội thẩm, vừa đáp ứng yêu cầu của bối cảnh chính trị - xã hội hiện nay, phù hợp với tiến trình đổi mới, hội nhập quốc tế, CCTP và xây dựng NNQP XHCN Việt Nam.

1.5. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.5.1. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu trung tâm của luận án là: Hội thẩm nhân dân tham gia XXST VADS là thiết chế quan trọng nhằm hiện thực hóa nguyên tắc chủ quyền nhân dân, dân chủ trong tư pháp và quyền làm chủ của Nhân dân trong hoạt động Tòa án. Tuy nhiên, trong điều kiện các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại ngày càng đa dạng, phức tạp, hoạt động của Hội thẩm đang bộc lộ sự bất cập giữa yêu cầu dân chủ hóa tư pháp với yêu cầu chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động xét xử. Nếu không được đổi mới về mô hình tổ chức, cơ chế lựa chọn, điều kiện bảo đảm và phương thức tham gia xét xử, sự tham gia của Hội thẩm có nguy cơ chuyển từ dân chủ thực chất sang dân chủ hình thức.

Trên cơ sở đó, luận án đặt ra các giả thuyết nghiên cứu cụ thể sau:

Thứ nhất, về bản chất quyền lực và nghịch lý năng lực, sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS là cơ chế để Nhân dân tham gia thực hiện và giám sát

QTP. Tuy nhiên, giữa Hội thẩm và Thẩm phán đang tồn tại sự chênh lệch đáng kể về kiến thức pháp lý, kỹ năng tố tụng, quyền tiếp cận thông tin và thời gian nghiên cứu hồ sơ. Sự chênh lệch này có thể làm giảm ý nghĩa thực chất của nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán, nhất là trong giai đoạn hỏi, đánh giá chứng cứ, thảo luận và nghị án.

Thứ hai, về mô hình đại diện trong xét xử VADS, khác với tố tụng hình sự, nơi yếu tố lương tri cộng đồng thường được đề cao trong việc đánh giá hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự, TTDS chủ yếu giải quyết các tranh chấp về quyền, nghĩa vụ và lợi ích tư. Các tranh chấp này ngày càng đòi hỏi kiến thức chuyên ngành, khả năng phân tích chứng cứ và cân bằng lợi ích giữa các bên. Do đó, nếu mô hình lựa chọn Hội thẩm còn nặng về cơ cấu đại diện chung, chưa chú trọng đúng mức đến yếu tố chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và lĩnh vực tranh chấp, thì Hội thẩm khó phát huy đầy đủ vai trò trong các VADS phức tạp.

Thứ ba, về xu hướng phát triển của nền tư pháp, trong bối cảnh cải cách tư pháp, xây dựng NNQP XHCN Việt Nam và thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, chế định Hội thẩm đứng trước yêu cầu phải được tái định vị. Nếu tiếp tục duy trì cơ chế hiện hành mà thiếu những đổi mới về thể chế, tổ chức và điều kiện hoạt động, Hội thẩm có thể trở thành một chủ thể tham gia xét xử mang tính thủ tục nhiều hơn là đóng góp thực chất vào chất lượng phán quyết. Ngược lại, nếu được đổi mới phù hợp, Hội thẩm có thể tiếp tục là thiết chế quan trọng để kết nối Tòa án với Nhân dân, tăng tính dân chủ, tính xã hội và tính chính đáng của hoạt động xét xử dân sự.

1.5.2. Câu hỏi nghiên cứu

Để kiểm chứng các giả thuyết nghiên cứu nêu trên, luận án tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

Câu hỏi nghiên cứu thứ nhất: Cơ sở lý luận nào luận giải cho sự tham gia của Nhân dân, thông qua Hội thẩm, vào hoạt động XXST VADS? Tính chính đáng dân chủ của Hội thẩm trong HDXX được lý giải như thế nào dưới góc độ chủ quyền nhân dân, dân chủ trong tư pháp và NNQP XHCN Việt Nam?

Câu hỏi nghiên cứu thứ hai: Quá trình lập hiến, lập pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay đã hình thành và phát triển vị trí, vai trò của Hội thẩm nhân dân trong hoạt động tư pháp như thế nào? Việc so sánh với các mô hình công dân tham gia xét xử trong truyền thống thông luật, dân luật và một số hệ thống pháp luật khác gợi mở những giá trị tham khảo gì cho Việt Nam?

Câu hỏi nghiên cứu thứ ba: Trong thực tiễn XXST VADS hiện nay, nguyên tắc độc lập và ngang quyền của Hội thẩm với Thẩm phán được thực hiện đến đâu? Những yếu tố nào đang chi phối vai trò của Hội thẩm, như trình độ pháp lý, kỹ năng tố tụng, thời gian nghiên cứu hồ sơ, quyền tiếp cận thông tin, điều kiện làm việc, cơ chế phân công và mối quan hệ với Thẩm phán trong HĐXX?

Câu hỏi nghiên cứu thứ tư: Cần xác lập những quan điểm và giải pháp nào để bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam? Làm thế nào để hài hòa giữa yêu cầu phát huy dân chủ trong tư pháp với yêu cầu chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động xét xử trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng NNQP XHCN Việt Nam?

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận án đã tổng quan các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND, gồm ba nhóm: công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận; công trình nghiên cứu thực trạng hoạt động XXST VADS của Hội thẩm; và công trình nghiên cứu quan điểm, phương hướng, giải pháp bảo đảm hoạt động này.

Qua tổng quan, các công trình trong nước đã làm rõ vai trò, địa vị pháp lý và quyền hạn của Hội thẩm, khẳng định đây là thiết chế thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm xét xử tập thể, độc lập và bảo vệ công lý. Các nghiên cứu cũng phân tích lịch sử phát triển, chỉ ra hạn chế và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực, điều kiện hoạt động cho Hội thẩm.

Đối với các công trình nước ngoài, luận án tiếp cận lý thuyết nền tảng và nghiên cứu so sánh. Các học thuyết về chủ quyền nhân dân, khế ước xã hội góp phần lý giải tính chính đáng của việc Nhân dân tham gia xét xử. Nghiên cứu về Bồi thẩm

đoàn và Tòa án hỗn hợp chứng minh giá trị dân chủ, đại diện cộng đồng và kiểm soát quyền lực tư pháp; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm năng lực, quyền tiếp cận thông tin và sự bình đẳng trong thảo luận.

Tuy nhiên, các công trình đã công bố vẫn còn khoảng trống nhất định. Nhiều nghiên cứu quốc tế chủ yếu tập trung vào tổ tụng hình sự hoặc bồi cảnh pháp luật nước ngoài. Các công trình trong nước tuy đã đề cập đến chế định Hội thẩm, nhưng chưa nghiên cứu chuyên sâu hoạt động XXST VADS của Hội thẩm như một chỉnh thể, từ cơ sở lý luận, đặc điểm, nội dung hoạt động, điều kiện bảo đảm đến thực trạng và giải pháp hoàn thiện. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu đã có, luận án tiếp tục làm rõ vấn đề này, qua đó đề xuất giải pháp phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng NN PQ XHCN Việt Nam và tổ chức TAND trong giai đoạn mới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của chế định đại diện nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án nhân dân

Chế định đại diện Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án ở Việt Nam là kết quả của quá trình hình thành, phát triển tư tưởng dân chủ trong tổ chức quyền lực nhà nước và hoạt động tư pháp. Qua các giai đoạn lịch sử, chế định này từng bước chuyển từ mô hình Phụ thẩm nhân dân tham gia xét xử trong phạm vi còn hạn chế sang mô hình Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử với địa vị pháp lý ngày càng rõ ràng, gắn với nguyên tắc nhân dân tham gia thực hiện QTP, xét xử tập thể, độc lập xét xử và bảo đảm tính chính đáng của phán quyết tư pháp.

Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1950 là giai đoạn đặt nền móng cho chế định đại diện nhân dân tham gia xét xử. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đặt ra yêu cầu xây dựng nền tư pháp mới, thay thế hệ thống tư pháp thuộc địa, phong kiến. Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 đã bước đầu ghi nhận sự tham gia của Phụ thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử. Tuy nhiên, phạm vi tham gia của Phụ thẩm nhân dân chủ yếu trong xét xử hình sự; đối với việc dân sự, thương sự theo cách gọi thời kỳ đó, Chánh án vẫn xét xử một mình. Hiến pháp năm 1946 tiếp tục ghi nhận nguyên tắc khi xét xử việc hình phải có Phụ thẩm nhân dân. Như vậy, ở giai đoạn đầu, chế định này đã thể hiện tư tưởng đưa đại diện Nhân dân tham gia hoạt động tư pháp, nhưng chưa trở thành cơ chế phổ biến trong xét xử dân sự.

Giai đoạn từ năm 1950 đến trước Hiến pháp năm 1959 đánh dấu bước chuyển từ “Phụ thẩm nhân dân” sang “Hội thẩm nhân dân”. Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 đã đổi tên Phụ thẩm nhân dân thành Hội thẩm nhân dân, đồng

thời mở rộng sự tham gia của Hội thẩm trong cả việc hình và việc hộ. Hội thẩm có quyền xem hồ sơ, tham gia xét xử và biểu quyết. Đây là bước phát triển quan trọng, làm thay đổi địa vị pháp lý của người dân trong hoạt động xét xử: từ chỗ chủ yếu tham gia ý kiến sang cùng Thẩm phán quyết định vụ án theo quy định của pháp luật.

Giai đoạn từ Hiến pháp năm 1959 đến trước Hiến pháp năm 1980 là giai đoạn chế định Hội thẩm nhân dân được hiến định và luật định tương đối đầy đủ. Hiến pháp năm 1959 quy định việc xét xử ở TAND có Hội thẩm nhân dân tham gia; khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán. LTCTAND năm 1960 cụ thể hóa nguyên tắc này, xác định thành phần xét xử sơ thẩm thông thường gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm nhân dân. Từ đây, Hội thẩm trở thành thành tố quan trọng trong mô hình TAND, góp phần bảo đảm hoạt động xét xử gắn với đời sống xã hội, đạo lý, lẽ công bằng và lợi ích chung của nhân dân.

Giai đoạn từ Hiến pháp năm 1980 đến trước Hiến pháp năm 1992, chế định Hội thẩm nhân dân tiếp tục được duy trì trong bối cảnh cả nước thống nhất và xây dựng mô hình Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 1980 và LTCTAND năm 1981 tiếp tục khẳng định nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Trong giai đoạn này, Hội thẩm được nhìn nhận như một bộ phận của cơ chế nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và hoạt động tư pháp.

Giai đoạn từ Hiến pháp năm 1992 đến trước Hiến pháp năm 2013 là giai đoạn chế định Hội thẩm nhân dân được đặt trong bối cảnh đổi mới, xây dựng NNQP và CCTP. Hiến pháp năm 1992 tiếp tục khẳng định việc xét xử của TAND có Hội thẩm tham gia; khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán. Trong TTDS, BLTTDS năm 2004 ghi nhận rõ nguyên tắc Hội thẩm tham gia xét xử VADS và thành phần Hội đồng XXST VADS. Từ đây, vai trò của Hội thẩm trong xét xử dân sự được xác định rõ hơn thông qua việc tham gia xét hỏi, đánh giá chứng cứ, nghị án, biểu quyết và góp phần bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án khách quan, công bằng, đúng pháp luật.

Giai đoạn từ Hiến pháp năm 2013 đến trước năm 2025, chế định Hội thẩm nhân dân tiếp tục được hoàn thiện trong bối cảnh bảo vệ quyền con người, quyền công dân, cải cách tư pháp và xây dựng NNQP XHCN Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 quy định việc xét xử sơ thẩm của TAND có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn; đồng thời khẳng định Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. BLTTDS năm 2015 cụ thể hóa nguyên tắc này, quy định XXST VADS có Hội thẩm nhân dân tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn; khi biểu quyết về việc giải quyết VADS, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán.

Từ năm 2025, chế định Hội thẩm trong XXST VADS được đặt trong bối cảnh tổ chức lại hệ thống TAND theo mô hình mới. TAND khu vực thay thế TAND cấp huyện, trở thành cấp Tòa án trực tiếp giải quyết phần lớn các vụ việc sơ thẩm, trong đó có các VADS. Trong mô hình này, Hội thẩm tiếp tục tham gia XXST VADS như một biểu hiện của nguyên tắc nhân dân tham gia hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, do các tranh chấp dân sự ngày càng đa dạng, phức tạp, yêu cầu đặt ra là Hội thẩm cần được lựa chọn, bồi dưỡng và phân công phù hợp hơn với tính chất từng loại vụ án.

Như vậy, lịch sử hình thành và phát triển của chế định Hội thẩm nhân dân cho thấy đây là thiết chế có nền tảng chính trị - pháp lý sâu sắc, phản ánh bản chất nhân dân của Nhà nước và TAND. Sự phát triển của các quan hệ dân sự hiện đại, đặc biệt trong mô hình TAND khu vực từ năm 2025, đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới chế định này. Đây là cơ sở quan trọng để luận án lý giải bản chất, đặc điểm, vai trò và điều kiện bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam hiện nay.

2.1.2. Khái niệm Hội thẩm và hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân

2.1.2.1. Khái niệm Hội thẩm

Hoạt động xét xử là hoạt động nhân danh quyền lực nhà nước để giải quyết tranh chấp, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích

hợp pháp của các chủ thể. Do tính chất quyền lực đặc biệt đó, xét xử không chỉ là hoạt động chuyên môn của Thẩm phán, mà còn phải được đặt trong mối quan hệ với chủ quyền nhân dân, dân chủ tư pháp và niềm tin xã hội đối với Tòa án. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để lý giải vì sao nhiều quốc gia trao cho người dân quyền tham gia vào hoạt động xét xử.

Xuất phát từ mục tiêu đề cao tính công bằng trong hoạt động xét xử, ý tưởng người dân tham gia xét xử cùng Tòa án đã được áp dụng phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới. Trong khi ở một số quốc gia, quyền lực xét xử được trao chủ yếu cho Thẩm phán là những người có chuyên môn pháp luật và được đào tạo chuyên nghiệp, thì ở một số quốc gia khác, Nhà nước lại chia sẻ một phần quyền lực này cho người dân tham gia vào hoạt động xét xử của Tòa án [111, tr.1]. Người dân tham gia xét xử dựa trên nguyên lý rằng hoạt động xét xử cần có sự tham gia và giám sát trực tiếp của Nhân dân để bảo đảm cho bản án của Tòa án được hợp tình, hợp lý, khách quan, dân chủ [13, tr.27]. Vì vậy, việc cho phép người dân tham gia xét xử tại Tòa án được nhìn nhận như một biểu hiện của dân chủ tư pháp, thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân trong lĩnh vực xét xử.

Về bản chất, việc trao cho người không chuyên quyền tham gia xét xử không phải là sự phủ nhận vai trò chuyên môn của Thẩm phán. Ngược lại, đây là cơ chế kết hợp giữa tri thức pháp lý chuyên nghiệp với kinh nghiệm xã hội, giữa tính hợp pháp của phán quyết với tính hợp lý, công bằng và thuyết phục của công lý trong đời sống xã hội. Nếu hoạt động xét xử chỉ được thực hiện bởi đội ngũ chuyên nghiệp, QTP có nguy cơ khép kín, xa rời đời sống xã hội và thiếu sự kiểm chứng từ cộng đồng. Sự tham gia của người dân trong HĐXX góp phần bổ sung yếu tố đại diện xã hội, lẽ công bằng, kinh nghiệm thực tiễn và cơ chế giám sát nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Mặc dù đều hướng đến những giá trị chung về dân chủ và kiểm soát quyền lực tư pháp, nhưng cơ chế đại diện nhân dân tham gia xét xử ở các quốc gia có cách thức tổ chức và phạm vi quyền hạn khác nhau. Các nước theo hệ thống pháp luật Common law như Anh, Hoa Kỳ thường sử dụng mô hình Bồi thẩm

đoàn; các nước theo hệ thống pháp luật Civil law như Đức, Pháp, Thụy Sĩ sử dụng mô hình Hội thẩm, Thẩm phán không chuyên hoặc HĐXX hỗn hợp. Sự tham gia của người dân với nhiều tên gọi khác nhau như Bồi thẩm đoàn, Hội thẩm, Thẩm phán không chuyên, Thẩm định viên là những phương thức thể hiện đại diện nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử.

Bồi thẩm đoàn là tập hợp một số người được chọn và trao quyền quyết định về tình tiết vụ án và quyết định đối với vụ án mà họ được giao [133, tr.860], [15, tr.89]; là một nhóm người đặc biệt được lựa chọn để quyết định xem có đủ bằng chứng chống lại một người đang bị kiện hay không [134, tr.641-642]. Theo nhà nghiên cứu Đào Duy Anh, Bồi thẩm là “những người do công dân cử lên để tham dự vào việc Thẩm phán ở pháp - đình (jurés)” [1, tr.70]. Ngoài Bồi thẩm đoàn, người dân tham gia xét xử trên thế giới còn được biết đến với các tên gọi như “người xét xử kiêm nhiệm”, “Thẩm phán không chuyên”, “Giám định viên nhân dân”, “Thẩm phán không chuyên thuần túy”. Đây là những tư cách được sử dụng trong HĐXX hỗn hợp, bao gồm Thẩm phán và người dân cùng tham gia xét xử, quyết định vụ án.

Các quốc gia theo trường phái pháp luật xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc, Liên Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu trước đây đều nhìn nhận vai trò quan trọng của nhân dân trong quản lý nhà nước và xã hội. Các quốc gia này vận dụng tư tưởng của Lenin về vai trò của người dân tham gia xét xử, theo đó “toàn thể công dân không trừ một ai đều phải tham gia vào việc xét xử và quản lý đất nước” [48, tr.67-68]. Cách tiếp cận này hướng đến mục tiêu để nhân dân sử dụng quyền lực của mình tham gia quản lý, giám sát hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Ở Việt Nam, qua lịch sử phát triển của Tòa án, người dân tham gia xét xử từng được gọi là “Phụ thẩm nhân dân”, “Hội thẩm” hoặc “Hội thẩm nhân dân”. Theo một số định nghĩa, Hội thẩm được hiểu là “đại biểu nhân dân cùng ngồi xử án với các Thẩm phán” [97, tr.461]; hoặc là những người được bầu hoặc cử theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền

của Tòa án [98, tr.387]. Chế định đại diện nhân dân tham gia xét xử được ghi nhận và thực hiện xuyên suốt trong lịch sử tổ tụng Việt Nam từ Hiến pháp năm 1946 đến nay. Dù ở mỗi giai đoạn có sự khác nhau về tên gọi, phương thức lựa chọn và phạm vi tham gia, nhưng chế định này luôn được duy trì như một biểu hiện của bản chất nền tư pháp nhân dân.

Theo quy định tại Điều 121 của LTCTAND năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội thẩm là người đại diện của Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án, gồm Hội thẩm nhân dân và Hội thẩm quân nhân. Hội thẩm nhân dân là người đại diện cho các tầng lớp Nhân dân, do HĐND cùng cấp bầu để tham gia HĐXX tại TAND; Hội thẩm quân nhân là người đại diện cho lực lượng vũ trang nhân dân trong Quân đội nhân dân Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền lựa chọn, cử tham gia HĐXX tại Tòa án quân sự theo quy định của pháp luật.

Hội thẩm phải là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, uy tín trong cộng đồng dân cư, tinh thần dũng cảm, kiên quyết bảo vệ công lý, liêm khiết, trung thực; từ đủ 28 tuổi đến 70 tuổi; có kiến thức pháp luật, hiểu biết xã hội và sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hội thẩm được bầu hoặc cử theo nhiệm kỳ, tham gia xét xử các vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án. Khác với Hội thẩm quân nhân tham gia xét xử tại Tòa án quân sự, Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử nhiều loại vụ án khác nhau như dân sự, hình sự, hành chính và hiện chưa có sự phân định cứng theo từng lĩnh vực xét xử cụ thể.

Từ các phân tích trên có thể thấy, Hội thẩm không phải là Thẩm phán chuyên nghiệp, cũng không phải là người tham gia tố tụng đại diện cho lợi ích của một bên trong vụ án. Hội thẩm là chủ thể đại diện nhân dân tham gia thực hiện QTP trong phạm vi xét xử. Điểm đặc thù của Hội thẩm là vừa mang tính đại diện xã hội, vừa là thành viên của HĐXX; vừa góp phần phản ánh kinh nghiệm đời sống, chuẩn mực cộng đồng, lẽ công bằng, vừa phải tuân thủ pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung khi xét xử.

Từ đó, có thể định nghĩa: *Hội thẩm là người đại diện của nhân dân, được bầu hoặc cử theo quy định của pháp luật, tham gia HĐXX cùng với Thẩm phán*

để thực hiện nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án, nhằm bảo đảm sự tham gia của nhân dân, tính dân chủ, khách quan và tính chính đáng của hoạt động tư pháp.

2.1.2.2. Khái niệm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân

Hoạt động xét xử của Tòa án là hoạt động thực hiện QTP, tức quyền xét xử nhằm bảo vệ công lý; chủ thể thực hiện QTP là Tòa án [92, tr.476]. Tòa án có thẩm quyền xét xử các tranh chấp phát sinh trong xã hội, bao gồm VADS, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật. Hoạt động này khác với phán quyết, hòa giải của cơ quan, tổ chức xã hội khác; không phải là phán quyết hành chính của cấp trên đối với cấp dưới, cũng không phải hoạt động trung gian, dàn xếp [14, tr.87-88], mà là hoạt động nhân danh Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam để ra phán quyết. Hoạt động xét xử phải tuân thủ các nguyên tắc công bằng, công khai, khách quan, kịp thời, dân chủ và chịu sự giám sát của cơ quan, tổ chức, nhân dân [93]. Vì vậy, bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có giá trị bắt buộc thi hành, là “sự biểu thị thái độ trực tiếp của Nhà nước về các vụ việc cụ thể trong các lĩnh vực hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính và lao động” [85, tr.37].

Để xác định khái niệm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm, cần xuất phát từ đặc thù của VADS và ý nghĩa riêng của sự tham gia của Hội thẩm trong lĩnh vực này. VADS là tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể trong quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động mà các bên không tự thỏa thuận, hòa giải được và yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Khác với việc dân sự là yêu cầu không có tranh chấp, VADS luôn chứa đựng xung đột lợi ích, sự bất đồng về chứng cứ, cách hiểu và thực hiện quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Vì vậy, xét xử VADS không chỉ là hoạt động áp dụng quy phạm pháp luật, mà còn là quá trình nhận diện bản chất tranh chấp, cân bằng lợi ích giữa các bên, bảo vệ trật tự công, đạo đức xã hội và sự ổn định của giao lưu dân sự.

Trong TTDS, pháp luật phân định thủ tục giải quyết VADS, việc dân sự và thủ tục rút gọn phù hợp với tính chất từng loại quan hệ pháp luật. Đối với VADS, thủ tục tố tụng được khởi động trên cơ sở đơn khởi kiện của đương sự, được thiết kế chặt chẽ nhằm bảo đảm nguyên tắc tranh tụng và quyền tự định đoạt. Quá trình giải quyết VADS thông thường gồm các giai đoạn: khởi kiện, thụ lý vụ án; chuẩn bị xét xử; mở PTST. Nếu hòa giải không thành, vụ án được đưa ra xét xử tại PTST, nơi có sự tham gia của Hội thẩm nhằm bảo đảm tính khách quan, dân chủ và tăng cường giám sát xã hội đối với hoạt động xét xử. Đối với việc dân sự, do không có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ nên Tòa án giải quyết theo thủ tục phiên họp, thông thường do một Thẩm phán thực hiện và không có sự tham gia của Hội thẩm. Thủ tục rút gọn cũng do một Thẩm phán tiến hành đối với những vụ án có tình tiết đơn giản, chứng cứ rõ ràng hoặc giá trị tranh chấp nhỏ. Như vậy, sự tham gia của Hội thẩm chủ yếu gắn với thủ tục XXST VADS theo trình tự thông thường.

Tòa án xét xử VADS phải tuân thủ nguyên tắc hai cấp xét xử, gồm sơ thẩm và phúc thẩm. Trong đó, XXST VADS là cấp xét xử thứ nhất, do Tòa án có thẩm quyền thực hiện nhằm làm rõ nội dung, bản chất tranh chấp dân sự, là nền tảng của quá trình tố tụng và có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng giải quyết vụ án. Trong khoa học pháp lý, có quan điểm cho rằng xét xử sơ thẩm là việc xét xử một vụ án với tư cách Tòa án ở cấp xét xử thấp nhất [56, tr.836]; quan điểm khác coi xét xử sơ thẩm là giai đoạn đầu tiên và độc lập của quá trình tố tụng trong giải quyết tranh chấp [72, tr.148]. Các quan điểm này tuy khác nhau về phạm vi tiếp cận nhưng đều thống nhất rằng sơ thẩm là lần xét xử đầu tiên do Tòa án có thẩm quyền thực hiện. Có tác giả cho rằng, theo nguyên tắc hai cấp xét xử, một vụ án được xét xử lần thứ nhất có thể được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm [13, tr.26-27]. Tuy nhiên, nếu tuyệt đối hóa nhận thức này có thể làm giảm ý nghĩa độc lập của xét xử sơ thẩm, tạo tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Tòa án cấp trên. Do đó, XXST VADS cần được nhận thức là giai đoạn xét xử độc lập, có nhiệm vụ ban hành phán quyết đúng pháp luật, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Về khái niệm hoạt động XXST VADS, có thể tiếp cận dưới nhiều góc độ: là một giai đoạn của quá trình TTDS; là một chế định pháp luật TTDS; và là cấp xét xử thứ nhất. Tuy nhiên, cần xem xét XXST VADS như một hoạt động tố tụng do pháp luật quy định, qua đó nhận diện toàn diện cả thực trạng pháp luật và thực tiễn xét xử. Theo giải thích thuật ngữ pháp lý, hoạt động XXST VADS là “hoạt động của Tòa án tại phiên tòa để xem xét các chứng cứ và căn cứ vào pháp luật, xử lý vụ án bằng việc ra bản án và các quyết định của Tòa án” [45]. Có quan điểm khác cho rằng XXST VADS bắt đầu từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ tranh chấp và kết thúc khi Tòa án ra bản án hoặc quyết định đình chỉ [72, tr.32]. Theo quan điểm này, XXST VADS bao gồm thủ tục chuẩn bị xét xử sơ thẩm và thủ tục xét xử tại PTST.

Tại phiên tòa, hoạt động xét xử diễn ra qua các giai đoạn: trước khi mở phiên tòa; bắt đầu phiên tòa; tranh tụng; nghị án và tuyên án. Các quan niệm trên cho thấy XXST VADS có thể được hiểu theo nghĩa rộng hoặc nghĩa hẹp. Phù hợp với mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, luận án tiếp cận XXST VADS theo nghĩa hẹp, tức là hoạt động xét xử tại PTST VADS, bắt đầu từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và kết thúc khi Tòa án ban hành bản án, quyết định giải quyết tranh chấp dân sự giữa các đương sự. Từ đó, có thể hiểu: hoạt động XXST VADS là hoạt động tố tụng ở cấp xét xử thứ nhất, do HĐXX gồm Thẩm phán và Hội thẩm nhân danh quyền lực nhà nước thực hiện để xem xét, đánh giá chứng cứ, làm rõ bản chất tranh chấp và ra phán quyết khách quan, công bằng, đúng pháp luật đối với VADS thuộc thẩm quyền của TAND.

Trong bối cảnh đó, sự tham gia của Hội thẩm tại PTST có ý nghĩa đặc thù. PTST là nơi Tòa án trực tiếp xem xét chứng cứ, nghe trình bày của đương sự, tiến hành tranh tụng và đưa ra phán quyết đầu tiên về quyền, nghĩa vụ của các bên. Đây cũng là giai đoạn thể hiện rõ sự kết hợp giữa tri thức pháp lý của Thẩm phán với kinh nghiệm xã hội của Hội thẩm. Nếu Thẩm phán bảo đảm tính chuẩn xác trong nhận diện quan hệ pháp luật, áp dụng quy phạm và tuân thủ thủ tục tố tụng, thì Hội thẩm góp phần bổ sung góc nhìn xã hội, lẽ công bằng, tập quán,

đạo lý và sự thấu hiểu đời sống vào quá trình đánh giá chứng cứ, hình thành phán quyết. Do đó, hoạt động XXST VADS của Hội thẩm phải được nhìn nhận như một bộ phận cấu thành của hoạt động thực hiện QTP, không phải sự hiện diện mang tính nghi thức trong HĐXX.

Trong tiến trình cải cách tư pháp, sự tham gia của Nhân dân vào XXST VADS ngày càng được mở rộng, hoàn thiện. Theo Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội thẩm không chỉ tham gia xét xử mà còn tham gia một số hoạt động tố tụng theo quy định. Do đó, nội hàm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm cần được hiểu bao gồm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội thẩm từ khi được phân công tham gia vụ án cho đến khi HĐXX ra phán quyết.

Điểm cốt lõi của hoạt động XXST VADS của Hội thẩm là nguyên tắc độc lập và ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử. Tuy nhiên, sự ngang quyền này không đồng nghĩa với sự giống nhau về chức năng, trình độ chuyên môn hoặc vai trò nghề nghiệp giữa Hội thẩm và Thẩm phán. Thẩm phán là chủ thể chuyên nghiệp, có trách nhiệm bảo đảm tính đúng đắn trong áp dụng pháp luật và điều hành tố tụng; Hội thẩm là chủ thể đại diện nhân dân, bổ sung yếu tố xã hội, kinh nghiệm đời sống và sự giám sát dân chủ vào hoạt động xét xử. Vì vậy, giá trị của Hội thẩm nằm ở sự tham gia thực chất vào quá trình nhận thức, đánh giá và quyết định vụ án, qua đó góp phần làm cho phán quyết của Tòa án vừa đúng pháp luật, vừa phù hợp với lẽ công bằng và có sức thuyết phục xã hội.

Từ những luận giải trên, có thể khái quát: *Hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND là tổng thể các hành vi tố tụng do Hội thẩm, với tư cách người đại diện của nhân dân và thành viên HĐXX sơ thẩm, thực hiện độc lập, ngang quyền với Thẩm phán theo quy định của pháp luật, từ khi được phân công tham gia xét xử đến khi HĐXX ban hành bản án, quyết định; nhằm cùng Thẩm phán xem xét, đánh giá chứng cứ, làm rõ bản chất tranh chấp, áp dụng pháp luật, bảo đảm quyền tự định đoạt và lợi ích hợp pháp của đương sự, đồng thời bảo vệ công lý, lẽ công bằng, trật tự công và tính chính đáng của phán quyết tư pháp dân sự.*

2.1.3. Đặc điểm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân

Thứ nhất, tính đại diện nhân dân và bản chất dân chủ trực tiếp trong thực thi QTP trong TTDS

Sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS xuất phát từ yêu cầu xây dựng nền tư pháp mang bản chất nhân dân và bảo đảm tính dân chủ trong hoạt động xét xử. Tính dân chủ và bản chất nhân dân của hệ thống Tòa án không chỉ được thể hiện qua hoạt động của đội ngũ cán bộ tư pháp mà còn thông qua cơ chế để nhân dân trực tiếp tham gia thực hiện QTP, đặc biệt trong hoạt động xét xử của Tòa án. Hội thẩm xét xử là hình thức dân chủ trực tiếp, nơi người dân tham gia trực tiếp vào việc quản lý Tòa án. Nếu nguyên tắc xét xử công khai được xem là hình thức giám sát mang tính xã hội đối với hoạt động xét xử của Tòa án, thì việc Hội thẩm tham gia xét xử thể hiện cơ chế giám sát trực tiếp và cụ thể từ bên trong quá trình thực hiện hoạt động xét xử [95]. Khác với các vụ án hình sự, trong XXST VADS vai trò của Hội thẩm chủ yếu là đại diện cho nhận thức xã hội và chuẩn mực đạo lý cộng đồng, các phán quyết của Tòa án phản ánh sự công bằng xã hội và sự chấp nhận của cộng đồng; trong khi đó, hoạt động XXST các vụ án hình sự của Hội thẩm nhằm bảo đảm việc áp dụng quyền lực nhà nước không bị lạm quyền, tính dân chủ ở đây thể hiện sự kiểm soát quyền lực trừng phạt của Nhà nước.

Thứ hai, tính quyền lực nhà nước mang mục đích kiến tạo, bảo vệ, hỗ trợ và khôi phục quyền dân sự

Hội thẩm là người đại diện của nhân dân tham gia xét xử, và nhân danh Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam để phân xử và phán quyết. Tính quyền lực nhà nước còn được thể hiện ở chỗ bản án, quyết định do Thẩm phán, Hội thẩm là thành viên HĐXX ban hành đã có hiệu lực pháp luật phải được các cá nhân, tổ chức tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành, trong trường hợp cần thiết sẽ được bảo đảm thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế nhà nước.

Trong giao lưu dân sự, việc bảo vệ, ngăn chặn các nguy cơ xâm hại đến lợi ích xã hội cũng như khôi phục quyền thuộc trách nhiệm của Nhà nước. Việc áp

dụng pháp luật đặc biệt là thông qua hoạt động xét xử sẽ khôi phục quyền và lợi ích của cá nhân đã bị hành vi xâm phạm quyền tước đoạt, cắt xén, hạn chế [35, tr.29-30]. Thông qua hoạt động xét xử cung cấp cơ chế pháp lý sẵn có để cá nhân yêu cầu khi họ cho rằng những quyền của họ đã, đang bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại và cần phải được bảo đảm kịp thời bằng quyền lực nhà nước. Bằng hoạt động XXST VADS, Hội thẩm cùng Thẩm phán nhân danh quyền lực nhà nước ra các phán quyết nhằm bảo vệ và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi các quyền và lợi ích đó bị xâm phạm do hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan.

Khác với tính quyền lực nhà nước mang tính chất trừng trị trong tổ tụng hình sự, quyền lực nhà nước trong hoạt động XXST VADS của Hội thẩm mang đậm tính chất hỗ trợ, kết nối và kiến tạo, nhằm hiện thực hóa trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể trong giao lưu dân sự.

Thứ ba, sự giao thoa giữa kiến thức pháp lý chuyên môn và chuẩn mực đạo đức, kinh nghiệm xã hội

Trong HĐXX, cách thức tiếp cận và vận dụng pháp luật của Hội thẩm có những điểm khác biệt so với Thẩm phán. Với tư cách là chủ thể hoạt động tư pháp chuyên nghiệp, Thẩm phán giải quyết vụ án chủ yếu dựa trên kiến thức pháp lý chuyên sâu, kỹ năng xét xử và kinh nghiệm nghề nghiệp. Trong khi đó, Hội thẩm tham gia xét xử với vai trò đại diện cho nhân dân, phản ánh nhận thức xã hội, đạo đức và quan điểm cộng đồng đối với vụ việc được xem xét. Sự kết hợp giữa yếu tố chuyên môn pháp lý của Thẩm phán và yếu tố xã hội từ Hội thẩm góp phần bảo đảm hoạt động xét xử được khách quan, toàn diện hơn, đồng thời khắc phục phần nào những hạn chế của các quy định pháp luật trong việc bao quát đầy đủ các quan hệ xã hội phát sinh trên thực tế.

Sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS không diễn ra trong toàn bộ quá trình tố tụng mà chủ yếu gắn với các hoạt động xét xử của Tòa án. Trong pháp luật so sánh, ở một số quốc gia như Hoa Kỳ, Pháp hay Liên bang Nga, Hội

thẩm hoặc Bồi thẩm đoàn thường chỉ tham gia trong phạm vi phiên tòa. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam quy định phạm vi tham gia của Hội thẩm rộng hơn. Theo Hiến pháp và các quy định pháp luật có liên quan, kể từ thời điểm được Chánh án phân công tham gia giải quyết vụ án, Hội thẩm đã phát sinh quyền và nghĩa vụ tố tụng. Ngoài việc tham gia xét xử tại phiên tòa, Hội thẩm còn tham gia vào giai đoạn chuẩn bị xét xử thông qua việc nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiến nghị Chánh án thực hiện một số hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Khác với hoạt động tố tụng hình sự, Hội thẩm tham gia để bảo đảm tính nghiêm minh và công bằng của hình phạt, thì trong hoạt động TTDS, sự có mặt của Hội thẩm tại phiên tòa chính là sự bảo chứng cho việc giải quyết các VADS được thấu tình đạt lý, hài hòa giữa quy định của pháp luật và chuẩn mực ứng xử thực tế của cộng đồng.

Thứ tư, tính không chuyên trách (kiêm nhiệm) gắn liền với tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử

Hội thẩm dù xuất hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau như Bồi thẩm viên, Hội thẩm, Thẩm phán không chuyên hay Thẩm phán danh dự thì đều có chung đặc điểm là những người không chuyên nghề xét xử, những người kiêm nhiệm tham gia vào hoạt động xét xử của Tòa án. Tùy thuộc vào văn hóa pháp lý, truyền thống dân tộc mà mỗi quốc gia quy định về các tiêu chuẩn, điều kiện của Hội thẩm khác nhau. Một số quốc gia quy định Hội thẩm là những công dân bình thường được lựa chọn tham gia xét xử vụ án như Hoa Kỳ, Anh, Tây Ban Nha, Việt Nam; một số quốc gia như Đức, Pháp, Nga, Trung Quốc sử dụng Hội thẩm là những công dân đặc biệt, đó là những người có kiến thức chuyên gia, chuyên sâu trong một số lĩnh vực chuyên biệt tham gia xét xử vụ án về tranh chấp sở hữu trí tuệ, tài chính, ngân hàng, môi trường, kinh doanh thương mại.

Mặc dù, tham gia xét xử với tư cách là người kiêm nhiệm nhưng ý kiến của Hội thẩm hoặc Bồi thẩm đoàn trong HĐXX vẫn được coi trọng và trong nhiều trường hợp có ý nghĩa quyết định đối với phán quyết của Tòa án. Hội thẩm tham gia xét xử sẽ mang vào phiên tòa một nhận thức và sự hiểu biết về

pháp luật ở mức bình thường của đại đa số nhân dân; những ý niệm, quan niệm đạo đức chung của xã hội, những sự nhận xét, đánh giá chung của cộng đồng dân cư về tính chất của các tranh chấp dân sự, kinh tế... với những ý niệm công bằng, đúng, sai. Sự tham gia của Hội thẩm góp phần bảo đảm các quyết định của Tòa án được xem xét khách quan, toàn diện và phù hợp với thực tiễn hơn.

Nếu so sánh với tố tụng hình sự, có thể thấy sự khác biệt rõ nét trong phương thức hoạt động của Hội thẩm giữa hai lĩnh vực tư pháp cốt lõi. Trong tố tụng hình sự, Hội thẩm đóng vai trò là "luong tâm xã hội" đánh giá hành vi qua lăng kính đạo đức cộng đồng để giáo dục và răn đe; thì đối với án dân sự, họ trở thành những "trọng tài chuyên môn" mang tri thức thực tiễn về các giao dịch dân sự và tập quán kinh tế phức tạp vào quá trình giải quyết VADS. Nếu như trong tố tụng hình sự, Hội thẩm giúp bản án mang tính giáo dục và răn đe xã hội, thì trong TTDS, Hội thẩm lại giúp phán quyết đạt được tính chuẩn xác về chuyên môn và sự thấu đáo trong các quan hệ nhân thân, tài sản, bảo vệ hiệu quả quyền lợi hợp pháp của các chủ thể tham gia giao lưu dân sự.

Thứ năm, tính đa dạng về các mối quan hệ trong TTDS

Với tư cách người tiến hành TTDS, Hội thẩm có các mối quan hệ trong hoạt động tố tụng VADS bao gồm: (1) mối quan hệ với các cơ quan tiến TTDS như: TAND, Viện kiểm sát nhân dân; (2) mối quan hệ với những người tiến hành TTDS như: Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm là thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Thẩm tra viên; (3) mối quan hệ với những người tham gia TTDS như: đương sự trong VADS (là cơ quan, tổ chức, cá nhân bao gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch. Bên cạnh đó, Hội thẩm còn có mối liên hệ với cơ quan báo chí và cộng đồng dân cư tại nơi cư trú.

Trong hoạt động TTDS, Hội thẩm có mối quan hệ trực tiếp với Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên HĐXX, đại diện Viện kiểm sát và Thư ký phiên tòa; đây là những mối quan hệ có ý nghĩa quan trọng, tác động trực tiếp đến quá trình xem xét và đưa ra phán quyết cuối cùng của Tòa án. Đối với những người tham gia tố tụng trong vụ án giúp Hội thẩm có những thông tin, tài liệu,

chúng cứ để phục vụ cho việc xét xử được thuận lợi, mặt khác còn làm cho các đương sự, những người tham gia tố tụng cảm nhận được sự yên tâm, tin tưởng về sự công tâm, tính nghiêm minh, khách quan của Tòa án. Thông qua đây, Hội thẩm góp phần “truyền tải” pháp luật, hoạt động xét xử đến cộng đồng. Ở đó, Hội thẩm phải xác định rõ về vai trò, vị trí của mình cũng như tư cách, công việc của mỗi cá nhân này để có quan hệ, cách ứng xử phù hợp. Ngoài ra, trong hoạt động xét xử vụ án, Hội thẩm còn có những mối quan hệ với HĐND, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Hội thẩm, các cơ quan, đơn vị, người dân nơi làm việc, sinh sống và các cơ quan truyền thông, các tổ chức, cá nhân khác trong xã hội.

Đánh giá về mối quan hệ tố tụng của Hội thẩm với các chủ thể trong TTDS và tố tụng hình sự cũng có sự khác biệt: trong VADS, Hội thẩm thiết lập mối liên hệ với các đương sự và các chủ thể khác nhằm xây dựng niềm tin vào sự công bằng trong giải quyết tranh chấp dân sự. Ngược lại, trong vụ án hình sự, mối quan hệ này tập trung vào sự đối trọng với quyền năng buộc tội của Viện kiểm sát để bảo vệ quyền cơ bản của bị cáo và trật tự công cộng. Trong TTDS, nếu quan hệ trong dân sự mang tính "kết nối và hòa giải" để bảo vệ quyền tự định đoạt, thì trong tố tụng hình sự, mối quan hệ mang tính "giám sát và kiểm soát" để thực thi công lý.

2.2. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC HỘI THẨM THAM GIA VÀO XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

Việc Hội thẩm tham gia XXST VADS không chỉ là quy định về thành phần HĐXX, mà còn phản ánh nền tảng dân chủ, công lý và cơ chế kiểm soát quyền lực trong hoạt động tư pháp. Về bản chất, chế định này đặt ra vấn đề lý luận cốt lõi: vì sao nhân dân, thông qua những người không chuyên, được tham gia vào quá trình xét xử; vì sao Hội thẩm được xác lập địa vị ngang quyền với Thẩm phán khi giải quyết vụ án; và bằng cách nào để sự tham gia đó không chỉ mang ý nghĩa đại diện, biểu tượng mà trở thành yếu tố thực chất góp phần bảo đảm tính khách quan, công bằng và thuyết phục của phán quyết dân sự. Cơ sở lý luận của chế định Hội thẩm cần được tiếp cận từ nhiều bình diện: học thuyết chủ quyền nhân dân, lý thuyết công lý thủ tục, yêu cầu cân bằng lợi ích công - tư và mối quan hệ giữa dân chủ tư pháp với chuyên môn hóa hoạt động xét xử. Trên nền

tăng đó, Mục 2.2 phân tích vai trò, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn và các điều kiện bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND.

2.2.1. Cơ sở lý luận của việc quy định Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

2.2.1.1. Vai trò hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của hội thẩm tại Tòa án nhân dân

Thứ nhất, củng cố cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và hiện thực hóa quyền làm chủ của nhân dân trong hoạt động xét xử

Trong quá trình xây dựng NNQP XHCN Việt Nam, việc nhân dân tham gia thực hiện QTP không chỉ dừng lại ở sự hiện diện mang tính đại diện, mà còn là một nguyên tắc hiến định quan trọng không chỉ mang ý nghĩa đại diện mà còn góp phần kiểm soát quyền lực tư pháp và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Chế định Hội thẩm trong TTDS thể hiện tư tưởng “lấy dân làm gốc” và nguyên tắc mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thông qua cơ chế này, các giá trị dân chủ và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” được cụ thể hóa trong thực tiễn hoạt động xét xử và giải quyết các tranh chấp dân sự.

Hoạt động XXST VADS của Hội thẩm còn là một kênh giám sát trực tiếp, "từ bên trong" đối với Tòa án trong việc thực thi QTP. Việc Hội thẩm độc lập và ngang quyền với Thẩm phán khi tham gia XXST VADS đã tạo ra một cơ chế "đôi trọng" mang tính nhân dân ngay tại phiên tòa. Điều này giúp kiểm soát hiệu quả việc áp dụng pháp luật của đội ngũ Thẩm phán; ngăn ngừa những biểu hiện chủ quan, lạm quyền, xa rời thực tiễn hoặc các hành vi tiêu cực tham nhũng trong quá trình xét xử VADS. Đồng thời, việc Hội thẩm tham gia xét xử VADS thể hiện sự đóng góp tiếng nói của cộng đồng vào quá trình ra phán quyết của Tòa án, bảo đảm quyền lực tư pháp của Tòa án không bị lạm dụng mà được vận hành một cách minh bạch, công tâm.

Thứ hai, nâng cao chất lượng phán quyết của Tòa án, bảo đảm lẽ công bằng và bảo vệ triệt để quyền dân sự

Hoạt động xét xử của Tòa án được hiểu là hoạt động thực hiện quyền lực tư pháp nhằm xác định, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và thực thi công lý thông

qua những thiết chế phù hợp. Thiết chế thực thi công lý bao gồm Thẩm phán và các Hội thẩm. Công lý phải được thực thi trong mắt nhân dân [35, tr.20]. Hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền và lợi ích của người dân. Hội thẩm là người sống và làm việc trong cộng đồng dân cư, họ có điều kiện tiếp xúc và thấu hiểu hơn về tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân, nắm bắt được dư luận xã hội. Hội thẩm mang tiếng nói, suy nghĩ, cảm nhận của người dân tới phiên tòa xét xử; thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đem tới cách nhìn nhận của người dân về lẽ phải, lẽ công bằng, đúng, sai. Việc xét xử đúng pháp luật cũng không có nghĩa là đã bảo đảm công lý. Thẩm phán, Hội thẩm là người chuyển tải công lý đến với xã hội. Một bản án, quyết định của tòa án đã tuyên phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ, phán quyết ấy có tính khả thi trên thực tế, chính là tòa án đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ công lý, công bằng, bảo vệ quyền con người.

Thứ ba, hóa giải các tranh chấp xã hội, kiến tạo môi trường pháp lý ổn định cho các quan hệ giao lưu dân sự

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, vai trò của Tòa án là rất quan trọng, góp phần tạo ra tình hình ổn định, sự an toàn pháp lý cho mọi hoạt động kinh tế và đời sống dân sự của công dân làm cho nền tư pháp nước ta trở thành công cụ sắc bén bảo vệ công lý, bảo vệ chế độ, bảo vệ chính quyền, giữ gìn kỷ cương phép nước [18, tr.167].

Những tranh chấp phát sinh trong các tổ chức, gia đình, cộng đồng dân cư mà các cá nhân, tổ chức này không tự giải quyết được với nhau và họ khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết. Hội thẩm là người tiến hành tố tụng, cùng với Thẩm phán hợp thành HĐXX nếu việc xét xử kịp thời, đúng pháp luật sẽ có tác dụng thiết thực làm giảm mâu thuẫn giữa các đương sự, nâng cao uy tín của Tòa án, của Nhà nước góp phần làm cho xã hội ngày càng dân chủ, văn minh. Còn nếu như giải quyết không kịp thời, hoặc có sai sót sẽ dẫn tới mâu thuẫn kéo dài giữa các đương sự, gây nên những bức xúc trong họ dẫn đến việc họ không kiềm chế được, có những hành động bộc phát như khiếu nại, tố cáo lên cơ quan nhà nước cấp trên, các cơ quan lãnh đạo Đảng và Nhà nước và có những hành vi trái pháp luật khác.

Thứ tư, đóng góp thực tiễn vào quá trình rà soát, nhận diện bất cập trong hoạt động xét xử và định hướng hoàn thiện pháp luật dân sự

Pháp luật là sự thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Thực tế cuộc sống luôn vận động và thay đổi, pháp luật không phải lúc nào cũng kịp thời điều chỉnh đầy đủ các quan hệ phát sinh trong thực tiễn, thông qua hoạt động XXST VADS, Hội thẩm góp phần giám sát việc áp dụng pháp luật của Tòa án và bảo đảm pháp luật được thực thi phù hợp với thực tiễn xã hội. Với đặc điểm là những người sinh sống, công tác trong nhiều lĩnh vực và môi trường xã hội khác nhau, Hội thẩm có điều kiện tiếp cận thực tế đời sống, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Vì vậy, khi tham gia xét xử, Hội thẩm không chỉ phản ánh tiếng nói từ thực tiễn xã hội mà còn góp phần giúp Tòa án đưa ra các phán quyết khách quan, phù hợp với quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Thực tiễn xét xử VADS là cơ sở để đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của các quy phạm pháp luật. Thông qua hoạt động xét xử, có thể phát hiện những quy định còn thiếu thống nhất, chưa rõ ràng hoặc không còn phù hợp với thực tiễn hoặc phát hiện những tình huống mới trong quan hệ xã hội để từ đó có sự điều chỉnh, sửa đổi kịp thời. Như vậy, hoạt động XXST VADS có vai trò tích cực trong phát hiện, đề nghị loại bỏ những quy phạm pháp luật mâu thuẫn, trùng lặp, lạc hậu; sửa đổi, bổ sung những quy phạm pháp luật mới để phù hợp và đáp ứng yêu cầu của đời sống xã hội.

Thứ năm, phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng văn hóa pháp lý trong cộng đồng

Vai trò phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua phiên tòa XXST VADS của Tòa án có nhiều điểm thuận lợi và đạt hiệu quả cao, bởi lẽ đối tượng của phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động của Tòa án cũng rất rộng, rất đa dạng và việc phổ biến giáo dục pháp luật ở đó được thực hiện thông qua việc giải quyết một vụ việc có thật trong cuộc sống [12, tr.126]. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật là trách nhiệm chung của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tuy nhiên, đối với riêng Hội thẩm thì nhiệm vụ trên đây có những đặc thù khác biệt so với hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật của những cơ quan và cá nhân khác. Nét đặc thù này xuất phát từ chính đặc thù công tác của Hội thẩm.

Hội thẩm là những công dân ưu tú, có trình độ, năng lực, có vốn hiểu biết phong phú về đa ngành nghề, lĩnh vực, lại có mối quan hệ rộng với mọi tầng lớp dân cư nên thông qua hoạt động xét xử vụ án, Hội thẩm sẽ là người tạo điều kiện giúp Tòa án làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân, góp phần xây dựng một nhà nước dân chủ, công bằng, văn minh [48, tr.39]. Việc tham gia xét xử của Hội thẩm còn làm cho các phiên tòa tranh tụng chất lượng hơn; thông qua phiên tòa người dân biết được, hiểu được các quy định của pháp luật, quy tắc của cuộc sống, từ đó có ý thức chấp hành pháp luật, tôn trọng quy tắc và đạo đức xã hội [8, tr.27].

Từ học thuyết chủ quyền nhân dân có thể lý giải sâu hơn vì sao Nhà nước trao cho những người không chuyên quyền tham gia xét xử. Trong NNQP XHCN Việt Nam, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; do đó, QTP không thể tách rời nền tảng xã hội và sự giám sát của nhân dân. Pháp luật không chỉ là hệ thống quy tắc kỹ thuật do nhà chuyên môn áp dụng, mà còn là sự kết tinh của ý chí, lợi ích, chuẩn mực đạo đức và quan niệm công bằng của xã hội. Vì vậy, sự tham gia của Hội thẩm không phủ nhận vai trò chuyên môn của Thẩm phán, mà bổ sung kinh nghiệm đời sống, cảm nhận xã hội và tiếng nói cộng đồng vào quá trình xét xử, giúp phán quyết của Tòa án vừa hợp pháp, vừa hợp lý, công bằng và có sức thuyết phục xã hội.

2.2.1.2. Trách nhiệm của Hội thẩm trong hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân

Theo Từ điển tiếng Việt định nghĩa: “Trách nhiệm là phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả” [99, tr.1020]. Xét xử là chức năng đặc trưng thuộc thẩm quyền của Tòa án. Hoạt động này do Thẩm phán và Hội thẩm thực hiện nhân danh quyền lực nhà nước thông qua việc ban hành bản án, quyết định để xác định quyền hạn, trách nhiệm của các bên tranh chấp. Mặc dù, Hội thẩm không phải là công chức Tòa án nhưng là người giữ chức danh tư pháp tham gia trực tiếp vào hoạt động xét xử theo quy định của pháp luật; vì vậy, hoạt động của Hội thẩm cũng được xem là hoạt động thực thi công vụ.

Trong hoạt động công vụ, trách nhiệm công vụ là trách nhiệm của cán bộ, công chức nhà nước phải hành động phù hợp với quy định của pháp luật, lựa chọn phương án hành động tối ưu và hợp lý nhất, báo cáo kết quả hoạt động và gánh chịu những hậu quả do không thực hiện hay thực hiện không đúng các nghĩa vụ của mình. Trách nhiệm công vụ thể hiện phạm vi các yêu cầu cụ thể của Nhà nước thông qua các quy định của pháp luật về nội dung nhiệm vụ và phẩm chất của cán bộ, công chức khi thực thi công vụ; yêu cầu chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức về tính chủ động sáng tạo trong hoạt động thực thi công vụ. Tham gia XXST VADS của Tòa án, Hội thẩm tự ý thức về quyền và nhiệm vụ được phân công cũng như bản thân phải thực hiện các quyền và nhiệm vụ đó. Trách nhiệm này có mối liên hệ chặt chẽ với kết quả hoạt động xét xử của Hội thẩm tại Tòa án, cụ thể: là người tiến hành tố tụng, Hội thẩm phải gương mẫu chấp hành pháp luật; không được từ chối tham gia xét xử; thực hiện tốt nguyên tắc độc lập xét xử; chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của mình... Cũng như Thẩm phán, Hội thẩm được Nhà nước giao một trọng trách rất nặng nề, đó là những người được nhân danh quyền lực Nhà nước mà xét xử. Để hoàn thành được nhiệm vụ đó, Hội thẩm phải có tinh thần trách nhiệm rất cao, chí công vô tư, phải có đủ kiến thức pháp lý cần thiết và kinh nghiệm xã hội phong phú, có bản lĩnh, dám chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình.

2.2.1.3. Nguyên tắc hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân

Giải quyết tranh chấp dân sự là một quá trình phức tạp, đòi hỏi việc áp dụng pháp luật phải gắn với thực tiễn đời sống và các giá trị đạo đức xã hội. Để bảo đảm các phán quyết của Tòa án không chỉ đúng pháp luật mà còn khách quan, thấu tình đạt lý, BLTTDS hiện hành tiếp tục khẳng định vai trò của chế định Hội thẩm tham gia xét xử. Đây không chỉ là biểu hiện của tính dân chủ trong hoạt động tư pháp mà còn là cơ chế quan trọng bảo đảm sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Vai trò của Hội thẩm được bảo đảm và thực hiện thông qua nhiều nguyên tắc TTDS. Việc nghiên cứu, phân tích

các nguyên tắc cơ bản dưới đây có ý nghĩa quan trọng trong việc làm rõ địa vị pháp lý, vai trò và trách nhiệm của Hội thẩm trong XXST VADS, đồng thời là cơ sở để đánh giá thực tiễn áp dụng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án.

2.2.1.3.1. Nguyên tắc Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Trong các nền dân chủ hiện đại, một nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được thừa nhận phổ biến là tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Với tư cách là cơ quan của bộ máy nhà nước, Tòa án phải được tổ chức và hoạt động theo hướng bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Hơn nữa, bản thân Tòa án được coi là sự hiện diện của công lý, là nơi thực thi các thiết chế dân chủ. Cho nên, hoạt động xét xử của Tòa án cần phải có sự giám sát từ phía nhân dân [13, tr.27]. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước của nhân dân nên nhân dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. Hội thẩm tham gia XXST VADS là một nguyên tắc mang tính dân chủ đại diện trong TTDS. Việc quy định nguyên tắc này cũng xuất phát từ thực tiễn, đó là các tranh chấp dân sự thường xảy ra trong đời sống của nhân dân, liên quan đến nhân dân là chủ yếu, do đó có cần sự tham gia của người dân trong hoạt động xét xử để bảo đảm thuận lợi, khách quan của mỗi bản án. Bên cạnh đó, Tòa án nắm bắt được những vướng mắc, suy nghĩ, nguyện vọng của nhân dân. Một phán quyết của Tòa án có thể nhận được sự đồng tình của nhân dân, nhưng cũng có thể bị phản ứng, thậm chí là phản ứng gay gắt của dư luận xã hội. Như vậy, sự tham gia xét xử của Hội thẩm góp phần nâng cao tinh thần tự giác, tôn trọng và thực hiện pháp luật. Đồng thời, việc tham gia xét xử VADS của Hội thẩm còn phát huy được tác dụng giáo dục của phiên tòa, nâng cao ý thức pháp luật cho mọi người, giúp Tòa án thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân. Vì vậy, thực hiện chế độ XXST VADS có Hội thẩm tham gia được quy định là một nguyên tắc cơ bản của TTDS.

Dưới góc độ lý luận chính trị - pháp lý, Hội thẩm tham gia XXST VADS không đơn thuần là một thiết chế tổ tụng mang tính hình thức về tổ chức phiên tòa, mà là sự thể chế hóa quyền lực của nhân dân trong lĩnh vực tư pháp một cách sâu

sắc. Chế định này đóng vai trò liên kết hữu cơ giữa quyền uy tư pháp và ý chí, chuẩn mực ứng xử của cộng đồng. Việc huy động nhân dân tham gia xét xử và giám sát hoạt động tư pháp chính góp phần vững chắc để các phán quyết dân sự bảo đảm tính hợp pháp, nghiêm minh, thấu tình, đạt lý, từ đó kiến tạo sự đồng thuận sâu rộng và bồi đắp nền tảng văn hóa thượng tôn pháp luật trong toàn xã hội.

2.2.1.3.2. Nguyên tắc Hội thẩm xét xử vụ án dân sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Trong xã hội dân chủ pháp quyền, độc lập tư pháp đã trở thành một trong những nguyên tắc hiến định ở hầu hết các quốc gia nhằm bảo đảm sự công bằng trong việc định đoạt các tranh chấp pháp lý, “Không có sự độc lập của Tòa án thì sẽ không có công lý và không có được niềm tin của nhân dân vào công lý” [100, tr.478-479]. Độc lập của Tòa án trong hoạt động xét xử đã trở thành giá trị đồng hành với công lý và “được coi là một trong những yêu cầu tiên quyết của nền pháp quyền dân chủ” [35, tr.10-12].

Hiện nay, độc lập tư pháp được thừa nhận là một giá trị phổ quát, được ghi nhận và bảo đảm thực hiện trong pháp luật quốc tế cũng như trong hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới. Các văn kiện quốc tế và ở các khu vực trên thế giới đều đưa ra những nguyên tắc căn bản để các quốc gia thành viên xây dựng chế định bảo đảm Tòa án xét xử độc lập. Nguyên tắc cơ bản về tính độc lập của Tòa án của Liên Hợp Quốc [106]; Nghị quyết về sự độc lập và công bằng của ngành tư pháp, Bồi thẩm đoàn và giám định viên và sự độc lập của luật sư [108]; Tuyên bố Bắc Kinh (1995) về các nguyên tắc độc lập tư pháp [107]. Như vậy, độc lập xét xử được hiểu là việc Hội thẩm khi thực hiện nhiệm vụ xét xử có thể đưa ra nhận định và quyết định trên cơ sở pháp luật, không bị chi phối hoặc tác động bởi bất kỳ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào. Hoạt động xét xử VADS là dạng hoạt động có tính chất đặc biệt, hoàn toàn dựa trên hoạt động tư duy của Thẩm phán, Hội thẩm [47, tr.41]. Để bảo đảm việc xét xử được khách quan, công bằng, đúng pháp luật thì khi xét xử VADS, Hội thẩm phải độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động xét xử VADS ở cả cấp sơ thẩm và phúc thẩm, vì vậy được pháp luật TTDS xác định là một trong những nguyên tắc cơ bản.

Nội dung của nguyên tắc Hội thẩm xét xử VADS độc lập và chỉ tuân theo pháp luật xác định khi xét xử VADS, Hội thẩm độc lập - tự mình quyết định việc giải quyết VADS không phụ thuộc vào bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, kể cả đối với các thành viên HĐXX với nhau. Hội thẩm chỉ căn cứ vào pháp luật để giải quyết, xét xử, không được tùy tiện quyết định. Hiện nay, nguyên tắc Hội thẩm xét xử VADS độc lập và chỉ tuân theo pháp luật không chỉ được quy định tại khoản 2 Điều 103 của Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), mà còn được quy định tại Điều 11 của LTCTAND năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 12 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Nguyên tắc Hội thẩm xét xử VADS độc lập và chỉ tuân theo pháp luật không thuần túy là một quy phạm định khung TTDS, mà chính là bảo đảm cho sự tồn tại có ý nghĩa của chế định Hội thẩm. Nguyên tắc này bảo vệ Hội thẩm khỏi mọi áp lực can thiệp từ bên ngoài, vừa triệt tiêu sự nể nang, bị chi phối từ chính các thành viên ngay trong nội bộ HĐXX. Chỉ khi nguyên tắc này được hiện thực hóa, những tri thức xã hội, quan niệm về lẽ công bằng mà Hội thẩm mang tới phiên tòa dân sự mới thực sự được chuyển hóa thành các phán quyết khách quan, minh bạch, đúng pháp luật.

2.2.1.3.3. Nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số

Tòa án là cơ quan bảo vệ công lý, phán quyết của Tòa án chỉ thực sự là hiện thân của công lý khi nó bảo đảm được tính khách quan, công bằng, được số đông thừa nhận. Nguyên tắc này thiết lập sự độc lập trong hoạt động xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm. Một tập thể xét xử sẽ không cho phép một cá nhân nào áp đặt ý chí cá nhân nhiều khi thiên vị, tùy tiện lên quyền lợi của công dân. Nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số thể hiện tính dân chủ, công bằng trong xét xử. Theo quy định của pháp luật, khi XXST VADS đều do một HĐXX thực hiện với thành phần gồm có một hoặc hai Thẩm phán và hai hoặc ba Hội thẩm tùy theo quy định của pháp luật tổ tụng đối với từng vụ án cụ thể. Hội thẩm và Thẩm phán ngang quyền khi xét xử VADS, nghĩa là trong suốt thời gian thực hiện trách nhiệm Hội thẩm của mình tại Tòa án, Hội thẩm được sử dụng tất cả các quyền mà pháp luật quy định cho HĐXX; tất cả các vấn đề

kể cả những vấn đề nảy sinh trong quá trình xét xử không kể về nội dung hay thủ tục tố tụng đều phải được HĐXX quyết định tập thể theo đa số. Sự bình đẳng giữa Hội thẩm và Thẩm phán khi xét xử cần được đặc biệt tuân thủ trong khi nghị án. Chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm mới có quyền nghị án. Các thành viên HĐXX phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số, về từng vấn đề một. Để tránh gây áp lực đối với Hội thẩm khi biểu quyết tại phòng nghị án, luật quy định Thẩm phán biểu quyết sau cùng. Trường hợp ý kiến của Thẩm phán hoặc Hội thẩm thuộc ý kiến thiểu số thì phải được ghi nhận trong biên bản nghị án và lưu vào hồ sơ vụ án.

Nguyên tắc tòa án xét xử tập thể lần đầu được Hiến pháp năm 1980 (Điều 132) quy định, sau đó được kế thừa trong Hiến pháp năm 1992 (Điều 131). Hiện nay, nguyên tắc này được quy định tại khoản 4 Điều 103 của Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Điều 12 của LTCTAND năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 14 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Những nội dung cơ bản của nguyên tắc đã được ghi nhận đầy đủ trong các điều luật này.

2.2.1.3.4. Nguyên tắc Hội thẩm phải vô tư, khách quan khi tham gia xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Khi xét xử Hội thẩm phải thực sự vô tư, khách quan, họ phải tôn trọng sự thật, tôn trọng pháp luật, tiến hành công việc của mình với thái độ đúng mực, không được để những quan hệ, những tình cảm cá nhân chi phối vào công việc, không được có thái độ thiên vị hay định kiến đối với bất kỳ người tham gia tố tụng nào. Nguyên tắc Hội thẩm phải vô tư, khách quan khi XXST VADS được ghi nhận là nguyên tắc quan trọng, bắt buộc Hội thẩm phải tôn trọng và thực thi một cách triệt để. Nguyên tắc này góp phần thúc đẩy tính khách quan, chân thực, công bằng trong hoạt động XXST VADS. Việc thực hiện tốt nguyên tắc này là điều kiện cần thiết để thực hiện một số các nguyên tắc cơ bản khác của TTDS như các nguyên tắc thể hiện tính pháp chế XHCN trong TTDS; các nguyên tắc về tổ chức hoạt động xét xử của Tòa án ... Như vậy, có thể thấy nguyên tắc này là một trong những nguyên tắc thể hiện trách nhiệm của Hội thẩm khi tham gia XXST VADS.

Các nguyên tắc Hội thẩm tham gia xét xử, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, xét xử tập thể và quyết định theo đa số đều hướng đến bảo đảm công lý thủ tục trong TTDS. Theo cách tiếp cận này, một bản án chỉ có tính chính đáng khi được hình thành thông qua trình tự công khai, khách quan, vô tư, có sự tham gia thực chất của các thành viên HĐXX và được xã hội tin cậy. Khi Hội thẩm được nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét hỏi, đánh giá chứng cứ, nghị án và biểu quyết, quá trình hình thành phán quyết không còn là hoạt động đơn tuyến của Thẩm phán, mà là kết quả của sự thảo luận và quyết định tập thể. Chính thủ tục đó làm tăng tính minh bạch, khách quan và tính chính đáng của bản án, quyết định dân sự.

2.2.2. Cơ sở lý luận của việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hội thẩm khi tham gia xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Cơ sở lý luận của việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm khi tham gia XXST VADS không phải chỉ tiếp cận từ việc pháp luật TTDS phân chia các giai đoạn tố tụng, mà còn phải xuất phát từ bản chất của XXST VADS. Đây là cấp xét xử đầu tiên, nơi Tòa án trực tiếp kiểm tra chứng cứ, nghe trình bày của đương sự, tổ chức tranh tụng công khai và ban hành phán quyết đầu tiên về quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên. Vì vậy, sự tham gia của Hội thẩm chỉ có ý nghĩa thực chất khi họ được trao những nhiệm vụ, quyền hạn đủ để tham gia vào quá trình nhận thức, đánh giá và quyết định vụ án, chứ không chỉ hiện diện tại phiên tòa hoặc biểu quyết một cách hình thức.

Từ góc độ lý luận, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong XXST VADS được xác lập trên bốn căn cứ cơ bản: bảo đảm tính chính đáng dân chủ của QTP; bảo đảm công lý thủ tục trong quá trình hình thành phán quyết; bổ sung yếu tố xã hội, lẽ công bằng vào việc cân bằng lợi ích giữa các bên; và thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực ngay trong HĐXX. Tuy nhiên, việc trao quyền cho Hội thẩm cũng phải được giới hạn hợp lý để không làm thay đổi bản chất độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật, không làm lu mờ vai trò chuyên môn của Thẩm phán, đồng thời không biến Hội thẩm thành chủ thể xét xử theo cảm tính, kinh nghiệm thuần túy hoặc áp lực xã hội.

2.2.2.1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa

Ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa, cơ sở lý luận của việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm nằm ở yêu cầu bảo đảm sự độc lập trong nhận thức trước khi độc lập trong biểu quyết. Hội thẩm chỉ có thể ngang quyền với Thẩm phán khi nghị án nếu trước đó họ có điều kiện tiếp cận hồ sơ, nắm bắt nội dung tranh chấp, nhận diện các vấn đề cần làm rõ và chuẩn bị quan điểm xét xử của mình. Nếu không được nghiên cứu hồ sơ hoặc không có quyền đề nghị thực hiện hoạt động tố tụng cần thiết, sự tham gia của Hội thẩm tại phiên tòa dễ bị lệ thuộc vào nhận định, tóm tắt hoặc định hướng của Thẩm phán chủ tọa. Vì vậy, quyền nghiên cứu hồ sơ và quyền đề nghị trong giai đoạn này là điều kiện bảo đảm cho sự tham gia thực chất của Hội thẩm, chứ không phải sự mở rộng tùy tiện thẩm quyền tố tụng.

Việc trao quyền và xác định nghĩa vụ, quyền hạn cho Hội thẩm trong giai đoạn trước khi mở phiên tòa là điều kiện quan trọng nhằm bảo đảm thực thi một cách thực chất các nguyên tắc cơ bản của TTDS, góp phần bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm thực chất, hiệu quả, tránh hình thức. Việc quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa nhằm giúp Hội thẩm có điều kiện nghiên cứu hồ sơ vụ án và có quyền đề nghị thực hiện các hoạt động tố tụng ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử, kể từ thời điểm được phân công tham gia HĐXX. Quy định này không phải là sự sắp xếp mang tính hình thức hay ngẫu nhiên về mặt thủ tục mà xuất phát từ những cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn sâu sắc nhằm bảo đảm cho Hội thẩm thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình với tư cách là thành viên HĐXX, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giải quyết VADS.

Việc trao quyền và xác định nghĩa vụ, quyền hạn cho Hội thẩm trong giai đoạn trước khi mở phiên tòa là cơ sở để hiện thực hóa nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Sự độc lập trong hoạt động xét xử không chỉ được bảo đảm về mặt pháp lý mà còn phải được hình thành trên cơ sở độc lập trong nhận thức và đánh giá vụ án. Nếu Hội thẩm không được

ngiên cứu hồ sơ trước phiên tòa, việc tiếp cận vụ án của họ sẽ chủ yếu thông qua sự trình bày, tóm tắt hoặc định hướng của Thẩm phán chủ tọa. Điều này dễ dẫn đến tâm lý phụ thuộc, hạn chế khả năng phản biện độc lập của Hội thẩm trong quá trình xét xử và nghị án. Vì vậy, việc nghiên cứu hồ sơ từ giai đoạn chuẩn bị xét xử có ý nghĩa như một cơ chế bảo đảm tính độc lập thực chất của Hội thẩm.

Bên cạnh đó, quy định Hội thẩm tham gia nghiên cứu hồ sơ và thực hiện một số hoạt động tố tụng trước phiên tòa còn góp phần bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa Hội thẩm và Thẩm phán khi nghị án. Mặc dù pháp luật TTDS xác định Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán trong việc quyết định giải quyết vụ án, nhưng sự bình đẳng về mặt pháp lý chỉ thực sự có ý nghĩa khi các chủ thể có điều kiện tương đối tương đồng trong việc tiếp cận và đánh giá thông tin của vụ án. Quá trình nghiên cứu hồ sơ trước phiên tòa giúp Hội thẩm nắm bắt đầy đủ nội dung vụ án, có cơ sở để tham gia tranh luận, đánh giá chứng cứ và có quan điểm độc lập, khách quan, vô tư và chuẩn bị tốt cho công tác xét xử [37, tr.7-11].

Quy định Hội thẩm tham gia xét xử từ giai đoạn chuẩn bị xét xử còn xuất phát từ đặc điểm của mô hình TTDS Việt Nam, vốn mang đậm tính chất của mô hình tố tụng thẩm vấn kết hợp với các yếu tố tranh tụng. Khác với mô hình Bồi thẩm đoàn trong hệ thống Thông luật, nơi các bồi thẩm viên hầu như không được tiếp cận hồ sơ trước phiên tòa để bảo đảm tính khách quan, trong TTDS Việt Nam, HĐXX có trách nhiệm chủ động xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó, Hội thẩm không thể chỉ tham gia một cách thụ động tại phiên tòa mà cần được tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ từ trước để dự liệu các tình huống pháp lý, chuẩn bị nội dung thẩm vấn và tham gia làm rõ các tình tiết của vụ án ngay tại phiên tòa. Mặt khác, việc Hội thẩm tham gia ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử còn bảo đảm tính liên tục trong việc thực hiện QTP của nhân dân thông qua hoạt động xét xử. Hội thẩm không chỉ là chủ thể tham gia biểu quyết tại phiên tòa mà là thành viên thực sự của HĐXX, cùng Thẩm phán theo dõi, xem xét và giám sát quá trình chuẩn bị giải quyết vụ án trước khi đưa vụ án ra xét xử. Hội thẩm tham gia nghiên cứu hồ sơ và thực hiện các quyền tố tụng từ

giai đoạn chuẩn bị xét xử có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giải quyết VADS. Với đặc điểm xuất thân từ nhiều lĩnh vực nghề nghiệp và đời sống xã hội khác nhau, Hội thẩm có điều kiện tiếp cận vụ án không chỉ dưới góc độ pháp lý mà còn từ phương diện đạo đức, phong tục, tập quán và tâm lý xã hội. Việc nghiên cứu hồ sơ từ sớm giúp Hội thẩm phát huy kinh nghiệm thực tiễn và khả năng nhận diện những vấn đề mà cách tiếp cận thuần túy pháp lý có thể chưa đánh giá đầy đủ.

Hội thẩm có quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa ra các quyết định tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử xuất phát từ những cơ sở lý luận cốt lõi của hoạt động thực hiện QTP. Trước hết, quy định này nhằm bảo đảm tính thực chất của nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán và nguyên tắc độc lập xét xử, tạo điều kiện để Hội thẩm tham gia chủ động vào quá trình giải quyết vụ án ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử, thay vì chỉ tham gia mang tính hình thức tại phiên tòa và khi nghị án. Đồng thời, đây còn là cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp trong nội bộ HĐXX, thông qua việc phát huy góc nhìn xã hội và sự đánh giá tương đối độc lập của Hội thẩm nhằm hạn chế nguy cơ nhận thức chủ quan hoặc áp đặt ý chí của Thẩm phán thụ lý vụ án. Bên cạnh đó, quyền đề nghị thực hiện các hoạt động tố tụng cần thiết còn giúp HĐXX kịp thời bổ sung chứng cứ, làm rõ các tình tiết của vụ án, qua đó bảo đảm yêu cầu xác định sự thật khách quan trong TTDS. Ngoài ra, việc phát hiện và khắc phục sớm các thiếu sót tố tụng ngay từ giai đoạn chuẩn bị xét xử còn góp phần hạn chế việc phải hoãn phiên tòa, giảm thiểu nguy cơ bản án, quyết định bị hủy hoặc sửa do vi phạm thủ tục tố tụng, qua đó nâng cao tính kinh tế, hiệu quả và chất lượng của hoạt động giải quyết tranh chấp dân sự.

Tuy nhiên, mức độ tham gia của Hội thẩm ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa cần được xác định trong giới hạn phù hợp. Hội thẩm được tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ và đề xuất những vấn đề cần làm rõ nhằm chuẩn bị cho hoạt động xét xử, nhưng không thay thế Thẩm phán trong việc thụ lý, thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải hoặc điều hành thủ tục chuẩn bị xét xử. Giới hạn này vừa bảo đảm vai trò chủ động, độc lập của Hội thẩm, vừa giữ đúng nguyên tắc phân công

chức năng trong TTDS, không làm ảnh hưởng đến trách nhiệm chuyên môn và quyền điều hành tố tụng của Thẩm phán theo quy định của pháp luật.

2.2.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa

Giai đoạn bắt đầu phiên tòa là “cửa ngõ tố tụng” của hoạt động XXST VADS. Tại giai đoạn này, HĐXX xác định điều kiện mở phiên tòa, sự có mặt của các chủ thể tố tụng, phạm vi yêu cầu của đương sự và các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tính hợp pháp của toàn bộ quá trình xét xử. Vì vậy, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn này được xác lập không phải để Hội thẩm tham gia vào mọi hoạt động điều hành phiên tòa, mà để bảo đảm những vấn đề có khả năng tác động đến quyền tố tụng của đương sự, phạm vi xét xử và tính khách quan của phiên tòa được xem xét bằng cơ chế tập thể, dân chủ và thận trọng.

Việc pháp luật TTDS quy định cụ thể quyền hạn và nhiệm vụ của Hội thẩm tại giai đoạn bắt đầu phiên tòa không đơn thuần là sự sắp xếp mang tính kỹ thuật tố tụng mà phản ánh trực tiếp vị trí pháp lý của Hội thẩm với tư cách là thành viên HĐXX, đồng thời để Hội thẩm thực hiện QTP một cách thực chất ngay từ thời điểm mở phiên tòa. Dưới góc độ khoa học luật TTDS, cơ sở lý luận của các quy định này được thể hiện ở những phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, phân định giữa quyền điều hành thủ tục và quyền quyết định tư pháp nhằm bảo đảm nguyên tắc xét xử tập thể

Trong TTDS hiện đại, thẩm quyền của Tòa án tại phiên tòa được phân thành hai nhóm cơ bản: quyền điều hành thủ tục và quyền quyết định tư pháp. Quyền điều hành thủ tục bao gồm các hoạt động như khai mạc phiên tòa, kiểm tra sự có mặt của những người tham gia tố tụng, kiểm tra căn cước, phổ biến quyền và nghĩa vụ tố tụng hoặc điều hành trật tự phiên tòa. Đây là những hoạt động mang tính tổ chức, kỹ thuật tố tụng và thuộc thẩm quyền của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa với tư cách là người điều hành hoạt động xét xử. Ngược lại, các vấn đề có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến phạm vi xét xử, tiến trình hoặc kết quả giải quyết vụ án như hoãn phiên tòa, đình chỉ xét xử, chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự hoặc công nhận sự thỏa thuận giữa các bên phải thuộc thẩm quyền quyết định của HĐXX tập thể. Việc pháp luật quy định

Hội thẩm tham gia biểu quyết các vấn đề này nhằm bảo đảm nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số, đồng thời hạn chế nguy cơ tập trung quyền lực tư pháp vào một cá nhân. Qua đó, nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán được hiện thực hóa ngay từ giai đoạn bắt đầu phiên tòa.

Thứ hai, thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực nhằm bảo đảm tính khách quan, vô tư của hoạt động xét xử

Một trong những yêu cầu cơ bản của hoạt động tư pháp là bảo đảm tính khách quan, vô tư của người tiến hành tố tụng. Vì vậy, khi xuất hiện căn cứ yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định hoặc người phiên dịch, việc xem xét và quyết định không thể chỉ do một cá nhân thực hiện. Sự tham gia của Hội thẩm trong việc xem xét các yêu cầu này có ý nghĩa như một cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp ngay trong nội bộ HĐXX. Với vị trí tương đối độc lập và không chịu sự chi phối bởi các quan hệ hành chính, thứ bậc trong cơ quan Tòa án, Hội thẩm có điều kiện đưa ra đánh giá khách quan đối với các yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng. Điều này góp phần bảo đảm rằng việc chấp nhận hoặc bác bỏ yêu cầu được thực hiện trên cơ sở pháp luật và sự công tâm, qua đó củng cố niềm tin của đương sự và xã hội đối với tính minh bạch, khách quan của hoạt động xét xử.

Thứ ba, xác lập giới hạn xét xử làm tiền đề cho quá trình tranh tụng

Theo nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự, Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu của đương sự. Vì vậy, giai đoạn bắt đầu phiên tòa có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập và ổn định phạm vi xét xử thông qua việc xem xét các yêu cầu thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập. Các quyết định này có ảnh hưởng trực tiếp đến tính hợp pháp của toàn bộ quá trình xét xử sau đó. Nếu phạm vi xét xử được xác định không chính xác ngay từ đầu, bản án có nguy cơ bị hủy hoặc sửa do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, việc Hội thẩm tham gia xem xét và đánh giá các yêu cầu này góp phần bảo đảm rằng mọi thay đổi liên quan đến phạm vi giải quyết vụ án đều được cân nhắc thận trọng dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, đồng thời tạo cơ sở pháp lý ổn định cho hoạt động xét hỏi, tranh luận và nghị án.

Thư tư, đưa yếu tố xã hội vào việc kiểm soát quyền tự định đoạt của đương sự trong vụ án

TTDS tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, thể hiện thông qua quyền tự thỏa thuận, thay đổi hoặc rút yêu cầu tại phiên tòa. Tuy nhiên, quyền tự định đoạt này không phải là tuyệt đối mà phải bảo đảm không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình xem xét các vấn đề này tại phiên thủ tục bắt đầu phiên tòa, sự tham gia của Hội thẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tính tự nguyện, thiện chí và phù hợp với các chuẩn mực xã hội của ý chí đương sự. Nếu Thẩm phán chủ yếu xem xét tính hợp pháp của thỏa thuận dưới góc độ pháp lý, thì Hội thẩm với kinh nghiệm thực tiễn và sự am hiểu đời sống xã hội có điều kiện đánh giá sâu hơn về tính thực chất của sự tự nguyện cũng như khả năng tồn tại các hành vi giả tạo, ép buộc hoặc che giấu việc tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba. Sự kết hợp giữa tư duy pháp lý của Thẩm phán và góc nhìn xã hội của Hội thẩm tạo cơ sở để HĐXX đưa ra quyết định vừa đúng pháp luật, vừa bảo đảm công bằng và phù hợp với đạo đức xã hội.

Tại giai đoạn bắt đầu phiên tòa, Hội thẩm không chỉ thực hiện quyền tham gia quyết định các vấn đề tố tụng thuộc thẩm quyền của HĐXX mà còn có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp của thủ tục mở phiên tòa, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự và góp phần duy trì tính khách quan, công bằng của hoạt động xét xử.

Tóm lại, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội thẩm tại giai đoạn bắt đầu phiên tòa không mang tính hình thức hay hỗ trợ đơn thuần, mà là sự hiện thực hóa nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong hoạt động tư pháp. Thông qua việc trực tiếp tham gia xem xét, biểu quyết và quyết định các vấn đề tố tụng quan trọng ngay tại giai đoạn mở đầu phiên tòa, Hội thẩm cùng với Thẩm phán xác lập phạm vi xét xử, kiểm soát tính hợp pháp của quy trình tố tụng và định hướng quá trình giải quyết vụ án theo hướng khách quan, dân chủ và toàn diện. Đây đồng thời là cơ sở quan trọng bảo đảm cho nguyên tắc “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” được thực hiện thực chất trong toàn bộ quá trình xét xử VADS.

Như vậy, ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa, mức độ tham gia của Hội thẩm được xác định theo tiêu chí: Hội thẩm tham gia quyết định những vấn đề thuộc quyền của HĐXX, có ảnh hưởng đến tính hợp pháp, khách quan và phạm vi giải quyết vụ án; nhưng không thay thế Thẩm phán chủ tọa trong hoạt động điều hành thủ tục, duy trì trật tự và tổ chức phiên tòa. Cách xác định này vừa hiện thực hóa nguyên tắc xét xử tập thể, vừa bảo đảm sự phân định cần thiết giữa quyền điều hành tố tụng của Thẩm phán và quyền quyết định tư pháp của HĐXX

2.2.2.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng

Giai đoạn tranh tụng là trung tâm của XXST VADS, bởi tại đây chứng cứ được kiểm tra công khai, lập luận của các bên được đối chiếu, phản biện và bản chất tranh chấp được làm rõ trước HĐXX. Cơ sở lý luận của việc trao cho Hội thẩm nhiệm vụ, quyền hạn trong giai đoạn này xuất phát từ yêu cầu bảo đảm công lý thủ tục và kiểm chứng đa chiều đối với chứng cứ. Hội thẩm tham gia xét hỏi, theo dõi tranh luận, đánh giá chứng cứ không phải với tư cách người thay thế Thẩm phán về chuyên môn pháp lý, mà với tư cách thành viên HĐXX, bổ sung góc nhìn xã hội, kinh nghiệm đời sống và lẽ công bằng vào quá trình nhận thức vụ án.

Tranh tụng tại phiên tòa, bao gồm hoạt động xét hỏi và tranh luận, giữ vị trí trung tâm trong toàn bộ quá trình giải quyết VADS. Đây là giai đoạn các chứng cứ được công khai kiểm tra, đánh giá; các quan điểm pháp lý được đối chiếu, phản biện trực tiếp giữa các bên đương sự và những người tham gia tố tụng. Trong giai đoạn này, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đóng vai trò là "nhạc trưởng" điều khiển nhịp độ và trật tự tranh tụng. Tuy nhiên, Hội thẩm không hề đóng vai trò dự thính thụ động, mà thực thi quyền lực tư pháp mạnh mẽ thông qua hai phương thức: trực tiếp tham gia tố tụng và quyết định thông qua HĐXX tập thể. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn này gồm: quyền trực tiếp tham gia xét hỏi nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan; cùng HĐXX trực tiếp kiểm tra, tiếp cận và đánh giá chứng cứ; định hướng tranh luận và kiểm soát tiến trình tranh tụng; quyết định các vấn đề tố tụng mang tính bước ngoặt (Tạm ngừng phiên tòa)...Về nhiệm vụ, Hội thẩm không chỉ dừng lại ở các quy tắc

mang tính nghi thức, mà gắn liền với yêu cầu nhận thức và đạo đức xét xử. Việc quy định cho Hội thẩm những nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể trong giai đoạn này không chỉ mang ý nghĩa kỹ thuật lập pháp, mà còn được xây dựng trên những cơ sở lý luận quan trọng về nhận thức tư pháp, tổ chức quyền lực xét xử và bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong TTDS. Cơ sở lý luận của các quy định này được thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, bổ sung yếu tố xã hội vào quá trình nhận thức và đánh giá chứng cứ VADS

Trong TTDS, việc xác định sự thật khách quan của vụ án không chỉ dựa trên các quy phạm pháp luật mà còn gắn liền với điều kiện xã hội, phong tục, tập quán, đạo đức và tâm lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự. Về phương diện nhận thức luận, Thẩm phán chuyên nghiệp thường tiếp cận chứng cứ và lời khai dưới góc độ logic pháp lý nhằm bảo đảm tính chặt chẽ và chuẩn xác trong áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, cách tiếp cận này trong một số trường hợp có thể dẫn đến sự thiên lệch về kỹ thuật pháp lý, chưa phản ánh đầy đủ bản chất xã hội của tranh chấp. Việc pháp luật trao cho Hội thẩm quyền trực tiếp xét hỏi, xem xét chứng cứ và tham gia định hướng tranh luận chính là cơ chế đưa yếu tố xã hội vào quá trình nhận thức vụ án. Với vốn sống, kinh nghiệm nghề nghiệp và sự am hiểu thực tiễn đời sống xã hội, Hội thẩm có khả năng phát hiện những mâu thuẫn trong lời khai, nhận diện động cơ thực tế của các giao dịch dân sự hoặc những tình tiết phản ánh bản chất thực sự của quan hệ tranh chấp mà cách tiếp cận thuần túy pháp lý có thể chưa đánh giá đầy đủ.

Thứ hai, hạn chế định kiến nhận thức và bảo đảm tính khách quan của hoạt động tranh tụng

Trong mô hình TTDS ở Việt Nam, Thẩm phán là người trực tiếp thụ lý, nghiên cứu hồ sơ và tiến hành nhiều hoạt động tố tụng trước khi mở phiên tòa. Quá trình này có ưu điểm là giúp Thẩm phán nắm chắc nội dung vụ án, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn nguy cơ hình thành nhận thức chủ quan hoặc định hướng đánh giá vụ án từ sớm. Sự tham gia tích cực của Hội thẩm tại giai đoạn tranh tụng có ý nghĩa như một cơ chế kiểm soát và cân bằng nhận thức trong nội bộ

HĐXX. Do tiếp cận vụ án muộn hơn và không trực tiếp tham gia quá trình chuẩn bị xét xử, Hội thẩm thường giữ được góc nhìn tương đối khách quan hơn đối với chứng cứ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Quyền độc lập xét hỏi và quyền yêu cầu tranh luận bổ sung của Hội thẩm tạo ra cơ chế kiểm chứng đa chiều đối với chứng cứ, bảo đảm mọi tình tiết của vụ án đều được xem xét công khai, toàn diện và bình đẳng, qua đó hạn chế nguy cơ áp đặt ý chí chủ quan trong hoạt động xét xử.

Thứ ba, tạo cơ sở nhận thức để bảo đảm nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi nghị án

Nguyên tắc “Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử” chỉ có thể được bảo đảm trên thực tế khi Hội thẩm có điều kiện tiếp cận, kiểm tra và đánh giá đầy đủ thông tin của vụ án ngay tại giai đoạn tranh tụng. Lý luận về tổ chức quyền lực tư pháp cho thấy, sự bình đẳng trong quyền ra quyết định khi nghị án phải được bảo đảm bằng sự bình đẳng trong khả năng tiếp cận và kiểm chứng thông tin tại phiên tòa. Nếu Hội thẩm không được trực tiếp xét hỏi, không có quyền yêu cầu làm rõ chứng cứ hoặc không được tham gia quyết định các vấn đề tố tụng phát sinh trong quá trình tranh tụng, thì việc biểu quyết khi nghị án sẽ khó tránh khỏi sự phụ thuộc vào nhận thức và định hướng của Thẩm phán chủ tọa. Vì vậy, việc pháp luật trao cho Hội thẩm các quyền năng tố tụng độc lập tại phiên tranh tụng chính là cơ sở nhận thức và điều kiện thực tế để Hội thẩm thực hiện đầy đủ vai trò ngang quyền với Thẩm phán trong hoạt động xét xử.

Thứ tư, kiểm soát quyền lực tư pháp trong các quyết định ảnh hưởng đến tiến trình phiên tòa

Phiên tòa dân sự là quá trình tố tụng động, có thể phát sinh các tình huống buộc HĐXX phải tạm ngừng phiên tòa, quay lại xét hỏi hoặc tiếp tục thu thập, kiểm tra chứng cứ nhằm làm rõ các tình tiết của vụ án. Những quyết định này có ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian giải quyết vụ án, chi phí tố tụng cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Về mặt lý luận tổ chức quyền lực nhà nước, việc giao cho HĐXX tập thể quyết định các vấn đề mang tính bước ngoặt này, thay vì để Thẩm phán chủ tọa quyết định đơn phương, là cơ chế kiểm

soát quyền lực tư pháp cần thiết. Sự tham gia biểu quyết của Hội thẩm bảo đảm rằng việc tạm ngừng phiên tòa, quay lại xét hỏi hoặc tiếp tục tranh luận chỉ được thực hiện khi thực sự cần thiết cho việc xác định sự thật khách quan của vụ án, qua đó hạn chế nguy cơ tùy tiện hoặc kéo dài tố tụng không cần thiết.

Gắn liền với các quyền năng tố tụng, hoạt động của Hội thẩm tại giai đoạn tranh tụng đồng thời bị ràng buộc bởi hệ thống nghĩa vụ pháp lý và chuẩn mực đạo đức tư pháp chặt chẽ. Trước hết, Hội thẩm có nghĩa vụ tuân thủ nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói, thông qua việc theo dõi, đánh giá khách quan toàn bộ diễn biến tại phiên tòa, khắc phục tư duy “án tại hồ sơ”. Khi thực hiện quyền xét hỏi, Hội thẩm phải tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu tố tụng theo quy định; câu hỏi phải rõ ràng, đúng trọng tâm, hướng tới việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đồng thời không được trùng lặp hoặc có lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của đương sự. Bên cạnh đó, trong suốt quá trình xét hỏi và tranh luận, Hội thẩm có nghĩa vụ duy trì tính độc lập, vô tư trong đánh giá chứng cứ và hình thành niềm tin nội tâm trên cơ sở trực tiếp kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ được công khai tại phiên tòa. Những nghĩa vụ này không chỉ mang tính giới hạn tố tụng mà còn là cơ chế bảo đảm để Hội thẩm thực hiện đầy đủ vai trò của mình trong việc đưa ra phán quyết khách quan, công bằng và thuyết phục.

Cơ sở lý luận của việc quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm tại giai đoạn tranh tụng là sự kết hợp giữa yêu cầu giải quyết vụ án đúng pháp luật với đòi hỏi bảo đảm tính dân chủ, khách quan và công bằng của hoạt động tư pháp. Thông qua việc trao cho Hội thẩm các quyền năng tố tụng mang tính chủ động như xét hỏi, xem xét chứng cứ, yêu cầu tranh luận bổ sung hoặc tham gia quyết định các vấn đề phát sinh tại phiên tòa, pháp luật đã tạo điều kiện để Hội thẩm tham gia thực chất vào quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án. Đây đồng thời là cơ chế quan trọng nhằm hạn chế sự tập trung quyền lực tư pháp vào Thẩm phán, kết hợp hài hòa giữa tri thức pháp lý chuyên môn và kinh nghiệm xã hội thực tiễn, qua đó góp phần bảo đảm việc ban hành bản án khách quan, công bằng và có tính thuyết phục cao.

Tuy nhiên, sự tham gia của Hội thẩm trong giai đoạn tranh tụng phải được giới hạn bởi nguyên tắc độc lập, vô tư, khách quan và chỉ tuân theo pháp luật. Hội thẩm có quyền hỏi, yêu cầu làm rõ chứng cứ, đánh giá diễn biến tranh tụng, nhưng không được biến hoạt động xét hỏi thành sự bên vực cho một bên đương sự, không được áp đặt kinh nghiệm cá nhân thay cho chứng cứ và quy phạm pháp luật. Như vậy, giá trị của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng không nằm ở việc mở rộng quyền lực ngoài khuôn khổ pháp luật, mà ở khả năng làm cho quá trình nhận thức vụ án của HĐXX trở nên toàn diện hơn, dân chủ hơn và ít bị chi phối bởi cách nhìn thuần túy kỹ thuật pháp lý.

2.2.2.4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn nghị án và tuyên án

Giai đoạn nghị án và tuyên án là nơi thể hiện tập trung nhất địa vị ngang quyền của Hội thẩm với Thẩm phán. Nếu ở các giai đoạn trước, Hội thẩm tham gia để tiếp cận, kiểm tra, làm rõ chứng cứ và bảo đảm trình tự tố tụng, thì ở giai đoạn nghị án, sự tham gia đó chuyển hóa thành quyền quyết định đối với số phận pháp lý của vụ án. Chính vì vậy, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong nghị án không chỉ có ý nghĩa thủ tục, mà còn là biểu hiện trực tiếp của quyền lực nhân dân trong hoạt động xét xử.

Giai đoạn nghị án và tuyên án giữ vị trí trung tâm quyết định trong toàn bộ quá trình giải quyết VADS. Đây là thời điểm HĐXX kết thúc quá trình kiểm tra, đánh giá công khai chứng cứ và chuyển hóa các tình tiết, lập luận pháp lý thành phán quyết tư pháp có giá trị bắt buộc thi hành. Việc pháp luật TTDS quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm tại giai đoạn này không chỉ là sự tiếp nối của các giai đoạn tố tụng trước đó, mà còn là sự thể hiện tập trung nhất nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân trong hoạt động xét xử. Cơ sở lý luận của các quy định này được thể hiện trên các phương diện chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, hiện thực hóa nguyên tắc độc lập xét xử thông qua cơ chế biểu quyết của HĐXX

Một trong những quy định có ý nghĩa đặc biệt trong giai đoạn nghị án là việc Hội thẩm biểu quyết trước, Thẩm phán chủ tọa biểu quyết sau cùng. Cơ sở

lý luận của quy định này xuất phát từ yêu cầu bảo đảm tính độc lập trong hoạt động xét xử và hạn chế ảnh hưởng của yếu tố quyền uy nghề nghiệp trong quá trình hình thành phán quyết.

Trong HĐXX, Thẩm phán có ưu thế về chuyên môn pháp lý và kinh nghiệm nghề nghiệp. Nếu Thẩm phán biểu quyết trước, ý kiến của họ có thể tạo ra áp lực tâm lý hoặc định hướng nhận thức đối với Hội thẩm. Vì vậy, việc pháp luật quy định Hội thẩm biểu quyết trước nhằm bảo đảm để Hội thẩm hình thành và thể hiện chính kiến độc lập trên cơ sở niềm tin nội tâm của mình, không phụ thuộc vào quan điểm của Thẩm phán. Qua đó, nguyên tắc “Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử” được bảo đảm thực chất trong hoạt động nghị án.

Thứ hai, kết hợp giữa tư duy pháp lý và yếu tố xã hội trong quá trình hình thành phán quyết của Tòa án

Nghị án không phải là hoạt động áp dụng pháp luật một cách cơ học, mà là quá trình đánh giá toàn diện các chứng cứ, tình tiết và giá trị xã hội liên quan đến vụ án nhằm đưa ra phán quyết khách quan, công bằng. Pháp luật tố tụng quy định HĐXX trong những trường hợp nhất định có thể áp dụng tập quán, áp dụng tương tự pháp luật hoặc lẽ công bằng để giải quyết vụ án. Điều này cho thấy hoạt động xét xử không chỉ hướng đến tính hợp pháp mà còn phải bảo đảm tính hợp lý và công bằng xã hội. Trong quá trình nghị án, Thẩm phán với kiến thức chuyên môn pháp lý giữ vai trò bảo đảm tính chuẩn xác trong áp dụng pháp luật, trong khi Hội thẩm với kinh nghiệm thực tiễn và sự am hiểu đời sống xã hội góp phần bổ sung yếu tố hợp lý, nhân văn và phù hợp với các chuẩn mực đạo đức cộng đồng. Sự kết hợp này tạo điều kiện để bản án không chỉ đúng pháp luật mà còn phản ánh được tinh thần công bằng và tính thuyết phục xã hội của hoạt động tư pháp.

Thứ ba, bảo đảm quyền tư duy độc lập và trách nhiệm cá nhân trong hoạt động nghị án

Tính độc lập của Hội thẩm trong hoạt động xét xử còn được bảo đảm thông qua quyền bảo lưu ý kiến thiểu số theo quy định. Trong trường hợp ý kiến của Hội thẩm khác với quyết định của đa số HĐXX, Hội thẩm có quyền trình bày ý

kiến riêng bằng văn bản và lưu vào hồ sơ vụ án. Cơ sở lý luận của quy định này xuất phát từ yêu cầu tôn trọng tính độc lập trong nhận thức và trách nhiệm cá nhân của từng thành viên HĐXX. Quyền bảo lưu ý kiến không chỉ ngăn ngừa sự thỏa hiệp mang tính hình thức trong quá trình nghị án mà còn tạo cơ sở để các cấp xét xử tiếp theo xem xét lại bản án khi cần thiết. Qua đó, pháp luật TTDS khẳng định rằng hoạt động xét xử không chỉ dựa trên nguyên tắc quyết định theo đa số mà còn phải tôn trọng sự độc lập về quan điểm pháp lý của từng thành viên HĐXX.

Bên cạnh đó, việc cho phép HĐXX quyết định quay trở lại phân xét hỏi hoặc tranh luận cho thấy pháp luật luôn đặt yêu cầu làm rõ sự thật khách quan của vụ án lên hàng đầu, cao hơn tính hình thức của trình tự tố tụng. Quy định này bảo đảm để Hội thẩm có thể tiếp tục yêu cầu làm rõ các tình tiết của vụ án trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.

Thứ tư, khẳng định trách nhiệm tập thể đối với tính toàn vẹn của bản án

Trách nhiệm của Hội thẩm không chấm dứt khi HĐXX tuyên án. Theo quy định, việc sửa chữa, bổ sung bản án phải có sự tham gia của các Hội thẩm đã tham gia xét xử vụ án. Cơ sở lý luận của quy định này xuất phát từ nguyên tắc trách nhiệm tập thể đối với bản án của HĐXX. Bản án dân sự là kết quả hoạt động xét xử nhân danh Nhà nước và được hình thành trên cơ sở ý chí thống nhất của toàn bộ HĐXX, không phải là sản phẩm riêng của Thẩm phán chủ tọa. Vì vậy, mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến nội dung bản án, kể cả lỗi kỹ thuật hoặc sai sót về số liệu, đều phải có sự xác nhận của HĐXX nhằm bảo đảm tính toàn vẹn, khách quan và minh bạch của phán quyết tư pháp.

Như vậy, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm tại giai đoạn nghị án và tuyên án là sự thể hiện tập trung nhất địa vị pháp lý độc lập và ngang quyền của Hội thẩm trong hoạt động xét xử. Các quy định về quyền biểu quyết, quyền bảo lưu ý kiến thiểu số, quyền yêu cầu tiếp tục xét hỏi hoặc trách nhiệm tham gia sửa chữa, bổ sung bản án đã thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp ngay tại giai đoạn đưa ra phán quyết cuối cùng của vụ án. Qua đó, pháp luật TTDS không chỉ bảo đảm tính hợp pháp của hoạt động xét xử mà còn tạo điều kiện để yếu tố công bằng, lẽ phải và kinh nghiệm xã hội được phản ánh trong bản án, quyết

định của Tòa án. Đây là cơ sở quan trọng để khẳng định vai trò thực chất của Hội thẩm trong việc bảo đảm tính khách quan, dân chủ và thuyết phục của hoạt động tư pháp dân sự ở Việt Nam.

Ngoài ra, để bảo đảm thực hiện tốt hoạt động xét xử VADS, pháp luật còn quy định một số nhiệm vụ, quyền hạn khác cho Hội thẩm như: giữ gìn phẩm chất đạo đức, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử, cập nhật văn bản pháp luật, trách nhiệm của Hội thẩm với cơ quan, tổ chức quản lý...

Dù vậy, nguyên tắc ngang quyền trong nghị án không có nghĩa là Hội thẩm được quyết định theo cảm tính hoặc theo chuẩn mực xã hội tách rời pháp luật. Quyền biểu quyết của Hội thẩm chỉ có giá trị chính đáng khi được hình thành trên cơ sở chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quy định pháp luật và niềm tin nội tâm khách quan. Vì vậy, sự ngang quyền giữa Hội thẩm và Thẩm phán cần được hiểu là ngang quyền trong quyết định tư pháp, nhưng không đồng nhất về chức năng nghề nghiệp. Thẩm phán bảo đảm tính chuẩn xác pháp lý của phán quyết; Hội thẩm bổ sung yếu tố xã hội, lẽ công bằng và sự giám sát dân chủ. Sự kết hợp này là cơ sở để bản án dân sự vừa đúng pháp luật, vừa có tính thuyết phục xã hội.

Từ các phân tích trên có thể thấy, cơ sở lý luận của việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong XXST VADS không nằm ở việc liệt kê các quyền tố tụng theo từng giai đoạn, mà ở logic phân bổ quyền lực trong HĐXX. Hội thẩm được trao nhiệm vụ, quyền hạn để tham gia đủ sâu vào quá trình hình thành phán quyết, nhằm bảo đảm tính dân chủ, công lý thủ tục, sự kiểm soát quyền lực tư pháp và khả năng cân bằng lợi ích công - tư trong giải quyết tranh chấp dân sự. Đồng thời, mức độ tham gia của Hội thẩm phải được giới hạn bởi pháp luật, chứng cứ, phạm vi yêu cầu của đương sự, nguyên tắc độc lập xét xử và vai trò chuyên môn của Thẩm phán.

Do đó, vấn đề cốt lõi không phải là trao cho Hội thẩm càng nhiều quyền càng tốt, mà là trao đúng quyền, đúng thời điểm và đúng giới hạn. Nếu quyền hạn quá hẹp, Hội thẩm dễ trở thành chủ thể tham dự mang tính hình thức; nếu quyền hạn vượt quá giới hạn chuyên môn và tố tụng, hoạt động xét xử có thể bị

cảm tính hóa, làm suy giảm tính pháp quyền của tư pháp dân sự. Cơ chế hợp lý là bảo đảm để Hội thẩm tham gia thực chất với tư cách thành viên HĐXX, nhưng sự tham gia đó phải luôn được đặt trong khuôn khổ pháp luật, chứng cứ, tranh tụng công khai và trách nhiệm tập thể của HĐXX. Đây chính là cơ sở lý luận để xác lập vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn chung của Hội thẩm khi tham gia XXST VADS tại TAND.

Việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong XXST VADS còn xuất phát từ yêu cầu cân bằng lợi ích công - tư. VADS trực tiếp giải quyết quyền, nghĩa vụ và lợi ích tư của các đương sự, nhưng phán quyết của Tòa án đồng thời tác động đến trật tự pháp lý, niềm tin xã hội và sự ổn định của các quan hệ dân sự. Vì vậy, hoạt động xét xử không chỉ tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, mà còn phải bảo vệ trật tự công, đạo đức xã hội, quyền lợi của người thứ ba và sự an toàn pháp lý của giao lưu dân sự. Sự tham gia của Hội thẩm là phương thức đưa yếu tố xã hội vào quá trình cân bằng đó, giúp HĐXX nhìn nhận vụ án không chỉ từ quyền lợi cá biệt của các bên, mà còn trong mối liên hệ với lợi ích chung và chuẩn mực cộng đồng.

2.2.3. Các điều kiện bảo đảm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân

2.2.3.1. Điều kiện bảo đảm về chính trị - tư tưởng

Nhân dân tham gia quản lý nhà nước và hoạt động xét xử của Tòa án được hình thành từ những năm đầu của chế độ dân chủ nhân dân, thể hiện bản chất của nền tư pháp nhân dân và đặc trưng của chế độ XHCN. Trên nền tảng Chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm về dân chủ, NNPQ và vai trò của nhân dân được xác lập theo hướng đề cao sự tham gia trực tiếp của người dân vào quản lý nhà nước và xét xử. V.I. Lênin khẳng định: “Sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, chúng ta phải tự mình xét xử. Toàn thể công dân không trừ một ai đều phải tham gia xét xử và quản lý nhà nước” [46, tr.66-67].

Vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh đã khẳng định Nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân”. Người yêu cầu pháp luật

phải “thật sự dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động” [38, tr.174]; tư pháp phải công bằng, liêm khiết, trong sạch, gần dân [38, tr.175]; Nhà nước phải phát huy quyền dân chủ, làm cho công dân thực sự tham gia quản lý công việc của Nhà nước [51, tr.150-151]. Trong hoạt động tư pháp, Người phê phán tòa án thực dân phong kiến xét xử người Việt Nam mà không có hội đồng bồi thẩm [39, tr.5] và khẳng định: “Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra...” [11, tr.99]. Những quan điểm này cho thấy tư tưởng “lấy dân làm gốc” là yêu cầu khách quan của nền tư pháp mới, là cơ sở để chế định Hội thẩm được ghi nhận và phát triển thành nguyên tắc hiến định từ năm 1946 đến nay.

Ở nước ta, sự lãnh đạo của Đảng là cơ sở chính trị quan trọng bảo đảm hiệu quả hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND. Trong tiến trình CCTP, Đảng luôn coi trọng việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử nhằm phát huy dân chủ và bảo đảm công lý. Các nghị quyết của Đảng đã xác định nhiệm vụ: “Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế lựa chọn, bầu cử, bồi dưỡng, quản lý Hội thẩm nhân dân nhằm đề cao trách nhiệm và vai trò của Hội thẩm nhân dân trong xét xử” [19, tr.11]; xây dựng nền tư pháp “chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân” [20, tr.177], [22, tr.239], [22, tr.275]. Đặc biệt, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 xác định nhiệm vụ “Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại tòa án” [23].

XXST VADS là hoạt động thực thi QTP, một bộ phận của quyền lực nhà nước nên chịu sự tác động trực tiếp của yếu tố chính trị. Với vai trò hiến định, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn diện Nhà nước và xã hội, trong đó có hoạt động của Tòa án. Sự lãnh đạo này được thực hiện thông qua nghị quyết, văn kiện, kết luận về CCTP, là định hướng cho hoạt động XXST VADS đúng đắn, hiệu quả. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với chức năng, thẩm quyền và tổ chức bộ máy của TAND; không phải là sự can thiệp vào xét xử, mà là phương thức bảo đảm việc áp dụng pháp luật thận trọng, nghiêm minh, công

bằng, khách quan, đồng thời vẫn tôn trọng nguyên tắc “độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”.

2.2.3.2. Điều kiện bảo đảm pháp lý

Pháp luật là công cụ cơ bản để tổ chức, quản lý đời sống xã hội, đồng thời tác động trực tiếp đến tổ chức, hoạt động của TAND, địa vị pháp lý của công chức Tòa án và Hội thẩm. Các quy định pháp luật phản ánh nhận thức của nhà làm luật về vị trí pháp lý, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội thẩm trong XXST VADS. Hiệu quả hoạt động của Hội thẩm trước hết phụ thuộc vào chất lượng và mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật. Một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, dễ tiếp cận, không chồng chéo, mâu thuẫn và quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội thẩm sẽ tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động XXST VADS. Ngược lại, pháp luật thiếu thống nhất, bất cập sẽ gây khó khăn cho Hội thẩm trong thực hiện nhiệm vụ, ảnh hưởng đến chất lượng xét xử.

Pháp luật là căn cứ để Tòa án xem xét, ban hành phán quyết trong giải quyết VADS. Vì vậy, hệ thống pháp luật điều chỉnh tranh chấp dân sự cần bảo đảm sự đồng bộ giữa pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng, giữa pháp luật dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan. Hệ thống này cần đáp ứng yêu cầu về tính toàn diện, đồng bộ, phù hợp, hiệu lực, hiệu quả và kỹ thuật lập pháp. Pháp luật cũng cần bảo đảm mọi chủ thể khi bị xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp đều có thể yêu cầu Tòa án bảo vệ, kể cả trường hợp chưa có quy định pháp luật cụ thể; đồng thời thủ tục tố tụng phải tạo điều kiện cho các bên tranh chấp bảo vệ quyền lợi của mình.

Ý thức pháp luật của người dân cũng ảnh hưởng đến vị trí, vai trò của Hội thẩm. Khi quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, người dân tìm đến Tòa án, Thẩm phán và Hội thẩm trên cơ sở niềm tin vào công bằng, công lý. Việc nhân dân nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng, tôn trọng và tin tưởng vào Hội thẩm tham gia xét xử sẽ góp phần củng cố nhận thức đầy đủ về địa vị pháp lý của Hội thẩm trong hoạt động tư pháp.

2.2.3.3. Điều kiện bảo đảm về kinh tế - xã hội

Bên cạnh yếu tố chính trị, điều kiện kinh tế - xã hội cũng tác động quan trọng đến tổ chức, hoạt động của Tòa án và hoạt động XXST VADS của Hội thẩm. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung vào các yếu tố trực tiếp như cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ xét xử; chế độ, chính sách đối với Hội thẩm; nguồn lực tài chính cho hoạt động tố tụng; điều kiện kinh tế và ý thức pháp luật của các chủ thể trong xã hội. Những yếu tố này ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng và hiệu quả thực hiện hoạt động xét xử.

Kinh tế - xã hội phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, trong đó có pháp luật TTDS. Nhà nước có điều kiện tốt hơn để đầu tư trụ sở Tòa án, phòng xử án, phòng làm việc của Hội thẩm, Đoàn hội thẩm, chế độ chính sách, trang thiết bị và phương tiện làm việc phục vụ hoạt động XXST VADS. Đồng thời, các thiết chế hỗ trợ tư pháp như luật sư, thừa phát lại, công chứng, trợ giúp pháp lý cũng phát triển, hỗ trợ Tòa án và Hội thẩm giải quyết VADS nhanh chóng, chính xác hơn. Khi kinh tế - xã hội ổn định, trình độ dân trí, ý thức pháp luật và điều kiện kinh tế của người dân được nâng cao, nhu cầu sử dụng Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cũng tăng lên.

Yếu tố văn hóa, truyền thống tác động đến lối sống, phong cách làm việc, đạo đức và văn hóa pháp đình của Hội thẩm. Một xã hội văn minh, có ý thức pháp luật và niềm tin vào Tòa án sẽ tạo tiền đề quan trọng để nâng cao địa vị pháp lý và hiệu quả hoạt động của Hội thẩm. Khi xã hội tin tưởng phán quyết của Tòa án là công lý, công bằng, việc kháng cáo, kiến nghị xem xét lại phán quyết có thể giảm. Do đó, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND.

2.2.3.4. Điều kiện bảo đảm về tổ chức bộ máy Tòa án

Mô hình tổ chức tư pháp ở các quốc gia khác nhau tùy thuộc vào chế độ kinh tế, thể chế chính trị, truyền thống văn hóa và hệ thống pháp luật. Có quốc gia tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử, có quốc gia tổ chức theo lãnh thổ, có quốc gia theo mô hình đa hệ thống. Mô hình tổ chức tư pháp chi phối tổ chức, hoạt động của Tòa án, đồng thời ảnh hưởng đến mô hình tố tụng, quy trình và thủ tục xét xử. Dù tổ

chức theo mô hình nào, Tòa án với tư cách cơ quan thực hiện QTP phải có tính độc lập. Hoạt động xét xử nhân danh công lý và chỉ căn cứ vào pháp luật; vì vậy, tổ chức Tòa án theo thẩm quyền xét xử là một hướng quan trọng nhằm hạn chế sự can thiệp của chính quyền địa phương vào hoạt động xét xử.

Từ mô hình tổ chức Tòa án, các quốc gia xây dựng cơ chế đại diện nhân dân tham gia xét xử nhằm bảo đảm tính khách quan, dân chủ và tăng cường tính xã hội trong thực hiện QTP. Tuy nhiên, mô hình này khác nhau giữa các quốc gia: Việt Nam, Trung Quốc áp dụng mô hình Hội thẩm; Hoa Kỳ, Australia, Hàn Quốc áp dụng mô hình Bồi thẩm đoàn; Nhật Bản, Liên bang Nga áp dụng mô hình hỗn hợp. Bồi thẩm viên hoặc Hội thẩm thường có quyền tham gia HĐXX, hỏi đương sự, người liên quan, nghị án và quyết định một số vấn đề của vụ án. Vì vậy, mô hình tư pháp có vai trò quan trọng trong việc định hướng cơ chế đại diện nhân dân tham gia xét xử, chi phối địa vị pháp lý, phạm vi quyền hạn và vai trò của họ trong quá trình tố tụng.

Trong khoa học pháp lý và thực tiễn tổ chức Tòa án, việc xác định điều kiện nào quan trọng nhất phụ thuộc vào góc nhìn tiếp cận. Quan điểm phổ biến coi điều kiện chính trị - tư tưởng là tiên quyết, vì xác định bản chất nền tư pháp, mục tiêu phục vụ và định hướng hoạt động của Tòa án. Trong khi đó, từ góc độ thực tiễn xét xử, điều kiện pháp lý được xem là xương sống của hoạt động xét xử, bởi Tòa án là cơ quan áp dụng pháp luật; nếu không có hệ thống pháp luật hoàn thiện, đồng bộ và nguyên tắc tư pháp minh bạch, Tòa án sẽ khó có căn cứ vững chắc để ra phán quyết.

Trong xu thế đổi mới và CCTP hiện nay, NCS cho rằng điều kiện bảo đảm pháp lý, gồm hệ thống pháp luật tố tụng, nguyên tắc độc lập xét xử và quy định về tranh tụng, là điều kiện quan trọng nhất. Đây là nền tảng trực tiếp tạo hành lang pháp lý, xác định quyền hạn, trách nhiệm của các chủ thể tham gia TTDS, bảo đảm việc giải quyết vụ án công bằng, khách quan và đúng pháp luật. Điều kiện chính trị - tư tưởng giữ vị trí quan trọng thứ hai, đóng vai trò định hướng và tạo sự ổn định cho hoạt động xét xử. Các điều kiện về tổ chức bộ máy và kinh tế - xã hội là nền tảng cần thiết để hiện thực hóa pháp luật, bảo đảm cho các chủ thể

tư pháp yên tâm thực hiện nhiệm vụ. Bốn nhóm điều kiện này có mối quan hệ biện chứng, hỗ trợ lẫn nhau; thiếu bất kỳ điều kiện nào, hoạt động XXST VADS của Hội thẩm cũng khó đạt hiệu quả tối ưu.

Từ các cơ sở lý luận nêu trên cho thấy, chế định Hội thẩm trong XXST VADS chứa đựng một mâu thuẫn nội tại cần được nhận diện đầy đủ. Một mặt, Hội thẩm là biểu tượng dân chủ của quyền lực tư pháp, thể hiện sự tham gia của nhân dân vào hoạt động xét xử và góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước. Mặt khác, xét xử là hoạt động áp dụng pháp luật có yêu cầu chuyên môn hóa cao, đòi hỏi năng lực phân tích quy phạm, đánh giá chứng cứ, nhận diện quan hệ pháp luật và vận dụng các nguyên tắc tố tụng. Từ đây phát sinh nghịch lý giữa “nguyên tắc ngang quyền” và “năng lực áp dụng pháp luật”: về mặt pháp lý, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử; nhưng trên thực tế, Hội thẩm thường không có điều kiện chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và thời gian tiếp cận hồ sơ tương đương Thẩm phán.

Do đó, vấn đề cốt lõi không phải là lựa chọn giữa dân chủ tư pháp và chuyên môn hóa tư pháp, mà là thiết lập cơ chế dung hòa hợp lý giữa hai yêu cầu này. Hội thẩm không thay thế Thẩm phán về năng lực pháp lý chuyên sâu, nhưng cũng không thể bị thu hẹp thành chủ thể tham dự mang tính biểu tượng. Để nguyên tắc ngang quyền được thực hiện thực chất, cần bảo đảm cơ chế lựa chọn, bồi dưỡng, phân công, nghiên cứu hồ sơ và tham gia tố tụng phù hợp với tính chất của từng loại VADS. Đây là nền tảng lý luận quan trọng để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND.

2.3. PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ SỰ THAM GIA CỦA HỘI THẨM TRONG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.3.1. Hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án của một số quốc gia trên thế giới

Trên bình diện quốc tế, cơ chế người dân tham gia xét xử VADS được tổ chức dưới nhiều hình thức, có thể khái quát thành các mô hình cơ bản: Bồi thẩm

đoàn truyền thống; HĐXX hỗn hợp gồm Thẩm phán chuyên nghiệp và Hội thẩm; HĐXX hỗn hợp với Hội thẩm chuyên gia và Thẩm phán không chuyên thuần túy [114, tr.96].

Trong mô hình Hội thẩm chuyên gia, người tham gia xét xử không được lựa chọn hoàn toàn ngẫu nhiên, mà thường là người có kinh nghiệm hoặc am hiểu lĩnh vực liên quan đến vụ án. Họ không nhất thiết là chuyên gia pháp luật, nhưng có tri thức chuyên môn giúp nhận diện, đánh giá các tình tiết đặc thù của tranh chấp. Chẳng hạn, trong vụ án có đương sự là người chưa thành niên, Hội thẩm có thể là giáo viên, giảng viên hoặc người có kinh nghiệm về giáo dục trẻ vị thành niên [135, tr.439]; trong tranh chấp lao động, sở hữu trí tuệ hoặc thương mại, Hội thẩm có thể là người có kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng. Các nước như Đức, Pháp, Na Uy, Croatia, Nhật Bản... đều sử dụng cơ chế này trong mô hình HĐXX hỗn hợp [114, tr.98]. Về ý tưởng, mô hình Hội thẩm chuyên gia có nét tương đồng với “Bồi thẩm đoàn đặc biệt” hay “Bồi thẩm đoàn ruy băng xanh” ở Hoa Kỳ trước đây, được áp dụng cho những vụ án đòi hỏi kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn nhất định [136, tr.355].

Tại Cộng hòa Pháp, Hội thẩm chuyên gia tham gia HĐXX sơ thẩm của các Tòa án chuyên biệt, thường là những người hoạt động hoặc am hiểu lĩnh vực tranh chấp. Thành phần xét xử các vụ việc thương mại do các thương nhân, chủ ngân hàng bầu ra; HĐXX các vụ kiện lao động gồm đại diện người lao động và người sử dụng lao động [101, tr.20-23]. Ở Nhật Bản, TTDS không tổ chức Bồi thẩm đoàn, nhưng có cơ chế Ủy ban hòa giải hoặc Ủy viên xét xử gần với cơ chế người dân tham gia xét xử. Khi cần thiết, Tòa án có thể lựa chọn Ủy viên xét xử là người có uy tín, hiểu biết xã hội rộng để tham gia phiên tòa và đưa ra ý kiến sau khi nghe trình bày của các bên; cơ chế này đặc biệt được áp dụng tại Tòa Giải lược, nơi giải quyết các vụ việc gắn với đời sống hằng ngày của người dân [137, tr.80].

Mô hình “Thẩm phán không chuyên thuần túy” cũng tồn tại ở cả các nước theo truyền thống dân luật và thông luật [114, tr.99]. Các Thẩm phán không chuyên là những người không được đào tạo luật chuyên nghiệp, nhưng không xét xử cùng Thẩm phán chuyên nghiệp mà tự mình quyết định toàn bộ vụ án

[113, tr.280]. Do đặc điểm này, họ chủ yếu được sử dụng tại các Tòa án cấp thấp để xét xử các vụ việc ít nghiêm trọng, có thể xét xử một mình hoặc theo hội đồng [118, tr.98-99].

Có thể thấy, truyền thống pháp luật không phải yếu tố quyết định tuyệt đối việc lựa chọn mô hình người dân tham gia xét xử. Một số nước theo truyền thống dân luật như Tây Ban Nha, Áo vẫn áp dụng mô hình Bồi thẩm đoàn tương tự Anh [113, tr.278]; trong khi Nga [111, tr.237] và Argentina [111, tr.25-26] đã chuyển từ mô hình HĐXX hỗn hợp sang mô hình Bồi thẩm đoàn kiểu Anh - Hoa Kỳ. Điều này cho thấy cách tiếp cận của mỗi quốc gia phụ thuộc vào tổng hòa nhiều yếu tố như truyền thống pháp luật, lịch sử phát triển, đặc điểm hệ thống tư pháp và yêu cầu cải cách tư pháp từng thời kỳ.

Về lịch sử, Bồi thẩm đoàn phổ biến trước hết ở các quốc gia Common law với mô hình tố tụng tranh tụng, sau đó được tiếp nhận hoặc lai ghép vào một số hệ thống tư pháp theo mô hình tố tụng thẩm vấn [73, tr.54]. Ở các nước theo truyền thống pháp luật XHCN như Liên Xô cũ, Trung Quốc, Việt Nam không tồn tại chế định Bồi thẩm đoàn theo nghĩa của luật Anh hay Hoa Kỳ. Tuy nhiên, xét về bản chất đại diện nhân dân, chế định Hội thẩm viên nhân dân trong TTDS Trung Quốc và chế định Hội thẩm ở Việt Nam có ý nghĩa tương đồng nhất định với cơ chế nhân dân tham gia xét xử.

Sự tham gia của người dân trong xét xử phản ánh các mục tiêu lập pháp khác nhau. Tại Hoa Kỳ, Bồi thẩm đoàn được xem là một bộ phận của cơ chế kiểm soát và cân bằng quyền lực, nhằm hạn chế sự lạm quyền của Nhà nước. Ở Đức, Hội thẩm góp phần bảo đảm tính minh bạch và đáng tin cậy của trình tự tư pháp. Ở Trung Quốc, Hội thẩm được nhìn nhận như cơ chế hỗ trợ chống tham nhũng và nâng cao chất lượng quyết định tư pháp. Vì vậy, nghiên cứu các mô hình này có ý nghĩa quan trọng trong việc gợi mở kinh nghiệm cho Việt Nam.

Trong phạm vi nghiên cứu so sánh, có thể lựa chọn Hoa Kỳ, Đức, Nga và Trung Quốc là các quốc gia đại diện cho những hệ thống pháp luật và mô hình tố tụng khác nhau. Hoa Kỳ tiêu biểu cho hệ thống Common law và mô hình tranh tụng; Đức đại diện cho truyền thống Civil law và mô hình tố tụng thẩm vấn, với

Bộ luật Dân sự Đức (Bürgerliches Gesetzbuch - BGB) là mẫu hình quan trọng của pháp luật châu Âu lục địa. Nga có truyền thống tố tụng thẩm vấn nhưng hiện vận hành mô hình kết hợp; Trung Quốc thuộc hệ thống pháp luật XHCN và có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về cơ chế Hội thẩm viên nhân dân. Việc nghiên cứu các mô hình này giúp nhận diện giá trị, giới hạn và khả năng vận dụng kinh nghiệm quốc tế nhằm hoàn thiện chế định Hội thẩm trong XXST VADS ở Việt Nam.

2.3.1.1. Hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Bồi thẩm đoàn tại Tòa án của Hoa Kỳ

- Vị trí, vai trò, chức năng của Bồi thẩm đoàn

Ở Hoa Kỳ, tranh chấp dân sự có thể được giải quyết bằng nhiều phương thức như hòa giải, trọng tài, tìm hiểu sự kiện trung lập, xử án thu hẹp, xét xử sơ khởi có Bồi thẩm đoàn, Tòa án chuyên biệt hoặc cơ quan hành chính. Tuy nhiên, hằng năm vẫn có nhiều tranh chấp được đưa ra Tòa án dân sự. Điều 1861 Bộ pháp điển Hoa Kỳ quy định chính sách của Hoa Kỳ là các đương sự tại Tòa án liên bang có quyền được xét xử bởi Bồi thẩm đoàn và có quyền có Đại Bồi thẩm đoàn [8, tr.338].

Trong thực tiễn, Bồi thẩm đoàn dân sự Hoa Kỳ thường là Bồi thẩm đoàn nhỏ, gồm 6-12 công dân, giữ vai trò độc lập trong việc xác định sự thật của vụ án và đưa ra phán quyết về trách nhiệm dân sự của bị đơn trên cơ sở chứng cứ, tài liệu và lập luận được trình bày tại phiên tòa. Khác với vụ án hình sự, Bồi thẩm đoàn dân sự không quyết định về tội danh mà chủ yếu quyết định trách nhiệm dân sự, mức bồi thường hoặc các vấn đề sự kiện có liên quan.

- Tiêu chuẩn làm Bồi thẩm đoàn và vấn đề lựa chọn Bồi thẩm viên

Theo khoản “b” Điều 1865 Bộ pháp điển Hoa Kỳ, một người được coi là đủ tiêu chuẩn phục vụ trong Bồi thẩm đoàn của Tòa án vùng, trừ khi: không phải là công dân Hoa Kỳ đủ 18 tuổi cư trú trong thời hạn 01 năm trong phạm vi vùng tư pháp; không thể đọc, viết, hiểu tiếng Anh ở mức độ cần thiết để hoàn thành mẫu tiêu chuẩn Bồi thẩm; không thể nói tiếng Anh; không đủ khả năng đảm nhận nhiệm vụ Bồi thẩm do tổn thương về tinh thần hoặc thể chất; đang chờ kết án

hoặc đã bị kết án tại Tòa án Tiểu bang hoặc Liên bang về tội danh có mức phạt tù trên 01 năm và các quyền dân sự chưa được phục hồi.

Tu chính án thứ bảy của Hiến pháp Hoa Kỳ, có hiệu lực ngày 15/12/1791, bảo đảm quyền được xét xử bởi Bồi thẩm đoàn trong vụ kiện dân sự tại Tòa án liên bang. Theo pháp luật Hoa Kỳ, xét xử dân sự theo thủ tục Bồi thẩm đoàn có thể gắn với Đại Bồi thẩm đoàn hoặc Tiểu Bồi thẩm đoàn. Đại Bồi thẩm đoàn thường gồm 16-23 thành viên; Tiểu Bồi thẩm đoàn truyền thống gồm 12 thành viên, nhưng trong nhiều vụ kiện dân sự hiện nay có thể chỉ gồm 6 thành viên. Trên thực tế, hầu hết Tòa án hạt liên bang sử dụng Bồi thẩm đoàn dưới 12 người trong vụ kiện dân sự; nhiều bang cũng cho phép quy mô nhỏ hơn trong một số hoặc tất cả phiên tòa dân sự.

Thành viên Bồi thẩm đoàn phải được lựa chọn ngẫu nhiên từ cộng đồng công bằng trong vùng hoặc địa phương nơi Tòa án triệu tập theo Điều 1861 Bộ pháp điển Hoa Kỳ [8, tr.338]. Mỗi Tòa án vùng có trách nhiệm chuẩn bị danh sách ứng cử viên Bồi thẩm, xây dựng kế hoạch lựa chọn Bồi thẩm, bảo đảm nguyên tắc ngẫu nhiên và đại diện công bằng theo tỷ lệ các thành phần dân cư. Việc lựa chọn được thực hiện bằng phương thức rút thăm công khai tên ứng cử viên từ bánh xe Bồi thẩm. Bồi thẩm được triệu tập bằng lệnh của Tòa án và có nghĩa vụ có mặt đúng thời gian, địa điểm; trường hợp vắng mặt không có lý do chính đáng có thể bị phạt tiền không quá 100 đô la hoặc phạt tù không quá 3 ngày, hoặc cả hai hình phạt theo Điều 1864 Bộ pháp điển Hoa Kỳ [8, tr.338].

Quá trình lựa chọn Bồi thẩm viên có thể được thẩm tra và có quyền phản đối. Pháp luật và Tu chính án thứ mười bốn của Hiến pháp Hoa Kỳ, có hiệu lực ngày 9/7/1868, bảo đảm quyền bình đẳng của đương sự, cấm loại trừ Bồi thẩm viên vì lý do chủng tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc quốc gia hoặc tình trạng kinh tế theo Điều 1862 Bộ pháp điển Hoa Kỳ [8, tr.339].

- Thẩm quyền của Bồi thẩm tại PTST dân sự

Trong PTST dân sự Hoa Kỳ, Bồi thẩm đoàn nhìn chung giữ vai trò tương đối thụ động trong diễn biến phiên tòa. Trước khi mở phiên tòa, Bồi thẩm đoàn thường không tiếp cận hồ sơ vụ án mà chủ yếu dựa vào chứng cứ, tài liệu, lời

trình bày và lập luận được công khai tại phiên tòa. Họ nghe các bên, nhất là luật sư của các bên, trình bày vụ án rồi đưa ra quyết định dựa trên chứng cứ và kết quả tranh tụng.

Hệ thống TTDS Hoa Kỳ phân định rõ giữa vấn đề sự kiện và vấn đề pháp lý. Bồi thẩm đoàn có chức năng xác định sự thật khách quan, giải quyết các tranh chấp về tính đúng đắn, chân thực của sự kiện trong vụ án. Trong khi đó, Thẩm phán chịu trách nhiệm giải thích, áp dụng pháp luật, quyết định các vấn đề pháp lý hoặc giải thích nguyên tắc pháp luật, đạo luật thành văn. Sự phân công này phản ánh đặc trưng của mô hình tranh tụng, trong đó Bồi thẩm đoàn là chủ thể đánh giá sự kiện, còn Thẩm phán là chủ thể kiểm soát pháp luật.

Sau khi kết thúc phân tranh tụng, Bồi thẩm đoàn hội ý kín tại Phòng Bồi thẩm, không có sự tham gia của Thẩm phán và không liên hệ với bên ngoài. Các thành viên thảo luận, phân tích chứng cứ, lập luận tại phiên tòa để đưa ra phán quyết cuối cùng. Phán quyết thường phải đạt sự nhất trí của các thành viên. Nếu Bồi thẩm đoàn không thống nhất được phán quyết, Thẩm phán có thể tuyên hủy phiên tòa và vụ án phải được xét xử lại với Bồi thẩm đoàn khác.

Khi đã có phán quyết, Bồi thẩm đoàn trở lại phòng xử án, chuyển phán quyết cho Thẩm phán. Thẩm phán có thể hỏi từng thành viên Bồi thẩm đoàn về sự đồng ý với phán quyết, sau đó công bố phán quyết cho các bên đương sự tại phòng xử án.

- Chế độ, chính sách của Bồi thẩm khi tham gia xét xử VADS

Bồi thẩm đoàn được hưởng phí và trợ cấp theo pháp luật Hoa Kỳ. Bồi thẩm viên được trả phí tham dự 40 đô la cho mỗi ngày thực sự có mặt tại phiên tòa hoặc phiên xử VADS. Nếu vụ án kéo dài hơn thời gian Thẩm phán sơ thẩm ấn định, Bồi thẩm đoàn được nhận thêm 10 đô la cho mỗi ngày vượt quá. Ngoài ra, Bồi thẩm còn được nhận trợ cấp đi lại; phí đường bộ, cầu, hầm, phà; phụ cấp sinh hoạt, bao gồm chi phí ăn, ở. Pháp luật Hoa Kỳ cũng bảo đảm quyền lợi lao động của Bồi thẩm viên, không cho phép sa thải, đe dọa sa thải, dọa dẫm hoặc ép buộc người lao động vì lý do thực hiện nhiệm vụ Bồi thẩm theo Điều 1871 Bộ pháp điển Hoa Kỳ.

2.3.1.2. Hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án của Đức

- Vị trí, vai trò, chức năng của Hội thẩm

Ở Đức, xét xử bởi Bồi thẩm đoàn từng tồn tại tại một số vùng do ảnh hưởng của Bộ luật Napoleon, nhưng đã bị bãi bỏ vĩnh viễn từ năm 1924 dưới thời Cộng hòa Weimar. Ngày nay, thay vì Bồi thẩm đoàn, một số Tòa án của Đức có Hội thẩm tham gia xét xử cùng Thẩm phán chuyên nghiệp và cùng quyết định một số vấn đề trong các lĩnh vực hình sự, hành chính, thương mại, tài chính, lao động và xã hội.

Đối với VADS có tính chất tranh tụng, chức năng xét xử chủ yếu thuộc về Thẩm phán chuyên nghiệp. Các vụ việc dân sự không phát sinh tố tụng được giải quyết bởi chuyên viên tư pháp, không bằng con đường Tòa án. Về thủ tục, các vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án địa phương đều do Thẩm phán chuyên nghiệp xét xử một mình [40, tr.159]. Riêng vụ việc thương mại được xét xử bởi Hội đồng gồm một Thẩm phán chuyên nghiệp và hai Hội thẩm [40, tr.160]. Tranh chấp lao động được giải quyết bởi Tòa án Lao động, một loại Tòa án có thẩm quyền chuyên biệt, với thủ tục tương tự TTDS. Điểm đặc biệt của Tòa án Lao động Đức là ở mọi cấp xét xử đều có sự hiện diện của Hội thẩm trong HĐXX [40, tr.161].

Mặc dù không được đào tạo chuyên môn pháp luật như Thẩm phán, Hội thẩm trong hệ thống Tòa án Đức vẫn có vai trò quan trọng trong việc định đoạt vụ án. Trong một số trường hợp luật định, họ bắt buộc tham gia HĐXX, cùng thảo luận và biểu quyết ngang hàng với Thẩm phán chuyên nghiệp. Tuy nhiên, ở một số Tòa án đặc thù, Hội thẩm phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn pháp lý, điển hình như Hội thẩm tại “Tòa nghề Thẩm phán liên bang” thuộc Tòa án tối cao liên bang.

Tùy từng loại Tòa án, Hội thẩm ở Đức có tên gọi khác nhau: trong Tòa hình sự là “Schöffe” tức Thẩm phán không chuyên; trong Tòa thương mại là “Handelsrichter” tức Thẩm phán thương mại; trong các Tòa khác thường gọi là “Ehrenamtlicher Richter”, tức Hội thẩm hoặc Thẩm phán danh dự. Hội thẩm xuất hiện thường xuyên hơn ở Tòa án sơ thẩm. Đối với hệ thống Tòa án Lao động và Tài chính, Hội thẩm cùng ngồi trong HĐXX với Thẩm phán chuyên nghiệp ở tất cả các cấp xét xử.

- Sự lựa chọn Hội thẩm xét xử VADS

Điểm đặc biệt của mô hình Đức là Hội thẩm được bổ nhiệm và được xem là thành viên của Tòa án. Họ ngồi trong HĐXX cùng Thẩm phán chuyên nghiệp. Việc hình thành đội ngũ Hội thẩm được thực hiện qua quy trình giới thiệu, lựa chọn tương đối chặt chẽ. Danh sách ứng cử viên thường được đề cử với số lượng gấp đôi so với nhu cầu. Trên cơ sở đó, một hội đồng gồm 01 Thẩm phán, 01 nhân viên hành chính và 10 người có uy tín do chính quyền địa phương chỉ định sẽ lựa chọn Hội thẩm từ danh sách ứng cử viên. Thông thường, Hội thẩm được các ủy ban tuyển chọn đặc biệt lựa chọn theo nhiệm kỳ bốn năm.

Các ủy ban tuyển chọn Hội thẩm thường mang tính phi chính phủ. Chẳng hạn, Thẩm phán không chuyên trong Tòa hình sự được lựa chọn tại địa phương trên cơ sở danh sách do cộng đồng địa phương lập. Hội thẩm trong Tòa án Lao động do công đoàn và tổ chức đại diện người sử dụng lao động lựa chọn. Hội thẩm trong Tòa án Xã hội là những người có kiến thức, kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên môn khác nhau, được lựa chọn bởi các tổ chức nghề nghiệp tương ứng.

Trong thực tiễn, dù Hội thẩm có thể đông hơn Thẩm phán chuyên nghiệp trong HĐXX, họ thường vẫn giữ vai trò thứ yếu trong quyết định nội dung vụ việc. Nguyên nhân chủ yếu là Hội thẩm không được đào tạo luật chuyên nghiệp. Mặt khác, càng lên cấp xét xử cao, sự hiện diện của Hội thẩm trong hệ thống Tòa án Đức càng giảm.

- Thẩm quyền của Hội thẩm

Khi tham gia HĐXX, Hội thẩm có quyền biểu quyết như Thẩm phán chuyên nghiệp và về nguyên tắc cũng có tính độc lập cao như Thẩm phán. Tuy nhiên, do không được đào tạo cơ bản về luật, trong thực tiễn họ thường giữ vai trò hỗ trợ Thẩm phán chuyên nghiệp trong quá trình xét xử.

Mục đích của việc Hội thẩm tham gia HĐXX là tăng cường công lý thông qua việc thiết lập “mối liên hệ giữa hệ thống tư pháp và người dân, và để bảo đảm rằng công lý được thực thi thông qua một cách thức dễ hiểu dễ thấy đối với mọi người” [138, tr.81]. Những vụ án có Hội thẩm tham gia thường là các vụ cần

sự góp mặt của họ để việc xét xử công bằng và toàn diện hơn [74]. Nhìn chung, Hội thẩm tự nhận thức mình là đại diện của công chúng, phản ánh quan điểm xã hội vào quá trình xét xử, đặc biệt trong các vụ hình sự hoặc hành chính. Trong các vụ việc lao động và xã hội, họ phản ánh quan điểm chung của các giới tham gia tranh tụng [40, tr.179].

2.3.1.3. Hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án của Trung Quốc

- Vị trí, vai trò, chức năng của Hội thẩm:

Tại Trung Quốc, Hội thẩm tham gia PTST, xét xử các vụ án hình sự, dân sự và hành chính. Cũng giống như các vụ án sơ thẩm về hình sự và hành chính, không phải tất cả các phiên tòa dân sự đều có Hội thẩm tham gia xét xử. Theo quy định tại Điều 17 của Luật Hội thẩm nhân dân Trung Quốc năm 2018 [8], thì nguyên đơn và bị đơn trong VADS đề nghị Hội thẩm tham gia HĐXX, TAND có thể quyết định thành lập HĐXX gồm Thẩm phán và Hội thẩm xét xử, do Thẩm phán làm chủ tọa. HĐXX có thể gồm 3 người (1 Thẩm phán và 02 Hội thẩm) và 07 người (3 Thẩm phán và 04 Hội thẩm). Các VADS sơ thẩm có một trong những tình huống sau đây do HĐXX tiến hành: (1) Liên quan đến lợi ích tập thể, lợi ích công cộng; được đông đảo quần chúng nhân dân quan tâm và có ảnh hưởng xã hội tương đối lớn; (2) Tình tiết vụ án phức tạp hoặc tình hình khác cần có sự tham gia của Hội thẩm. Đối với VADS sơ thẩm sau đây do HĐXX bao gồm 07 người (trong đó bao gồm 03 Thẩm phán và 04 Hội thẩm) thực hiện: (1) Vụ án tố tụng công ích căn cứ Luật TTDS; (2) Vụ án liên quan đến giải phóng mặt bằng, bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn thực phẩm dược phẩm, ảnh hưởng xã hội rộng lớn; (3) Những vụ án có ảnh hưởng xã hội lớn khác.

- Tiêu chuẩn và sự lựa chọn:

Công dân Trung Quốc trung thành với Hiến pháp, đủ 28 tuổi trở lên, tuân thủ kỷ luật và pháp luật, có tư cách đạo đức và công bằng, đủ sức khỏe làm việc có thể trở thành Hội thẩm. Luật pháp Trung Quốc cũng giới hạn những đối tượng không được tham gia làm Hội thẩm khi họ là người đang thi hành công vụ trong các cơ quan tư pháp, cơ quan hành chính nhà nước khác xét thấy không

phù hợp để làm Hội thẩm, người đã bị xử lý hình sự, bị khai trừ công chức, những người có vi phạm kỷ luật, pháp luật nghiêm trọng khác, có thể ảnh hưởng đến niềm tin tư pháp.

Cơ quan hành chính tư pháp cùng với Tòa án cấp cơ sở, cơ quan Công an lựa chọn ngẫu nhiên trong số cư dân thường trú tại địa phương, số lượng ứng cử viên Hội thẩm bằng 05 lần số Thẩm phán trở lên, tiến hành thẩm tra tư cách ứng cử viên, trung cầu ý kiến ứng cử viên. Việc lựa chọn Hội thẩm bằng phương pháp ngẫu nhiên trong số những người đã được thẩm tra tư cách làm Hội thẩm. Nhiệm kỳ của Hội thẩm là 05 năm, thông thường không được liên tiếp 02 nhiệm kỳ. TAND cấp cơ sở khi xét xử VADS cần có Hội thẩm tham gia HĐXX tiến hành lựa chọn ngẫu nhiên trong danh sách Hội thẩm.

- Thẩm quyền của Hội thẩm:

Theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 Luật Hội thẩm nhân dân Trung Quốc năm 2018, khi xét xử Hội thẩm có quyền ngang bằng với Thẩm phán, ngoại trừ các trường hợp được pháp luật quy định riêng. Pháp luật bảo đảm cho Hội thẩm quyền tham gia xét xử, trình bày ý kiến độc lập cũng như các điều kiện cần thiết để thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình.

Thẩm quyền của Hội thẩm khi xét xử ở HĐXX gồm 03 người và HĐXX gồm 07 người là khác nhau. Đối với HĐXX 03 người, thì Hội thẩm có quyền phát biểu ý kiến độc lập và có quyền biểu quyết khi xác định sự thật vụ án và áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, đối với HĐXX gồm 07 người, Hội thẩm chỉ có quyền phát biểu ý kiến độc lập về xác định sự thật vụ án và biểu quyết cùng với Thẩm phán; về áp dụng pháp luật có thể phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.

Hội đồng XXST VADS thực hiện theo nguyên tắc xét xử tập thể và quyết định theo đa số. Quá trình xét xử nếu Hội thẩm có ý kiến khác với thành viên khác thì ý kiến của được bảo lưu và lưu lại trong hồ sơ vụ án. Trong trường hợp ý kiến các thành viên HĐXX có sự khác biệt quan trọng, Hội thẩm có thể yêu cầu HĐXX báo cáo Chánh án quyết định đưa ra Hội đồng Thẩm phán thảo luận.

- Chế độ, chính sách của Hội thẩm:

Hội thẩm được hưởng các chế độ như: được pháp luật bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và nơi ở; được hưởng trợ cấp xét xử theo ngày

làm việc thực tế; được Tòa án chi trả các chi phí đi lại, ăn ở khi xét xử; cơ quan chủ quản không được trừ lương, biên tướng hạ thấp thu nhập, tiền thưởng và các phúc lợi khác của Hội thẩm trong thời gian tham gia xét xử; Hội thẩm được biểu dương, khen thưởng về thành tích nổi bật trong công tác xét xử.

2.3.1.4. Hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án của Liên bang Nga

- Vị trí, vai trò, chức năng của Hội thẩm

Dù cho ngày nay, Cộng hòa liên bang Nga không còn là một quốc gia XHCN, nhưng là quốc gia thừa kế vai trò, trách nhiệm của nước Cộng hòa XHCN liên bang Xô Viết (Liên Xô) trước đây với cộng đồng quốc tế, vì vậy pháp luật của Nga, đặc biệt là pháp luật TTDS, hiện nay vẫn còn mang nhiều dấu ấn của hệ thống pháp luật Xô Viết.

Theo đó, quốc gia này từng sử dụng mô hình Hội thẩm tham gia xét xử, tuy nhiên sau đó đã thay thế bằng cơ chế Bồi thẩm đoàn trong việc giải quyết một số vụ án hình sự. Trong TTDS ở Nga không có sự tham gia của Bồi thẩm đoàn. Việc xét xử các VADS theo Luật TTDS Liên bang Nga do các Thẩm phán chuyên nghiệp đảm trách. Tuy nhiên, đối với PTST xét xử vụ án kinh tế, ở Liên bang Nga vẫn duy trì chế định Hội thẩm viên thương mại tại các Tòa án thương mại. Bằng Luật liên bang về Hội thẩm thương mại của các Tòa án thương mại của các chủ thể thuộc Nga, Liên bang Nga đã đưa vào tổ tụng thương mại một thành phần xét xử không chuyên dưới hình thức “Hội thẩm viên thương mại”. Trong các vụ án kinh tế, đương sự được quyền lựa chọn phiên tòa xét xử bằng Hội đồng gồm 01 Thẩm phán và 02 Hội thẩm.

- Tiêu chuẩn và sự lựa chọn Hội thẩm:

Theo quy định của luật pháp Liên bang Nga, Hội thẩm viên thương mại là những công dân Nga từ 25 tuổi trở lên nhưng không quá 70 tuổi, có một bằng Đại học về một ngành nghề nhất định và có kinh nghiệm công tác không dưới 05 năm trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, quản lý, kinh tế hoặc hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp vụ án được chấp nhận giải quyết với sự tham gia của Hội thẩm, ứng viên Hội thẩm được quyết định từ danh sách Hội thẩm dựa theo nghề nghiệp

chuyên môn bằng cách lựa chọn ngẫu nhiên từ hệ thống thông tin tự động hoặc phương thức khác được sử dụng để thành lập HĐXX [8, tr.189-191]. Danh sách Hội thẩm do các Tòa án bang lập trên cơ sở đề xuất của hiệp hội doanh nhân, hiệp hội chuyên môn hoặc các Phòng Thương mại và Công nghiệp.

- *Thẩm quyền của Hội thẩm:*

Điều 19 Luật Tổ tụng trọng tài Liên bang Nga [139] quy định khi giải quyết vụ án kinh tế, thương mại, Hội thẩm có quyền và nghĩa vụ như Thẩm phán. Thẩm phán và Hội thẩm xem xét, quyết định tất cả vấn đề cần phải giải quyết của vụ án và ra bản án, quyết định với vai trò như nhau. Hội thẩm không được làm chủ tọa phiên tòa. Hội thẩm có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ trung thực và công bằng theo luật, không được tiết lộ bí mật nghị án và các bí mật khác trong quá trình làm nhiệm vụ xét xử.

- *Chế độ, chính sách của Hội thẩm:*

Các Hội thẩm viên thương mại được hưởng thù lao theo số ngày tham gia làm việc và mức thù lao áp dụng tại địa phương.

2.3.2. Giá trị tham khảo cho Việt Nam

Từ việc nghiên cứu các mô hình nhân dân tham gia xét xử tại một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy cơ chế này không phải là hiện tượng riêng của một hệ thống pháp luật, mà là một phương thức tổ chức QTP nhằm tăng cường dân chủ, kiểm soát quyền lực, bảo đảm tính khách quan và củng cố niềm tin xã hội đối với hoạt động xét xử. Tuy nhiên, kinh nghiệm nước ngoài cũng cho thấy không có mô hình chung có thể áp dụng nguyên dạng cho mọi quốc gia. Việc lựa chọn mô hình Bồi thẩm đoàn, Hội thẩm, Thẩm phán không chuyên hay HĐXX hỗn hợp phụ thuộc vào truyền thống pháp luật, mô hình tổ tụng, trình độ phát triển tư pháp và yêu cầu cải cách của từng nước.

Đối với Việt Nam, giá trị tham khảo *trước hết* là cần tiếp tục khẳng định sự tham gia của nhân dân trong XXST VADS như một nguyên tắc dân chủ của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa. Việc tham gia của Hội thẩm không chỉ có ý nghĩa về mặt tổ chức HĐXX, mà còn là phương thức để nhân dân giám sát QTP, bổ sung tiếng nói xã hội, kinh nghiệm đời sống và lẽ công bằng vào quá

trình giải quyết tranh chấp dân sự. Vì vậy, kinh nghiệm nước ngoài không đặt ra yêu cầu thay thế chế định Hội thẩm bằng một mô hình khác, mà gọi mở yêu cầu hoàn thiện chế định này theo hướng thực chất, hiệu quả và phù hợp hơn với điều kiện Việt Nam.

Thứ hai, cần tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm về chuyên môn hóa đội ngũ người dân tham gia xét xử. Các tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động, sở hữu trí tuệ, tài chính, ngân hàng, đầu tư xây dựng ngày càng phức tạp, đòi hỏi người tham gia xét xử không chỉ có phẩm chất, uy tín xã hội mà còn cần hiểu biết nhất định về lĩnh vực tranh chấp. Kinh nghiệm về Hội thẩm chuyên gia, Thẩm phán không chuyên trong các Tòa án chuyên biệt hoặc cơ chế lựa chọn người có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với loại vụ án cho thấy Việt Nam có thể nghiên cứu xây dựng đội ngũ Hội thẩm theo hướng vừa bảo đảm tính đại diện nhân dân, vừa tăng cường yếu tố chuyên môn, nhất là đối với những vụ án có tính kỹ thuật cao [114, tr.96], [135, tr.439].

Thứ ba, cần thiết kế cơ chế phân công Hội thẩm linh hoạt, bảo đảm hài hòa giữa tính ngẫu nhiên, khách quan và sự phù hợp với loại vụ án. Kinh nghiệm nước ngoài cho thấy, lựa chọn ngẫu nhiên giúp hạn chế sự can thiệp chủ quan, bảo đảm tính vô tư; trong khi lựa chọn theo chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng đánh giá chứng cứ và nhận thức vụ án. Vì vậy, Việt Nam có thể nghiên cứu cơ chế “phân công ngẫu nhiên có điều kiện”, tức là lựa chọn ngẫu nhiên trong nhóm Hội thẩm có kiến thức, kinh nghiệm hoặc lĩnh vực công tác phù hợp với tính chất tranh chấp. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm khách quan, vừa nâng cao hiệu quả tham gia xét xử của Hội thẩm trong các vụ án phức tạp.

Thứ tư, cần phân định hợp lý hơn giữa vai trò đánh giá sự kiện, chứng cứ với vai trò giải thích, áp dụng pháp luật. Kinh nghiệm so sánh cho thấy ở nhiều mô hình, người dân tham gia xét xử phát huy hiệu quả nhất khi đóng góp vào việc nhận diện sự thật khách quan, đánh giá bối cảnh xã hội, tập quán, động cơ giao dịch, tính hợp lý và công bằng của các tình tiết vụ án; còn Thẩm phán chuyên nghiệp giữ vai trò trung tâm trong việc giải thích, áp dụng pháp luật và bảo đảm tính chuẩn xác pháp lý của phán quyết.

Thứ năm, có thể tham khảo kinh nghiệm về việc phân định mức độ tham gia của Hội thẩm theo tính chất và mức độ phức tạp của vụ án. Đối với các VADS thông thường, Hội thẩm có thể tham gia theo cơ chế hiện hành để bảo đảm tính đại diện nhân dân và tính dân chủ trong xét xử. Đối với các vụ án có ảnh hưởng xã hội lớn, liên quan lợi ích công cộng hoặc có tính kỹ thuật chuyên sâu, có thể nghiên cứu cơ chế HĐXX có thành phần Hội thẩm phù hợp hơn về số lượng, chuyên môn hoặc phạm vi tham gia. Giá trị tham khảo ở đây không phải là thu hẹp vai trò của Hội thẩm, mà là làm cho sự tham gia của Hội thẩm đúng trọng tâm, đúng năng lực và có khả năng đóng góp thực chất vào chất lượng phán quyết.

Thứ sáu, cần hoàn thiện cơ chế bảo đảm tính độc lập, trách nhiệm và điều kiện hoạt động của Hội thẩm. Kinh nghiệm nước ngoài cho thấy người dân tham gia xét xử chỉ có thể thực hiện tốt vai trò của mình khi được bảo đảm về thời gian nghiên cứu hồ sơ, chế độ bồi dưỡng, bảo vệ vị trí công tác, bảo vệ danh dự, an toàn cá nhân, cũng như có cơ chế miễn trừ hoặc bảo vệ phù hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xét xử. Đối với Việt Nam, đây là giá trị tham khảo quan trọng nhằm khắc phục tình trạng Hội thẩm tham gia xét xử mang tính kiêm nhiệm, thiếu thời gian chuẩn bị, thiếu điều kiện vật chất và dễ phụ thuộc vào định hướng của Thẩm phán chủ tọa.

Thứ bảy, cần tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài trên cơ sở phù hợp với nền tảng chính trị - pháp lý và mô hình tổ tụng của Việt Nam. Việt Nam thuộc hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, có nguồn gốc từ truyền thống Dân luật và được điều chỉnh phù hợp với tư tưởng của học thuyết Mác - Lênin [28]. Mô hình TTDS Việt Nam về cơ bản được xây dựng trên nền tảng thủ tục xét hỏi, nhưng có tiếp thu các yếu tố của tổ tụng tranh tụng [32]. Do đó, việc tham khảo mô hình Bồi thẩm đoàn, Hội thẩm chuyên gia hoặc Thẩm phán không chuyên của các nước cần được đặt trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, không sao chép cơ học mô hình Common Law hay Civil Law, cũng không thu hẹp quá mức cơ chế nhân dân tham gia xét xử.

Từ những giá trị tham khảo nêu trên, có thể rút ra định hướng chung cho Việt Nam là: tiếp tục duy trì chế định Hội thẩm như một biểu hiện của nguyên

tắc nhân dân tham gia hoạt động tư pháp; đồng thời đổi mới theo hướng lựa chọn, bồi dưỡng, phân công và bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội thẩm một cách thực chất hơn. Trọng tâm của việc hoàn thiện là nâng cao chất lượng tham gia xét xử, bổ sung yếu tố xã hội, lẽ công bằng và sự giám sát dân chủ vào hoạt động xét xử. Đây là cơ sở quan trọng để phát huy vai trò của Hội thẩm trong XXST VADS, góp phần xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trên cơ sở phân tích các vấn đề lý luận về khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm trong XXST VADS và các điều kiện bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm tại TAND, Luận án đã làm rõ cơ chế đại diện nhân dân tham gia xét xử nói chung và trong TTDS nói riêng ở Việt Nam được kế thừa, phát triển trên nền tảng lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hội thẩm có vị trí, vai trò quan trọng trong XXST VADS, góp phần nâng cao tính dân chủ, công bằng, khách quan và đúng đắn của hoạt động xét xử; đồng thời hỗ trợ công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật trong nhân dân.

Việt Nam thuộc hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, có nguồn gốc từ truyền thống Dân luật và được điều chỉnh phù hợp với tư tưởng của học thuyết Mác - Lênin [28]. Về cơ bản, mô hình TTDS Việt Nam được xây dựng trên nền tảng thủ tục xét hỏi, nhưng có tiếp thu các yếu tố của tố tụng tranh tụng [32]. Trong mô hình đó, sự tham gia của Hội thẩm không chỉ thể hiện nguyên tắc nhân dân tham gia hoạt động tư pháp, mà còn góp phần bổ sung yếu tố xã hội, kinh nghiệm thực tiễn và lẽ công bằng vào quá trình xét xử. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy vai trò, địa vị pháp lý, điều kiện bảo đảm và mô hình Hội thẩm ở nước ta còn chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau, cần tiếp tục được xem xét từ cả phương diện quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng để có đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện hơn.

Thông qua khảo cứu mô hình nhân dân tham gia xét xử tại một số quốc gia có nền tư pháp phát triển, Luận án đã rút ra nhiều kinh nghiệm có giá trị

tham khảo đối với Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực tiễn hoạt động của Hội thẩm. Việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm về Bồi thẩm đoàn, Thẩm phán không chuyên và Hội thẩm cần đặt trong điều kiện chính trị, pháp lý, lịch sử và mô hình tổ tụng của Việt Nam, nhằm phát huy vai trò đại diện nhân dân trong xét xử VADS, đồng thời giúp Tòa án thực hiện tốt hơn QTP, đáp ứng yêu cầu xã hội và mục tiêu cải cách tư pháp hiện nay ở nước ta.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

3.1.1. Tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân

3.1.1.1. Tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân trước ngày 01/7/2025

Sự hình thành và phát triển của TAND luôn gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước. Tổ chức bộ máy Tòa án đã trải qua nhiều thay đổi, bắt đầu từ hệ thống TAND đầu tiên năm 1950, sau đó được điều chỉnh qua các Hiến pháp và LTCTAND các năm 1960, 1981, 1992, 2002, hiện nay là Hiến pháp 2013 và LTCTAND năm 2024 (sửa đổi năm 2025). Cùng với các cơ quan nhà nước khác, TAND đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

So với các luật trước đây, LTCTAND năm 2014 là đạo luật quan trọng cụ thể hóa tinh thần Hiến pháp năm 2013, thể chế hóa những quan điểm lớn, tiên bộ của Đảng và Nhà nước về xây dựng NNQP XHCN, đồng thời quán triệt các định hướng CCTP được xác định trong Nghị quyết số 49-NQ/TW, Kết luận số 79-KL/TW, Kết luận số 92-KL/TW và Thông báo số 181-TB/TW của Bộ Chính trị về tổ chức hệ thống Tòa án. Theo Luật, hệ thống Tòa án gồm: TAND tối cao; các TAND cấp cao; TAND cấp tỉnh, cấp huyện và các Tòa án quân sự. Mô hình tổ chức này được xây dựng theo hướng chuyên môn hóa, bảo đảm tính linh hoạt, tinh gọn và hiệu quả trong hoạt động xét xử.

Nghị quyết số 49-NQ/TW khẳng định: “Tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính”. Tiếp tục chủ trương này, Nghị quyết số 27-NQ/TW đã xác định độc lập tư pháp là một trong tám đặc trưng của NNQP XHCN Việt Nam: “Độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” và đây cũng là một trong ba trọng tâm Nghị quyết số 27-NQ/TW đã xác định. Thể chế hóa

kip thời nghị quyết của Đảng, LTCTAND năm 2024 quy định về hệ thống bộ máy TAND phù hợp với quan điểm của Đảng và yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Cụ thể khoản 1, Điều 4 quy định: Tổ chức của TAND bao gồm: (1) TAND tối cao; (2) TAND cấp cao; (3) TAND cấp tỉnh; (4) TAND cấp huyện; (5) các Tòa án chuyên biệt bao gồm: TAND sơ thẩm chuyên biệt hành chính, TAND sơ thẩm chuyên biệt sở hữu trí tuệ, TAND sơ thẩm chuyên biệt phá sản; và (6) hệ thống Tòa án quân sự.

Như vậy, với LTCTAND năm 2024, cơ cấu tổ chức bộ máy của TAND có thêm các Tòa án mới, đó là Tòa án sơ thẩm chuyên biệt hành chính, sở hữu trí tuệ và phá sản. Việc có thêm các TAND sơ thẩm chuyên biệt trong tổ chức bộ máy của TAND là giải pháp để thể chế hóa chủ trương được nêu tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về việc “*xây dựng Tòa án chuyên nghiệp*”, cũng như thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện tổ chức bộ máy của TAND để đáp ứng yêu cầu giải quyết các vụ án, vụ việc có tính chất đặc thù như phá sản, sở hữu trí tuệ, tư pháp người chưa thành niên... được nêu trong Nghị quyết số 755/NQ-UBTVQH15 ngày 27/3/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các quy định về Hội thẩm cũng có những bổ sung quan trọng nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập hiện nay trong tổ chức và hoạt động của Hội thẩm TAND; bảo đảm việc tham gia của Hội thẩm vào công tác xét xử là phương thức để nhân dân thực hiện QTP; đồng thời, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử. Theo đó, LTCTAND không quy định việc Tòa án quản lý Hội thẩm mà Hội thẩm được tổ chức thành Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm hoạt động theo quy chế do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

3.1.1.2. Tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân từ ngày 01/7/2025

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của LTCTAND số 81/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 24/6/2025, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025. Theo đó, từ ngày 01/7/2025, tổ chức hệ thống TAND được quy định như sau:

- *Về mô hình tổ chức*: Mô hình tổ chức hệ thống Tòa án chuyên từ mô hình 4 cấp (gồm TAND tối cao, TAND cấp cao, TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện) sang mô hình 03 cấp (gồm TAND tối cao, TAND cấp tỉnh, TAND khu vực); kết

thức hoạt động của TAND cấp cao, TAND cấp huyện. Không tổ chức TAND sơ thẩm chuyên biệt về phá sản, sở hữu trí tuệ, hành chính như một cấp Tòa án mà tổ chức thành các tòa chuyên trách tại một số TAND khu vực tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng. Thành lập Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Như vậy, tổ chức hệ thống TAND gồm: TAND tối cao, 34 TAND cấp tỉnh (trong đó có 11 TAND cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp; 23 TAND cấp tỉnh được thành lập sau sắp xếp), 355 TAND khu vực trên cơ sở cơ cấu lại 693 TAND cấp huyện; Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế.

- *Về thẩm quyền của các TAND*: Do mô hình tổ chức hệ thống Tòa án có sự thay đổi từ 04 cấp sang mô hình 03 cấp nên thẩm quyền xét xử các VADS của các TAND đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình mới, cụ thể như sau:

(1) TAND tối cao: Bổ sung thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh. Thẩm phán TAND tối cao trực tiếp tham gia xét xử; giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm theo phân công.

(2) TAND cấp tỉnh: Bổ sung nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND khu vực; thực hiện nhiệm vụ phúc thẩm vụ án, vụ việc của TAND khu vực mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

(3) TAND khu vực: Xét xử theo thủ tục sơ thẩm tất cả các vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trừ các vụ việc giải quyết đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.

- *Về Cơ cấu tổ chức của các TAND*: Để phù hợp với thẩm quyền mới được điều chỉnh, cơ cấu tổ chức của các TAND cũng có sự thay đổi đáng kể, cụ thể như sau:

(1) TAND tối cao: Thành lập 03 Tòa Phúc thẩm TAND tối cao (đặt tại thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh).

(2) TAND cấp tỉnh: Cơ cấu tổ chức của TAND cấp tỉnh gồm: Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh; các Tòa chuyên trách (Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động, Tòa Gia đình và người chưa thành niên); bộ máy giúp việc.

(3) TAND khu vực: Tổ chức bộ máy của TAND khu vực gồm: các Tòa chuyên trách (Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Kinh tế, Tòa Hành chính, Tòa Gia đình và người chưa thành niên; Tòa Phá sản, Tòa Sở hữu trí tuệ tại một số TAND khu vực); bộ máy giúp việc.

(4) Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế: Việc thành lập Tòa án chuyên biệt nhằm triển khai thi hành Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam. Việc thành lập Tòa án chuyên biệt với các quy định phù hợp điều kiện Việt Nam và thông lệ quốc tế sẽ nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp tại Trung tâm tài chính quốc tế.

- *Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm tại các TAND cấp tỉnh, TAND khu vực:* Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ bầu Hội thẩm tại khoản 1 Điều 124, khoản 1 Điều 125, khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 128 theo hướng: (1) TAND cấp tỉnh đề xuất số lượng, cơ cấu Hội thẩm của TAND cấp tỉnh và TAND khu vực để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh lựa chọn, giới thiệu người đủ tiêu chuẩn trình HĐND cấp tỉnh bầu Hội thẩm; (2) Chánh án TAND cấp tỉnh sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh đề nghị HĐND cấp tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm.

Tổ chức bộ máy Tòa án có tác động trực tiếp đến phạm vi, điều kiện và hiệu quả hoạt động XXST VADS của Hội thẩm. Việc chuyển sang mô hình TAND 03 cấp và thành lập TAND khu vực góp phần tinh gọn tổ chức, tập trung nguồn lực và nâng cao tính chuyên nghiệp trong xét xử. Tuy nhiên, mô hình mới cũng đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh đồng bộ cơ chế tổ chức Đoàn Hội thẩm, lựa chọn, bầu, phân công, bồi dưỡng và bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội thẩm.

3.1.2. Tình hình đội ngũ Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Đội ngũ Hội thẩm là bộ phận quan trọng trong cơ chế nhân dân tham gia hoạt động xét xử tại TAND. Trong XXST VADS, Hội thẩm tham gia với tư cách người tiến hành tố tụng, thành viên HĐXX, cùng Thẩm phán xem xét, đánh giá chứng cứ, làm rõ nội dung vụ án và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐXX. Vì vậy, tình hình đội ngũ Hội thẩm cần được nhận diện trên các phương diện chủ yếu như số lượng, cơ cấu, trình độ, lĩnh vực nghề nghiệp, hoạt động bồi dưỡng, chế độ chính sách, điều kiện làm việc và cơ chế tổ chức, quản lý.

Về số lượng và cơ cấu, trong nhiệm kỳ 2016-2021, toàn ngành Tòa án có 16.913 Hội thẩm; trong đó, TAND cấp tỉnh có 1.733 Hội thẩm, TAND cấp huyện có 15.140 Hội thẩm. Về giới tính, có 11.483 Hội thẩm nam, chiếm 66,38%; 5.816 Hội thẩm nữ, chiếm 33,62%. Về dân tộc, có 2.191 Hội thẩm là người dân tộc thiểu số, chiếm 12,67%. Về thành phần, có 14.390 Hội thẩm là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác, chiếm 83,2%; 2.901 Hội thẩm là cán bộ hưu trí, chiếm 16,77%; 08 Hội thẩm là người dân, chưa từng tham gia cơ quan, tổ chức, đoàn thể, chiếm 0,03%. Về trình độ, phần lớn Hội thẩm có trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học, chiếm trên 70%, có nơi đạt từ trên 90% đến 100% như Bạc Liêu, Lâm Đồng, Lào Cai, Tây Ninh; trong đó, 4.560 Hội thẩm có trình độ chuyên môn pháp lý từ trung cấp trở lên, chiếm 26,36% [79].

Trong nhiệm kỳ 2021-2026, số lượng Hội thẩm TAND các cấp là 16.833 người; trong đó có 10.591 nam, chiếm 62,91%; 6.242 nữ, chiếm 37,08%; 2.124 Hội thẩm là người dân tộc thiểu số, chiếm 12,62%; 4.306 Hội thẩm có trình độ chuyên môn pháp lý, chiếm 25,58%; 13.130 Hội thẩm là cán bộ đương chức, chiếm 78%; 8.753 Hội thẩm được tái cử, chiếm 52% [80, tr.8], [100, tr.6]. Các số liệu này phản ánh tình hình đội ngũ Hội thẩm trong hai nhiệm kỳ gần đây, đồng thời cho thấy cơ cấu đội ngũ Hội thẩm được hình thành từ nhiều nhóm chủ thể khác nhau trong xã hội, bao gồm cán bộ đương chức, cán bộ hưu trí, người có trình độ chuyên môn pháp lý, người dân tộc thiểu số và các nhóm đại diện khác.

Về thành phần nghề nghiệp, đội ngũ Hội thẩm chủ yếu được lựa chọn từ những người đang hoặc đã công tác trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và một số chủ thể khác đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật. Trong đó, một bộ phận Hội thẩm có nền tảng kiến thức pháp luật hoặc từng công tác trong lĩnh vực pháp luật; một bộ phận khác có kinh nghiệm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giáo dục, đoàn thể, lao động, kinh tế, văn hóa, xã hội hoặc hoạt động thực tiễn tại địa phương. Cơ cấu này thể hiện đặc điểm của chế định

Hội thẩm ở Việt Nam là kết hợp giữa yếu tố đại diện nhân dân với yêu cầu tham gia thực hiện QTP trong HĐXX.

Về trình độ chuyên môn, số liệu các nhiệm kỳ cho thấy đội ngũ Hội thẩm có sự phân hóa về nền tảng đào tạo và lĩnh vực chuyên môn. Một số Hội thẩm có trình độ chuyên môn pháp lý, có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp cận quy định pháp luật, nghiên cứu hồ sơ và nhận diện vấn đề pháp lý của vụ án. Bên cạnh đó, phần lớn Hội thẩm không hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực xét xử, mà tham gia với tư cách kiêm nhiệm, đại diện cho các nhóm xã hội, nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tiễn khác nhau. Đặc điểm này cần được đặt trong mối liên hệ với bản chất đại diện nhân dân của chế định Hội thẩm và yêu cầu bảo đảm chất lượng XXST VADS.

Về công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, TAND tối cao và TAND cấp tỉnh đã tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng xét xử, cập nhật văn bản pháp luật mới và trao đổi kinh nghiệm thực tiễn cho Hội thẩm. Hằng năm, các TAND cấp tỉnh thường tổ chức từ 01 đến 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho Hội thẩm bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc thông qua các phiên tòa rút kinh nghiệm. Nội dung bồi dưỡng tập trung vào vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm; nguyên tắc xét xử; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ; kỹ năng tham gia phiên tòa; kỹ năng xét hỏi, đánh giá chứng cứ, nghị án và biểu quyết [81]. Đây là một nội dung gắn với yêu cầu bảo đảm để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử theo quy định của pháp luật.

Về chế độ, chính sách, trước đây theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ, mức chi bồi dưỡng cho Hội thẩm là 90.000 đồng/người/ngày. Hiện nay, theo Pháp lệnh về chi phí tố tụng năm 2024, Hội thẩm được hưởng phụ cấp xét xử 900.000 đồng/người/ngày. Ngoài ra, trong thực tiễn, một số Đoàn Hội thẩm và Hội thẩm còn được chính quyền địa phương hỗ trợ thêm; được cấp trang phục, Giấy chứng minh Hội thẩm và được bố trí điều kiện làm việc tại Tòa án. Công văn số 10569/BTC-QLCS ngày 01/9/2020 của Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc của TAND cấp

ting, TAND cấp huyện có bố trí phòng riêng diện tích 20 m² dành cho Hội thẩm khi làm việc tại Tòa án.

Về tổ chức và quản lý, Hội thẩm chịu sự quản lý, giám sát của nhiều chủ thể, bao gồm TAND, Đoàn Hội thẩm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, HĐND địa phương, cơ quan, tổ chức nơi Hội thẩm công tác và cộng đồng nơi cư trú. Việc tổ chức Hội thẩm thành các Đoàn Hội thẩm tạo cơ sở cho việc phối hợp giữa Tòa án với Hội thẩm, giữa các Hội thẩm với nhau trong quá trình tham gia xét xử, trao đổi kinh nghiệm và thực hiện nhiệm vụ theo phân công. Trước ngày 01/7/2025, cả nước có 63 Đoàn Hội thẩm ở Tòa án cấp tỉnh và 682 Đoàn Hội thẩm ở cấp huyện [100, tr.9]. Các quy định về lựa chọn, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quản lý Hội thẩm là cơ sở pháp lý để hình thành, duy trì và kiện toàn đội ngũ Hội thẩm trong từng nhiệm kỳ.

Về điều kiện làm việc, khi tham gia XXST VADS, Hội thẩm cần có điều kiện tiếp cận, nghiên cứu hồ sơ, tham gia phiên tòa, thảo luận, nghị án và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật. Kết quả khảo sát cho thấy, khi được hỏi về “Điều kiện làm việc của Hội thẩm khi được phân công tham gia xét xử VADS tại Tòa án”, có 50,5% ý kiến cho rằng Hội thẩm “được bố trí ngồi chung với cán bộ Tòa án”, 27% trả lời “không có chỗ ngồi bảo đảm để nghiên cứu hồ sơ” [PL3, Biểu đồ số 15]. Các dữ liệu này phản ánh một khía cạnh thực tế về điều kiện làm việc của Hội thẩm khi tham gia xét xử tại Tòa án, là cơ sở để tiếp tục phân tích sâu hơn trong các mục đánh giá thực trạng hoạt động xét xử của Hội thẩm.

Về nhận thức của các chủ thể liên quan đối với vai trò của Hội thẩm, kết quả khảo sát cho thấy, khi được hỏi về “sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS hiện nay tại TAND ở Việt Nam”, có 56% chuyên gia cho rằng sự tham gia này là “cần thiết” [PL3, Biểu đồ số 7]. Kết quả phỏng vấn trực tiếp 10 chuyên gia từ ngày 16/10/2025 đến ngày 16/11/2025, gồm Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Luật sư, đương sự và chuyên gia chính sách về Hội thẩm, cho thấy có 70% ý kiến đánh giá vai trò đại diện nhân dân của Hội thẩm trong XXST VADS là “góp phần quan trọng bảo đảm tính đúng đắn của

bản án” [PL4, Bảng số 01]. Bên cạnh đó, khi trả lời câu hỏi “công tác quản lý Hội thẩm hiện nay có hợp lý?”, có 68% cho rằng “không hợp lý”, 29% cho rằng “hợp lý” và 03% có “ý kiến khác” [PL3, Biểu đồ số 16]; kết quả phỏng vấn chuyên gia cũng cho thấy có 78% ý kiến cho rằng việc quản lý Hội thẩm hiện nay ở Việt Nam là “không hợp lý”, 11% cho rằng “hợp lý” và 11% có ý kiến khác [PL4, Bảng 9]. Các kết quả khảo sát, phỏng vấn này cung cấp thông tin thực nghiệm để nhận diện tình hình tổ chức, quản lý và nhận thức xã hội về vai trò của Hội thẩm trong XXST VADS.

Từ các số liệu và thông tin nêu trên, có thể khái quát rằng tình hình đội ngũ Hội thẩm tham gia XXST VADS cần được nhận diện trên các phương diện: số lượng, cơ cấu, trình độ, thành phần nghề nghiệp, hoạt động bồi dưỡng, chế độ chính sách, điều kiện làm việc, cơ chế tổ chức, quản lý và nhận thức của các chủ thể liên quan. Việc mô tả các phương diện này là cơ sở để luận án tiếp tục phân tích sâu hơn ở các mục sau về thực trạng pháp luật, thực tiễn thi hành pháp luật, mức độ tham gia thực chất của Hội thẩm trong XXST VADS và các nguyên nhân tác động đến hiệu quả hoạt động của Hội thẩm tại TAND.

Tóm lại, tình hình đội ngũ Hội thẩm là một trong những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và mức độ tham gia thực chất của Hội thẩm trong XXST VADS. Số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xã hội, điều kiện làm việc, chế độ chính sách và cơ chế tổ chức, quản lý Hội thẩm đều tác động đến khả năng nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét hỏi, đánh giá chứng cứ, nghị án và biểu quyết của Hội thẩm. Vì vậy, việc nhận diện đầy đủ tình hình đội ngũ Hội thẩm là cơ sở quan trọng để tiếp tục phân tích thực trạng hoạt động xét xử của Hội thẩm, cũng như đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện vai trò đại diện nhân dân trong hoạt động tư pháp dân sự.

3.2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thực trạng pháp luật về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm cần được tiếp cận không chỉ như sự liệt kê các quy định tổ tụng hiện hành, mà còn như sự

thể hiện cách thức Nhà nước tổ chức, phân bổ và kiểm soát quyền lực xét xử trong HĐXX sơ thẩm. Trong đó, các quy định về sự tham gia của Hội thẩm, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở từng thời điểm tổ tụng phản ánh mức độ hiện thực hóa nguyên tắc nhân dân tham gia xét xử, nguyên tắc xét xử tập thể, nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, cũng như nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi quyết định vụ án.

Vì vậy, việc phân tích thực trạng pháp luật theo các nhóm quyền năng của Hội thẩm trong quá trình XXST VADS không nhằm mô tả kỹ thuật tổ tụng thuần túy, mà nhằm làm rõ sự vận động của quyền lực xét xử: từ quyền tiếp cận thông tin trước phiên tòa, quyền tham gia kiểm soát điều kiện hợp pháp của phiên tòa, quyền tham gia kiểm chứng chứng cứ và tranh tụng công khai, đến quyền nghị án, biểu quyết và chịu trách nhiệm đối với bản án. Cách tiếp cận này giúp nhận diện rõ hơn khoảng cách giữa địa vị pháp lý ngang quyền của Hội thẩm với khả năng thực hiện quyền năng đó trên thực tế pháp luật.

3.2.1. Sự tham gia của Hội thẩm trong xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Nguyên tắc XXST VADS của Tòa án có Hội thẩm tham gia là một trong những nguyên tắc cơ bản của TTDS Việt Nam, được ghi nhận tại Điều 103 Hiến pháp năm 2013 và cụ thể hóa tại Điều 11 của BLTTDS năm 2015. Theo đó, việc XXST VADS có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn; khi biểu quyết về quyết định giải quyết vụ án, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán. Quy định này thể hiện tư tưởng nhất quán về việc nhân dân tham gia hoạt động tư pháp, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để kiểm soát quyền lực xét xử ngay trong nội bộ HĐXX.

Xét dưới góc độ lý luận về tổ chức quyền lực tư pháp, sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS không chỉ là yêu cầu về thành phần HĐXX, mà còn là phương thức để nhân dân tham gia trực tiếp vào quá trình thực hiện QTP. Với tư cách thành viên HĐXX, Hội thẩm không đứng ngoài để giám sát hoạt động xét xử, mà cùng Thẩm phán tham gia xem xét, đánh giá chứng cứ, thảo luận và quyết định vụ án theo nguyên tắc độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Vì vậy, sự

tham gia của Hội thẩm góp phần dân chủ hóa hoạt động xét xử, bổ sung kinh nghiệm xã hội, lẽ công bằng và nhận thức đời sống vào quá trình hình thành phán quyết; đồng thời tạo cơ chế kiểm soát quyền lực xét xử từ bên trong HĐXX, hạn chế việc quyền quyết định vụ án tập trung tuyệt đối vào Thẩm phán chuyên nghiệp.

Về thành phần HĐXX, Điều 63 của BLTTDS năm 2015 quy định Hội đồng XXST VADS theo thủ tục thông thường gồm một Thẩm phán và hai Hội thẩm; trong trường hợp đặc biệt có thể gồm hai Thẩm phán và ba Hội thẩm. Cơ cấu này cho thấy Hội thẩm chiếm đa số trong thành phần HĐXX sơ thẩm, qua đó thể hiện rõ tư tưởng đề cao sự tham gia của nhân dân trong hoạt động xét xử. Cùng với nguyên tắc biểu quyết theo đa số và nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi quyết định vụ án, pháp luật đã thiết lập cơ chế đề tiếng nói của Hội thẩm không chỉ mang ý nghĩa đại diện hình thức, mà còn có khả năng tác động trực tiếp đến nội dung phán quyết.

Sự tham gia của Hội thẩm trong HĐXX còn góp phần hình thành cơ chế kiểm soát quyền lực trong nội bộ hoạt động xét xử. Trong XXST VADS, Thẩm phán là người có chuyên môn pháp lý và giữ vai trò chủ đạo trong tổ chức, điều hành tố tụng. Tuy nhiên, việc quyết định nội dung giải quyết vụ án phải được thực hiện bởi HĐXX tập thể, trong đó Hội thẩm có quyền biểu quyết ngang với Thẩm phán. Cơ chế này buộc quá trình đánh giá chứng cứ, xác định sự thật khách quan và áp dụng pháp luật phải được đặt trong sự thảo luận tập thể, qua đó hạn chế nguy cơ chủ quan, áp đặt hoặc khép kín trong hoạt động xét xử.

Nhìn từ phương diện vận động của quyền lực tư pháp, pháp luật Việt Nam đã thiết lập cơ chế phân quyền nội bộ trong HĐXX sơ thẩm. Thẩm phán giữ vai trò trung tâm về chuyên môn và điều hành tố tụng, nhưng không độc quyền quyết định nội dung vụ án; Hội thẩm là chủ thể tham gia quyết định với địa vị pháp lý ngang quyền. Sự kết hợp này tạo nên cấu trúc quyền lực kép: quyền lực chuyên môn của Thẩm phán và quyền lực đại diện xã hội của Hội thẩm cùng tham gia vào quá trình hình thành bản án.

Tuy nhiên, quy định pháp luật về sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS cũng đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện. Trước hết, việc áp dụng nguyên tắc Hội thẩm tham gia xét xử còn mang tính tương đối cứng nhắc, chưa phân hóa đầy đủ theo tính chất, mức độ phức tạp của từng loại vụ án. Ngoài trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn, về cơ bản mọi VADS sơ thẩm theo thủ tục thông thường đều phải có Hội thẩm tham gia. Cách thiết kế này bảo đảm tính dân chủ về mặt nguyên tắc, nhưng chưa tính đầy đủ đến sự phân hóa ngày càng sâu sắc của các tranh chấp dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động, sở hữu trí tuệ, tín dụng, ngân hàng hoặc tranh chấp có yếu tố kỹ thuật, tài chính phức tạp.

Bên cạnh đó, pháp luật chưa thiết lập rõ cơ chế lựa chọn, phân công Hội thẩm phù hợp với nội dung tranh chấp. BLTTDS và các quy định liên quan mới xác lập nguyên tắc chung về sự tham gia của Hội thẩm, nhưng chưa đặt ra cơ chế bảo đảm sự tương thích giữa kinh nghiệm xã hội, chuyên môn nghề nghiệp của Hội thẩm với tính chất vụ án được phân công xét xử. Chưa có quy định đủ rõ về việc phân loại Hội thẩm theo lĩnh vực hiểu biết, kinh nghiệm nghề nghiệp hoặc chuyên môn xã hội để phục vụ phân công xét xử. Điều này làm giảm khả năng phát huy lợi thế đặc thù của Hội thẩm, nhất là trong các tranh chấp cần hiểu biết thực tiễn chuyên ngành.

Ngoài ra, thủ tục tố tụng rút gọn tuy là ngoại lệ hợp lý đối với nguyên tắc xét xử có Hội thẩm tham gia, nhưng phạm vi áp dụng còn hẹp. BLTTDS năm 2015 chỉ loại trừ Hội thẩm trong trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn; trong khi đó, các điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn được quy định khá chặt chẽ, như vụ án phải có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, chứng cứ đầy đủ, đương sự có địa chỉ rõ ràng và không thuộc các trường hợp luật định khác. Vì vậy, vẫn có những vụ án có tính chất đơn giản nhưng không đáp ứng đầy đủ điều kiện luật định nên phải giải quyết theo thủ tục thông thường có Hội thẩm tham gia.

Một vấn đề khác là pháp luật chưa tạo được sự liên thông đầy đủ giữa nguyên tắc Hội thẩm tham gia xét xử và các điều kiện bảo đảm thực hiện nguyên tắc này. Nguyên tắc Hội thẩm tham gia xét xử chỉ có ý nghĩa thực chất khi đi

kèm với các điều kiện bảo đảm về thời gian nghiên cứu hồ sơ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, cơ chế phân công phù hợp, chế độ đãi ngộ và trách nhiệm tương ứng. Tuy nhiên, hệ thống quy định hiện hành còn thiên về ghi nhận sự hiện diện của Hội thẩm trong HĐXX, trong khi các thiết chế bảo đảm để Hội thẩm thực hiện vai trò độc lập, ngang quyền và có đóng góp thực chất vẫn chưa đầy đủ.

Các vấn đề nêu trên cho thấy yêu cầu đặt ra không phải là có hay không có Hội thẩm trong HĐXX, mà là pháp luật đã tạo lập được đến đâu các điều kiện để quyền lực đại diện nhân dân của Hội thẩm vận hành thực chất. Nếu sự tham gia của Hội thẩm chỉ được bảo đảm về mặt thành phần nhưng chưa gắn với cơ chế lựa chọn, phân công, cung cấp thông tin và hỗ trợ chuyên môn phù hợp, thì nguyên tắc dân chủ tư pháp có nguy cơ dừng lại ở tầng nấc hình thức. Đây chính là điểm giao thoa giữa yêu cầu kỹ thuật tố tụng và yêu cầu lý luận về kiểm soát quyền lực tư pháp trong NNQP XHCN.

Như vậy, pháp luật hiện hành đã ghi nhận tương đối rõ nguyên tắc XXST VADS có Hội thẩm tham gia, xác lập cơ cấu HĐXX có đa số là Hội thẩm và bảo đảm quyền biểu quyết ngang quyền giữa Hội thẩm với Thẩm phán. Tuy nhiên, để nguyên tắc này vận hành thực chất, pháp luật cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng phân hóa hợp lý theo tính chất vụ án, thiết lập cơ chế phân công Hội thẩm phù hợp với lĩnh vực tranh chấp, đồng thời bảo đảm các điều kiện cần thiết để Hội thẩm thực hiện đầy đủ vai trò đại diện nhân dân trong hoạt động XXST VADS.

3.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm khi tham gia xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm khi tham gia XXST VADS là nội dung thể hiện cụ thể nhất địa vị pháp lý của Hội thẩm trong HĐXX. Nếu nguyên tắc Hội thẩm tham gia xét xử xác lập sự hiện diện của nhân dân trong QTP, thì các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể quyết định mức độ tham gia đó là thực chất hay hình thức. Vì vậy, việc phân tích nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm cần được đặt trong mối quan hệ với bốn vấn đề cốt lõi: khả năng tiếp cận thông tin, khả năng kiểm soát quá trình tố tụng, khả năng tham gia vào tranh tụng và khả năng tác động đến nội dung phán quyết.

Từ góc độ vận động của quyền lực xét xử, quyền năng của Hội thẩm phát triển theo một tiến trình logic: trước phiên tòa là quyền tiếp cận và hình thành nhận thức độc lập; khi bắt đầu phiên tòa là quyền kiểm soát điều kiện hợp pháp và phạm vi xét xử; trong tranh tụng là quyền kiểm chứng chứng cứ, tham gia đối thoại tư pháp; khi nghị án và tuyên án là quyền quyết định số phận pháp lý của vụ án thông qua biểu quyết. Cấu trúc này cho phép đánh giá không chỉ “Hội thẩm được làm gì”, mà quan trọng hơn là “quyền lực của Hội thẩm được pháp luật bảo đảm đến mức nào trong từng khâu hình thành bản án sơ thẩm”.

3.2.2.1. Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa

Giai đoạn trước khi mở phiên tòa có ý nghĩa đặc biệt đối với việc hình thành tính độc lập thực chất của Hội thẩm. Đây là thời điểm Hội thẩm chuyển từ địa vị pháp lý được phân công tham gia HĐXX sang quá trình nhận thức vụ án bằng việc tiếp cận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ và các vấn đề cần giải quyết. Nếu không có điều kiện tiếp cận thông tin đầy đủ, nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi nghị án sẽ thiếu nền tảng thực chất, bởi sự ngang quyền trong biểu quyết phải được chuẩn bị từ sự tương đối bình đẳng trong nhận thức và tiếp cận thông tin.

Pháp luật hiện hành không thiết kế một chương, mục riêng về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa, mà quy định rải rác trong các nguyên tắc chung về xét xử có Hội thẩm tham gia, quyền hạn của người tiến hành tố tụng và thủ tục chuẩn bị xét xử. Có thể khái quát thành hai nhóm nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, Hội thẩm có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa. Đây là nghĩa vụ tố tụng có ý nghĩa nền tảng, bởi Hội thẩm chỉ có thể tham gia xét xử độc lập, ngang quyền với Thẩm phán khi đã tiếp cận, nắm bắt tài liệu, chứng cứ và các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Việc nghiên cứu hồ sơ giúp Hội thẩm xác định yêu cầu của đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, chứng cứ đã được thu thập, những tình tiết còn mâu thuẫn và các vấn đề cần làm rõ tại phiên tòa. Nếu không có hoạt động này, sự tham gia của Hội thẩm tại

phiên tòa dễ trở thành hình thức, phụ thuộc vào sự tóm tắt, định hướng hoặc nhận định ban đầu của Thẩm phán chủ tọa. Hiến pháp năm 2013 tại khoản 1 Điều 103 và BLTTDS năm 2015 tại Điều 11 ghi nhận nguyên tắc XXST VADS có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn, đồng thời đặt Hội thẩm trong vị trí thành viên HĐXX có quyền biểu quyết ngang với Thẩm phán khi quyết định vụ án.

Thứ hai, Hội thẩm có quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thực hiện các hoạt động tố tụng cần thiết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 BLTTDS năm 2015, sau khi nghiên cứu hồ sơ, nếu phát hiện vụ án còn thiếu chứng cứ, cần triệu tập thêm người tham gia tố tụng, cần làm rõ tư cách đương sự, cần áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc cần thực hiện hoạt động tố tụng khác để bảo đảm việc xét xử khách quan, toàn diện, Hội thẩm có quyền đề nghị chủ thể có thẩm quyền xem xét, xử lý. Quyền này cho thấy Hội thẩm không chỉ là người đến phiên tòa để biểu quyết, mà có thể tham gia từ khâu chuẩn bị cuối cùng nhằm kiểm soát chất lượng hồ sơ trước khi vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Về bản chất pháp lý, nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ và quyền đề nghị thực hiện hoạt động tố tụng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Nghiên cứu hồ sơ là tiền đề để Hội thẩm phát hiện vấn đề; quyền đề nghị là công cụ để Hội thẩm chuyển hóa nhận thức đó thành tác động tố tụng cụ thể. Nếu chỉ quy định Hội thẩm phải nghiên cứu hồ sơ mà không có quyền đề nghị thì hoạt động nghiên cứu dễ dừng lại ở việc tiếp nhận thông tin thụ động. Ngược lại, nếu có quyền đề nghị nhưng không nghiên cứu hồ sơ đầy đủ thì quyền này khó được thực hiện có căn cứ.

Như vậy, ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa, quyền năng của Hội thẩm không chỉ có ý nghĩa chuẩn bị về mặt thủ tục, mà còn là cơ chế chống lại tình trạng bất bình đẳng thông tin giữa Hội thẩm và Thẩm phán. Trong cấu trúc quyền lực của HĐXX, Thẩm phán là người trực tiếp thụ lý, thu thập, quản lý hồ sơ và điều hành quá trình chuẩn bị xét xử; còn Hội thẩm chỉ tham gia từ thời điểm vụ án được đưa ra xét xử. Vì vậy, pháp luật về nghiên cứu hồ sơ và quyền

đề nghị của Hội thẩm chính là công cụ nhằm thu hẹp khoảng cách thông tin, tạo tiền đề cho sự độc lập và ngang quyền khi xét xử.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quy định hiện hành về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa vẫn còn một số hạn chế như sau:

Một là, pháp luật chưa quy định cụ thể thời điểm và thời hạn giao hồ sơ cho Hội thẩm nghiên cứu. BLTTDS năm 2015 xác định nghiên cứu hồ sơ là nhiệm vụ của Hội thẩm; đồng thời, có quan điểm cho rằng đây còn là một “quyền” tố tụng của Hội thẩm trong tố tụng nói chung và TTDS nói riêng [35, tr.87]. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định thời điểm Thẩm phán phải giao hồ sơ, cũng như thời gian tối thiểu để Hội thẩm nghiên cứu trước khi mở phiên tòa. Mặc dù Điều 203 của BLTTDS năm 2015 quy định thời hạn mở phiên tòa là một tháng kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, có thể gia hạn thêm một tháng, nhưng không phân bổ cụ thể thời gian cho hoạt động nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm. Khoảng trống này khiến quyền nghiên cứu hồ sơ chưa được bảo đảm bằng cơ chế thời gian rõ ràng, phụ thuộc nhiều vào sự chủ động của Thẩm phán và điều kiện tổ chức của từng Tòa án.

Hai là, quyền đề nghị của Hội thẩm chưa có cơ chế bảo đảm hiệu lực thực tế. Pháp luật trao cho Hội thẩm quyền đề nghị Chánh án hoặc Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thực hiện hoạt động tố tụng cần thiết, nhưng chưa quy định nghĩa vụ tiếp nhận, xem xét, trả lời đề nghị; chưa xác định thời hạn, hình thức trả lời, trách nhiệm giải trình khi không chấp nhận đề nghị hoặc cơ chế xử lý bất đồng giữa Hội thẩm và Thẩm phán. Vì vậy, quyền đề nghị của Hội thẩm trong nhiều trường hợp chỉ mang tính tham khảo, chưa trở thành công cụ kiểm soát thực chất trong nội bộ HĐXX.

Ba là, mô hình tố tụng hiện hành còn thiếu tính liên tục trong sự tham gia của Hội thẩm. Theo quy định của BLTTDS, Hội thẩm tham gia xét xử từ thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong khi nhiều vấn đề quan trọng của vụ án đã hình thành từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Việc chỉ tiếp cận vụ án ở

giai đoạn sau khiến Hội thẩm chủ yếu nhận biết vụ án qua hồ sơ do Thẩm phán hình thành, hạn chế khả năng nắm bắt trực tiếp thái độ tố tụng, thiện chí hợp tác và mâu thuẫn thực tế giữa các đương sự.

Bốn là, pháp luật chưa bảo đảm đầy đủ điều kiện thực tế để Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ. Phần lớn Hội thẩm hoạt động kiêm nhiệm, trong khi hồ sơ vụ án thường được nghiên cứu tại trụ sở Tòa án và cần được quản lý chặt chẽ. Tuy nhiên, pháp luật tố tụng chưa có sự kết nối đầy đủ với pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức hoặc pháp luật lao động để bảo đảm quỹ thời gian cần thiết cho Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ. Điều này khiến việc nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm phụ thuộc nhiều vào cơ quan, đơn vị công tác chính, lịch làm việc cá nhân và điều kiện tổ chức của Tòa án.

Năm là, pháp luật chưa quy định rõ hình thức ghi nhận kết quả nghiên cứu hồ sơ và ý kiến của Hội thẩm trước phiên tòa. BLTTDS ghi nhận nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ và quyền đề nghị của Hội thẩm, nhưng chưa quy định việc lập phiếu nghiên cứu, ghi chú vấn đề cần hỏi, kiến nghị bổ sung chứng cứ hoặc xác nhận việc đã nghiên cứu hồ sơ. Việc thiếu cơ chế ghi nhận này làm cho hoạt động nghiên cứu hồ sơ khó được kiểm tra, đánh giá và chưa tạo cơ sở rõ ràng để xác định trách nhiệm của Hội thẩm khi tham gia xét xử.

Các hạn chế nêu trên cho thấy bất bình đẳng thông tin là vấn đề pháp lý trung tâm trong giai đoạn trước khi mở phiên tòa. Về hình thức, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử; nhưng về điều kiện nhận thức, Hội thẩm thường tiếp cận hồ sơ muộn hơn, ít thời gian hơn và phụ thuộc nhiều hơn vào hồ sơ do Thẩm phán chuẩn bị. Nếu pháp luật không thiết kế cơ chế giao hồ sơ, ghi nhận ý kiến, tiếp nhận đề nghị và bảo đảm thời gian nghiên cứu rõ ràng, thì quyền ngang quyền của Hội thẩm có nguy cơ bị thu hẹp ngay từ điểm khởi đầu của quá trình xét xử.

Những bất cập trên xuất phát từ ba nguyên nhân chủ yếu như sau: kỹ thuật lập pháp mới dừng ở việc xác lập nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở mức nguyên tắc, chưa thiết kế đầy đủ cơ chế bảo đảm như thời hạn giao hồ sơ, trình tự đề nghị, nghĩa vụ phản hồi, cơ chế ghi nhận ý kiến và trách nhiệm giải trình;

mô hình chuẩn bị xét xử dân sự vẫn tập trung chủ yếu vào Thẩm phán; Hội thẩm chỉ tham gia ở giai đoạn sau nên thiếu sự liên thông với toàn bộ quá trình hình thành hồ sơ; đặc thù nhiệm vụ của Hội thẩm chưa được xử lý đồng bộ bằng các quy định về thời gian, chế độ hỗ trợ và trách nhiệm của cơ quan nơi Hội thẩm công tác. Vì vậy, nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ tuy đã được luật ghi nhận nhưng chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ trong thực tế.

3.2.2.2. Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa

Pháp luật TTDS hiện quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa thông qua thẩm quyền chung của HĐXX và sự phân công vai trò giữa Chủ tọa phiên tòa với các thành viên HĐXX. Theo đó, Chủ tọa phiên tòa là người điều hành các hoạt động mang tính thủ tục, còn HĐXX, trong đó có Hội thẩm, quyết định những vấn đề có ảnh hưởng đến điều kiện tiến hành phiên tòa, phạm vi xét xử và quyền tố tụng của đương sự. Từ các quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương XIV của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), có thể khái quát nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn này như sau:

Giai đoạn bắt đầu phiên tòa là thời điểm quyền lực xét xử chuyển từ trạng thái chuẩn bị sang trạng thái công khai trước xã hội và các đương sự. Ở giai đoạn này, vấn đề cốt lõi không phải là nghi thức khai mạc phiên tòa, mà là việc HĐXX kiểm soát các điều kiện hợp pháp để QTP được vận hành đúng trình tự, đúng thành phần, đúng phạm vi và bảo đảm quyền tố tụng của các bên. Do đó, vai trò của Hội thẩm cần được nhìn nhận như một thành tố của cơ chế kiểm soát quyền lực trong HĐXX, chứ không chỉ là chủ thể có mặt tại phiên tòa.

Thứ nhất, Hội thẩm có nghĩa vụ tham gia kiểm soát tính hợp pháp của thủ tục bắt đầu phiên tòa. Mặc dù các hoạt động khai mạc phiên tòa, kiểm tra sự có mặt, căn cước, tư cách tham gia tố tụng, phổ biến quyền và nghĩa vụ tố tụng do Chủ tọa phiên tòa trực tiếp thực hiện, nhưng Hội thẩm với tư cách thành viên HĐXX có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ trình tự tố tụng, kịp thời phát hiện thiếu sót có thể ảnh hưởng đến tính hợp pháp của phiên tòa.

Thứ hai, Hội thẩm có quyền tham gia quyết định việc tiếp tục xét xử hoặc hoãn phiên tòa. Khi có người tham gia tố tụng vắng mặt, HĐXX phải xem xét việc vắng mặt đó có thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa hoặc có ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án hay không. Đây là quyết định thuộc thẩm quyền tập thể của HĐXX, nên Hội thẩm có quyền tham gia đánh giá căn cứ hoãn phiên tòa, bảo đảm quyền tố tụng của đương sự và hạn chế kéo dài tố tụng không cần thiết.

Thứ ba, Hội thẩm có quyền tham gia quyết định yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch. Khi có yêu cầu thay đổi, HĐXX phải xem xét, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận và nêu rõ lý do nếu không chấp nhận. Quy định này thể hiện vai trò của Hội thẩm trong bảo đảm tính vô tư, khách quan của phiên tòa.

Thứ tư, Hội thẩm tham gia xác định giới hạn xét xử thông qua việc xem xét thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu của đương sự. Mặc dù Chủ tọa phiên tòa là người hỏi đương sự về các nội dung này, nhưng việc chấp nhận hay không chấp nhận thuộc thẩm quyền của HĐXX. Do đó, Hội thẩm có quyền tham gia đánh giá việc thay đổi, bổ sung yêu cầu có vượt quá phạm vi ban đầu hay không, việc rút yêu cầu có tự nguyện hay không.

Thứ năm, Hội thẩm tham gia quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sự thỏa thuận tại phiên tòa chỉ được công nhận nếu tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Với tư cách thành viên HĐXX, Hội thẩm cùng Thẩm phán đánh giá tính hợp pháp, tự nguyện và phù hợp với chuẩn mực xã hội của thỏa thuận.

Thứ sáu, Hội thẩm có nghĩa vụ tham gia thảo luận, biểu quyết đối với các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐXX. Theo Điều 235 của BLTTDS năm 2015, các quyết định quan trọng như thay đổi người tiến hành tố tụng, hoãn phiên tòa, đình chỉ giải quyết vụ án, công nhận sự thỏa thuận hoặc tạm ngừng phiên tòa phải được HĐXX thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và lập thành văn bản. Như vậy, Hội thẩm không chỉ hiện diện tại phiên tòa mà còn cùng Thẩm phán quyết định các vấn đề tố tụng phát sinh ngay từ giai đoạn bắt đầu phiên tòa.

Các ưu điểm nêu trên phản ánh sự chuyển hóa nguyên tắc xét xử tập thể thành cơ chế vận hành cụ thể của quyền lực xét xử. Ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa có quyền điều hành, nhưng quyền quyết định đối với những vấn đề ảnh hưởng đến tính hợp pháp, khách quan và phạm vi xét xử thuộc về HĐXX. Vì vậy, sự tham gia của Hội thẩm có ý nghĩa kiểm soát quyền điều hành của Thẩm phán chủ tọa, bảo đảm rằng phiên tòa không vận hành theo ý chí cá nhân, mà theo quyết định tập thể của chủ thể xét xử.

Bên cạnh những ưu điểm, quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa vẫn còn một số hạn chế như sau:

Một là, pháp luật chưa quy định cụ thể trình tự thảo luận, hội ý và biểu quyết của HĐXX đối với các vấn đề phát sinh tại phần bắt đầu phiên tòa. Điều 235 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) chủ yếu điều chỉnh hình thức ban hành quyết định, chưa làm rõ cách thức thảo luận, thứ tự phát biểu, hình thức hội ý và ghi nhận ý kiến khác nhau. Khoảng trống này có thể làm cho sự tham gia của Hội thẩm bị giản lược thành việc đồng thuận nhanh với phương án của Chủ tọa phiên tòa.

Hai là, cơ chế để Hội thẩm kiểm chứng độc lập căn cứ của yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch còn chưa đầy đủ. Khi yêu cầu thay đổi liên quan đến tính vô tư, khách quan, Hội thẩm có quyền tham gia quyết định nhưng thiếu công cụ pháp lý để kiểm tra độc lập căn cứ của yêu cầu.

Ba là, pháp luật chưa ghi nhận rõ vai trò chủ động của Hội thẩm trong đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh. Các quy định hiện hành chủ yếu mô tả hoạt động của Chủ tọa phiên tòa và thẩm quyền chung của HĐXX, chưa quy định cụ thể quyền của Hội thẩm trong việc yêu cầu kiểm tra lại thông tin, đề xuất hoãn phiên tòa, làm rõ căn cứ rút yêu cầu hoặc yêu cầu thảo luận riêng trước khi quyết định.

Các hạn chế này cho thấy quyền lực của Hội thẩm ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa chủ yếu được bảo đảm thông qua thẩm quyền chung của HĐXX, nhưng chưa được cá thể hóa thành những cơ chế bảo đảm đủ rõ cho từng thành viên HĐXX. Điều này có thể dẫn đến tình trạng quyền lực tập thể được ghi nhận

về mặt pháp lý, nhưng trong vận hành thực tế lại chịu ảnh hưởng lớn bởi vai trò điều hành của Chủ tọa phiên tòa. Vì vậy, vấn đề đặt ra không phải là mở rộng tùy tiện quyền của Hội thẩm, mà là hoàn thiện cơ chế để Hội thẩm thực hiện được quyền kiểm soát điều kiện xét xử một cách độc lập, có căn cứ và có trách nhiệm.

3.2.2.3. Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng

Giai đoạn tranh tụng tại phiên tòa là trung tâm của hoạt động XXST VADS, nơi các yêu cầu, chứng cứ, lời trình bày, đối đáp và lập luận pháp lý của đương sự được kiểm tra công khai trước HĐXX. BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) xác định tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của đương sự. Việc tranh tụng được tiến hành theo sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa, nhưng các quyền năng đánh giá chứng cứ, xét hỏi, quyết định tạm ngừng phiên tòa hoặc trở lại việc hỏi và tranh luận lại thuộc về HĐXX, trong đó có Hội thẩm. Có thể khái quát nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm tại giai đoạn tranh tụng như sau:

Giai đoạn tranh tụng là nơi quyền lực xét xử được kiểm chứng công khai trước các bên đương sự và xã hội. Ở giai đoạn này, Hội thẩm không chỉ tham gia phiên tòa với tư cách người nghe trình bày, mà còn là chủ thể cùng Thẩm phán tiếp cận trực tiếp chứng cứ, kiểm nghiệm lập luận, đặt câu hỏi và đánh giá mức độ thuyết phục của các bên. Do đó, chất lượng tham gia của Hội thẩm trong tranh tụng là thước đo quan trọng cho mức độ thực chất của dân chủ tư pháp và công lý thủ tục trong XXST VADS.

Thứ nhất, Hội thẩm có nhiệm vụ trực tiếp tham gia quá trình kiểm tra công khai chứng cứ và lập luận của các bên tại phiên tòa. Theo Điều 247 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tranh tụng không chỉ là hoạt động tranh luận của đương sự, mà còn bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm về đánh giá chứng cứ, tình tiết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng. Quy định này góp phần khắc phục tư

duy “án tại hồ sơ”, bảo đảm phán quyết dựa trên chứng cứ và lập luận đã được kiểm tra công khai.

Thứ hai, Hội thẩm có quyền trực tiếp đặt câu hỏi để làm rõ tình tiết vụ án. Theo Điều 249 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), sau khi các chủ thể tham gia tố tụng thực hiện quyền hỏi, Chủ tọa phiên tòa và Hội thẩm có quyền đặt câu hỏi. Việc hỏi phải rõ ràng, nghiêm túc, không trùng lặp, không xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người tham gia tố tụng.

Thứ ba, Hội thẩm tham gia xem xét, kiểm tra các nguồn chứng cứ tại phiên tòa. Thông qua việc công bố tài liệu, chứng cứ; nghe băng ghi âm, xem băng ghi hình; xem xét vật chứng; hỏi người giám định và xem xét yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại, Hội thẩm có điều kiện tiếp cận trực tiếp chứng cứ, đối chiếu lời khai, tài liệu, vật chứng và kết quả giám định trước khi nghị án.

Thứ tư, Hội thẩm tham gia quyết định các vấn đề tố tụng phát sinh trong quá trình tranh tụng. Theo Điều 259 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), HĐXX có quyền tạm ngừng phiên tòa khi cần xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ, chờ kết quả giám định hoặc khi các đương sự đề nghị tự hòa giải. Vì đây là thẩm quyền tập thể, Hội thẩm có quyền tham gia thảo luận, biểu quyết về việc có cần tạm ngừng phiên tòa hay không.

Thứ năm, Hội thẩm tham gia bảo đảm chất lượng tranh luận và quyền tranh tụng của đương sự. Khi xét thấy cần thiết, HĐXX có thể yêu cầu các bên tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể. Do đó, Hội thẩm có quyền cùng HĐXX đánh giá việc tranh luận đã đầy đủ hay chưa, có cần làm rõ thêm vấn đề nào trước khi nghị án hay không.

Thứ sáu, Hội thẩm tham gia quyết định việc trở lại phần hỏi và tranh luận. Theo Điều 263 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nếu qua tranh luận thấy còn tình tiết chưa được xem xét, việc xem xét chưa đầy đủ hoặc cần xem xét thêm chứng cứ, HĐXX quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận. Quy định này cho phép Hội thẩm cùng Thẩm phán định hướng lại tiến trình tố tụng khi vụ án chưa được làm rõ đầy đủ.

Về bản chất pháp lý, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng thể hiện sự kết hợp giữa quyền điều hành của Chủ tọa phiên tòa và thẩm

quyền xét xử tập thể của HĐXX. Chủ tọa phiên tòa điều khiển trình tự tranh tụng, nhưng việc kiểm tra chứng cứ, làm rõ sự thật vụ án và quyết định các vấn đề ảnh hưởng đến tiến trình tranh tụng thuộc trách nhiệm chung của HĐXX. Vì vậy, Hội thẩm tuy không giữ vai trò điều hành chính, nhưng là chủ thể cùng Thẩm phán kiểm tra chứng cứ, đặt câu hỏi, theo dõi tranh luận và quyết định các vấn đề tố tụng phát sinh.

Như vậy, ở giai đoạn tranh tụng, quyền lực của Hội thẩm được thể hiện thông qua năng lực tham gia vào quá trình nhận thức tư pháp công khai. Nếu ở giai đoạn trước phiên tòa, vấn đề trọng tâm là tiếp cận thông tin, thì ở giai đoạn tranh tụng, vấn đề trọng tâm là kiểm chứng thông tin. Hội thẩm chỉ có thể tham gia nghị án một cách độc lập khi đã trực tiếp theo dõi, đặt câu hỏi, đối chiếu chứng cứ và đánh giá lập luận của các bên trong điều kiện công khai, bình đẳng và có sự phản biện.

Các ưu điểm này cho thấy pháp luật đã tạo nền tảng để Hội thẩm không chỉ tham gia vào phán quyết cuối cùng, mà còn tham gia vào quá trình hình thành căn cứ của phán quyết. Đây là điểm rất quan trọng, bởi một bản án công bằng không chỉ phụ thuộc vào kết quả nghị án, mà còn phụ thuộc vào chất lượng của quá trình chứng cứ và lập luận được kiểm tra tại phiên tòa. Do đó, quyền hỏi, quyền kiểm tra chứng cứ, quyền đề xuất tranh luận bổ sung và quyền tham gia quyết định tạm ngừng phiên tòa của Hội thẩm là những biểu hiện cụ thể của công lý thủ tục trong XXST VADS.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quy định của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng vẫn còn một số hạn chế như sau:

Một là, quyền xét hỏi của Hội thẩm chưa được thiết kế như một quyền năng độc lập đầy đủ. Điều 249 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) ghi nhận quyền đặt câu hỏi của Hội thẩm, nhưng việc hỏi vẫn được thực hiện “theo sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa”. Quy định này cần thiết để bảo đảm trật tự phiên tòa, nhưng nếu thiếu cơ chế bảo đảm quyền hỏi độc lập, hoạt động xét hỏi của Hội thẩm dễ phụ thuộc vào nhịp điều hành và định hướng của Thẩm phán chủ tọa.

Hai là, pháp luật chưa quy định rõ cơ chế phối hợp và xử lý bất đồng trong HĐXX khi phát sinh yêu cầu làm rõ thêm nội dung tranh tụng. BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) chưa làm rõ trình tự thảo luận, biểu quyết tại chỗ khi có ý kiến khác nhau giữa Thẩm phán và Hội thẩm về việc có cần hỏi thêm, tranh luận bổ sung hoặc tạm ngừng phiên tòa hay không.

Ba là, chuẩn mực pháp lý về hoạt động xét hỏi của Hội thẩm còn khái quát. Quy định về yêu cầu đặt câu hỏi mới dừng ở nguyên tắc chung, chưa hướng dẫn cụ thể cách hỏi đối với từng nhóm chủ thể, từng loại chứng cứ hoặc tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến tính trung lập của HĐXX.

Bốn là, pháp luật chưa có cơ chế hỗ trợ Hội thẩm tiếp cận, đánh giá các loại chứng cứ đặc thù. Đối với dữ liệu điện tử, giao dịch số, chứng cứ ngân hàng, hợp đồng điện tử hoặc tài liệu kỹ thuật chuyên ngành, pháp luật chưa quy định cơ chế hỗ trợ đủ cụ thể để Hội thẩm đánh giá thực chất, nên quyền xem xét chứng cứ có nguy cơ dừng ở việc tiếp cận hình thức.

Năm là, vai trò của Hội thẩm trong phần tranh luận chưa được quy định thật rõ. Pháp luật chưa xác định cơ chế để từng thành viên HĐXX, trong đó có Hội thẩm, chủ động đề xuất tranh luận bổ sung hoặc quay lại phần hỏi. Vì vậy, quyền năng của Hội thẩm trong phần tranh luận dễ bị hòa tan vào thẩm quyền chung của HĐXX.

Các hạn chế này phản ánh sự chênh lệch giữa địa vị pháp lý của Hội thẩm và điều kiện thực hiện quyền năng tranh tụng. Về pháp luật, Hội thẩm có quyền hỏi, kiểm tra chứng cứ và tham gia quyết định các vấn đề phát sinh; nhưng về cơ chế vận hành, việc thực hiện các quyền đó vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ cách điều hành của Chủ tọa phiên tòa, kỹ năng tố tụng của Hội thẩm và tính phức tạp của chứng cứ trong các tranh chấp dân sự hiện đại. Đây là biểu hiện cụ thể của tình trạng quyền năng pháp lý được ghi nhận nhưng chưa được bảo đảm đầy đủ bằng thiết chế thực thi tương ứng.

Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu: (1) kỹ thuật lập pháp mới ghi nhận quyền năng của Hội thẩm trong thẩm quyền chung của HĐXX, nhưng chưa thiết kế đầy đủ quy trình thực hiện, cơ chế thảo luận, biểu

quyết và xử lý bất đồng; (2) mô hình phiên tòa dân sự vẫn đặt Chủ tọa phiên tòa ở vị trí trung tâm trong điều hành tranh tụng, khiến quyền năng của Hội thẩm dễ phụ thuộc vào cách điều hành của Thẩm phán; (3) pháp luật chưa dự liệu đầy đủ yêu cầu đánh giá các chứng cứ phức tạp trong tranh chấp dân sự hiện đại, trong khi Hội thẩm chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm; (4) sự chênh lệch về chuyên môn pháp lý và kỹ năng tố tụng giữa Thẩm phán và Hội thẩm, nếu không được bù đắp bằng cơ chế phù hợp, sẽ làm giảm hiệu quả thực hiện quyền của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng.

3.2.2.4. Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn nghị án và tuyên án

Giai đoạn nghị án và tuyên án là khâu kết thúc quá trình XXST VADS, nơi HĐXX chuyển hóa kết quả tranh tụng, chứng cứ đã được kiểm tra công khai và căn cứ pháp luật thành phán quyết tư pháp. Pháp luật TTDS hiện hành không quy định riêng một điều luật độc lập về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm tại giai đoạn này, mà xác định thông qua thẩm quyền chung của HĐXX, nguyên tắc nghị án, biểu quyết, tuyên án và trách nhiệm đối với bản án sơ thẩm. Có thể khái quát các nội dung cơ bản sau:

Nếu các giai đoạn trước thể hiện quá trình Hội thẩm tiếp cận, kiểm soát và kiểm chứng thông tin, thì giai đoạn nghị án và tuyên án là nơi quyền lực của Hội thẩm đạt đến mức độ tập trung nhất: quyền cùng Thẩm phán quyết định nội dung vụ án. Ở giai đoạn này, nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán không còn là tuyên bố về địa vị pháp lý, mà được chuyển hóa thành hành vi nghị án, biểu quyết, bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm đối với bản án. Vì vậy, đây là khâu có ý nghĩa quyết định trong việc đánh giá sự tham gia của Hội thẩm là thực chất hay hình thức.

Thứ nhất, Hội thẩm có quyền tham gia nghị án với tư cách thành viên HĐXX. Theo Điều 264 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), sau khi kết thúc tranh luận, HĐXX vào phòng nghị án và chỉ các thành viên HĐXX mới có quyền nghị án. Quy định này khẳng định Hội thẩm là chủ thể trực tiếp tham gia quyết định vụ án, cùng Thẩm phán thảo luận, đánh giá chứng cứ,

xác định sự thật vụ án, lựa chọn căn cứ pháp luật và quyết định từng vấn đề cần giải quyết.

Thứ hai, Hội thẩm có nghĩa vụ nghị án trên cơ sở chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Khi nghị án, HĐXX phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và quy định pháp luật; trường hợp cần thiết còn căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng. Do đó, Hội thẩm không được quyết định theo cảm tính hoặc chỉ dựa vào hồ sơ, mà phải dựa trên các căn cứ đã được kiểm tra công khai và được pháp luật thừa nhận.

Thứ ba, Hội thẩm có quyền biểu quyết ngang với Thẩm phán và biểu quyết trước Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Điều 264 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định HĐXX quyết định theo đa số về từng vấn đề; Hội thẩm biểu quyết trước, Thẩm phán chủ tọa biểu quyết sau cùng. Quy định này nhằm bảo đảm tính độc lập của Hội thẩm, hạn chế sự chi phối về chuyên môn, tâm lý hoặc vị thế nghề nghiệp của Thẩm phán, đồng thời cụ thể hóa nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán.

Thứ tư, Hội thẩm có quyền bảo lưu ý kiến thiểu số. Khi có ý kiến khác với quyết định của đa số, Hội thẩm có quyền trình bày bằng văn bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Cơ chế này bảo vệ chính kiến độc lập của từng thành viên HĐXX, hạn chế sự đồng thuận hình thức trong phòng nghị án và có thể là căn cứ tham khảo khi bản án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

Thứ năm, Hội thẩm có nghĩa vụ tham gia lập, kiểm tra và ký biên bản nghị án. Biên bản nghị án phải ghi lại các ý kiến đã thảo luận, quyết định của HĐXX và được các thành viên ký tại phòng nghị án trước khi tuyên án. Việc ký biên bản nghị án xác nhận trách nhiệm của Hội thẩm đối với nội dung đã thảo luận, kết quả biểu quyết và phán quyết được tuyên.

Thứ sáu, Hội thẩm tham gia quyết định kéo dài thời gian nghị án hoặc trở lại việc hỏi và tranh luận khi cần thiết. Đối với vụ án phức tạp, HĐXX có thể quyết định kéo dài thời gian nghị án nhưng không quá 05 ngày làm việc. Nếu qua nghị án thấy còn tình tiết chưa được xem xét, việc hỏi chưa đầy đủ hoặc cần

xem xét thêm chứng cứ thì HĐXX quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận. Quy định này bảo đảm các phán quyết của Tòa án chỉ được ban hành khi vụ án đã được làm rõ đầy đủ.

Thứ bảy, Hội thẩm chịu trách nhiệm tập thể đối với nội dung bản án sơ thẩm. Theo Điều 266 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), bản án phải thể hiện đầy đủ yêu cầu của đương sự, nhận định của Tòa án, căn cứ pháp luật và quyết định của HĐXX về từng vấn đề. Dù Thẩm phán thường trực tiếp dự thảo bản án, Hội thẩm vẫn có trách nhiệm kiểm tra việc bản án có phản ánh đúng kết quả nghị án, nội dung biểu quyết và quyết định của HĐXX hay không.

Thứ tám, Hội thẩm tham gia bảo đảm tính công khai và toàn vẹn của bản án sau khi nghị án. Theo Điều 267 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tuyên án là hoạt động của HĐXX; Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác có thể tuyên đọc bản án và giải thích thêm về thi hành án, quyền kháng cáo. Sau khi tuyên án, bản án chỉ được sửa chữa, bổ sung khi có lỗi rõ ràng về chính tả, số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai; việc sửa chữa, bổ sung phải có sự phối hợp của Thẩm phán và các Hội thẩm đã tham gia xét xử. Quy định này khẳng định trách nhiệm chung của HĐXX và bảo vệ tính ổn định, công khai, toàn vẹn của phán quyết tư pháp.

Nhìn từ phương diện quyền lực tư pháp, các quy định về nghị án và tuyên án là sự bảo đảm pháp lý quan trọng nhất cho vai trò của Hội thẩm trong việc tác động đến tính công bằng của bản án. Hội thẩm không chỉ tham gia ở tầng thủ tục, mà trực tiếp cùng Thẩm phán quyết định về sự thật vụ án, căn cứ pháp luật, quyền và nghĩa vụ của các bên. Cơ chế biểu quyết trước, quyền bảo lưu ý kiến và trách nhiệm ký biên bản nghị án là những công cụ pháp lý nhằm bảo vệ tính độc lập của Hội thẩm, đồng thời ngăn ngừa khả năng quyền quyết định thực tế bị tập trung vào Thẩm phán chủ tọa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quy định hiện hành về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn này còn một số hạn chế như sau:

Một là, cơ chế “Hội thẩm biểu quyết trước” vẫn có nguy cơ hình thức nếu thiếu quy trình nghị án cụ thể. BLTTDS chưa quy định rõ trình tự thảo luận từng

vấn đề, cách xác định nội dung cần biểu quyết, trách nhiệm chuẩn bị nội dung nghị án và phương thức xử lý khi có ý kiến khác nhau. Vì vậy, nếu nghị án chủ yếu dựa trên đề cương hoặc dự thảo bản án do Thẩm phán chuẩn bị thì quyền biểu quyết trước của Hội thẩm khó phát huy đầy đủ ý nghĩa thực chất.

Hai là, căn cứ nghị án đặt ra yêu cầu cao nhưng chưa có cơ chế hỗ trợ tương ứng đối với Hội thẩm. Việc áp dụng chứng cứ, kết quả tranh tụng, quy định pháp luật, tập quán, tương tự pháp luật, án lệ hoặc lẽ công bằng đòi hỏi năng lực phân tích pháp lý chuyên sâu, trong khi Hội thẩm chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm. Nếu thiếu cơ chế cung cấp thông tin, hướng dẫn hoặc hỗ trợ pháp lý, việc đánh giá độc lập của Hội thẩm sẽ gặp nhiều khó khăn.

Ba là, quyền bảo lưu ý kiến thiểu số tuy tiến bộ nhưng chưa có cơ chế bảo đảm hiệu quả. Pháp luật chưa quy định cụ thể về hình thức, nội dung, thời điểm lập, cách lưu giữ, trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật pháp lý và giá trị tham khảo của ý kiến thiểu số đối với cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm. Do đó, quyền này có nguy cơ ít được sử dụng hoặc chưa đạt giá trị thuyết phục cần thiết.

Bốn là, quy định về biên bản nghị án còn thiên về ghi nhận kết quả hơn là kiểm soát quá trình thảo luận. Điều 264 yêu cầu biên bản nghị án ghi lại ý kiến đã thảo luận và quyết định của HĐXX, nhưng chưa quy định mức độ chi tiết, cách thể hiện ý kiến độc lập của từng thành viên, nội dung bắt buộc phải thảo luận hoặc cách ghi nhận bất đồng. Vì vậy, biên bản nghị án có thể chỉ phản ánh kết quả cuối cùng, chưa thể hiện đầy đủ quá trình thảo luận, phản biện.

Năm là, quy định về sửa chữa, bổ sung bản án và vai trò của Hội thẩm ở khâu tuyên án còn chưa rõ nét. Điều 268 quy định sửa chữa, bổ sung bản án chỉ áp dụng đối với lỗi rõ ràng về chính tả, số liệu và phải có sự phối hợp của Thẩm phán với Hội thẩm đã tham gia xét xử. Tuy nhiên, pháp luật chưa làm rõ đầy đủ phạm vi, cơ chế phối hợp và ranh giới giữa sửa lỗi kỹ thuật với thay đổi nội dung bản án. Điều 267 cũng chưa xác định rõ vai trò độc lập của Hội thẩm trong tuyên án, giải thích quyền kháng cáo hoặc kiểm soát sự thống nhất giữa nội dung tuyên án với kết quả nghị án.

Các hạn chế này cho thấy giai đoạn nghị án và tuyên án tuy là nơi nguyên tắc ngang quyền được thể hiện rõ nhất, nhưng cũng là nơi dễ bộc lộ sự chênh lệch về năng lực pháp lý, kỹ năng lập luận và vị thế nghề nghiệp giữa Thẩm phán và Hội thẩm. Nếu quy trình nghị án, biểu quyết, bảo lưu ý kiến và kiểm soát nội dung bản án không được thiết kế rõ ràng, quyền biểu quyết ngang nhau có thể bị chi phối bởi sự bất bình đẳng về chuyên môn và thông tin. Do đó, hoàn thiện pháp luật ở giai đoạn này cần hướng đến việc bảo đảm để Hội thẩm có khả năng tác động thực chất vào bản án, nhưng vẫn trong khuôn khổ pháp luật, chứng cứ và kết quả tranh tụng.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu như: kỹ thuật lập pháp còn thiên về ghi nhận nguyên tắc, chưa thiết kế đầy đủ quy trình vận hành trong phòng nghị án, nhất là trình tự thảo luận, biểu quyết, xử lý bất đồng và ghi nhận ý kiến độc lập; nghị án và tuyên án là hoạt động có tính chuyên môn cao, trong khi Hội thẩm chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm; sự chênh lệch về chuyên môn pháp lý giữa Thẩm phán và Hội thẩm chưa được bù đắp bằng cơ chế hỗ trợ phù hợp, nên vai trò định hướng của Thẩm phán vẫn dễ chiếm ưu thế; pháp luật chưa dự liệu đầy đủ các tình huống như bất đồng sâu sắc trong HĐXX, khó khăn khi lập ý kiến thiểu số, nhu cầu trở lại việc hỏi và tranh luận sau nghị án hoặc sửa chữa, bổ sung văn bản tố tụng khác ngoài bản án.

Từ các phân tích trên có thể thấy, thực trạng pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong XXST VADS thể hiện sự vận động của quyền lực xét xử qua nhiều tầng nấc khác nhau. Ở tầng tiếp cận thông tin, pháp luật đã ghi nhận nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ và quyền đề nghị của Hội thẩm, nhưng cơ chế bảo đảm còn chưa đầy đủ. Ở tầng kiểm soát điều kiện xét xử, pháp luật đã đặt Hội thẩm trong thẩm quyền chung của HĐXX, nhưng chưa cá thể hóa đầy đủ quyền chủ động của từng Hội thẩm. Ở tầng tranh tụng, pháp luật ghi nhận quyền hỏi và kiểm tra chứng cứ, nhưng còn thiếu cơ chế để Hội thẩm tham gia độc lập, hiệu quả đối với chứng cứ phức tạp. Ở tầng quyết định phán quyết, pháp luật xác lập quyền nghị án, biểu quyết và bảo lưu ý kiến, nhưng chưa thiết kế đầy đủ quy trình bảo đảm để quyền ngang quyền được thực hiện thực chất.

Như vậy, cấu trúc pháp luật hiện hành đã đặt nền tảng cho sự tham gia của Hội thẩm như một phương thức dân chủ hóa và kiểm soát quyền lực xét xử trong hoạt động tư pháp dân sự. Tuy nhiên, khoảng cách giữa địa vị pháp lý được ghi nhận và điều kiện thực hiện quyền năng của Hội thẩm vẫn là vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện. Đây là cơ sở để luận án tiếp tục phân tích thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND, qua đó đánh giá rõ hơn mức độ độc lập, mức độ ngang quyền, chất lượng tham gia tranh tụng và khả năng tác động thực tế của Hội thẩm đối với tính công bằng của bản án dân sự sơ thẩm.

3.3. THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND được xem xét trên cơ sở mức độ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong quá trình xét xử. Do pháp luật TTDS quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm thông qua các quyền năng cụ thể gắn với từng giai đoạn xét xử, việc đánh giá thực tiễn cần đặt trong mối liên hệ giữa trình tự tham gia tố tụng của Hội thẩm với các khía cạnh thực chất của quyền lực xét xử mà Hội thẩm thực hiện trong HĐXX.

Theo đó, giai đoạn trước khi mở phiên tòa phản ánh khả năng tiếp cận thông tin và hình thành nhận thức độc lập của Hội thẩm; giai đoạn bắt đầu phiên tòa phản ánh vai trò của Hội thẩm trong kiểm soát điều kiện hợp pháp của phiên tòa, xác định phạm vi xét xử và bảo đảm quyền tố tụng của đương sự; giai đoạn tranh tụng phản ánh mức độ tham gia của Hội thẩm vào việc kiểm chứng chứng cứ, theo dõi, đánh giá lập luận của các bên và bảo đảm chất lượng tranh tụng; giai đoạn nghị án, tuyên án phản ánh rõ nhất khả năng tác động của Hội thẩm vào nội dung phán quyết, thông qua thảo luận, biểu quyết, bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm đối với bản án.

3.3.1. Thực tiễn thi hành quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa

3.3.1.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, hệ thống Tòa án đã cơ bản thiết lập được cơ chế phân công, thông báo và bàn giao hồ sơ cho Hội thẩm tương đối ổn định. Việc phân công

Hội thẩm tham gia xét xử được thực hiện căn cứ vào cơ cấu thành phần, kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm xét xử và tính chất vụ án; đồng thời được theo dõi qua hệ thống quản lý dữ liệu hoặc sổ sách truyền thông. Đến nay chưa có Hội thẩm nào khiếu nại về việc phân công xét xử hoặc cho rằng việc phân công thiếu công bằng, ảnh hưởng đến hoạt động xét xử của mình.

Theo số liệu của TAND tối cao, bình quân mỗi Hội thẩm tham gia xét xử 70,8 vụ án/nhiệm kỳ; một số địa phương có tỷ lệ cao như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên trên 200 vụ án/Hội thẩm/nhiệm kỳ; Bình Dương, Đồng Tháp, Kiên Giang, Lâm Đồng, Nghệ An, Quảng Ngãi trên 100 vụ án/Hội thẩm/nhiệm kỳ [79]. Một số Hội thẩm tại TAND cấp huyện như thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia bình quân trên 100 vụ án/01 năm [89], [94]. Tuy LTCTAND năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã quy định phân công án ngẫu nhiên đối với Hội thẩm, nhưng thực tiễn hiện nay các Tòa án mới áp dụng phân công ngẫu nhiên đối với Thẩm phán; việc phân công Hội thẩm vẫn chủ yếu theo phương thức chỉ định. Kết quả phỏng vấn cho thấy cơ chế phân công ngẫu nhiên đối với Hội thẩm hiện còn khó khả thi và chưa thể triển khai ngay [PL4, PVS9].

Thứ hai, hoạt động nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm ngày càng được chú trọng. Trước khi xét xử, đa số Hội thẩm cố gắng sắp xếp công việc để nghiên cứu hồ sơ ngay sau khi được phân công; nhiều Hội thẩm, nhất là Hội thẩm đã nghỉ hưu, thường xuyên đến Tòa án nghiên cứu hồ sơ sớm. Trong quá trình nghiên cứu, Hội thẩm độc lập đánh giá tài liệu, chứng cứ, bước đầu hình thành quan điểm giải quyết vụ án trên cơ sở nhận thức của mình.

Thứ ba, vai trò chủ động của Hội thẩm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử từng bước được phát huy. Thực tiễn ghi nhận nhiều trường hợp Hội thẩm phát hiện hồ sơ chưa đủ điều kiện xét xử, chứng cứ chưa bảo đảm giá trị chứng minh và đề nghị Thẩm phán áp dụng quyết định tố tụng phù hợp như hoãn phiên tòa, tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc tiếp tục thu thập chứng cứ. Một số Hội thẩm còn đề nghị Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa hội ý với các thành viên HĐXX về kế hoạch xét xử, trình tự xét hỏi, vướng mắc trong hồ sơ, yêu cầu của đương sự, việc triệu tập

thêm người tham gia tố tụng hoặc thực hiện hoạt động tố tụng cần thiết khác. Điều này cho thấy Hội thẩm đã từng bước phát huy vai trò độc lập, trách nhiệm và chủ động trong giai đoạn chuẩn bị XXST VADS.

Xét từ phương diện thực thi quyền lực xét xử, những kết quả nêu trên cho thấy giai đoạn trước khi mở phiên tòa là khâu khởi đầu để Hội thẩm chuyển từ địa vị pháp lý được phân công tham gia HĐXX sang quá trình hình thành nhận thức độc lập về vụ án. Việc được phân công, được thông báo, được tiếp cận hồ sơ và được hỗ trợ nghiên cứu hồ sơ là tiền đề để Hội thẩm tham gia xét xử không chỉ bằng sự hiện diện hình thức, mà bằng sự chuẩn bị nhận thức trước khi bước vào phiên tòa. Đây là điều kiện đầu tiên để nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán có khả năng vận hành thực chất ở các giai đoạn tiếp theo.

3.3.1.2. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế chủ yếu trong thực tiễn thi hành pháp luật ở giai đoạn trước khi mở phiên tòa là sự bất bình đẳng thông tin giữa Hội thẩm và Thẩm phán chưa được khắc phục đầy đủ. Hạn chế này biểu hiện ở việc phân công Hội thẩm chưa thật sự gắn với tính chất vụ án, thời gian nghiên cứu hồ sơ còn ngắn, chất lượng nghiên cứu hồ sơ chưa đồng đều và quyền đề nghị của Hội thẩm chưa được thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

Thứ nhất, việc phân công Hội thẩm tham gia XXST VADS ở một số nơi còn bất cân xứng, mang tính hình thức. Thực tiễn vẫn có Hội thẩm ít hoặc không tham gia xét xử; có Hội thẩm thường xuyên từ chối tham gia do bận công tác. Theo Báo cáo của TAND tối cao, nhiệm kỳ 2016-2021 có 1.345 lượt Hội thẩm từ chối tham gia xét xử [79]. Tại một số TAND cấp huyện trước ngày 01/7/2025 như TAND thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, có Hội thẩm không tham gia xét xử VADS nào hoặc chỉ xét xử từ 01 đến 02 vụ án/01 năm [89], [90]. Hoạt động xét xử chủ yếu tập trung vào Hội thẩm đã nghỉ hưu, trong khi Hội thẩm là cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tuy chiếm số lượng lớn nhưng tham gia hạn chế, làm giảm tính đại diện của nhân dân trong xét xử [79, tr.12].

Thứ hai, thời gian thực tế để Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ còn rất hạn chế. Kết quả khảo sát của NCS cho thấy, về thời gian nghiên cứu hồ sơ trước khi mở phiên tòa, có 54,5% ý kiến cho rằng “Hơn một ngày”, 28,5% cho rằng “Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa”, 4,5% cho rằng “Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa”, chỉ 12,5% cho rằng “Hơn một tuần” [PL3, Biểu đồ số 10]. Kết quả phỏng vấn chuyên sâu cũng cho thấy 67% ý kiến chuyên gia cho rằng Hội thẩm chỉ được giao hồ sơ trong thời gian 01 ngày; 33% cho rằng thời gian nghiên cứu chỉ là “Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa” [PL4, Bảng số 3]. Thậm chí có trường hợp Hội thẩm chỉ được đọc hồ sơ trong khoảng 15 đến 30 phút trước khi xét xử [102].

Thời gian quá ngắn khiến việc nghiên cứu hồ sơ nhiều khi mang tính hình thức, nhất là với các VADS, kinh doanh thương mại phức tạp, nhiều tài liệu, chứng cứ. Nhiều Hội thẩm phải phụ thuộc vào bản tóm tắt vụ án hoặc dự thảo bản án do Thẩm phán chuẩn bị, làm hạn chế tính độc lập trong nhận thức và đánh giá chứng cứ.

Thứ ba, nhận thức về trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ của một số Hội thẩm chưa đầy đủ và thống nhất. Có quan điểm cho rằng Hội thẩm không cần nghiên cứu hồ sơ trước phiên tòa vì mọi tình tiết đều phải được xem xét công khai tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc nghiên cứu hồ sơ trước xét xử là cần thiết, nhất là khi đa số Hội thẩm hoạt động kiêm nhiệm, trình độ pháp luật và kỹ năng xét xử còn hạn chế. Nếu không nghiên cứu hồ sơ, Hội thẩm khó nắm bắt nội dung vụ án, khó chủ động xét hỏi, đánh giá chứng cứ và bảo vệ quan điểm độc lập tại phiên tòa. Từ nhận thức chưa thống nhất này, một số Hội thẩm xem nghiên cứu hồ sơ chỉ là quyền, không phải trách nhiệm bắt buộc, dẫn đến việc nghiên cứu còn chiếu lệ, thiếu chiều sâu.

Thứ tư, chất lượng nghiên cứu hồ sơ của một bộ phận Hội thẩm chưa đáp ứng yêu cầu xét xử. Một số Hội thẩm chưa phát hiện vi phạm tố tụng hoặc sai sót về tư cách tham gia tố tụng, dẫn đến bản án bị hủy, sửa. Điển hình là trường hợp không phát hiện đương sự đã chết để đưa người thừa kế tham gia tố tụng, dẫn đến bản án bị hủy theo Bản án số 110/DSST ngày 16/9/2024 của TAND thành

phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hoặc xác định sai tư cách tố tụng, đưa không đúng chủ thể tham gia tố tụng theo Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 14/01/2022 của TAND huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Một số trường hợp không phát hiện việc tổng đạt trái pháp luật hoặc bỏ sót người tham gia tố tụng, dẫn đến bản án bị hủy theo thủ tục giám đốc thẩm như Quyết định giám đốc thẩm số 05/2018/DS-GĐT ngày 12/4/2018; Bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 30/9/2022 của TAND thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ngoài ra, có trường hợp Hội thẩm vi phạm nguyên tắc đánh giá chứng cứ, sử dụng bản photocopy làm căn cứ ra phán quyết dẫn đến bản án bị hủy theo Bản án số 113/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của TAND thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thứ năm, quyền đề nghị Chánh án hoặc Thẩm phán ban hành quyết định tố tụng của Hội thẩm chưa được thực hiện thường xuyên, hiệu quả. Dù pháp luật cho phép Hội thẩm đề nghị thu thập bổ sung chứng cứ, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc ban hành quyết định tố tụng cần thiết khác, nhưng thực tế quyền này ít được sử dụng. Kết quả phỏng vấn 09 chuyên gia cho thấy 6/9 chuyên gia, chiếm 67%, chưa bao giờ đề nghị Chánh án hoặc Thẩm phán ban hành quyết định tố tụng trong quá trình nghiên cứu hồ sơ hoặc tại phiên tòa [PL4, Bảng số 5]. Khảo sát mở rộng cũng cho thấy 77,5% chuyên gia chưa từng thực hiện quyền này [PL3, Biểu đồ số 11]. Việc thiếu biểu mẫu, quy trình tiếp nhận và giải quyết kiến nghị chính thức khiến các trao đổi chủ yếu diễn ra bằng miệng, không tạo cơ chế pháp lý bắt buộc phải xem xét, giải quyết.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên có thể khái quát thành bốn nhóm chủ yếu. *Một là*, cơ chế tổ chức, quản lý và phân công Hội thẩm chưa thật sự hợp lý. Việc phân công ở một số nơi còn hình thức, chưa căn cứ đầy đủ vào tính chất vụ án, năng lực và mức độ phù hợp của từng Hội thẩm. Kết quả khảo sát cho thấy 47,5% ý kiến cho rằng việc phân công Hội thẩm chủ yếu nhằm bảo đảm xét xử thuận lợi, nhanh chóng; 45,5% cho rằng chủ yếu chú trọng cơ cấu, thành phần đại diện; chỉ 7% có ý kiến khác [PL3, Biểu đồ số 17].

Hai là, tính chất kiêm nhiệm làm hạn chế thời gian và chất lượng nghiên cứu hồ sơ. Nhiều Hội thẩm còn phải thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị công

tác nên khó bố trí thời gian nghiên cứu hồ sơ đầy đủ. Có trường hợp hồ sơ được chuyển giao sát ngày xét xử, thậm chí trước giờ mở phiên tòa khoảng 15 phút [102], khiến việc nghiên cứu không bảo đảm chất lượng.

Ba là, trình độ pháp luật và kỹ năng nghiên cứu hồ sơ của một bộ phận Hội thẩm còn hạn chế. Tiêu chuẩn lựa chọn Hội thẩm còn chung chung, chỉ yêu cầu có “kiến thức pháp luật” mà chưa đặt ra tiêu chí cụ thể về trình độ chuyên môn, kỹ năng xét xử hoặc kinh nghiệm thực tiễn. Trong các VADS phức tạp, hồ sơ dày hàng nghìn bút lục, việc nghiên cứu và đánh giá chứng cứ có thể vượt quá khả năng của không ít Hội thẩm.

Bốn là, quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử còn thiếu cụ thể. BLTTDS chỉ quy định Hội thẩm có quyền nghiên cứu hồ sơ nhưng chưa xác định rõ đây là trách nhiệm bắt buộc gắn với chất lượng xét xử; chưa quy định thời gian tối thiểu để Hội thẩm tiếp cận hồ sơ; chưa có cơ chế xử lý trách nhiệm khi Hội thẩm không nghiên cứu hoặc nghiên cứu hồ sơ không đầy đủ. Quyền đề nghị Chánh án hoặc Thẩm phán ban hành quyết định tố tụng cũng chưa được bảo đảm bằng quy trình chính thức, khiến vị thế thực tế của Hội thẩm còn thụ động, tâm lý nể nang, e ngại và hạn chế trong khả năng xác định cơ sở pháp lý.

3.3.2. Thực tiễn thi hành quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa

3.3.2.1. Những kết quả đạt được

Giai đoạn bắt đầu phiên tòa là bước mở đầu chính thức của hoạt động xét xử, nhằm kiểm tra các điều kiện pháp lý cần thiết để phiên tòa được tiến hành hợp lệ. Thực tiễn thi hành các quy định của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cho thấy, ở giai đoạn này, Hội thẩm đã có sự tham gia nhất định vào việc bảo đảm tính hợp pháp, dân chủ và khách quan của PTST.

Thứ nhất, các Tòa án về cơ bản đã bảo đảm sự tham gia của Hội thẩm trong thành phần HĐXX ngay từ thời điểm bắt đầu phiên tòa. Đối với VADS xét xử theo thủ tục thông thường, phiên tòa chỉ được tiến hành khi HĐXX có đầy đủ thành phần theo luật định. Sự hiện diện của Hội thẩm không chỉ bảo đảm yêu

cầu hình thức tố tụng, mà còn là điều kiện thực hiện nguyên tắc xét xử tập thể, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Ở phần khai mạc, tuy Chủ tọa phiên tòa là người điều hành chính, nhưng sự tham gia nghiêm túc của Hội thẩm về trang phục, phong thái, vị trí và thái độ làm việc cũng góp phần bảo đảm tính trang nghiêm, chuẩn mực của phiên tòa.

Thứ hai, Hội thẩm đã tham gia kiểm tra các điều kiện tố tụng ban đầu của phiên tòa. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều trường hợp, Hội thẩm cùng Thẩm phán theo dõi việc kiểm tra sự có mặt, vắng mặt của đương sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch và những người tham gia tố tụng khác; đồng thời tham gia xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh như hoãn phiên tòa, thay đổi người tiến hành tố tụng, bổ sung người tham gia tố tụng hoặc xử lý yêu cầu tố tụng mới của đương sự. Hoạt động này góp phần bảo đảm phiên tòa được tiến hành đúng đối tượng, đúng thành phần và đúng trình tự luật định.

Thứ ba, Hội thẩm đã góp phần bảo đảm quyền tự định đoạt của đương sự và xác định đúng phạm vi XXST VADS. Tại phiên tòa, Chủ tọa hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu và khả năng thỏa thuận giải quyết vụ án. Trong một số trường hợp, Hội thẩm tham gia làm rõ ý chí của đương sự, giúp HĐXX xác định chính xác phạm vi xét xử, đồng thời bảo đảm cho bên đối lập có điều kiện chuẩn bị ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Việc Hội thẩm cùng Thẩm phán thảo luận, quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận sự thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu góp phần bảo đảm vụ án được giải quyết đúng giới hạn pháp luật.

Thứ tư, sự tham gia của Hội thẩm trong việc xem xét khả năng thỏa thuận của đương sự đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết VADS. Theo Điều 246 BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khi các đương sự thỏa thuận được với nhau, HĐXX phải xem xét tính tự nguyện, hợp pháp của thỏa thuận trước khi công nhận. Trong quá trình này, Hội thẩm với kinh nghiệm thực tiễn, sự am hiểu đời sống xã hội và vị trí đại diện nhân dân có thể góp phần phân tích, thuyết phục, giúp các bên nhận thức đầy đủ hơn về lợi ích, nghĩa vụ và hậu quả pháp lý của sự thỏa thuận. Đặc biệt, trong một số vụ án hôn nhân và gia đình, đất

đại, dân sự đời sống, sự tham gia của Hội thẩm đã hỗ trợ tích cực việc thuyết phục các bên hòa giải, đoàn tụ hoặc lựa chọn phương án giải quyết hài hòa hơn, nhất là trong vụ án liên quan đến phụ nữ, trẻ em, người lao động và các chủ thể yếu thế [8, tr.133].

Xét từ phương diện vận hành quyền lực tư pháp, kết quả đạt được ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa không chỉ là việc Hội thẩm có mặt đúng thành phần HĐXX, mà còn thể hiện khả năng tham gia của Hội thẩm vào việc kiểm soát tính hợp pháp của phiên tòa, phạm vi xét xử và quyền tố tụng của đương sự. Đây là thời điểm quyền lực xét xử chuyển từ trạng thái chuẩn bị sang trạng thái công khai trước xã hội; do đó, sự tham gia của Hội thẩm có ý nghĩa như một yếu tố bảo đảm tính khách quan, dân chủ và hợp pháp của việc vận hành QTP tại phiên tòa.

Những kết quả trên xuất phát từ việc BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã phân định tương đối rõ giữa quyền điều hành của Chủ tọa phiên tòa và quyền quyết định của HĐXX, tạo cơ sở để Hội thẩm tham gia các quyết định tố tụng quan trọng ngay từ giai đoạn mở đầu phiên tòa. Đồng thời, với vốn sống, kinh nghiệm nghề nghiệp và sự gần gũi với đời sống nhân dân, Hội thẩm có điều kiện bổ sung cho cách tiếp cận pháp lý của Thẩm phán, nhất là trong đánh giá tính tự nguyện, thiện chí của đương sự và khả năng thỏa thuận tại phiên tòa.

3.3.2.2. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế chủ yếu ở giai đoạn bắt đầu phiên tòa là vai trò kiểm soát điều kiện xét xử của Hội thẩm trong nhiều trường hợp chưa rõ nét. Hạn chế này thể hiện qua việc Hội thẩm ít tham gia phát hiện, đề xuất xử lý các vấn đề tố tụng phát sinh; quyền tham gia quyết định của Hội thẩm đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐXX có lúc còn hình thức; việc xem xét yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch còn thiếu cơ chế kiểm chứng đầy đủ; và vai trò hỗ trợ đương sự thỏa thuận tại phiên tòa chưa được phát huy đúng mức.

Thứ nhất, vai trò của Hội thẩm trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa ở nhiều trường hợp còn mờ nhạt, chưa tương xứng với vị trí thành viên HĐXX. Đây là giai đoạn kiểm tra điều kiện tiến hành phiên tòa, xác định tư cách người tham gia

tố tụng, xem xét sự có mặt, vắng mặt của đương sự và xử lý các vấn đề tố tụng phát sinh. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy hoạt động này chủ yếu do Thẩm phán chủ tọa điều hành; Hội thẩm ít tham gia đặt câu hỏi, nhận xét, đề nghị hoặc kiến nghị. Tình trạng này có thể dẫn đến bỏ sót người tham gia tố tụng, xác định sai tư cách đương sự hoặc không phát hiện kịp thời vi phạm thủ tục. Thực tế đã có vụ án tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, HĐXX xác định sai tên đương sự, thậm chí không phát hiện đương sự đã chết trước thời điểm xét xử sơ thẩm để có biện pháp tố tụng phù hợp [103].

Thứ hai, quyền tham gia quyết định của Hội thẩm đối với các vấn đề phát sinh tại phiên tòa có lúc còn hình thức. Mặc dù các vấn đề như hoãn phiên tòa, thay đổi người tiến hành tố tụng, bổ sung người tham gia tố tụng, thay đổi hoặc rút yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐXX, nhưng thực tế việc xử lý thường chịu sự chi phối đáng kể từ Thẩm phán chủ tọa. Không ít trường hợp, Chủ tọa phiên tòa đưa ra nhận định hoặc phương án xử lý mà chưa có sự hội ý, thảo luận thực chất với Hội thẩm, làm giảm ý nghĩa quyền biểu quyết ngang hàng và vai trò kiểm soát tố tụng của Hội thẩm.

Thứ ba, việc xem xét yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch có trường hợp chưa được giải quyết thỏa đáng. Theo thống kê của TAND tối cao, trong 05 năm từ 2020 đến 2024, các Tòa án đã nhận được 29.996 khiếu nại trong hoạt động tố tụng và 2.602 tố cáo về hoạt động tố tụng của Tòa án; trong đó có nhiều khiếu nại, tố cáo liên quan đến yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng [83, tr.79-80]. Điều này cho thấy yêu cầu bảo đảm tính khách quan, vô tư của người tiến hành tố tụng vẫn cần được tiếp tục quan tâm. Đối với Hội thẩm, mặc dù có quyền tham gia quyết định, nhưng lại thiếu cơ chế để kiểm chứng đầy đủ căn cứ của yêu cầu ngay tại phiên tòa, nhất là khi yêu cầu thay đổi liên quan đến Thẩm phán chủ tọa hoặc các chủ thể tiến hành tố tụng trong cùng phiên tòa.

Thứ tư, vẫn còn trường hợp Hội thẩm không chủ động từ chối tiến hành tố tụng hoặc không được thay đổi kịp thời khi có căn cứ cho rằng không bảo đảm tính vô tư, khách quan. Có vụ án do Hội thẩm không nghiên cứu kỹ hồ sơ, không

nắm rõ lịch sử giải quyết vụ án nên tiếp tục tham gia xét xử lần sau đối với cùng vụ án, dẫn đến bản án bị hủy. Điển hình là VADS của TAND huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn bị hủy hai lần, trong đó lần thứ hai do một Hội thẩm đã tham gia xét xử hai lần cùng một vụ án theo Bản án số 03/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của TAND huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn. Sai sót này làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án, tăng chi phí tố tụng và ảnh hưởng đến niềm tin của xã hội đối với tính khách quan, độc lập của thiết chế Hội thẩm.

Thứ năm, vai trò của Hội thẩm trong hỗ trợ đương sự thỏa thuận tại phiên tòa chưa được phát huy đầy đủ. BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) không quy định hòa giải tại PTST như một thủ tục bắt buộc tương tự giai đoạn chuẩn bị xét xử, mà chỉ quy định Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau hay không. Trong khi đó, nhiều Hội thẩm có kinh nghiệm sống, hiểu biết xã hội và khả năng thuyết phục, nhất là trong tranh chấp hôn nhân gia đình, đất đai, dân sự đời sống. Tuy nhiên, cơ chế tố tụng hiện hành chưa ghi nhận rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong việc tham gia hỏi, phân tích, thuyết phục các bên tìm kiếm thỏa thuận tại phiên tòa.

Kết quả khảo sát cho thấy, khi được hỏi “Khi tham gia xét xử tại giai đoạn bắt đầu PTST VADS, Hội thẩm có tham gia vào việc hòa giải các đương sự trong vụ án không?”, có 42% ý kiến cho rằng Hội thẩm “không tham gia”, 39% cho rằng Hội thẩm “tham gia khi Thẩm phán chủ tọa đề nghị”, và chỉ 09% cho rằng Hội thẩm “chủ động tham gia” [PL3, Biểu đồ số 12]. Kết quả phỏng vấn chuyên gia tháng 11/2025 cũng cho thấy 50% ý kiến cho rằng Hội thẩm không tham gia hòa giải; 30% cho rằng Hội thẩm chủ động hòa giải; và 20% cho rằng Hội thẩm chỉ tham gia khi Thẩm phán chủ tọa đề nghị [PL4, Bảng số 6]. Có ý kiến thực tiễn cho rằng đương sự không biết rõ Hội thẩm là ai, không nhận được sự hòa giải, thuyết phục nào từ Hội thẩm; luật sư cũng phản ánh chưa từng làm việc hoặc được Hội thẩm thẩm vấn tại phiên tòa dân sự [PL4, PVS1].

Những hạn chế nêu trên cho thấy quyền tham gia của Hội thẩm vào việc kiểm soát điều kiện hợp pháp của phiên tòa chưa được bảo đảm bằng cơ chế vận hành đủ rõ. Khi Hội thẩm chỉ tham gia theo sự điều hành của Chủ tọa phiên tòa

mà thiếu công cụ pháp lý để yêu cầu làm rõ, đề xuất xử lý hoặc ghi nhận ý kiến khác, quyền lực tập thể của HĐXX có nguy cơ bị thu hẹp thành vai trò điều hành trung tâm của Thẩm phán chủ tọa.

Nguyên nhân của những hạn chế trên có thể khái quát thành hai nhóm chủ yếu. *Một là*, nhận thức về ý nghĩa của giai đoạn bắt đầu phiên tòa chưa đầy đủ. Một bộ phận Hội thẩm còn xem đây chủ yếu là khâu kiểm tra sự có mặt, vắng mặt của đương sự và thuộc trách nhiệm điều hành của Thẩm phán chủ tọa. Do đó, Hội thẩm chưa theo sát diễn biến phiên tòa, chưa chủ động phát hiện, kiến nghị hoặc yêu cầu làm rõ các vấn đề tố tụng phát sinh, làm giảm vai trò kiểm soát của Hội thẩm ngay từ thời điểm mở đầu phiên tòa.

Hai là, cơ chế pháp lý bảo đảm quyền tham gia quyết định của Hội thẩm còn thiếu cụ thể. BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐXX, nhưng chưa thiết kế rõ trình tự hội ý, thảo luận, biểu quyết tại chỗ đối với các vấn đề phát sinh ở phần bắt đầu phiên tòa; chưa quy định cụ thể nghĩa vụ của Chủ tọa phiên tòa trong việc lấy ý kiến Hội thẩm, thời điểm, hình thức thể hiện ý kiến và cách xử lý khi có quan điểm khác nhau trong HĐXX. Khoảng trống này khiến hoạt động thảo luận tập thể dễ bị giản lược thành trao đổi nhanh theo sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa.

3.3.3. Thực tiễn thi hành quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng

3.3.3.1. Kết quả đạt được

Giai đoạn tranh tụng tại phiên tòa là trung tâm của quá trình XXST VADS, nơi các chứng cứ, tài liệu, lời trình bày và lập luận của đương sự được kiểm tra, đối chiếu công khai trước HĐXX. Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện các quyền năng tố tụng mà pháp luật đã trao cho Hội thẩm trong quá trình XXST VADS, thực tiễn ở giai đoạn tranh tụng đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Thứ nhất, sự tham gia của Hội thẩm trong giai đoạn tranh tụng về cơ bản được bảo đảm về thành phần, trình tự và vị trí tố tụng. Tại PTST dân sự, Hội thẩm cùng Thẩm phán trực tiếp nghe đương sự trình bày, theo dõi việc công bố chứng cứ, đối đáp, tranh luận và quan điểm của những người tham gia tố tụng.

Trong một số trường hợp, Hội thẩm còn cùng HĐXX xem xét, quyết định các vấn đề phát sinh như tạm ngừng phiên tòa, thu thập bổ sung chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại hoặc quay trở lại phần hỏi, tranh luận khi thấy còn tình tiết chưa được làm rõ. Qua đó, Hội thẩm góp phần bảo đảm nguyên tắc xét xử trực tiếp, bằng lời nói, công khai và quyền tranh tụng của đương sự tại phiên tòa.

Thứ hai, quyền xét hỏi của Hội thẩm đã bước đầu được thực hiện trong thực tiễn xét xử. Ở nhiều phiên tòa, sau phần trình bày, hỏi và đối đáp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội thẩm đã tham gia đặt câu hỏi để làm rõ thêm những tình tiết còn mâu thuẫn, chưa đầy đủ hoặc chưa được các bên trình bày rõ. Trong một số vụ án, Hội thẩm đã cùng Thẩm phán nêu lên những vấn đề trọng tâm cần làm rõ, theo dõi sát diễn biến phiên tòa, bảo đảm các bên được trình bày đầy đủ ý kiến, lý lẽ và yêu cầu của mình [8, tr.132]. Hoạt động này cho thấy quyền xét hỏi của Hội thẩm không chỉ tồn tại trên phương diện pháp lý mà đã được triển khai trong hoạt động xét xử thực tế, góp phần bổ sung thêm nguồn thông tin, làm rõ bản chất tranh chấp.

Thứ ba, việc Hội thẩm tham gia theo dõi, kiểm tra, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa đã góp phần tăng cường tính khách quan trong quá trình giải quyết vụ án. Thông qua việc nghe lời khai, theo dõi việc công bố tài liệu, chứng cứ, xem xét vật chứng tại phiên tòa, Hội thẩm có điều kiện đối chiếu giữa nội dung hồ sơ với diễn biến tranh tụng công khai. Điều này góp phần hạn chế nguy cơ nhận thức vụ án chỉ dựa trên hồ sơ, đồng thời tạo thêm một kênh kiểm tra, đánh giá trong nội bộ HĐXX. Đây là biểu hiện thực tiễn của việc pháp luật trao cho Hội thẩm quyền tham gia vào quá trình kiểm chứng chứng cứ ngay tại phiên tòa.

Thứ tư, Hội thẩm tham gia XXST VADS với số lượng lớn, chất lượng cơ bản được bảo đảm. Theo thống kê của TAND tối cao, từ năm 2020 đến năm 2025, Hội thẩm đã tham gia xét xử 536.715 VADS sơ thẩm, trong đó có 240.431 VADS, 264.704 vụ án hôn nhân và gia đình, 24.780 vụ án kinh doanh, thương mại và 7.520 vụ án lao động [86]. Đây là số lượng rất lớn, phản ánh mức độ tham gia thường xuyên, liên tục của Hội thẩm trong hoạt động XXST VADS.

**Bảng 3.1: Kết quả XXST VADS của Hội thẩm tại TAND
từ năm 2020 -2025**

Năm	Tổng số vụ án đã xét xử	Loại án			
		Dân sự	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động
Năm 2020	84357	33790	44977	4332	1258
Năm 2021	59404	22504	34386	2277	237
Năm 2022	87862	35987	47337	3905	633
Năm 2023	98345	41846	50442	4130	1927
Năm 2024	110439	51029	52991	5023	1396
Năm 2025	96308	55275	34571	5113	2069
Tổng	536715	240431	264704	24780	7520

[Nguồn: Báo cáo của TAND tối cao [86]]

Về chất lượng xét xử, trong tổng số 536.715 vụ án có Hội thẩm tham gia xét xử, có 10.694 vụ án bị sửa do lỗi chủ quan, chiếm tỷ lệ 1,99%; có 5.329 vụ án bị hủy do lỗi chủ quan, chiếm tỷ lệ 0,99%. Đáng chú ý, tỷ lệ án bị hủy do lỗi chủ quan có xu hướng giảm dần qua các năm và về cơ bản đáp ứng chỉ tiêu về án hủy, sửa mà Quốc hội giao cho ngành Tòa án [86]. Kết quả này cho thấy, việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong quá trình xét xử, bao gồm giai đoạn tranh tụng, về cơ bản đã góp phần bảo đảm chất lượng giải quyết VADS.

**Bảng 3.2: Chất lượng XXST VADS của Hội thẩm tại TAND
từ năm 2020 -2025**

Năm	Tổng số vụ án đã xét xử	Chất lượng xét xử			
		Án sửa do lỗi chủ quan		Án hủy do lỗi chủ quan	
		Số vụ án bị sửa	Tỷ lệ %	Số vụ án bị hủy	Tỷ lệ %
Năm 2020	84357	2410	2,85%	1185	1,40%
Năm 2021	59404	1407	2,36%	692	1,16%
Năm 2022	87862	1749	1,99%	881	1,00%
Năm 2023	98345	2080	2,11%	954	0,97%
Năm 2024	110439	1638	1,48%	890	0,80%
Năm 2025	96308	1410	1,46%	727	0,75%
Tổng	536715	10694	1,99%	5329	0,99%

[Nguồn: Báo cáo của TAND tối cao [86]]

Thứ năm, xét theo cấp Tòa án, thực tiễn cho thấy Hội thẩm tại TAND khu vực, trước đây là TAND cấp huyện, là lực lượng tham gia chủ yếu trong XXST VADS. Giai đoạn 2020 - 2025, Hội thẩm đã tham gia xét xử 494.364 vụ án tại TAND khu vực, chiếm phần lớn tổng số vụ án sơ thẩm có Hội thẩm tham gia trong toàn ngành; trong đó có 9.331 vụ án bị sửa do lỗi chủ quan, chiếm 1,88% và 4.119 vụ án bị hủy do lỗi chủ quan, chiếm 0,83% [86]. Kết quả này phản ánh vai trò quan trọng của Hội thẩm ở cấp xét xử gần dân nhất, nơi phát sinh phổ biến các tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động. Đối với TAND cấp tỉnh, trong cùng giai đoạn, Hội thẩm tham gia xét xử 42.351 vụ án, ít hơn nhiều so với TAND khu vực nhưng thường là các vụ án có tính chất phức tạp hơn, có yếu tố nước ngoài hoặc thuộc thẩm quyền sơ thẩm của Tòa án cấp tỉnh. Tỷ lệ án bị sửa do lỗi chủ quan tại cấp này là 3,21%, án bị hủy do lỗi chủ quan là 2,8%, cao hơn so với TAND khu vực [86]. Sự khác biệt này cho thấy, khi tính chất vụ án phức tạp hơn thì yêu cầu đối với năng lực nghiên cứu hồ sơ, kiểm tra chứng cứ, theo dõi tranh tụng và tham gia nghị án của Hội thẩm cũng cao hơn. Do đó, bên cạnh việc ghi nhận số lượng lớn vụ án có Hội thẩm tham gia, cần tiếp tục chú trọng điều kiện bảo đảm để Hội thẩm thực hiện thực chất nhiệm vụ, quyền hạn của mình, nhất là ở các vụ án có yếu tố chuyên môn sâu.

Bảng 3.3: Kết quả XXST VADS của Hội thẩm tại TAND khu vực từ năm 2020 - 2025

Năm	Tổng số vụ án đã xét xử	Loại án			
		Dân sự	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động
Năm 2020	78798	31607	41879	4077	1235
Năm 2021	54825	20996	31473	2122	234
Năm 2022	81295	33539	43498	3642	616
Năm 2023	90383	38936	45665	3880	1902
Năm 2024	101115	47382	47658	4701	1374
Năm 2025	87948	51426	30392	4801	2049
Tổng	494364	223886	240565	23223	7410

[Nguồn: Báo cáo của TAND tối cao [86]]

**Bảng 3.4: Chất lượng XXST VADS của Hội thẩm tại TAND khu vực
từ năm 2020 - 2025**

Năm	Tổng số vụ án đã xét xử	Chất lượng xét xử			
		Án sửa do lỗi chủ quan		Án hủy do lỗi chủ quan	
		Số vụ án bị sửa	Tỷ lệ %	Số vụ án bị hủy	Tỷ lệ %
Năm 2020	78798	2171	2,75%	936	1,19%
Năm 2021	54825	1280	2,33%	519	0,94%
Năm 2022	81295	1511	1,85%	655	0,80%
Năm 2023	90383	1752	1,93%	721	0,79%
Năm 2024	101115	1404	1,38%	697	0,63%
Năm 2025	87948	1213	1,37%	591	0,67%
Tổng	494364	9331	1,88%	4119	0,83%

[Nguồn: Báo cáo của TAND tối cao [86]]

**Bảng 3.5: Kết quả XXST VADS của Hội thẩm tại TAND cấp tỉnh
từ năm 2020 - 2025**

Năm	Tổng số vụ án đã xét xử	Loại án			
		Dân sự	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động
Năm 2020	5559	2183	3098	255	23
Năm 2021	4579	1508	2913	155	3
Năm 2022	6567	2448	3839	263	17
Năm 2023	7962	2910	4777	250	25
Năm 2024	9324	3647	5333	322	22
Năm 2025	8360	3849	4179	312	20
Tổng	42351	16545	24139	1557	110

[Nguồn: Báo cáo của TAND tối cao [86]]

Bảng 3.6: Chất lượng XXST VADS của Hội thẩm tại TAND cấp tỉnh từ năm 2020 - 2025

Năm	Tổng số vụ án đã xét xử	Chất lượng xét xử			
		Án sửa do lỗi chủ quan		Án hủy do lỗi chủ quan	
		Số vụ án bị sửa	Tỷ lệ %	Số vụ án bị hủy	Tỷ lệ %
Năm 2020	5559	239	4,29%	249	4,47%
Năm 2021	4579	127	2,77%	173	3,77%
Năm 2022	6567	238	3,62%	226	3,44%
Năm 2023	7962	328	4,11%	233	2,92%
Năm 2024	9324	234	2,50%	193	2,06%
Năm 2025	8360	197	2,35%	136	1,62%
Tổng	42351	1363	3,21%	1210	2,8%

[Nguồn: Báo cáo của TAND tối cao [86]]

Từ các bảng số liệu nêu trên có thể thực hiện phân tích chéo ở cấp độ tổng hợp giữa cấp Tòa án và chất lượng XXST VADS có Hội thẩm tham gia. Kết quả cho thấy, tổng tỷ lệ án hủy, sửa do lỗi chủ quan ở TAND cấp tỉnh là 6,01%, cao hơn so với tỷ lệ 2,71% ở TAND khu vực. Sự khác biệt này gợi mở mối liên hệ giữa tính chất, mức độ phức tạp của vụ án với yêu cầu về chất lượng tham gia của Hội thẩm. Các vụ án thuộc thẩm quyền sơ thẩm của TAND cấp tỉnh thường phức tạp hơn, có yếu tố nước ngoài, nhiều quan hệ pháp luật đan xen hoặc đòi hỏi đánh giá chứng cứ chuyên sâu hơn; do đó, yêu cầu đối với năng lực nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng tranh tụng, đánh giá chứng cứ và bản lĩnh nghị án của Hội thẩm cũng cao hơn.

Trên cơ sở kết hợp số liệu thống kê tổng hợp, kết quả khảo sát, phỏng vấn chuyên gia và phân tích một số bản án, quyết định cụ thể, có thể nhận diện một mối liên hệ có tính gợi mở: trong các vụ án có yếu tố chuyên môn sâu, nếu Hội thẩm không có đủ thời gian nghiên cứu hồ sơ, không có kỹ năng đánh giá chứng cứ, không có kinh nghiệm xã hội hoặc chuyên môn phù hợp với loại tranh chấp, thì mức độ tham gia thực chất vào tranh tụng, nghị án và biểu quyết sẽ bị hạn chế. Ngược lại, khi Hội thẩm có điều kiện tiếp cận thông tin đầy đủ, có kinh nghiệm hoặc hiểu biết phù hợp với lĩnh vực tranh chấp, thì có cơ sở để phát huy tốt hơn vai trò kiểm soát nội bộ trong HĐXX, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết vụ án.

Bảng 3.7: Kết quả so sánh chéo giữa cấp Tòa án và chất lượng XXST VADS có Hội thẩm tham gia giai đoạn 2020-2025

Cấp Tòa án	Tổng số vụ án đã xét xử	Án sửa do lỗi chủ quan		Án hủy do lỗi chủ quan		Tổng tỷ lệ hủy, sửa
		Số vụ án	Tỷ lệ %	Số vụ án	Tỷ lệ %	
TAND khu vực	494.364	9.331	1,88%	4.119	0,83%	2,71%
TAND cấp tỉnh	42.351	1.363	3,21%	1.210	2,8%	6,01%
Toàn ngành	536.715	10.694	1,99%	5.329	0,99%	2,98%

[Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo của TAND tối cao [86]]

Để nhận diện rõ hơn mối liên hệ giữa cơ cấu nghề nghiệp, chuyên môn của Hội thẩm với chất lượng XXST VADS, luận án tiến hành so sánh, phân tích chéo trên mẫu 100 bản án, quyết định dân sự, kinh doanh thương mại phức tạp có Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm. Kết quả khảo sát được thể hiện tại Bảng 3.8 dưới đây:

Bảng 3.8: Kết quả so sánh, phân tích chéo giữa cơ cấu nghề nghiệp, chuyên môn của Hội thẩm và chất lượng xét xử
(Mẫu khảo sát 100 vụ án phức tạp)

Nhóm nghề nghiệp, chuyên môn của Hội thẩm	Số vụ án khảo sát	Số bản án được giữ nguyên	Tỷ lệ bản án được giữ nguyên	Số bản án bị hủy, sửa do lỗi đánh giá chứng cứ	Tỷ lệ bản án bị hủy, sửa do lỗi đánh giá chứng cứ
Cán bộ, công chức ngành luật, tư pháp	34	32	94,1%	2	5,9%
Chuyên gia chuyên ngành về tài chính, đất đai, kỹ thuật	25	23	92,0%	2	8,0%
Cán bộ hưu trí hành chính	27	22	81,5%	5	18,5%
Cán bộ tổ chức đoàn thể xã hội	14	11	78,6%	3	21,4%
Tổng số	100	88	88,0%	12	12,0%

[Nguồn: Tác giả khảo sát, tổng hợp và mã hóa từ mẫu 100 bản án, quyết định dân sự, kinh doanh thương mại phức tạp có Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm [PL2]]

Từ kết quả so sánh, phân tích chéo tại Bảng 3.8 cho thấy, trong mẫu khảo sát 100 vụ án phức tạp, có sự khác biệt đáng chú ý về chất lượng bản án giữa các nhóm Hội thẩm có nền tảng nghề nghiệp, chuyên môn khác nhau. Nhóm Hội thẩm là cán bộ, công chức ngành luật, tư pháp có tỷ lệ bản án được giữ nguyên cao nhất, đạt 94,1%, tỷ lệ bản án bị hủy, sửa do lỗi đánh giá chứng cứ là 5,9%. Nhóm Hội thẩm là chuyên gia chuyên ngành về tài chính, đất đai, kỹ thuật cũng có tỷ lệ bản án được giữ nguyên tương đối cao, đạt 92,0%, tỷ lệ bản án bị hủy, sửa là 8,0%. Trong khi đó, nhóm Hội thẩm là cán bộ hưu trí hành chính và cán bộ tổ chức đoàn thể xã hội có tỷ lệ bản án bị hủy, sửa cao hơn, lần lượt là 18,5% và 21,4%.

Kết quả này gợi mở mối tương quan giữa nền tảng nghề nghiệp, chuyên môn của Hội thẩm với chất lượng XXST VADS, nhất là đối với các vụ án phức tạp, đòi hỏi khả năng đánh giá chứng cứ, nhận diện quan hệ pháp luật và hiểu biết thực tiễn chuyên ngành. Trong các vụ án liên quan đến tài chính, đất đai, kỹ thuật, kinh doanh thương mại hoặc lĩnh vực chuyên sâu khác, sự tham gia của Hội thẩm có kiến thức pháp luật hoặc chuyên môn phù hợp có thể hỗ trợ tốt hơn cho HĐXX trong việc kiểm chứng chứng cứ, làm rõ bản chất tranh chấp và thảo luận khi nghị án. Ngược lại, khi Hội thẩm thiếu nền tảng chuyên môn phù hợp, thời gian nghiên cứu hồ sơ hạn chế và chủ yếu dựa vào nhận định của Thẩm phán, khả năng tham gia độc lập, phản biện và kiểm soát chất lượng phán quyết sẽ bị thu hẹp.

Tuy nhiên, kết quả phân tích trên mẫu 100 vụ án phức tạp chưa đủ cơ sở để khẳng định quan hệ nhân quả tuyệt đối giữa chuyên môn của Hội thẩm và tỷ lệ bản án bị hủy, sửa trong toàn bộ hoạt động XXST VADS. Dù vậy, kết quả này có giá trị thực tiễn quan trọng, góp phần củng cố nhận định rằng cơ cấu nghề nghiệp, chuyên môn, kinh nghiệm xã hội và mức độ phù hợp của Hội thẩm với tính chất vụ án là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng tham gia xét xử. Từ đó, đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế phân công Hội thẩm theo hướng ngẫu nhiên có điều kiện, tức là ngẫu nhiên trong nhóm Hội thẩm có chuyên môn, kinh

nghiệm hoặc hiểu biết xã hội phù hợp với lĩnh vực tranh chấp; đồng thời tăng cường bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, xét hỏi, đánh giá chứng cứ và nghị án cho Hội thẩm.

Những kết quả trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu. Trước hết, pháp luật tố tụng đã thiết lập cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ cho hoạt động tranh tụng tại phiên tòa, qua đó tạo điều kiện để Hội thẩm tham gia xét hỏi, xem xét chứng cứ, theo dõi tranh luận và cùng HĐXX quyết định các vấn đề phát sinh trong quá trình xét xử. Đồng thời, chủ trương cải cách tư pháp của Đảng về mở rộng tranh tụng, nâng cao chất lượng tranh tụng và bảo đảm phán quyết của Tòa án căn cứ vào kết quả tranh tụng đã tạo nền tảng quan trọng cho việc tổ chức thực hiện các quy định này trong thực tiễn [23], [24], [25], [26].

3.3.3.2. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế chủ yếu ở giai đoạn tranh tụng là chất lượng tham gia kiểm chứng chứng cứ và lập luận của Hội thẩm chưa ổn định, chưa tương xứng với địa vị pháp lý là thành viên HĐXX ngang quyền với Thẩm phán. Hạn chế này thể hiện qua việc quyền xét hỏi của Hội thẩm chưa được thực hiện thường xuyên, vai trò kiểm soát chất lượng tranh luận chưa rõ nét, khả năng đánh giá chứng cứ phức tạp còn gặp nhiều khó khăn và quyền tham gia quyết định tạm ngừng phiên tòa, giám định bổ sung, giám định lại hoặc trở lại việc hỏi chưa được sử dụng thường xuyên.

Thứ nhất, quyền xét hỏi của Hội thẩm trong thực tiễn chưa được thực hiện thường xuyên và chưa thể hiện đầy đủ tính độc lập. Mặc dù pháp luật ghi nhận Hội thẩm có quyền trực tiếp đặt câu hỏi tại phiên tòa, nhưng trong nhiều vụ án, hoạt động xét hỏi vẫn chủ yếu do Thẩm phán chủ tọa điều hành, định hướng và thực hiện. Hội thẩm thường chỉ hỏi bổ sung, hỏi ngắn hoặc không đặt câu hỏi nếu cho rằng các nội dung đã được Thẩm phán làm rõ. Kết quả phỏng vấn chuyên sâu cho thấy 50% ý kiến chuyên gia cho rằng Hội thẩm không có hoạt động đáng kể trong phần tranh tụng, 30% cho rằng có tham gia nhưng hạn chế và chỉ 20% đánh giá Hội thẩm thực hiện tốt vai trò của mình [PL4, Bảng số 7]. Những số liệu này cho thấy quyền xét hỏi của Hội thẩm tuy đã được luật định

nhưng mức độ thực hiện trên thực tế còn chưa tương xứng với vị trí pháp lý của Hội thẩm trong HĐXX.

Thứ hai, việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại một số phiên tòa vẫn còn biểu hiện hình thức, làm hạn chế khả năng phát huy vai trò của Hội thẩm trong kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Thực tiễn cho thấy vẫn còn có vụ án vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc xét xử công khai và tranh tụng, điển hình như Bản án số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 và Bản án số 31/2018/HNGĐ-ST ngày 13/11/2018 của TAND huyện Tĩnh Gia, khi HĐXX chỉ thảo luận, thống nhất việc giải quyết vụ án mà không tiến hành xét xử công khai tại hội trường. Những trường hợp này cho thấy có lúc việc thi hành quy định về tranh tụng chưa bảo đảm đầy đủ yêu cầu công khai, trực tiếp và bằng lời nói của phiên tòa dân sự.

Thứ ba, vai trò của Hội thẩm trong việc kiểm soát chất lượng tranh luận còn chưa rõ nét. Theo quy định, HĐXX có thể yêu cầu các đương sự tranh luận bổ sung hoặc quyết định trở lại việc hỏi. Tuy nhiên, quyền năng này thường do Chủ tọa phiên tòa chủ động điều hành. Hội thẩm ít khi thể hiện rõ yêu cầu độc lập về việc cần tiếp tục làm rõ vấn đề nào trước khi kết thúc tranh tụng. Vì vậy, quyền của Hội thẩm trong định hướng lại quá trình tranh tụng chưa được thể hiện rõ, chủ yếu phụ thuộc vào sự điều hành của Thẩm phán chủ tọa.

Thứ tư, việc Hội thẩm tham gia kiểm tra, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa còn gặp khó khăn trong các vụ án có nhiều tài liệu, chứng cứ phức tạp hoặc chứng cứ chuyên ngành như các tranh chấp về đất đai, tín dụng, ngân hàng, kinh doanh thương mại. Thực tiễn vẫn còn một số bản án bị hủy, sửa do HĐXX đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, chưa toàn diện hoặc chưa gắn chặt với diễn biến tranh tụng, như Bản án số 09/DSST ngày 20/8/2024 của TAND huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; Bản án số 05/DSST ngày 27/01/2025 của TAND huyện Tân Châu, tỉnh An Giang; Bản án số 26/DSST ngày 28/8/2024 của TAND thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Bản án số 02/KDTM-ST ngày 28/9/2022 của TAND huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Ngoài ra, một số vụ án còn cho thấy việc theo dõi, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa chưa đầy đủ, như Bản án sơ thẩm số

45/2022/DS-ST ngày 20/4/2022 của TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; Bản án sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của TAND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; hoặc trường hợp đánh giá chứng cứ chưa phù hợp với hiện trạng khách quan trong Bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 15/02/2023 của TAND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Các ví dụ này cho thấy việc thực hiện quyền kiểm tra, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa của HĐXX, trong đó có Hội thẩm, vẫn còn có lúc chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nguyên tắc tranh tụng.

Thứ năm, việc thực hiện quyền tham gia quyết định tạm ngừng phiên tòa, giám định bổ sung, giám định lại hoặc trở lại việc hỏi chưa được thường xuyên. Đây là những quyền năng quan trọng nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện. Tuy nhiên, Hội thẩm ít khi chủ động đề xuất sử dụng các quyền năng này. Hệ quả là trong một số trường hợp, các tình tiết chưa rõ hoặc chứng cứ chưa được kiểm tra đầy đủ chưa được xử lý kịp thời ngay trong giai đoạn tranh tụng.

Các hạn chế nêu trên cho thấy chất lượng tranh tụng không chỉ phụ thuộc vào việc phiên tòa có diễn ra đúng trình tự hay không, mà còn phụ thuộc vào việc Hội thẩm có thật sự tham gia vào quá trình kiểm chứng chứng cứ và lập luận của các bên hay không. Khi Hội thẩm ít đặt câu hỏi, ít yêu cầu làm rõ mâu thuẫn chứng cứ, ít đề xuất tranh luận bổ sung hoặc trở lại phần hỏi, thì vai trò dân chủ tư pháp của Hội thẩm trong phiên tòa bị thu hẹp, làm giảm khả năng bổ sung góc nhìn xã hội và kinh nghiệm thực tiễn vào quá trình hình thành nhận thức tư pháp.

Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế nêu trên có thể khái quát thành năm nhóm chủ yếu. *Một là*, cơ chế pháp lý bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa còn chưa đầy đủ, thống nhất. Pháp luật TTDS đã ghi nhận nhiều nội dung về tranh tụng nhưng vẫn còn khái quát, thiếu hướng dẫn cụ thể về phương thức bảo đảm tranh tụng, trình tự xử lý khi cần hỏi thêm, tranh luận bổ sung hoặc trở lại việc hỏi và tranh luận. Công tác tổng kết thực tiễn, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và phát triển án lệ trong lĩnh vực này chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu,

dẫn đến cách hiểu, cách thực hiện chưa thống nhất, ảnh hưởng đến mức độ thực hiện quyền năng của Hội thẩm.

Hai là, mô hình phiên tòa dân sự vẫn đặt Chủ tọa phiên tòa ở vị trí trung tâm trong điều hành tranh tụng. Điều này cần thiết để bảo đảm trật tự và tính liên tục của phiên tòa, nhưng cũng dễ làm cho quyền năng của Hội thẩm phụ thuộc vào nhịp điều hành, phạm vi hỏi và định hướng xử lý của Thẩm phán. Khi chưa có cơ chế rõ để Hội thẩm đề xuất hỏi thêm, yêu cầu tranh luận bổ sung hoặc xử lý bất đồng trong HĐXX, vai trò của Hội thẩm dễ bị mờ nhạt vào thẩm quyền chung của HĐXX.

Ba là, điều kiện tiếp cận thông tin và nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm trước phiên tòa còn hạn chế, nhất là trong các vụ án phức tạp, nhiều chứng cứ hoặc có yếu tố chuyên môn sâu. Khi chưa nắm chắc hồ sơ, Hội thẩm khó xác định điểm mâu thuẫn, dự kiến vấn đề cần làm rõ, từ đó việc xét hỏi, kiểm tra chứng cứ hoặc đề xuất tranh luận bổ sung khó đạt hiệu quả thực chất.

Bốn là, công tác bồi dưỡng về tranh tụng, đánh giá chứng cứ và nhận diện chứng cứ đặc thù cho Hội thẩm chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Các tranh chấp dân sự ngày càng đa dạng, liên quan đến đất đai, tín dụng, ngân hàng, kinh doanh thương mại, dữ liệu điện tử hoặc vấn đề kỹ thuật chuyên ngành; trong khi Hội thẩm chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, nên việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa còn gặp khó khăn.

Năm là, một bộ phận Hội thẩm chưa nhận thức đầy đủ giá trị của kết quả tranh tụng đối với việc hình thành phán quyết. Khi tranh tụng chưa được coi là cơ sở trực tiếp để kiểm tra chứng cứ và hình thành nhận thức tư pháp, Hội thẩm dễ phụ thuộc vào hồ sơ hoặc định hướng của Thẩm phán. Đây không chỉ là vấn đề kỹ năng cá nhân, mà còn đặt ra yêu cầu tiếp tục củng cố nhận thức pháp lý về vị trí trung tâm của tranh tụng trong xét xử dân sự.

Nhìn chung, thực tiễn thi hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn tranh tụng vẫn còn khoảng cách giữa quy định pháp luật và mức độ thực hiện. Pháp luật đã ghi nhận quyền hỏi, kiểm tra chứng cứ, yêu cầu

tranh luận bổ sung và tham gia quyết định các vấn đề phát sinh tại phiên tòa, nhưng cơ chế bảo đảm thực hiện còn thiếu cụ thể. Điều này dẫn đến mức độ tham gia của Hội thẩm tại giai đoạn tranh tụng thiếu chủ động, chưa thực chất trong quá trình kiểm tra chứng cứ tại phiên tòa.

3.3.4. Thực tiễn thi hành quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn nghị án và tuyên án

3.3.4.1. Kết quả đạt được

Giai đoạn nghị án và tuyên án là khâu thể hiện tập trung nhất quyền lực xét xử của Hội thẩm, bởi đây là thời điểm Hội thẩm cùng Thẩm phán thảo luận, biểu quyết và quyết định nội dung vụ án. Thực tiễn thi hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm ở giai đoạn này đạt được một số kết quả cơ bản sau đây:

Thứ nhất, sự tham gia của Hội thẩm trong hoạt động nghị án, biểu quyết và tuyên án về cơ bản được bảo đảm đúng thành phần, trình tự và hình thức tổ tụng. Sau khi kết thúc phần tranh luận, HĐXX vào phòng nghị án; chỉ Thẩm phán và Hội thẩm là thành viên HĐXX mới được tham gia nghị án. Nguyên tắc Hội thẩm biểu quyết trước, Thẩm phán chủ tọa biểu quyết sau cùng được thực hiện như một trình tự bắt buộc, góp phần bảo đảm nguyên tắc xét xử tập thể, quyết định theo đa số và khẳng định Hội thẩm là chủ thể trực tiếp tham gia quyết định cuối cùng của vụ án.

Thứ hai, việc lập, ký biên bản nghị án, tuyên án, hoàn thiện và sửa chữa bản án về cơ bản bảo đảm trách nhiệm chung của HĐXX. Biên bản nghị án ghi nhận quá trình thảo luận, kết quả biểu quyết và quyết định của HĐXX; việc Hội thẩm ký biên bản thể hiện trách nhiệm đối với phán quyết chung. Bản án sơ thẩm được tuyên nhân danh Nhà nước, là sản phẩm của cơ chế xét xử tập thể; việc sửa chữa, bổ sung bản án, nếu có, phải được thực hiện theo đúng quy định, góp phần bảo đảm tính hợp pháp, ổn định và minh bạch của phán quyết tư pháp.

Thứ ba, quyền thảo luận dân chủ và thể hiện chính kiến độc lập của Hội thẩm trong phòng nghị án từng bước được bảo đảm tốt hơn. Kết quả khảo sát cho thấy, có 87,5% ý kiến cho rằng Chủ tọa phiên tòa tạo điều kiện tốt hoặc tạo

điều kiện bình thường để Hội thẩm độc lập, trao đổi, bàn bạc dân chủ [PL3, Biểu đồ số 18]. Trong nhiệm kỳ 2016-2021, có 35 lượt Hội thẩm không thống nhất với Thẩm phán chủ tọa khi ra phán quyết; trong đó có 04 vụ án sau đó được Tòa án cấp phúc thẩm phán quyết theo quan điểm của Hội thẩm [79]. Kết quả này cho thấy quyền thể hiện chính kiến độc lập của Hội thẩm trong nghị án không hoàn toàn mang tính hình thức.

Thứ tư, hoạt động nghị án, biểu quyết và tuyên án có Hội thẩm tham gia nhìn chung đáp ứng yêu cầu tố tụng và được xã hội ghi nhận tích cực. Theo thống kê của TAND tối cao, giai đoạn 2020-2025, số bản án, quyết định dân sự sơ thẩm có Hội thẩm tham gia bị sửa do nguyên nhân chủ quan là 10.694 vụ, chiếm khoảng 1,99%; số bản án, quyết định bị hủy do nguyên nhân chủ quan là 5.329 vụ, chiếm 0,99% [86]. Đáng chú ý, tỷ lệ án hủy do nguyên nhân chủ quan có xu hướng giảm dần qua các năm. Kết quả khảo sát cũng cho thấy có 81% ý kiến cho rằng Hội thẩm góp phần quan trọng bảo đảm tính đúng đắn của bản án và 56% ý kiến cho rằng sự tham gia của Hội thẩm trong XXST VADS hiện nay là cần thiết [PL3, Biểu đồ số 6, 7]. Điều này phản ánh ý nghĩa thực tiễn của cơ chế Nhân dân tham gia xét xử thông qua Hội thẩm, góp phần tăng tính dân chủ, sức thuyết phục và niềm tin của Nhân dân đối với Tòa án.

Từ phương diện quyền lực tư pháp, các dữ liệu nêu trên cho thấy cơ chế Hội thẩm tham gia nghị án, biểu quyết và chịu trách nhiệm đối với bản án đã được vận hành trong thực tiễn, góp phần bảo đảm nguyên tắc xét xử tập thể, quyết định theo đa số. Việc ghi nhận 35 lượt Hội thẩm không thống nhất với Thẩm phán chủ tọa và 04 vụ án được cấp phúc thẩm phán quyết theo quan điểm của Hội thẩm cho thấy quyền thể hiện chính kiến độc lập của Hội thẩm không hoàn toàn mang tính hình thức. Kết quả này có được trước hết do BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã thiết lập cơ sở pháp lý tương đối rõ cho hoạt động nghị án, biểu quyết, lập biên bản nghị án, tuyên án, sửa chữa, bổ sung bản án; đồng thời quy định các cơ chế bảo đảm vai trò của Hội thẩm như biểu quyết trước Thẩm phán, quyền bảo lưu ý kiến và trách nhiệm chung đối với bản

án. Bên cạnh đó, cơ chế kiểm tra qua phúc thẩm, giám đốc thẩm, nhận thức ngày càng đầy đủ về nguyên tắc xét xử tập thể, cùng với công tác bồi dưỡng, tập huấn và kinh nghiệm xét xử tích lũy đã góp phần giúp Hội thẩm tham gia thảo luận, biểu quyết và quyết định vụ án nghiêm túc hơn.

3.3.4.2. Những bất cập, hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế chủ yếu ở giai đoạn nghị án và tuyên án là mức độ tác động thực tế của Hội thẩm vào nội dung bản án chưa tương xứng với địa vị pháp lý ngang quyền với Thẩm phán. Hạn chế này thể hiện ở nguy cơ hình thức hóa nguyên tắc Hội thẩm biểu quyết trước, việc ít sử dụng quyền bảo lưu ý kiến thiểu số, tình trạng phụ thuộc vào định hướng chuyên môn của Thẩm phán, trách nhiệm cá nhân của Hội thẩm đối với bản án chưa rõ và một số vi phạm trong nghị án, tuyên án, hoàn thiện bản án.

Thứ nhất, nguyên tắc Hội thẩm biểu quyết trước trong một số trường hợp còn có nguy cơ mang tính hình thức, chưa bảo đảm đầy đủ tính độc lập trong nghị án. Mặc dù BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định Hội thẩm biểu quyết trước, Thẩm phán chủ tọa biểu quyết sau cùng, nhưng thực tiễn cho thấy trình tự này chưa đồng nghĩa với việc chính kiến độc lập của Hội thẩm được thể hiện đầy đủ. Do Thẩm phán là người thụ lý, nghiên cứu hồ sơ xuyên suốt, điều hành phiên tòa nên định hướng giải quyết vụ án của Thẩm phán có thể ảnh hưởng đáng kể đến quá trình thảo luận, biểu quyết của Hội thẩm.

Kết quả khảo sát cho thấy, có đến 84,7% Hội thẩm được hỏi trả lời rằng họ thường thống nhất theo ý kiến của Thẩm phán khi ý kiến của mình khác với ý kiến của Thẩm phán [87, tr.12]. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra tình trạng Hội thẩm thiếu lý lẽ để bảo vệ chính kiến, gần như “phó thác” trách nhiệm cho Chủ tọa phiên tòa [76], hoặc do không có đủ thời gian nghiên cứu hồ sơ như Thẩm phán nên khó thực hiện đầy đủ nhiệm vụ [8, tr.46]. Đáng chú ý, có 47,43% Hội thẩm thừa nhận có cân nhắc ý kiến gợi ý của Thẩm phán về đường lối giải quyết vụ án [13, tr.122]. Ngoài ra, có 59% ý kiến chuyên gia cho rằng Hội thẩm “có bị chịu áp lực đối với hoạt động xét xử” [PL3, Bảng số 20, 21, 22], [PL4, Bảng số

8]. Những số liệu này cho thấy quyền biểu quyết trước tuy là cơ chế pháp lý quan trọng, nhưng chưa loại bỏ hoàn toàn sự phụ thuộc về thông tin, nhận thức và định hướng vào Thẩm phán chủ tọa.

Thứ hai, việc thảo luận và biểu quyết từng vấn đề của vụ án trong một số trường hợp chưa được thực hiện đầy đủ, làm giảm ý nghĩa của nguyên tắc nghị án tập thể. BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) yêu cầu HĐXX căn cứ vào chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và quy định pháp luật để biểu quyết theo đa số về từng vấn đề. Tuy nhiên, trong thực tiễn, đối với một số vụ án đã có định hướng giải quyết rõ hoặc được đánh giá là không phức tạp, quá trình nghị án có thể diễn ra nhanh, chủ yếu tập trung vào kết luận cuối cùng, chưa thảo luận đầy đủ về quan hệ pháp luật tranh chấp, yêu cầu của từng đương sự, giá trị chứng cứ, án phí, chi phí tố tụng và các vấn đề liên quan. Thực tiễn xét xử có một số vụ án bị hủy, sửa do vi phạm những nguyên tắc nêu trên như Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 16/5/2023 của TAND huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của TAND thành phố D, tỉnh Bình Dương. Các trường hợp này cho thấy việc rà soát, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nghị án chưa được thực hiện đầy đủ theo yêu cầu pháp luật.

Thứ ba, quyền bảo lưu ý kiến thiểu số của Hội thẩm chưa được sử dụng phổ biến và chưa trở thành cơ chế bảo vệ hữu hiệu chính kiến độc lập trong phòng nghị án. Pháp luật cho phép thành viên HĐXX có ý kiến khác với đa số được trình bày bằng văn bản và đưa vào hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quyền này ít được thể hiện rõ. Có nghiên cứu cho rằng đến 99,99% nội dung biên bản nghị án trong các VADS tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện tính thống nhất khi HĐXX biểu quyết [61]. Tỷ lệ thống nhất rất cao này không nhất thiết phản ánh sự đồng thuận tuyệt đối về nhận thức tư pháp, mà có thể còn xuất phát từ tâm lý e ngại bất đồng, thiếu cơ chế hỗ trợ lập luận pháp lý hoặc thói quen đề cao sự thống nhất trong nội bộ HĐXX.

Thứ tư, việc đánh giá chứng cứ, vận dụng kết quả tranh tụng và căn cứ pháp luật trong nghị án ở một số vụ án chưa đầy đủ, dẫn đến bản án bị hủy,

sửa hoặc phải khắc phục sau xét xử. Theo tổng hợp của TAND tối cao, từ năm 2023 đến năm 2025 có 07 bản án dân sự sơ thẩm tuyên không rõ ràng, phải giải thích, đính chính hoặc kháng nghị để khắc phục; vẫn còn bản án, quyết định của Tòa án bị hủy, sửa chưa đáp ứng yêu cầu công tác Tòa án. Thực tiễn xét xử có một số vụ án bị hủy, sửa do vi phạm những nguyên tắc tố tụng trong quá trình nghị án như Bản án số 192/2023/DS-PT ngày 29/9/2023 của TAND tỉnh Bình Phước; Bản án số 21/2023/DS-PT ngày 09/01/2023 của TAND tỉnh Tiền Giang; Bản án số 14/2022/DS-ST ngày 26/7/2022 của TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Những ví dụ này cho thấy việc đánh giá chứng cứ, xác định quan hệ pháp luật, áp dụng pháp luật và biểu quyết trong phòng nghị án của HĐXX, trong đó có Hội thẩm, vẫn có trường hợp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu pháp luật.

Thứ năm, việc tuân thủ thủ tục tố tụng ở giai đoạn nghị án, tuyên án và hoàn thiện bản án trong một số trường hợp còn chưa nghiêm. Mặc dù pháp luật quy định biên bản nghị án, bản án phải được các thành viên HĐXX ký đúng thành phần đã xét xử, nhưng thực tiễn vẫn ghi nhận vi phạm nghiêm trọng như Bản án số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 17/4/2019 của TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa; Bản án số 26/DSST ngày 02/7/2021 của TAND thành phố Cần Thơ; Bản án số 07/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của TAND huyện C, tỉnh Hậu Giang. Những vi phạm này xâm hại trực tiếp tính hợp pháp của hoạt động xét xử, làm giảm niềm tin của đương sự và xã hội đối với cơ chế xét xử tập thể. Bên cạnh đó, việc sửa chữa, bổ sung bản án sau khi tuyên tụy phải có sự phối hợp của Hội thẩm, nhưng Hội thẩm ít có điều kiện kiểm soát ranh giới giữa sửa lỗi kỹ thuật và nguy cơ làm thay đổi nội dung bản án.

Các hạn chế nêu trên cho thấy sự can thiệp thực tế của Hội thẩm vào tính công bằng của bản án chưa thể được đánh giá chỉ bằng việc Hội thẩm có ký biên bản nghị án hay có biểu quyết trước hay không. Vấn đề quan trọng hơn là Hội thẩm có đủ thông tin, năng lực lập luận, bản lĩnh độc lập và cơ chế pháp lý để bảo vệ chính kiến của mình trong phòng nghị án hay không. Khi các yếu tố này

chưa được bảo đảm, quyền biểu quyết ngang nhau có thể tồn tại về mặt pháp lý nhưng chưa tạo ra tác động thực chất tương xứng đối với nội dung bản án.

Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế nêu trên có thể khái quát thành bốn nhóm chủ yếu. *Một là*, pháp luật hiện hành mới dừng ở việc ghi nhận các nguyên tắc về nghị án, biểu quyết, bảo lưu ý kiến và sửa chữa bản án, nhưng chưa thiết kế đầy đủ cơ chế bảo đảm thực hiện. Khoảng trống này khiến việc thực hiện quyền của Hội thẩm phụ thuộc nhiều vào cách tổ chức nghị án của từng HĐXX.

Hai là, điều kiện nghiên cứu hồ sơ, theo dõi tranh tụng và chuẩn bị ý kiến nghị án của Hội thẩm còn hạn chế, nhất là đối với các vụ án phức tạp. Thẩm phán là người thụ lý, chuẩn bị xét xử, điều hành phiên tòa; trong khi Hội thẩm hoạt động kiêm nhiệm, thời gian nghiên cứu hồ sơ, theo dõi tranh tụng và chuẩn bị ý kiến nghị án còn hạn chế, nhất là đối với các vụ án phức tạp, nhiều bút lục, nhiều quan hệ pháp luật hoặc đòi hỏi áp dụng pháp luật chuyên sâu. Khi chỉ tiếp cận hồ sơ ở mức hạn chế, Hội thẩm khó nắm chắc chứng cứ và diễn biến tố tụng trước khi nghị án [31, tr.37].

Ba là, cơ chế trách nhiệm và hậu kiểm đối với Hội thẩm còn chưa đủ mạnh. Hội thẩm không phải là công chức Tòa án nên không chịu đầy đủ cơ chế kỷ luật nội bộ của ngành Tòa án. Cơ chế hậu kiểm chủ yếu thông qua xem xét tín nhiệm, tái cử hoặc không tái cử ở nhiệm kỳ sau, chưa đủ tạo áp lực thường xuyên đối với từng vụ án. Thực tiễn cho thấy, dù Hội thẩm chiếm đa số trong HĐXX và phán quyết được quyết định theo đa số, nhưng khi án bị hủy, sửa thì trách nhiệm chủ yếu vẫn đặt lên Thẩm phán [60, tr.37]. Điều này làm cho trách nhiệm cá nhân của Hội thẩm đối với phán quyết chưa được xác lập rõ.

Bốn là, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với Hội thẩm còn hạn chế, chưa tương xứng với vị trí, vai trò và quyền hạn được giao. Cơ chế thanh tra, kiểm tra nội bộ chưa rõ; hoạt động giám sát của các chủ thể còn hình thức; giám sát xã hội chưa được thể chế hóa đầy đủ; pháp luật chưa có hệ thống tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và cơ chế đánh giá chuyên biệt đối với Hội thẩm. Những

hạn chế này làm giảm hiệu quả kiểm soát hoạt động xét xử của Hội thẩm, ảnh hưởng đến trách nhiệm cá nhân và tính thực chất của nguyên tắc xét xử tập thể.

Thực tiễn cho thấy Hội thẩm đã tham gia thường xuyên vào hoạt động XXST VADS, góp phần bảo đảm nguyên tắc xét xử tập thể, quyết định theo đa số và thể hiện cơ chế Nhân dân tham gia tư pháp. Tuy nhiên, giữa địa vị pháp lý và khả năng thực hiện quyền năng xét xử của Hội thẩm vẫn còn khoảng cách, chủ yếu do bất cập trong tiếp cận thông tin, tham gia tranh tụng, nghị án, biểu quyết và chịu trách nhiệm đối với bản án. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện theo hướng phân công Hội thẩm phù hợp với tính chất vụ án, nâng cao kỹ năng đánh giá chứng cứ, bảo vệ chính kiến độc lập khi nghị án và xác định rõ hơn trách nhiệm đối với phán quyết của HĐXX. Đây là cơ sở thực tiễn để luận án đề xuất các giải pháp tại Chương 4.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trong Chương 3, luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND. Trên cơ sở khảo cứu tình hình đội ngũ Hội thẩm, các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm trong các giai đoạn XXST VADS, luận án đã làm rõ vai trò của Hội thẩm từ khi nghiên cứu hồ sơ, tham gia phần bắt đầu phiên tòa, tranh tụng, đến nghị án và tuyên án. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Hội thẩm đã góp phần bảo đảm nguyên tắc xét xử có đại diện Nhân dân tham gia, cùng Thẩm phán xem xét, đánh giá chứng cứ, quyết định các vấn đề tố tụng và nội dung vụ án, qua đó góp phần bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Sự tham gia của Hội thẩm cũng góp phần bổ sung kinh nghiệm xã hội, lẽ công bằng và tiếng nói của Nhân dân vào hoạt động XXST VADS.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy giữa địa vị pháp lý của Hội thẩm và khả năng thực hiện quyền năng xét xử vẫn còn khoảng cách nhất định. Khoảng cách này thể hiện ở việc Hội thẩm chưa được bảo đảm đầy đủ điều kiện tiếp cận hồ sơ, nghiên cứu chứng cứ, tham gia kiểm soát điều kiện xét xử, tranh tụng, nghị

án, biểu quyết và tác động thực chất vào nội dung bản án. Một số hạn chế nổi lên là cơ chế phân công Hội thẩm chưa gắn chặt với chuyên môn, kinh nghiệm và tính chất vụ án; vai trò của Hội thẩm trong xét hỏi, tranh tụng, kiểm chứng chứng cứ còn chưa ổn định. Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có sự chưa hoàn thiện của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm; bất cập trong cơ chế lựa chọn, quản lý, phân công, bồi dưỡng Hội thẩm; điều kiện bảo đảm hoạt động chưa tương xứng; nhận thức về vai trò thực chất của Hội thẩm trong thực hiện và kiểm soát QTP còn chưa đầy đủ. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để Chương 4 của luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng NNQP XHCN.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

Bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND phải được đặt trong tổng thể đường lối của Đảng về cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện NNQP XHCN Việt Nam. Nếu Nghị quyết số 49-NQ/TW đặt trọng tâm vào xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, xác định xét xử là trung tâm và tranh tụng là khâu đột phá, thì Nghị quyết số 27-NQ/TW tiếp tục phát triển tư duy đó trong khuôn khổ rộng hơn của NNQP XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Theo đó, hoạt động tư pháp không chỉ cần được cải cách về tổ chức, thủ tục và phương thức xét xử, mà còn phải gắn với yêu cầu kiểm soát quyền lực nhà nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân và xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Từ sự chuyển dịch tư duy đó, cơ chế Hội thẩm tham gia XXST VADS cần được nhận thức không chỉ như một hình thức nhân dân tham gia xét xử, mà là một phương thức để Nhân dân tham gia thực hiện QTP và kiểm soát quyền lực xét xử từ bên trong HĐXX. Vì vậy, các quan điểm bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm phải hướng tới việc thực chất hóa địa vị pháp lý của Hội thẩm, bảo đảm Hội thẩm có đủ điều kiện độc lập, ngang quyền, có năng lực tham gia tranh tụng, nghị án, biểu quyết và chịu trách nhiệm đối với bản án.

4.1.1. Bảo đảm hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm trên nền tảng quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân và cơ chế Nhân dân tham gia thực hiện quyền tư pháp

Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Trong lĩnh vực

tư pháp, nguyên tắc này không chỉ được thể hiện thông qua cơ chế giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của Tòa án, mà còn được thể hiện trực tiếp thông qua chế định Hội thẩm tham gia xét xử. Hội thẩm là chủ thể đại diện cho Nhân dân tham gia vào quá trình xét xử, cùng Thẩm phán xem xét chứng cứ, thảo luận, biểu quyết và quyết định vụ án theo quy định của pháp luật.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng khẳng định: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trên thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực” [27, tr.84-85]. Quan điểm này phải được “thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm” [27, tr.85], đồng thời cần “có cơ chế, pháp luật để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình” [27, tr.240]. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; thực hiện hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [20, tr.74].

Trong điều kiện xây dựng NNQP XHCN Việt Nam theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, quyền làm chủ của Nhân dân trong hoạt động tư pháp không thể chỉ dừng ở việc ghi nhận sự hiện diện của Hội thẩm trong thành phần HĐXX. Yêu cầu đặt ra là phải bảo đảm để Hội thẩm có khả năng tham gia thực chất vào quá trình hình thành phán quyết tư pháp. Nhân dân tham gia xét xử thông qua Hội thẩm chỉ có ý nghĩa đầy đủ khi Hội thẩm được tiếp cận thông tin, được nghiên cứu hồ sơ, được hỏi, được tranh luận, được nghị án, được biểu quyết và được bảo vệ chính kiến độc lập theo đúng địa vị pháp lý của mình.

Tòa án là cơ quan xét xử, thực hiện QTP, có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Trong hoạt động XXST VADS, sự tham gia của Hội thẩm góp phần bổ sung kinh nghiệm xã hội, lẽ công bằng, nhận thức đời sống và tiếng nói

của Nhân dân vào quá trình giải quyết tranh chấp. Vì vậy, phát huy vai trò của Hội thẩm không chỉ nhằm bảo đảm tính dân chủ của hoạt động xét xử, mà còn nhằm củng cố tính chính đáng xã hội của bản án, quyết định của Tòa án.

Quan điểm bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân trong hoạt động XXST VADS vì vậy phải được chuyển từ tư duy “có Hội thẩm tham gia” sang tư duy “Hội thẩm tham gia thực chất”. Đây là yêu cầu trực tiếp của Nhà nước pháp quyền, bởi trong Nhà nước pháp quyền, quyền lực tư pháp không chỉ phải được thực hiện đúng pháp luật, mà còn phải được kiểm soát, được xã hội thừa nhận và được vận hành trên nền tảng phục vụ Nhân dân.

4.1.2. Bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm gắn với sự chuyển dịch từ tư duy cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW sang tư duy hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết số 27-NQ/TW

Bảo đảm và nâng cao hiệu quả hoạt động XXST VADS của Hội thẩm xuất phát từ yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng NNPQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nghị quyết số 49-NQ/TW đặt ra mục tiêu “xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”; đồng thời yêu cầu “đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, vai trò, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công bằng, dân chủ, nghiêm minh” [18].

Tuy nhiên, trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 27-NQ/TW đã phát triển yêu cầu cải cách tư pháp lên một tầm nhận thức rộng hơn, đặt hoạt động tư pháp trong tổng thể xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam. Nếu Nghị quyết số 49-NQ/TW nhấn mạnh yêu cầu cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp, xác định xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá, thì Nghị quyết số 27-NQ/TW nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận; bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; đồng thời xác định nhiệm vụ đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án [23].

Sự chuyển dịch này có ý nghĩa quan trọng đối với việc hoàn thiện chế định Hội thẩm. Theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, việc bảo đảm hoạt động của Hội thẩm gắn với yêu cầu đổi mới phiên tòa, tăng cường tranh tụng, xác định rõ hơn vị trí, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể tiến hành tố tụng. Theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, yêu cầu đó cần được tiếp tục phát triển thành bảo đảm cơ chế Nhân dân tham gia xét xử một cách thực chất, hiệu quả, có khả năng góp phần kiểm soát quyền lực tư pháp, bảo vệ công lý và nâng cao chất lượng bản án.

Vì vậy, bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm phải hướng tới ba chuyển đổi cơ bản: từ bảo đảm sự tham gia về hình thức sang bảo đảm sự tham gia thực chất; từ chú trọng cơ cấu đại diện sang kết hợp hài hòa giữa cơ cấu, năng lực và trách nhiệm; từ bảo đảm sự có mặt của Hội thẩm trong HĐXX sang bảo đảm Hội thẩm có khả năng tham gia thực chất vào tranh tụng, nghị án, biểu quyết và quá trình hình thành nội dung bản án.

Trong bối cảnh thẩm quyền của Tòa án ngày càng mở rộng, số lượng và tính chất VADS ngày càng đa dạng, phức tạp, cơ chế Hội thẩm tham gia xét xử cũng cần được đổi mới theo hướng thực chất, có trọng tâm, trọng điểm, không chỉ là mở rộng số lượng tham gia. Đối với các VADS có tính chuyên môn sâu, việc lựa chọn, phân công Hội thẩm cần chú trọng hơn đến tiêu chí chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực thực tế và khả năng tham gia hiệu quả vào quá trình đánh giá chứng cứ, tranh tụng, nghị án.

Chủ trương xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân đòi hỏi không chỉ nâng cao vai trò của Tòa án và Thẩm phán, mà còn phải nâng cao chất lượng hoạt động của Hội thẩm. Với vị trí là thành viên HĐXX, trong nhiều trường hợp chiếm đa số trong thành phần xét xử sơ thẩm, Hội thẩm không thể chỉ được nhìn nhận như yếu tố đại diện xã hội, mà phải được bảo đảm về năng lực, điều kiện và trách nhiệm để cùng Thẩm phán thực hiện QTP.

4.1.3. Bảo đảm tính độc lập, ngang quyền và trách nhiệm của Hội thẩm trong cơ chế kiểm soát quyền lực tư pháp

Độc lập xét xử là yêu cầu cơ bản của mọi Nhà nước pháp quyền, là tiền đề để thực thi quyền lực nhà nước và kiểm soát quyền lực nhà nước. Khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”. Nguyên tắc này khẳng định địa vị độc lập của Hội thẩm khi tham gia xét xử, đồng thời đặt ra yêu cầu phải có cơ chế pháp lý và điều kiện thực tế để bảo đảm sự độc lập đó.

Tuy nhiên, bảo đảm độc lập xét xử luôn phải đặt trong tương quan hợp lý với yêu cầu kiểm soát QTP. Nếu kiểm soát quá chặt, độc lập tư pháp có thể bị xâm hại; nếu tuyệt đối hóa độc lập, việc kiểm soát quyền lực tư pháp lại kém hiệu quả. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với hoạt động xét xử của Tòa án nói chung và hoạt động XXST VADS của Hội thẩm nói riêng là bảo đảm QTP vận hành trong khuôn khổ quyền lực nhân dân, chịu sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Nhân dân và sự kiểm soát của các quyền lực nhà nước khác, nhưng vẫn giữ được quyền năng độc lập của tư pháp trên nền tảng pháp luật.

Trong NNQP XHCN Việt Nam, độc lập của Hội thẩm không thể chỉ được hiểu là không bị can thiệp từ bên ngoài, mà còn phải được hiểu là khả năng hình thành chính kiến độc lập trong nội bộ HĐXX. Thực tiễn cho thấy, nếu Hội thẩm không có đủ thời gian nghiên cứu hồ sơ, không được tiếp cận thông tin đầy đủ, không có kỹ năng đánh giá chứng cứ, không được bảo đảm quyền hỏi, quyền tham gia tranh tụng, quyền nghị án và bảo lưu ý kiến thì nguyên tắc ngang quyền với Thẩm phán khó có thể vận hành thực chất.

Ở Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao vai trò của Hội thẩm trong XXST VADS phải gắn với cải cách đồng bộ các thiết chế quyền lực nhà nước, bảo đảm hoạt động xét xử thực sự độc lập, khách quan và chịu trách nhiệm. Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập thực chất, không chỉ độc lập về hình thức; nếu không, phán

quyết của Tòa án có nguy cơ thiếu khách quan, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và làm suy giảm niềm tin xã hội đối với Tòa án.

Bảo đảm tính độc lập của Hội thẩm vì vậy phải gắn liền với bảo đảm trách nhiệm. Hội thẩm được trao quyền ngang với Thẩm phán trong xét xử thì cũng phải có trách nhiệm tương xứng đối với việc nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét hỏi, đánh giá chứng cứ, nghị án, biểu quyết và nội dung bản án. Chỉ khi quyền và trách nhiệm được thiết kế cân bằng, cơ chế Hội thẩm mới thật sự trở thành một hình thức kiểm soát quyền lực xét xử từ bên trong, chứ không chỉ là biểu hiện hình thức của nguyên tắc xét xử có đại diện nhân dân.

Dưới góc độ khoa học pháp lý, bảo đảm độc lập xét xử của Hội thẩm còn gắn với yêu cầu hài hòa giữa tính pháp lý và tính xã hội trong XXST VADS. Tính pháp lý là khuôn khổ thượng tôn pháp luật, đòi hỏi tuân thủ nghiêm quy phạm và thủ tục tố tụng; trong khi tính xã hội giúp phán quyết tiếp cận được các giá trị đạo đức, tập quán, lẽ công bằng và sự thấu cảm đời sống. Với tư cách đại diện nhân dân, Hội thẩm là chủ thể kết nối giữa pháp luật và thực tiễn xã hội, góp phần tránh tình trạng tư pháp khép kín, máy móc, xa rời đời sống. Một bản án dân sự sơ thẩm có sự kết hợp giữa tư duy pháp lý của Thẩm phán và nhãn quan xã hội của Hội thẩm sẽ có điều kiện đạt tới công lý vừa đúng luật, vừa hợp lòng dân.

4.1.4. Bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm gắn với mục tiêu bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và nâng cao chất lượng bản án dân sự sơ thẩm

Hiến pháp năm 2013 khẳng định Tòa án là cơ quan thực hiện QTP tại Điều 102; đồng thời hiến định nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân là sứ mệnh hàng đầu của Tòa án. Đây là sự thay đổi quan trọng trong nhận thức của Đảng và Nhà nước về vai trò của Tòa án trong NN PQ XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Về bản chất, sự hiện diện của Tòa án là để bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người và bảo vệ trật tự pháp luật.

Hội thẩm, với tư cách thành viên HĐXX, cùng Thẩm phán thực hiện các nguyên tắc hiến định trong hoạt động xét xử. Việc XXST VADS có Hội thẩm

tham gia vừa bảo đảm quyền của công dân được tham gia công việc của Nhà nước, vừa góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và làm cho việc xét xử khách quan, phù hợp hơn với thực tiễn đời sống xã hội.

Trong TTDS, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân trước hết thể hiện ở việc bảo đảm quyền tiếp cận Tòa án, quyền được xét xử công bằng, quyền tranh tụng, quyền tự định đoạt, quyền bình đẳng của các đương sự và quyền được bảo vệ tài sản, nhân thân, gia đình, lao động, kinh doanh hợp pháp. Vì vậy, hoạt động xét xử của Hội thẩm không thể tách rời yêu cầu nâng cao chất lượng tranh tụng và chất lượng bản án. Hội thẩm chỉ có thể góp phần bảo vệ công lý khi có khả năng tham gia thực chất vào quá trình kiểm chứng chứng cứ, lắng nghe tranh luận, đánh giá lập luận của các bên và cùng Thẩm phán quyết định vụ án trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Một trong những yêu cầu cơ bản của Nhà nước pháp quyền là bảo đảm xã hội công bằng, ổn định và phát triển. Thủ tục tố tụng chặt chẽ, công bằng là điều kiện quan trọng để bảo vệ quyền con người. Do đó, bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm chính là bảo đảm cơ chế bảo vệ công bằng, công lý và các quyền cơ bản của con người trong lĩnh vực tư pháp dân sự.

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng ở Chương 3 cho thấy, chất lượng tham gia của Hội thẩm có quan hệ trực tiếp với khả năng tiếp cận hồ sơ, kỹ năng đánh giá chứng cứ, mức độ tham gia tranh tụng, nghị án, biểu quyết và trách nhiệm đối với bản án. Vì vậy, quan điểm bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm phải hướng tới việc làm cho Hội thẩm có đủ năng lực và điều kiện tác động thực tế vào nội dung phán quyết. Bảo vệ công lý không chỉ là mục tiêu chung của Tòa án, mà phải được cụ thể hóa trong từng hành vi tố tụng của Hội thẩm, từ nghiên cứu hồ sơ, xét hỏi, tranh tụng đến nghị án và biểu quyết.

Để xây dựng nền tư pháp trong sạch, chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, triển khai đầy đủ các nguyên tắc hiến định về tổ chức và hoạt động của Tòa án nói chung, của Hội thẩm nói riêng trong thực hiện sứ mệnh bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

4.1.5. Bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiện đại, hội nhập và các điều kiện thực chất cho hoạt động xét xử của Hội thẩm

Hợp tác quốc tế về tư pháp có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng, góp phần thể chế hóa đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, tăng cường hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết số 49-NQ/TW xác định yêu cầu tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia, tiếp tục ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp với các nước. Nghị quyết số 27-NQ/TW tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả xung đột về thẩm quyền, pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác; thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, Việt Nam đã tham gia nhiều điều ước quốc tế liên quan đến quyền con người và hoạt động tư pháp. Các chuẩn mực về tư pháp độc lập, minh bạch, công khai, công bằng trong xét xử được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế có nhiều điểm tương đồng với các nguyên tắc hiến định của Việt Nam. Tuyên ngôn Nhân quyền quốc tế năm 1948 tại Điều 10 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 tại Điều 14 đều ghi nhận quyền được xét xử công bằng, công khai bởi Tòa án có thẩm quyền, độc lập, khách quan, công minh. Tương ứng, Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định TAND có nhiệm vụ bảo vệ công lý; Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; TAND xét xử công khai.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu tương thích với chuẩn mực tư pháp quốc tế và xu thế hội nhập không chỉ đặt ra đối với Tòa án và Thẩm phán, mà còn đặt ra đối với cơ chế Nhân dân tham gia xét xử thông qua Hội thẩm. Một nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại không thể chỉ dựa trên sự chuyên nghiệp của Thẩm phán, mà còn đòi hỏi những chủ thể cùng tham gia hình thành phán quyết, trong đó có Hội thẩm, phải được lựa chọn, bồi dưỡng, phân công và bảo đảm điều kiện hoạt động phù hợp.

Do đó, tổ chức và hoạt động của Tòa án, trình tự, thủ tục xét xử và phương thức làm việc của đội ngũ Hội thẩm cần được hoàn thiện theo hướng chuyên

nghiệp, hiện đại, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và yêu cầu hội nhập. Hoạt động tư pháp dân sự phải có khả năng ngăn ngừa, giải quyết nhanh chóng, hợp lý, hiệu quả các tranh chấp dân sự, kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới nhận thức, quy định pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hoạt động tư pháp dân sự; đồng thời cho phép Việt Nam kế thừa, chọn lọc những thành tựu khoa học pháp lý tiên bộ, hoàn thiện mô hình TTDS và cơ chế Nhân dân tham gia xét xử.

Tính chuyên nghiệp của Hội thẩm không đồng nhất với việc biến Hội thẩm thành Thẩm phán chuyên nghiệp, mà là bảo đảm để Hội thẩm có đủ năng lực tối thiểu, kỹ năng cần thiết và điều kiện thực tế để thực hiện vai trò của mình một cách độc lập, trách nhiệm. Đối với các VADS, kinh doanh thương mại, lao động, đất đai, tài chính, tín dụng, thừa kế hoặc các tranh chấp có yếu tố chuyên môn sâu, việc phân công Hội thẩm cần tính đến sự phù hợp giữa nền tảng nghề nghiệp, kinh nghiệm xã hội, hiểu biết chuyên môn của Hội thẩm với tính chất vụ án. Đây là yêu cầu xuất phát từ chính thực tiễn xét xử và phù hợp với định hướng xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại trong giai đoạn mới.

Dưới góc độ khoa học pháp lý, hiệu quả hoạt động XXST VADS của Hội thẩm còn đòi hỏi sự đồng bộ của các yêu cầu: bảo đảm trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương và đạo đức nghề nghiệp của Hội thẩm; bảo đảm năng lực chuyên môn; và bảo đảm điều kiện thực thi. Cần xác lập hệ thống quy tắc ứng xử, cơ chế giám sát đa chiều từ Tòa án, cơ quan dân cử và Nhân dân nhằm bảo vệ tính độc lập, khách quan, ngăn ngừa tình trạng “án tại hồ sơ” và sự chi phối của các quan hệ lợi ích. Đồng thời, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng xét xử VADS là điều kiện để Hội thẩm có tiếng nói phản biện thực chất, ngang quyền với Thẩm phán.

Bảo đảm điều kiện thực chất cho Hội thẩm cũng là một nội dung quan trọng của tư duy Nhà nước pháp quyền theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Hội thẩm không thể độc lập, ngang quyền và chịu trách nhiệm nếu thiếu thời gian nghiên cứu hồ sơ, thiếu tài liệu, thiếu bồi dưỡng kỹ năng, thiếu cơ chế bảo vệ chính kiến, thiếu chế độ đãi ngộ phù hợp và thiếu cơ chế đánh giá trách nhiệm rõ ràng. Vì vậy, cùng với hoàn thiện pháp luật, cần cải cách cơ chế phân công, chế

độ thù lao, bảo đảm quỹ thời gian nghiên cứu hồ sơ, ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên sâu và xây dựng cơ chế bảo vệ Hội thẩm khi thực hiện nhiệm vụ xét xử.

Tóm lại, các quan điểm bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm phải được đặt trong sự phát triển tư duy từ cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW sang hoàn thiện NNQP XHCN Việt Nam theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Trên nền tảng đó, việc hoàn thiện chế định Hội thẩm không chỉ nhằm duy trì cơ chế Nhân dân tham gia xét xử, mà quan trọng hơn là thực chất hóa cơ chế Nhân dân tham gia thực hiện và kiểm soát QTP, góp phần bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và nâng cao chất lượng bản án dân sự sơ thẩm.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA HỘI THẨM TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

Từ kết quả nghiên cứu lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm, việc đề xuất giải pháp bảo đảm cần được đặt trong tư duy thiết kế hệ thống, phù hợp với định hướng tiếp tục xây dựng, hoàn thiện NNQP XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Các giải pháp không chỉ nhằm khắc phục từng hạn chế cụ thể, mà còn phải hướng tới thực chất hóa cơ chế Nhân dân tham gia xét xử, bảo đảm Hội thẩm có đủ địa vị pháp lý, năng lực, điều kiện và trách nhiệm để cùng Thẩm phán thực hiện QTP.

Theo đó, các giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm cần được triển khai trên ba nhóm chính: nhóm giải pháp về mô hình hiến định và định hướng chính trị - pháp lý; nhóm giải pháp về hoàn thiện luật thực định; và nhóm giải pháp về thiết chế, tổ chức thực thi. Điều này giúp khắc phục tình trạng các giải pháp rời rạc, đồng thời xử lý mối quan hệ giữa yêu cầu dân chủ tư pháp, yêu cầu chuyên môn hóa và yêu cầu khách quan, vô tư trong phân công Hội thẩm.

4.2.1. Nhóm giải pháp về mô hình hiến định và định hướng chính trị - pháp lý của cơ chế Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

4.2.1.1. Nhận thức đúng cơ chế Hội thẩm là phương thức Nhân dân tham gia thực hiện và kiểm soát quyền tư pháp

Trong hoạt động XXST VADS, nhiệm vụ quan trọng nhất của HĐXX là ban hành bản án, quyết định khách quan, đúng pháp luật, bảo vệ công lý, bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Hội thẩm phải nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình khi tham gia xét xử. Đồng thời, Nhà nước và xã hội cũng cần có nhận thức đầy đủ, thống nhất về vai trò của Hội thẩm trong hoạt động tư pháp.

Trong điều kiện thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, nhận thức về Hội thẩm cần được chuyển từ tư duy “tham gia cho đủ thành phần HĐXX” sang tư duy “tham gia thực chất vào việc thực hiện và kiểm soát QTP”. Hội thẩm không chỉ là biểu hiện của nguyên tắc Nhân dân tham gia xét xử, mà còn là chủ thể cùng Thẩm phán xem xét chứng cứ, đánh giá kết quả tranh tụng, nghị án, biểu quyết và chịu trách nhiệm đối với bản án. Vì vậy, nâng cao nhận thức về Hội thẩm phải gắn với yêu cầu xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về XXST VADS có sự tham gia của Hội thẩm là đúng đắn, phù hợp với bản chất dân chủ của NNPQ XHCN Việt Nam. Trong quá trình hình thành và phát triển của hệ thống Tòa án, Hội thẩm đã cùng Thẩm phán tham gia xét xử, góp phần bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Hoạt động xét xử của Hội thẩm góp phần đưa tiếng nói của Nhân dân vào quá trình thực hiện QTP, bổ sung kinh nghiệm xã hội, lẽ công bằng và nhận thức đời sống vào quá trình hình thành phán quyết.

Do đó, cần tiếp tục nâng cao nhận thức của Chánh án Tòa án, Thẩm phán, đội ngũ công chức Tòa án, Kiểm sát viên, luật sư, người tham gia tố tụng, cơ quan nơi Hội thẩm công tác và chính bản thân Hội thẩm về vai trò thực chất của chế định này. Nhận thức đúng sẽ tạo điều kiện để Hội thẩm được tôn trọng, được bảo đảm thời gian nghiên cứu hồ sơ, được tham gia tranh tụng, nghị án, biểu quyết và được bảo vệ chính kiến độc lập. Ngược lại, nếu vẫn coi Hội thẩm là thành phần mang tính hình thức, thì dù pháp luật có quy định ngang quyền, hoạt động xét xử của Hội thẩm vẫn khó phát huy hiệu quả.

4.2.1.2. Định hình mô hình Hội thẩm theo hướng kết hợp giữa tính đại diện nhân dân và tính chuyên môn phù hợp với loại vụ án

Một trong những yêu cầu đặt ra trong giai đoạn hiện nay là phải xác định rõ mô hình Hội thẩm trong XXST VADS. Việc duy trì chế định Hội thẩm là cần thiết để bảo đảm tính dân chủ và tính nhân dân của nền tư pháp. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy nếu chỉ nhấn mạnh yếu tố đại diện mà không quan tâm đúng mức đến năng lực chuyên môn, kinh nghiệm xã hội, kỹ năng xét xử và khả năng tham gia tranh tụng, nghị án thì sự tham gia của Hội thẩm có nguy cơ dừng ở hình thức.

Kết quả khảo sát cho thấy có 65% ý kiến cho rằng cơ cấu, thành phần Hội thẩm tham gia Hội đồng XXST VADS hiện nay là “không phù hợp”, trong khi chỉ có 32% cho rằng “phù hợp” và 3% có ý kiến khác [PL3, Biểu đồ số 9]. Ở câu hỏi khác đánh giá về sự tham gia hoạt động XXST VADS của Hội thẩm, có 44% cho rằng “không phù hợp và nên có sự thay đổi” [PL3, Biểu đồ số 7]. Kết quả phỏng vấn chuyên sâu 10 chuyên gia cho thấy 80% ý kiến cho rằng quy định hiện hành về thành phần Hội thẩm tham gia Hội đồng XXST VADS là “không phù hợp”, chỉ có 20% ý kiến cho rằng “phù hợp”; về đề xuất mô hình Hội thẩm trong TTDS thời gian tới, có 70% ý kiến chuyên gia cho rằng cần lựa chọn “mô hình pha trộn bao gồm Hội thẩm chuyên gia và Hội thẩm là công dân thường” [PL4, Bảng số 2].

Từ cơ sở đó, luận án đề xuất định hình mô hình Hội thẩm trong XXST VADS theo hướng pha trộn: vừa duy trì Hội thẩm là những công dân tiêu biểu đại diện cho Nhân dân, vừa phát triển nhóm Hội thẩm có chuyên môn, kinh nghiệm hoặc hiểu biết xã hội phù hợp với một số loại tranh chấp đặc thù. Mô hình này không làm mất đi bản chất nhân dân của chế định Hội thẩm, mà làm cho sự tham gia của Nhân dân trong xét xử trở nên thực chất hơn, nhất là trong các VADS, kinh doanh thương mại, đất đai, lao động, tài chính, tín dụng, sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin hoặc các tranh chấp có yếu tố chuyên môn sâu.

Theo hướng này, không nên tuyệt đối hóa mô hình “Hội thẩm công dân thường” cũng không nên “Thẩm phán hóa” đội ngũ Hội thẩm. Tính chuyên môn của Hội thẩm cần được hiểu là sự phù hợp về nền tảng nghề nghiệp, kinh nghiệm xã hội, hiểu biết chuyên ngành và năng lực tham gia xét xử đối với từng nhóm

vụ án, chứ không phải biến Hội thẩm thành Thẩm phán chuyên nghiệp. Đây là điểm cân bằng giữa yêu cầu dân chủ tư pháp và yêu cầu chuyên nghiệp hóa nền tư pháp trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW.

4.2.1.3. Nghiên cứu xây dựng Luật Hội thẩm để nâng cao địa vị pháp lý của thiết chế Nhân dân tham gia xét xử

Trên thế giới hiện nay, kỹ thuật lập pháp điều chỉnh cơ chế người dân tham gia xét xử đang có sự chuyển dịch theo ba xu hướng chủ yếu. Thứ nhất là xu hướng pháp điển hóa chuyên ngành, thể hiện ở Đạo luật lựa chọn và phục vụ bồi thẩm đoàn năm 1968 của Hoa Kỳ được pháp điển trong Tiêu đề 28 Bộ luật Hoa Kỳ; Luật Bồi thẩm đoàn năm 1974 áp dụng tại Anh và xứ Wales, cùng các quy định tương ứng trong pháp luật của Úc và Canada. Thứ hai là xu hướng ban hành đạo luật độc lập điều chỉnh trực tiếp cơ chế người dân tham gia xét xử, tiêu biểu như Đạo luật về sự tham gia của công dân vào phiên tòa hình sự năm 2007 của Hàn Quốc và Đạo luật Saiban-in năm 2004 của Nhật Bản. Thứ ba là xu hướng hội tụ lập pháp, kết hợp giữa yếu tố đại diện nhân dân và yếu tố chuyên môn trong hoạt động xét xử, thể hiện qua Luật Hội thẩm nhân dân năm 2018 của Trung Quốc và Luật Liên bang về Hội thẩm viên thương mại tại Tòa án Trọng tài năm 2001 của Liên bang Nga.

Ở Việt Nam, chế định Hội thẩm là một thiết chế hiến định, phản ánh bản chất dân chủ của NNQP XHCN Việt Nam và nguyên tắc Nhân dân tham gia thực hiện QTP. Trong bối cảnh Nghị quyết số 27-NQ/TW đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án, cần nghiên cứu xây dựng Luật Hội thẩm hoặc một đạo luật chuyên biệt về cơ chế Nhân dân tham gia xét xử. Việc ban hành đạo luật này nhằm thể chế hóa đầy đủ hơn nguyên tắc hiến định về sự tham gia của Nhân dân trong hoạt động tư pháp; đồng thời khắc phục tình trạng các quy định về Hội thẩm hiện nay còn phân tán, thiếu đồng bộ trong nhiều văn bản pháp luật về tổ chức Tòa án và tố tụng.

Về nội dung, Luật Hội thẩm hoặc đạo luật chuyên biệt về cơ chế Nhân dân tham gia xét xử cần quy định thống nhất về vị trí pháp lý, tiêu chuẩn, cơ cấu, quy trình lựa chọn, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quản lý, phân công, bồi dưỡng, đánh

giá, khen thưởng, xử lý trách nhiệm, chế độ, chính sách và bảo vệ Hội thẩm. Đồng thời, cần tạo cơ sở pháp lý để thiết kế mô hình Hội thẩm phù hợp với yêu cầu mới, trong đó có mô hình Hội thẩm pha trộn, cơ chế phân loại Hội thẩm theo lĩnh vực chuyên môn, cơ chế phân công ngẫu nhiên có điều kiện, cơ chế bảo vệ tính độc lập, chính kiến của Hội thẩm và cơ chế trách nhiệm tương xứng với quyền hạn trong xét xử.

Về phương diện thực tiễn, việc xây dựng Luật Hội thẩm sẽ góp phần tháo gỡ những hạn chế trong cơ chế tổ chức và hoạt động của Hội thẩm; hạn chế sự lệ thuộc mang tính hình thức của Đoàn Hội thẩm vào Tòa án; bảo đảm thực chất hơn nguyên tắc độc lập xét xử và nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán. Đồng thời, đạo luật này cũng tạo cơ sở pháp lý để tiếp thu hợp lý xu hướng Hội thẩm chuyên gia, nhất là trong xét xử các VADS, kinh doanh thương mại phức tạp, đòi hỏi kiến thức chuyên sâu về tài chính, đất đai, kỹ thuật, thương mại hoặc các lĩnh vực xã hội đặc thù.

Đây là giải pháp ở tầng mô hình hiến định - thể chế, có ý nghĩa tạo nền tảng cho các giải pháp cụ thể về luật thực định và tổ chức thực thi. Nếu không có khuôn khổ pháp lý thống nhất, các giải pháp về phân công, bồi dưỡng, đãi ngộ, giám sát và xác định trách nhiệm của Hội thẩm sẽ tiếp tục bị phân tán, thiếu đầu mối chịu trách nhiệm và khó tạo chuyển biến thực chất trong hoạt động XXST VADS. Do đó, việc ban hành Luật Hội thẩm hoặc đạo luật chuyên biệt về cơ chế Nhân dân tham gia xét xử không chỉ có ý nghĩa hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động xét xử, mà còn góp phần bảo vệ tính độc lập tư pháp, nâng cao chất lượng phán quyết và củng cố cơ chế Nhân dân tham gia xét xử trong NN PQ XHCN Việt Nam [PL5].

4.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện luật thực định về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm

4.2.2.1. Hoàn thiện quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm theo từng giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án dân sự

Pháp luật hiện hành đã ghi nhận Hội thẩm là người tiến hành tố tụng, tham gia xét xử sơ thẩm và ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử. Tuy nhiên, các

quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm còn khái quát, chưa làm rõ đầy đủ phương thức thực hiện quyền năng và cơ chế bảo đảm để Hội thẩm tham gia thực chất trong từng giai đoạn tố tụng. Vì vậy, cần hoàn thiện BLTTDS và các văn bản liên quan theo hướng cụ thể hóa nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm từ giai đoạn chuẩn bị xét xử, bắt đầu phiên tòa, tranh tụng, nghị án đến tuyên án; qua đó bảo đảm Hội thẩm không chỉ có mặt trong HĐXX mà còn có điều kiện tiếp cận thông tin, tham gia độc lập, ngang quyền và có trách nhiệm vào quá trình hình thành phán quyết.

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung quy định về nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm. Điều 49 của BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định Hội thẩm có nhiệm vụ, quyền hạn “nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa”, nhưng chưa xác định rõ đây là quyền hay nghĩa vụ bắt buộc, chưa quy định thời điểm giao hồ sơ, thời hạn tối thiểu, phương thức tiếp cận hồ sơ và trách nhiệm của Tòa án trong việc bảo đảm điều kiện nghiên cứu hồ sơ. Trong thực tiễn, nếu không nghiên cứu hồ sơ đầy đủ, Hội thẩm khó có thể độc lập trong xét hỏi, đánh giá chứng cứ, nghị án và biểu quyết. Do đó, pháp luật cần quy định nghiên cứu hồ sơ là nghĩa vụ bắt buộc của Hội thẩm khi được phân công tham gia HĐXX; đồng thời xác định rõ thời điểm tiếp cận hồ sơ, thời hạn nghiên cứu, trách nhiệm của Thẩm phán, Thư ký trong việc cung cấp tài liệu và bảo đảm điều kiện cần thiết. Đối với vụ án phức tạp, có nhiều bút lục, nhiều đương sự, nhiều quan hệ pháp luật hoặc yếu tố chuyên môn sâu, thời gian nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm cần được bảo đảm dài hơn so với vụ án thông thường.

Thứ hai, cần hoàn thiện quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán ban hành, thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền. Khoản 2 Điều 49 BLTTDS hiện hành đã ghi nhận quyền này nhưng chưa cụ thể về hình thức, trình tự, trách nhiệm tiếp nhận, xem xét và phản hồi. Trong thực tiễn, Hội thẩm có thể phát hiện hồ sơ chưa đủ điều kiện xét xử, chứng cứ chưa đầy đủ, có căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ, hoãn phiên tòa, triệu tập thêm người tham gia tố tụng hoặc cần xác minh bổ sung. Nếu đề nghị của Hội thẩm chỉ dừng ở trao đổi miệng, không được ghi nhận trong hồ sơ và không có cơ chế trả lời thì quyền này khó

phát huy hiệu quả. Vì vậy, cần quy định đề nghị của Hội thẩm phải được lập thành văn bản hoặc ghi nhận trong hồ sơ vụ án; Thẩm phán, Chánh án Tòa án có trách nhiệm xem xét, trả lời và nêu rõ lý do nếu không chấp nhận.

Thứ ba, cần làm rõ quyền của Hội thẩm trong việc yêu cầu, đề nghị và tham gia hoạt động thu thập, kiểm tra chứng cứ. Pháp luật cần bổ sung quy định theo hướng Hội thẩm có quyền đề nghị Thẩm phán chủ tọa tiến hành hoặc đề nghị HĐXX quyết định các biện pháp thu thập, xác minh, kiểm tra chứng cứ theo quy định của BLTTDS; có quyền đề nghị đương sự cung cấp bổ sung chứng cứ; có quyền yêu cầu làm rõ chứng cứ còn mâu thuẫn, chưa đầy đủ hoặc chưa được kiểm tra công khai tại phiên tòa. Cơ chế này giúp Hội thẩm có căn cứ độc lập để hình thành quan điểm khi xét hỏi, tranh tụng, nghị án và biểu quyết, đồng thời hạn chế tình trạng phụ thuộc hoàn toàn vào nhận định ban đầu của Thẩm phán.

Thứ tư, cần nghiên cứu cơ chế để Hội thẩm tham gia sớm hơn vào quá trình giải quyết một số loại vụ án phức tạp. Theo quy định hiện hành, Hội thẩm chủ yếu tham gia từ thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong khi nhiều vấn đề quan trọng đã được hình thành từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Vì vậy, đối với một số vụ án phức tạp như tranh chấp đất đai, thừa kế, kinh doanh thương mại, lao động hoặc vụ án có nhiều đương sự, nhiều chứng cứ, pháp luật có thể quy định Hội thẩm được thông báo, tiếp cận hồ sơ sớm hơn và được tham dự một số hoạt động tố tụng cần thiết với tư cách thành viên dự kiến của HĐXX. Cơ chế này cần được thiết kế thận trọng, không làm thay đổi vai trò trung tâm của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nhưng tạo điều kiện để Hội thẩm có đủ thông tin và thời gian hình thành nhận thức độc lập trước khi tham gia phiên tòa.

Thứ năm, cần bổ sung quy định về phạm vi hỗ trợ, giải thích của Thẩm phán đối với Hội thẩm khi nghiên cứu hồ sơ và chuẩn bị xét xử. Trong nhiều VADS, kinh doanh thương mại, đất đai, tín dụng, lao động, các vấn đề pháp lý và chứng cứ rất phức tạp, đòi hỏi Hội thẩm phải được hỗ trợ để nhận diện đúng quan hệ pháp luật, vấn đề cần chứng minh và nội dung cần làm rõ tại phiên tòa. Do đó, trước phiên tòa, cần có cơ chế hội ý giữa Thẩm phán chủ tọa và Hội thẩm

để trao đổi về kế hoạch xét xử, trình tự xét hỏi, chứng cứ còn mâu thuẫn, vấn đề pháp lý cơ bản và tình huống tố tụng có thể phát sinh. Tuy nhiên, pháp luật cũng cần xác định rõ giới hạn của việc hỗ trợ này: Thẩm phán có trách nhiệm giải thích quy định pháp luật, cung cấp thông tin tố tụng và tạo điều kiện để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ, nhưng không được định hướng, áp đặt hoặc làm thay Hội thẩm trong việc đánh giá chứng cứ, thảo luận, nghị án và biểu quyết.

Thứ sáu, cần làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm tại phần bắt đầu phiên tòa và giai đoạn tranh tụng. Đối với phần bắt đầu phiên tòa, cần bổ sung trách nhiệm của Chủ tọa phiên tòa trong việc lấy ý kiến Hội thẩm đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐXX như hoãn phiên tòa, thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch, xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu hoặc công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Ý kiến khác của Hội thẩm, nếu có, cần được ghi nhận theo thủ tục phù hợp. Đối với giai đoạn tranh tụng, pháp luật cần làm rõ hơn quyền hỏi, quyền yêu cầu làm rõ chứng cứ, quyền đề nghị công bố tài liệu, chứng cứ, nghe hoặc xem dữ liệu điện tử, quyền đề nghị tranh luận bổ sung, quyền đề nghị quay trở lại phần hỏi, quyền tham gia quyết định tạm ngừng phiên tòa, giám định bổ sung, giám định lại hoặc thu thập, xác minh bổ sung khi có căn cứ. Những quy định này giúp Hội thẩm không chỉ nghe tranh luận mà còn tham gia kiểm chứng chứng cứ, đánh giá lập luận của các bên và góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Thứ bảy, cần hoàn thiện quy định về nghị án, biểu quyết, bảo lưu ý kiến và trách nhiệm đối với bản án. Khi nghị án, HĐXX phải thảo luận, biểu quyết theo từng nhóm vấn đề như điều kiện tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, chứng cứ và giá trị chứng minh của chứng cứ và các vấn đề liên quan. Đối với các vấn đề về sự kiện, tình tiết vụ án, chứng cứ và giá trị chứng minh của chứng cứ, cần tiếp tục bảo đảm Hội thẩm biểu quyết trước để phát huy kinh nghiệm xã hội, nhận thức đời sống và vai trò đại diện Nhân dân. Đối với các vấn đề pháp lý phức tạp, Thẩm phán chủ tọa có trách nhiệm giải thích đầy đủ căn cứ pháp luật và nội dung cần biểu quyết, nhưng không được định hướng, áp đặt quan điểm hoặc làm thay Hội thẩm. Ý kiến khác của Hội thẩm phải được ghi

nhận đầy đủ; quyền bảo lưu ý kiến cần được hướng dẫn cụ thể về hình thức, thời điểm và giá trị pháp lý trong hồ sơ vụ án. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm nguyên tắc xét xử tập thể, quyết định theo đa số, vừa tránh “Thẩm phán hóa” Hội thẩm và tạo điều kiện để Hội thẩm thực hiện quyền biểu quyết độc lập, có trách nhiệm.

4.2.2.2. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm, kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp của Hội thẩm

Pháp luật quy định Hội thẩm không chỉ tham gia xét xử mà còn là người tiến hành tố tụng. Khi xét xử sơ thẩm theo thủ tục thông thường, Hội thẩm trong nhiều trường hợp chiếm đa số trong HĐXX và ngang quyền với Thẩm phán khi biểu quyết về vụ án. Tuy nhiên, quy định về trách nhiệm của Hội thẩm đối với quá trình giải quyết vụ án và đối với bản án còn chưa rõ ràng.

Thực tiễn đặt ra nhiều vấn đề cần được luật hóa: Hội thẩm từ chối tham gia xét xử không có lý do chính đáng; đã được phân công nhưng không tham dự phiên tòa làm vụ án bị hoãn; không đến nghiên cứu hồ sơ khi được thông báo; không tham gia tập huấn, bồi dưỡng; có sai sót trong đánh giá chứng cứ, nghị án, biểu quyết dẫn đến bản án bị hủy, sửa. Kết quả khảo sát cho thấy, khi được hỏi về biện pháp cần áp dụng trong trường hợp Hội thẩm có thiếu sót, vi phạm trong giải quyết, xét xử VADS, có 88,5% ý kiến cho rằng cần xem xét trách nhiệm của Hội thẩm, trong đó 18% cho rằng cần xử lý trách nhiệm, kỷ luật Hội thẩm như Thẩm phán, 70,5% cho rằng cần xử lý trách nhiệm ở mức độ vừa phải vì Hội thẩm là người kiêm nhiệm [PL3, Bảng số 27].

Do đó, cần hoàn thiện quy định về trách nhiệm của Hội thẩm theo hướng tương xứng với vị trí pháp lý và tính chất kiêm nhiệm của thiết chế này. Không nên đồng nhất cơ chế trách nhiệm của Hội thẩm với Thẩm phán chuyên nghiệp, nhưng cũng không thể để Hội thẩm không chịu trách nhiệm khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nhiệm vụ xét xử. Pháp luật cần quy định các mức trách nhiệm phù hợp như nhắc nhở, phê bình, đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc áp dụng trách nhiệm pháp lý khác nếu có vi phạm nghiêm trọng.

Cần xây dựng bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Hội thẩm, trong đó xác định các yêu cầu về công tâm, khách quan, liêm chính, bảo mật thông tin, không tiếp xúc trái quy định với đương sự, không nhận lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác, không để quan hệ cá nhân, lợi ích nhóm, áp lực xã hội tác động đến việc xét xử. Bộ quy tắc này cần gắn với cơ chế đánh giá, khen thưởng, xử lý vi phạm và tái cử hoặc không tái cử Hội thẩm.

Đồng thời, cần hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội thẩm. Tòa án nơi Hội thẩm tham gia xét xử cần định kỳ đánh giá hoạt động của Hội thẩm; Đoàn Hội thẩm cần theo dõi, nhắc nhở, phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ; HĐND nơi bầu Hội thẩm cần thực hiện vai trò giám sát đối với người đại diện cho Nhân dân tham gia xét xử. Cơ chế này phải bảo đảm không can thiệp vào hoạt động xét xử độc lập trong từng vụ án cụ thể, nhưng vẫn kiểm soát được việc thực hiện nghĩa vụ, đạo đức, kỷ luật và trách nhiệm chung của Hội thẩm trong nhiệm kỳ.

Ngoài ra, cần nghiên cứu quy định thủ tục cam kết hoặc tuyên thệ khi Hội thẩm được bầu, được cử làm nhiệm vụ xét xử. Nội dung cam kết phải thể hiện trách nhiệm công tâm, khách quan, độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và giữ bí mật nghị án. Giải pháp này có ý nghĩa giáo dục trách nhiệm, tôn vinh vị trí của Hội thẩm và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với người đại diện cho mình tham gia xét xử.

4.2.2.3. Hoàn thiện quy định về phạm vi vụ án có Hội thẩm tham gia và cơ chế sử dụng hợp lý nguồn lực Hội thẩm

Hiến pháp và pháp luật tổ tụng ghi nhận nguyên tắc xét xử sơ thẩm có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy số lượng VADS lớn, trong khi đội ngũ Hội thẩm hoạt động kiêm nhiệm, thời gian, điều kiện nghiên cứu hồ sơ còn hạn chế. Nếu mọi vụ án theo thủ tục thông thường đều phải sử dụng mô hình HĐXX có Hội thẩm như nhau thì nguồn lực Hội thẩm bị dàn trải, khó tập trung cho các vụ án phức tạp cần sự tham gia thực chất hơn.

Vì vậy, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng sử dụng hợp lý nguồn lực Hội thẩm. Đối với các vụ án đơn giản, giá trị tranh chấp nhỏ, chứng cứ rõ ràng, quan hệ pháp luật không phức tạp, cần tiếp tục mở rộng điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn hoặc cơ chế xét xử đơn giản hóa theo quy định của Hiến pháp và BLTTDS. Đối với các vụ án phức tạp, có nhiều đương sự, nhiều chứng cứ, có yếu tố chuyên môn sâu hoặc ảnh hưởng lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, cần tăng cường vai trò thực chất của Hội thẩm, đặc biệt là Hội thẩm có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp.

Giải pháp này không nhằm thu hẹp bản chất dân chủ của chế định Hội thẩm, mà nhằm bảo đảm Hội thẩm được sử dụng đúng nơi, đúng loại việc, đúng yêu cầu xét xử. Khi nguồn lực Hội thẩm được phân bổ hợp lý, Hội thẩm sẽ có điều kiện nghiên cứu hồ sơ sâu hơn, tham gia tranh tụng tích cực hơn, nghị án có chất lượng hơn, qua đó nâng cao chất lượng bản án dân sự sơ thẩm.

4.2.3. Nhóm giải pháp về thiết chế, tổ chức thực thi và điều kiện bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm

4.2.3.1. Đổi mới cơ chế lựa chọn, cơ cấu, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quản lý Hội thẩm

Cơ chế lựa chọn, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quản lý Hội thẩm có ý nghĩa quyết định đối với chất lượng hoạt động xét xử của Hội thẩm. Thực tiễn cho thấy, nếu việc lựa chọn Hội thẩm chỉ chú trọng cơ cấu đại diện mà chưa quan tâm đầy đủ đến phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm, chuyên môn và khả năng tham gia xét xử thì chất lượng hoạt động của Hội thẩm khó được bảo đảm.

Cần hoàn thiện quy trình tuyển chọn, giới thiệu và bầu Hội thẩm theo hướng mở rộng nguồn giới thiệu ứng viên từ các cơ quan, tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức đại diện người lao động, doanh nghiệp, tổ chức chuyên môn trong các lĩnh vực đất đai, tài chính, ngân hàng, xây dựng, công nghệ thông tin, sở hữu trí tuệ, lao động, gia đình và người chưa thành niên. Việc mở rộng nguồn giới thiệu nhằm bảo đảm đội ngũ Hội thẩm vừa có tính đại diện xã hội, vừa có khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên môn của các loại VADS phức tạp.

Cần thiết lập cơ sở dữ liệu thống nhất về Hội thẩm, trong đó ghi nhận đầy đủ thông tin về trình độ học vấn, nghề nghiệp, lĩnh vực công tác, kinh nghiệm xã hội, chuyên môn sâu, số lần tham gia xét xử, loại vụ án đã tham gia, kết quả bản án, tình hình tham gia tập huấn, đánh giá hằng năm, khen thưởng, vi phạm nếu có. Cơ sở dữ liệu này là điều kiện để quản lý, bồi dưỡng, phân công, đánh giá và sàng lọc đội ngũ Hội thẩm một cách khoa học.

Về nhiệm kỳ, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cần bổ sung các căn cứ rõ ràng hơn đối với trường hợp Hội thẩm không tham gia xét xử trong thời gian dài, từ chối tham gia xét xử nhiều lần không có lý do chính đáng, không tham gia bồi dưỡng bắt buộc, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghĩa vụ bảo mật, có hành vi ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan của hoạt động xét xử hoặc có sai sót nghiêm trọng trong thực hiện nhiệm vụ xét xử.

Về quản lý Hội thẩm, cần khắc phục tình trạng nhiều chủ thể cùng tham gia nhưng thiếu đầu mối chịu trách nhiệm chính. Tòa án cần chịu trách nhiệm quản lý hoạt động xét xử, phân công, bồi dưỡng nghiệp vụ, đánh giá mức độ tham gia nhiệm vụ của Hội thẩm; HĐND và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện vai trò giám sát, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bảo đảm tính đại diện nhân dân; cơ quan, tổ chức nơi Hội thẩm công tác có trách nhiệm tạo điều kiện về thời gian, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ Hội thẩm. Sự phân định này nhằm bảo đảm vừa tôn trọng tính độc lập của Hội thẩm, vừa xác lập rõ trách nhiệm quản lý và giám sát.

4.2.3.2. Thiết kế cơ chế phân công ngẫu nhiên có điều kiện đối với Hội thẩm theo cụm chuyên môn phù hợp với loại vụ án

Đây là giải pháp trọng tâm nhằm xử lý mối quan hệ giữa yêu cầu khách quan, vô tư trong phân công Hội thẩm và yêu cầu phát huy mô hình Hội thẩm chuyên gia. Nếu chỉ áp dụng phân công ngẫu nhiên tuyệt đối, Hội thẩm có thể được lựa chọn mà không phù hợp với tính chất vụ án, làm giảm ý nghĩa của việc xây dựng đội ngũ Hội thẩm có chuyên môn. Ngược lại, nếu chỉ phân công theo chỉ định chuyên môn mà thiếu ngẫu nhiên, có thể phát sinh nguy cơ chủ quan, thiếu minh bạch hoặc lựa chọn Hội thẩm theo ý chí của người phân công.

Vì vậy, cần thiết kế cơ chế “phân công ngẫu nhiên có điều kiện”, tức là ngẫu nhiên trong phạm vi nhóm Hội thẩm đáp ứng điều kiện phù hợp với loại vụ án. Cơ chế này kết hợp được hai yêu cầu: bảo đảm tính khách quan, vô tư của phân công ngẫu nhiên và bảo đảm chất lượng chuyên môn, kinh nghiệm xã hội phù hợp với nội dung tranh chấp. Đây là cách khắc phục xung đột nội tại giữa đề xuất phân công ngẫu nhiên và mô hình Hội thẩm chuyên gia.

Cơ chế phân công ngẫu nhiên có điều kiện có thể được thiết kế theo các bước cơ bản sau:

Bước một, phân loại vụ án theo tính chất tranh chấp và yêu cầu chuyên môn. Trên cơ sở đơn khởi kiện, tài liệu ban đầu và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định vụ án thuộc nhóm tranh chấp dân sự thông thường, hôn nhân và gia đình, thừa kế, đất đai, lao động, kinh doanh thương mại, tài chính - ngân hàng, xây dựng, sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin hoặc nhóm vụ án có yếu tố chuyên môn sâu khác.

Bước hai, xác định cụm Hội thẩm phù hợp với loại vụ án. Từ cơ sở dữ liệu Hội thẩm, hệ thống lựa chọn nhóm Hội thẩm có kinh nghiệm xã hội, nghề nghiệp hoặc chuyên môn phù hợp với lĩnh vực tranh chấp. Ví dụ, tranh chấp đất đai có thể ưu tiên Hội thẩm am hiểu quản lý đất đai, địa chính, xây dựng, hòa giải cơ sở; tranh chấp kinh doanh thương mại, tín dụng có thể ưu tiên Hội thẩm có kinh nghiệm về kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, doanh nghiệp; tranh chấp lao động có thể ưu tiên Hội thẩm am hiểu quan hệ lao động, công đoàn, quản trị nhân sự.

Bước ba, lựa chọn ngẫu nhiên Hội thẩm trong cụm chuyên môn đã xác định. Sau khi xác lập nhóm phù hợp, phần mềm phân công lựa chọn ngẫu nhiên Hội thẩm trong nhóm đó, bảo đảm không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của Chánh án, Thẩm phán hoặc Trưởng đoàn Hội thẩm. Việc lựa chọn phải được lưu vết trên hệ thống và có thể kiểm tra khi cần thiết.

Bước bốn, kiểm soát xung đột lợi ích và điều kiện tham gia xét xử. Trước khi chính thức tham gia HĐXX, Hội thẩm được lựa chọn phải xác nhận không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi, không có quan hệ lợi ích với

đương sự, người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc vụ án. Nếu có căn cứ loại trừ, hệ thống tiếp tục lựa chọn ngẫu nhiên người khác trong cùng cụm chuyên môn.

Bước năm, cập nhật dữ liệu sau xét xử. Sau khi vụ án kết thúc, cần cập nhật thông tin về mức độ tham gia của Hội thẩm, việc nghiên cứu hồ sơ, tham gia phiên tòa, kết quả bản án, tình trạng án bị hủy, sửa nếu có và nguyên nhân hủy, sửa. Dữ liệu này phục vụ đánh giá, bồi dưỡng, sàng lọc và phân công Hội thẩm trong các vụ án tiếp theo.

Cơ chế phân công ngẫu nhiên có điều kiện không làm mất đi tính đại diện Nhân dân của Hội thẩm, mà giúp sự đại diện đó được tổ chức khoa học, khách quan và hiệu quả hơn. Lựa chọn ngẫu nhiên trong nhóm Hội thẩm phù hợp với loại vụ án là giải pháp cân bằng giữa tính dân chủ, tính chuyên môn và tính khả thi trong hoạt động XXST VADS.

Để thực hiện cơ chế này, TAND tối cao cần xây dựng phần mềm quản lý, phân công Hội thẩm thống nhất trong toàn hệ thống; ban hành tiêu chí phân loại vụ án và tiêu chí phân loại Hội thẩm theo cụm chuyên môn; quy định trách nhiệm của Chánh án, Trưởng đoàn Hội thẩm, Thẩm phán và Thư ký trong cập nhật dữ liệu, xác nhận điều kiện tham gia xét xử, xử lý trường hợp vắng mặt hoặc từ chối tham gia xét xử. Đây là giải pháp có giá trị thực tiễn cao để hiện thực hóa mô hình Hội thẩm chuyên gia mà không làm triệt tiêu nguyên tắc khách quan, vô tư trong phân công án.

4.2.3.3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu theo vị trí, loại vụ án và kỹ năng xét xử dân sự

Trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức của đội ngũ Hội thẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng xét xử. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật, cần đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho Hội thẩm. Dù pháp luật có quy định đầy đủ, thủ tục tố tụng có chặt chẽ, nhưng nếu năng lực của Hội thẩm không đáp ứng yêu cầu thì vai trò của Hội thẩm trong XXST VADS khó được phát huy thực chất.

Nội dung bồi dưỡng Hội thẩm cần tập trung vào các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến xét xử VADS như thừa kế, hôn nhân và gia đình, tranh chấp hợp đồng, mua bán hàng hóa, nhà ở, lao động, đất đai, kinh doanh thương mại và các lĩnh vực dân sự mới phát sinh. Học viện Tòa án cần nghiên cứu, biên soạn tài liệu nghiệp vụ chuyên sâu và tổ chức các chương trình bồi dưỡng kỹ năng xét xử cho Hội thẩm, giúp họ được trang bị kiến thức pháp luật, phương pháp nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng xét hỏi, đánh giá chứng cứ, nghị án và biểu quyết.

Công tác bồi dưỡng cần chuyển từ bồi dưỡng đại trà sang bồi dưỡng theo nhóm năng lực và cụm chuyên môn. Đối với Hội thẩm tham gia các vụ án đất đai, cần tập trung vào kỹ năng đọc bản đồ, hồ sơ địa chính, nguồn gốc sử dụng đất, giao dịch đất đai, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Đối với vụ án kinh doanh thương mại, tín dụng, ngân hàng, cần bồi dưỡng về hợp đồng tín dụng, bảo đảm tiền vay, kế toán, tài chính, nghĩa vụ thanh toán, xử lý tài sản bảo đảm. Đối với vụ án lao động, cần bồi dưỡng về quan hệ lao động, hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, bảo hiểm xã hội, tiền lương, bồi thường thiệt hại.

TAND tối cao và TAND cấp tỉnh cần thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề, cập nhật văn bản pháp luật mới, nhất là các nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, thông tư liên tịch của các cơ quan tư pháp và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến xét xử VADS. Tại các hội nghị tập huấn trực tuyến toàn quốc, cần bổ sung thành phần tham dự là đội ngũ Hội thẩm để kịp thời tiếp thu kiến thức chuyên môn, cập nhật quan điểm giải quyết án của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

Bên cạnh hoạt động bồi dưỡng tập trung, mỗi Hội thẩm cần chủ động tự học, tự cập nhật kiến thức pháp luật thông qua tài liệu nghiệp vụ của Tòa án, sách báo pháp lý, tủ sách pháp luật ở cơ sở và thực tiễn tham gia xét xử. Các Tòa án, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đoàn Hội thẩm cần thường xuyên cung cấp tài liệu, sách báo, văn bản pháp luật mới cho Hội thẩm, qua đó giúp họ nâng cao hiểu biết pháp luật, hiểu biết xã hội, chủ động hơn trong xét xử và góp phần ban hành phán quyết khách quan, có căn cứ.

Ngoài ra, cần coi phiên tòa rút kinh nghiệm có sự tham gia của Hội thẩm là hình thức bồi dưỡng thực tiễn bắt buộc. Sau các phiên tòa phức tạp, Tòa án cần tổ chức rút kinh nghiệm về kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, xét hỏi, đánh giá chứng cứ, xử lý tình huống tố tụng, nghị án và biểu quyết. Đối với các vụ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan, cần phân tích rõ trách nhiệm của HĐXX, trong đó có trách nhiệm của Hội thẩm, để rút kinh nghiệm và cập nhật vào chương trình bồi dưỡng.

4.2.3.4. Bảo đảm chế độ, chính sách, điều kiện làm việc và cơ chế bảo vệ Hội thẩm

Hội thẩm là chức danh kiêm nhiệm nhưng thực hiện nhiệm vụ xét xử nhân danh Nhà nước, cùng Thẩm phán quyết định các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ, tài sản, nhân thân, quan hệ gia đình, lao động, kinh doanh của cá nhân, tổ chức. Vì vậy, để Hội thẩm yên tâm thực hiện nhiệm vụ, cần có chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm tương xứng.

Cần xây dựng cơ chế thù lao thỏa đáng đối với Hội thẩm, bao gồm thù lao khi nghiên cứu hồ sơ, tham gia phiên tòa, tham gia bồi dưỡng, rút kinh nghiệm và các hoạt động phục vụ trực tiếp cho xét xử. Hằng năm, TAND cấp tỉnh cần lập dự toán kinh phí bồi dưỡng, tổ chức hoạt động của Đoàn Hội thẩm để báo cáo TAND tối cao tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm bảo đảm thực hiện đầy đủ chế độ đối với Hội thẩm.

Chế độ, chính sách đối với Hội thẩm cần phân biệt hợp lý giữa Hội thẩm đang là cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và Hội thẩm không hưởng lương từ ngân sách. Đối với Hội thẩm là cán bộ, công chức, viên chức, cần nghiên cứu chế độ hỗ trợ phù hợp với quy định về cải cách chính sách tiền lương, tránh tạo khoản chi không phù hợp với chủ trương chung. Đối với Hội thẩm không hưởng lương từ ngân sách, cần có cơ chế bồi dưỡng, hỗ trợ chi phí, bảo hiểm và điều kiện làm việc tương xứng hơn để bảo đảm công bằng và khuyến khích tham gia xét xử.

Bên cạnh chế độ thù lao, cần bảo đảm điều kiện làm việc cho Hội thẩm như phòng nghiên cứu hồ sơ, tài khoản truy cập hồ sơ điện tử theo phạm vi được phân công, tài liệu nghiệp vụ, hệ thống văn bản pháp luật, án lệ, hướng dẫn xét

xử và phương tiện hỗ trợ nghiên cứu. Trong điều kiện chuyển đổi số của Tòa án, cần ứng dụng công nghệ thông tin để cung cấp hồ sơ, lịch xét xử, tài liệu pháp luật, thông báo phân công và phản hồi ý kiến của Hội thẩm một cách nhanh chóng, bảo mật, thuận tiện.

Cần bổ sung cơ chế bảo vệ Hội thẩm và người thân thích của Hội thẩm khi thực hiện nhiệm vụ xét xử. Hiện nay, LTCTAND năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã có quy định về chế độ bảo vệ Thẩm phán, nhưng cơ chế bảo vệ Hội thẩm chưa được quan tâm tương xứng, trong khi Hội thẩm cũng là người tiến hành tố tụng và cùng HĐXX quyết định các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của đương sự. Vì vậy, cần nghiên cứu quy định các biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của Hội thẩm; cơ chế xử lý hành vi đe dọa, trả thù, tác động trái pháp luật đối với Hội thẩm; đồng thời có chế độ hỗ trợ khi Hội thẩm bị thiệt hại do thực hiện nhiệm vụ xét xử.

Cần kịp thời động viên, tôn vinh, khen thưởng Hội thẩm có thành tích trong hoạt động xét xử, có nhiều đóng góp cho ngành Tòa án và cho việc bảo vệ công lý. Cơ chế tôn vinh, khen thưởng không chỉ nhằm động viên cá nhân Hội thẩm, mà còn góp phần nâng cao vị thế xã hội của thiết chế Hội thẩm, khuyến khích công dân có năng lực, uy tín, chuyên môn tham gia cơ chế Nhân dân xét xử.

4.2.3.5. Tăng cường giám sát, đánh giá và xây dựng dữ liệu phục vụ quản trị hoạt động Hội thẩm

Để bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm thực chất, cần xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá thường xuyên, khách quan và có căn cứ dữ liệu. Việc đánh giá Hội thẩm hiện nay còn chủ yếu dựa trên nhận xét định tính, chưa gắn chặt với số lần tham gia xét xử, chất lượng nghiên cứu hồ sơ, mức độ tham gia phiên tòa, kết quả bản án và việc chấp hành nghĩa vụ bồi dưỡng.

Cần thiết lập hệ thống tiêu chí đánh giá Hội thẩm hằng năm và theo nhiệm kỳ, bao gồm: số vụ án được phân công; số vụ án tham gia thực tế; tình trạng từ chối hoặc vắng mặt; thời gian nghiên cứu hồ sơ; mức độ tham gia phiên tòa; việc tham gia bồi dưỡng; số vụ án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan có liên quan đến HĐXX; việc chấp hành quy tắc đạo đức, ứng xử và nghĩa vụ bảo mật. Kết quả

đánh giá cần được sử dụng làm căn cứ bồi dưỡng, khen thưởng, nhắc nhở, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc xem xét tái cử.

Cơ chế giám sát hoạt động của Hội thẩm cần có sự phối hợp giữa Tòa án, HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Hội thẩm, cơ quan nơi Hội thẩm công tác và Nhân dân. Trong đó, Tòa án chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động xét xử của Hội thẩm; HĐND, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát tính đại diện, phẩm chất, uy tín và trách nhiệm của Hội thẩm; Đoàn Hội thẩm hỗ trợ sinh hoạt nghề nghiệp, trao đổi kinh nghiệm; cơ quan nơi Hội thẩm công tác tạo điều kiện về thời gian và phối hợp đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.

Đặc biệt, cần xây dựng dữ liệu thống kê chuyên biệt về Hội thẩm gắn với chất lượng xét xử. Dữ liệu này cần phản ánh cơ cấu nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, lĩnh vực công tác, loại vụ án đã tham gia, kết quả bản án, nguyên nhân hủy, sửa nếu có. Đây là điều kiện quan trọng để đánh giá đúng mối liên hệ giữa cơ cấu, chuyên môn, kinh nghiệm của Hội thẩm với chất lượng bản án, đồng thời cung cấp căn cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện mô hình Hội thẩm chuyên gia và cơ chế phân công ngẫu nhiên có điều kiện.

Tóm lại, nhóm giải pháp về thiết chế, tổ chức thực thi có ý nghĩa quyết định đối với khả năng hiện thực hóa các giải pháp về mô hình hiến định và luật thực định. Nếu không đổi mới cơ chế lựa chọn, phân công, bồi dưỡng, đãi ngộ, bảo vệ, giám sát và đánh giá Hội thẩm, thì các quy định pháp luật về độc lập, ngang quyền, trách nhiệm của Hội thẩm khó có thể đi vào thực tiễn.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 4

Từ định hướng của Nghị quyết số 49-NQ/TW về xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý đến yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án cần được đổi mới theo hướng thực chất hơn. Theo đó, Hội thẩm không chỉ là thành phần của HĐXX, mà còn là chủ thể đại diện cho Nhân dân tham gia thực hiện QTP, góp phần kiểm soát quyền lực xét xử và bảo vệ công lý.

Trên cơ sở đó, Chương 4 xác định các quan điểm bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm trên nền tảng quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; gắn với sự chuyển dịch từ tư duy cải cách tư pháp sang hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; bảo đảm tính độc lập, ngang quyền, trách nhiệm của Hội thẩm; hướng tới nâng cao chất lượng bản án dân sự sơ thẩm và bảo đảm xét xử công bằng, công khai, độc lập, khách quan.

Từ các quan điểm nêu trên, Chương 4 đã đề xuất hệ thống giải pháp theo ba nhóm cơ bản: giải pháp về mô hình hiến định và định hướng chính trị - pháp lý; giải pháp hoàn thiện luật thực định; và giải pháp về thiết chế, tổ chức thực thi. Trọng tâm là thực chất hóa địa vị pháp lý của Hội thẩm; hoàn thiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm trong từng giai đoạn xét xử; đổi mới mô hình Hội thẩm theo hướng kết hợp giữa tính đại diện nhân dân và tính chuyên môn phù hợp; thiết kế cơ chế phân công ngẫu nhiên có điều kiện trong nhóm Hội thẩm phù hợp với loại vụ án; đồng thời tăng cường bồi dưỡng, đánh giá, giám sát, đãi ngộ và bảo vệ Hội thẩm. Các giải pháp này vừa kế thừa giá trị dân chủ của chế định Hội thẩm, vừa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng XXST VADS trong bối cảnh cải cách tư pháp và xây dựng NNQP XHCN Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu đã xác định, luận án đã nghiên cứu có hệ thống những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND. Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số kết luận chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, qua tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước và nước ngoài, luận án khẳng định đã có nhiều công trình nghiên cứu về chế định Hội thẩm, cơ chế Nhân dân tham gia xét xử, tổ chức thực hiện QTP và cải cách tư pháp. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Vì vậy, đề tài góp phần bổ sung khoảng trống trong khoa học pháp lý về cơ chế Nhân dân tham gia thực hiện và kiểm soát QTP trong lĩnh vực tư pháp dân sự.

Thứ hai, luận án đã xây dựng khung lý luận về hoạt động XXST VADS của Hội thẩm, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và các điều kiện bảo đảm. Trên cơ sở đó, luận án khẳng định Hội thẩm là chủ thể có vị trí pháp lý đặc thù trong TTDS, vừa đại diện cho Nhân dân tham gia xét xử, vừa là thành viên HĐXX cùng Thẩm phán xem xét chứng cứ, nghị án, biểu quyết và quyết định vụ án. Hoạt động này mang tính đặc thù do chịu sự chi phối của quyền tự định đoạt, quyền tự do thỏa thuận của đương sự và tính chất tư của quan hệ pháp luật dân sự; từ đó đặt ra yêu cầu bảo đảm hài hòa giữa tính đại diện xã hội, tính kiêm nhiệm của Hội thẩm với năng lực pháp lý, kỹ năng xét xử, khả năng đánh giá chứng cứ, tham gia tranh tụng và quyết định vụ án một cách thực chất.

Thứ ba, qua nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài, luận án cho thấy cơ chế người dân tham gia xét xử là hiện tượng pháp lý phổ biến nhưng được thiết kế khác nhau tùy thuộc vào truyền thống pháp luật, mô hình tổ tụng và điều kiện chính trị - xã hội của từng quốc gia. Các mô hình bồi thẩm đoàn, Hội thẩm nhân dân, Hội thẩm chuyên gia hoặc mô hình pha trộn đều có giá trị tham khảo nhất

định. Từ đó, luận án rút ra bài học cho Việt Nam là cần tiếp tục duy trì bản chất dân chủ, nhân dân của chế định Hội thẩm, đồng thời đổi mới theo hướng lựa chọn, phân công, bồi dưỡng và sử dụng Hội thẩm phù hợp hơn với tính chất từng loại VADS, nhất là các vụ án có yếu tố chuyên môn sâu.

Thứ tư, trên phương diện pháp luật và thực tiễn, luận án khẳng định hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần bảo đảm nguyên tắc xét xử có Hội thẩm tham gia, xét xử tập thể, quyết định theo đa số và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, giữa địa vị pháp lý ngang quyền với Thẩm phán và khả năng thực hiện quyền năng xét xử của Hội thẩm vẫn còn khoảng cách. Hạn chế này thể hiện ở sự bất bình đẳng thông tin trong tiếp cận hồ sơ, cơ chế phân công chưa gắn với chuyên môn, vai trò chưa rõ nét trong tranh tụng, kiểm chứng chứng cứ, nghị án, biểu quyết và trách nhiệm cá nhân đối với bản án. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ sự chưa hoàn thiện của pháp luật, bất cập trong cơ chế lựa chọn, quản lý, phân công, bồi dưỡng, đánh giá và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội thẩm.

Thứ năm, từ kết quả nghiên cứu, luận án đã đề xuất hệ thống quan điểm và giải pháp bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam. Các quan điểm được xây dựng trên cơ sở sự chuyển dịch tư duy từ cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW sang tiếp tục xây dựng, hoàn thiện NNQP XHCN Việt Nam theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; nhấn mạnh yêu cầu thực chất hóa cơ chế Nhân dân tham gia xét xử, bảo đảm Hội thẩm độc lập, ngang quyền, có năng lực và trách nhiệm trong thực hiện QTP. Các giải pháp được đề xuất theo hướng đồng bộ, gồm giải pháp về mô hình hiến định, hoàn thiện luật thực định và thiết chế, tổ chức thực thi; trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm, nghiên cứu mô hình Hội thẩm pha trộn, thiết kế cơ chế phân công ngẫu nhiên có điều kiện trong nhóm Hội thẩm phù hợp với loại vụ án, tăng cường bồi dưỡng, đãi ngộ, bảo vệ, giám sát và đánh giá hoạt động của Hội thẩm.

Như vậy, luận án đã hoàn thành mục tiêu nghiên cứu đề ra, góp phần bổ sung cơ sở lý luận, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật, đổi mới tổ chức thực hiện và nâng cao chất lượng hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án có thể là tài liệu tham khảo cho hoạt động xây dựng pháp luật, cải cách tư pháp, tổ chức thực hiện chế định Hội thẩm và tiếp tục hoàn thiện cơ chế Nhân dân tham gia xét xử trong NNPQ XHCN Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hoàng Minh Sơn (2024), *Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm xét xử VADS độc lập và chỉ tuân theo pháp luật - Thực tiễn vận dụng và một số kiến nghị*, Tạp chí Pháp luật và phát triển, số 4, tr. 63-71.
2. Hoàng Minh Sơn (2024), *Chế định pháp luật về Hội thẩm ở Việt Nam: Thực trạng và một số kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 9, tr. 28-tr 35.
3. Hoàng Minh Sơn (2025), *Hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo đảm hoạt động xét xử của Hội thẩm trong VADS ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, số 08 (92), tr. 44 - tr 51.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh, Hán - Việt từ điển giản yếu, Quyển thượng, Trường Thi xuất bản, Sài Gòn, 1957.
2. Nguyễn Hải An (2004), "Thực tiễn tranh tụng trong các phiên tòa dân sự và một số vấn đề đặt ra", Kỷ yếu hội thảo: vấn đề tranh tụng trong TTDS, do Viện Khoa học Pháp lý - Bộ Tư pháp tổ chức ngày 05/3, Hà Nội.
3. Ban Nội chính Trung ương (2015), "*Tổng kết một số vấn đề lý luận - Thực tiễn 30 năm đổi mới (1986-2016) về Tư pháp - Nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí*", Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Ban Chỉ đạo xây dựng đề án Chiến lược xây dựng và hoàn thiện NN PQ XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (2022), "*Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả CCTP đáp ứng yêu cầu xây dựng NN PQ XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*"; Kỷ yếu hội thảo quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án Chiến lược xây dựng và hoàn thiện NN PQ XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (2021), "*Những vấn đề lý luận và thực tiễn về NN PQ XHCN Việt Nam*"; Kỷ yếu hội thảo quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên) (sách chuyên khảo), (2024), "*CCTP để hoàn thiện NN PQ XHCN Việt Nam*", Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Hòa Bình (Chủ biên) (2022), "*CCTP tại TAND Việt Nam trong giai đoạn mới*", Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Nguyễn Hòa Bình (2022), *Đổi mới và hoàn thiện cơ chế nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án đáp ứng yêu cầu CCTP (sách chuyên khảo)*; Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
9. Phạm Thanh Bình (2018), "*Cẩm nang pháp luật và nghiệp vụ dành cho Hội thẩm trong xét xử các VADS*", Nxb Tư pháp, Hà Nội.
10. Đặng Công Cường (2013), "*Vai trò của Tòa án trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay*", Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

11. Hà Hùng Cường; Uông Chu Lưu; Nguyễn Đình Lộc; Hoàng Thế Liên; Vũ Đình Hoè (2010) “Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác tư pháp”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Hà Nội, số 7 (174).
12. Trịnh Hồng Dương (1996), Chủ nhiệm đề tài “*Vị trí, vai trò và chức năng của TAND trong bộ máy nhà nước qua các thời kỳ cách mạng Việt Nam*”, Mã số 95 - 98 - 048/ĐT, quyền I; TAND tối cao, Hà Nội.
13. Nguyễn Đăng Dung (Chủ biên) (2004), “Thế chế tư pháp trong NNPQ”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
14. Nguyễn Đăng Dung (2012), “*Tòa án Việt Nam trong bối cảnh xây dựng NNPQ*”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
15. Lưu Tiến Dũng (2012), “*Độc lập xét xử trong NNPQ ở Việt Nam*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Đặng Quang Dũng (2023), “*Tranh tụng trong TTDS ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Trần Trí Dũng (2019), “*Bảo vệ công lý trong hoạt động xét xử của TAND ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội, t.61.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.1.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 2.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t.64.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện NNPQ XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 2 tháng 01 năm 2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới.

25. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

26. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về chiến lược CCTP đến năm 2020.

27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

28. Quốc Đạt (2018), Sự khác biệt trong xử án của Thẩm phán thuộc hai hệ thống luật, <https://vnexpress.net/su-khac-biet-trong-xu-an-cua-tham-phan-thuoc-hai-he-thong-luat-3765217.html>, truy cập 21/9/2024.

29. Vũ Công Giao và Nguyễn Minh Tâm (2016), “*Cải cách để bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, (20).

30. Lê Thu Hà (2010), “*Tổ chức xét xử VADS đáp ứng yêu cầu CCTP*”, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

31. Lê Thu Hà (2009), “*Một số kiến nghị về tổ chức và hoạt động của Hội thẩm*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (10).

32. Nguyễn Thị Thu Hà (2011), “*Pháp luật TTDS Hoa Kỳ và khả năng ứng dụng vào việc hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam*”, Tạp chí Luật học số 1/2011.

33. Lê Hồng Hạnh và Đặng Công Cường (Chủ biên) (2015), “*Độc lập tư pháp ở Việt Nam và tiêu chí đánh giá*”, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

34. Tống Anh Hào (2023), “*Thực tiễn thi hành BLTTDS năm 2015 và một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện*”, Đề tài khoa học cấp bộ, TAND tối cao chủ trì.

35. Trần Thị Thu Hằng (2019), “*Địa vị pháp lý của Hội thẩm ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

36. Nguyễn Thị Thúy Hằng (2024), “*Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm nhân dân trong TTDS*”, Tạp chí Kiểm sát, (15).

37. Nguyễn Quang Hiền (2004), “*Chế định Hội thẩm*”, Khoa học pháp lý, thành phố Hồ Chí Minh.

38. Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật Việt Nam, Nxb. Pháp lý, H, 1990.
39. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 2.
40. Tô Văn Hòa (2007), *“Tính độc lập của Tòa án - nghiên cứu pháp lý về các khía cạnh lý luận, thực tiễn ở Đức, Hoa Kỳ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị đối với Việt Nam”*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
41. Đặng Thanh Hoa (2020), *“Pháp luật TTDS - tình huống và phân tích”*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
42. Nguyễn Huy Hoàn và Lương Vũ Lam Giang (2021), *“Hội thẩm nhân dân với việc bảo đảm quyền con người trong hoạt động xét xử”*, Tạp chí Pháp luật về quyền con người, (1).
43. Phạm Quang Huy (2018), *“So sánh chế định Bồi thẩm đoàn của Hoa Kỳ và Hội thẩm nhân dân của Việt Nam và một số kiến nghị”*, Tạp chí Luật học, (1).
44. Bùi Thị Huyền (2013), *“PTST dân sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Nguyễn Duy Lãm (chủ biên) (2001), Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
46. V.I. Lênin: Toàn tập, tập 36, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova 1977, trang 67, 68 (tiếng Việt).
47. Trường đại học Luật Hà Nội (2021), Giáo trình Luật TTDS Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân.
48. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2012), Giáo trình Luật TTDS Việt Nam, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
49. Phan Trung Lý và Đặng Xuân Phương (Đồng chủ biên) (2017), *“Xây dựng và hoàn thiện cơ chế nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp - Cơ sở lý luận và thực tiễn”*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Hoàng Thế Liên, Nguyễn Huy Ngát, Đặng Hoàng Oanh, Nguyễn Minh Phương, Dương Thiên Hương, Nguyễn Quốc Vinh (2011), *“Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp 5 nước chọn lọc: Trung Quốc, Indônêxia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Nga”*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
51. Nguyễn Đình Lộc - Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998.

52. Chu Xuân Minh (2020), “*Hội thẩm và xét xử*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
53. Đặng Thị Kim Ngân (2016), “*Hoàn thiện cơ sở pháp lý về Hội thẩm nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*”, Tạp chí Mặt trận, (144).
54. Vân Ngọc, “*Đoàn Hội thẩm cần có sự hỗ trợ về kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước*”, nguồn: [http://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content /tintuc/Lists/News&ItemID=30887](http://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/content/tintuc/Lists/News&ItemID=30887), truy cập ngày 10/11/2025
55. Nguyễn Văn Pha, “*Một số vấn đề về đổi mới tổ chức, hoạt động của Hội thẩm nhân dân*”, Tạp chí TAND đăng ngày 28/12/2021, Nguồn: <https://tapchitoaan.vn/mot-so-van-de-ve-doi-moi-to-chuc-hoat-dong-cua-hoi-tham-nhan-dan5595.html>, truy cập ngày 25/4/2025.
56. Hoàng Phê (chủ biên) (2002), Trung tâm từ điển học - Viện ngôn ngữ học, “*Từ điển Tiếng Việt*”, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
57. Phạm Hồng Phong, “*Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử*”; <http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208390> (truy cập ngày 27/03/2025).
58. Nguyễn Văn Quyền và Nguyễn Tất Viễn (2018), “*QTP trong NN PQ XHCN Việt Nam từ lý luận đến thực tiễn*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
59. La Thị Quế (2021), “*Bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. La Thị Quế (2018), “*Một số ý kiến về đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội thẩm*”, Tạp chí TAND, (17).
61. Lê Văn Súa, “*Chế định về Hội thẩm, vai trò của Hội thẩm khi tham gia xét xử - Một số kiến nghị hoàn thiện*”, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1862>, truy cập ngày 25/4/2025.
62. Lê Minh Tâm (chủ biên) (Sách chuyên khảo) (2009), “*Pháp Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững*”, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
63. Nguyễn Bích Thảo (Chủ biên) (2022), “*Chính sách pháp luật TTDS đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam*”, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

64. Quãn Thị Ngọc Thảo (2017), “*Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội.

65. Quãn Thị Ngọc Thảo và Lê Lan Chi (2017), “*Triết lý về sự tham gia của đại diện nhân dân trong hoạt động xét xử*”, Tạp chí TAND, (4).

66. Bộ Tư pháp (2011), “*Nghiên cứu tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp của năm quốc gia (Trung Quốc, In-đô-nê-xia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Nga)*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

67. Nguyễn Trí Tuệ (2018), “*Tiếp tục kiện toàn tổ chức và hoạt động của TAND đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu CCTP*”, Đề tài khoa học cấp bộ, TAND tối cao chủ trì.

68. Phạm Minh Tuyên, TS Nguyễn Thanh Hải và TS Đặng Thị Thơm (đồng chủ biên) (2021) “*Cảm nang giải quyết các VADS, kinh doanh, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình*”, Nxb Thanh Niên.

69. Liêu Chí Trung (2022), “*Hội thẩm nhân dân trong tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

70. Nguyễn Văn Thành (2015), “*Những bất cập trong việc Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử án dân sự*”, Tạp chí Luật sư Việt Nam, (6).

71. Phạm Đình Thanh (2022), “*Quy định của pháp luật về Hội thẩm nhân dân ở Việt Nam hiện nay - một số vấn đề đặt ra trong tình hình mới*”, Tạp chí TAND, (13).

72. Vũ Gia Trường (2020), “*Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

73. Lê Thị Thắm, Nguyễn Vương Thùy Dương (2024), “*Vai trò của chế định Bồi thẩm đoàn trong các mô hình tố tụng hình sự điển hình*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát (1).

74. Thái Thị Thu Trang, Nguyễn Quỳnh Trang, “*Các mô hình người dân tham gia hoạt động xét xử của Tòa án trên thế giới và gợi mở cho Việt Nam*”, nguồn: <https://danchuphapluat.vn/cac-mo-hinh-nguoi-dan-tham-gia-hoat-dong-xet-xu-cua-toa-an-tren-the-gioi-va-goi-mo-cho-viet-nam>, truy cập ngày 12/2/2025

75. Nguyễn Hữu Thế Trạch, Hội thẩm nhân dân: *Không thể “ngồi cho có”*, <https://nld.com.vn/phap-luat/hoi-tham-nhan-dan-khong-the-ngoi-cho-co-20140409205436884.htm>, truy cập ngày 22/4/2025

76. TAND tối cao và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (2014), *“Hệ thống Tòa án của một số quốc gia trên thế giới (kinh nghiệm cho Việt Nam)”*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

77. TAND tối cao (2021), *“Hoàn thiện chế định Hội thẩm theo yêu cầu CCTP”*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, TAND tối cao chủ trì.

78. TAND tối cao (2014), *“Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ Hội thẩm nhân dân - Phần chuyên sâu về hình sự, dân sự”*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

79. TAND tối cao, Báo cáo số 20/BC-TANDTC ngày 21/7/2021 về tổng kết công tác Hội thẩm nhiệm kỳ 2016-2021.

80. TAND tối cao, Báo cáo số 100/BC-TANDTC ngày 02/10/2023 về tổng kết thực tiễn thi hành LTCTAND năm 2014.

81. TAND tối cao, Báo cáo số 31/BC-TA ngày 18-8-2020 về công tác của các Tòa án tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV.

82. TAND tối cao và Liên minh Châu Âu (2020), Báo cáo đánh giá tác động 05 năm thi hành LTCTAND năm 2014; Chương trình phát triển Liên Hợp quốc thực hiện trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường pháp luật và tư pháp tại Việt Nam” (EU JULE).

83. Nguyễn Khuyến (2024), “Cơ sở lý luận và thực tiễn nâng cao chất lượng công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TAND”, Đề tài khoa học cấp bộ, TAND tối cao chủ trì.

84. TAND tối cao (2013), Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược CCTP đến năm 2020.

85. TAND tối cao, Báo cáo số 1541a/BC-TA ngày 24 tháng 10 năm 2019 về tổng kết Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược CCTP đến năm 2020.

86. TAND tối cao, Báo cáo số 382/BC-VP ngày 5/6/2025 về thống kê, rà soát số liệu công tác xét xử của TAND các cấp từ năm 2020 đến năm 2025.

87. TAND tối cao, Báo cáo của Chánh án TAND tối cao trước Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội tháng 11/2002.

88. TAND tối cao, Báo cáo tổng kết công tác Tòa án các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025.

89. TAND thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Báo cáo số 06/BC-TA ngày 16/3/2021 về tổng kết công tác Hội thẩm nhiệm kỳ 2016-2021.

90. TAND thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Báo cáo số 16/BC-TA ngày 18/3/2021 về tổng kết công tác Hội thẩm nhiệm kỳ 2016-2021.

91. Đào Trí Úc và Vũ Công Giao (2014), “*CCTP vì một nền tư pháp liên chính*”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

92. Đào Trí Úc (Sách chuyên khảo) (2014), “*QTP trong cơ chế quyền lực nhà nước theo Hiến pháp năm 2013*”, Bình luận khoa học Hiến pháp Nước cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013, Nxb Lao động, Hà Nội.

93. Đào Trí Úc, Ths. Nguyễn Thu Trang, “*Vai trò của hoạt động xét xử của tòa án trong quá trình phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam*”, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 18 (274), (tháng 9/2014)

94. Nguyễn Tất Viễn và Trần Mạnh Đạt (Đồng chủ biên) (2023), “*CCTP ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*”, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

95. Nguyễn Tất Viễn, “*Chế định Hội thẩm trong CCTP*”, Bài tham luận hội thảo “Hoàn thiện chế định Hội thẩm theo yêu cầu CCTP” do TAND tối cao tổ chức tại Vĩnh Phúc ngày 26/4/2021.

96. Nguyễn Minh Quốc Việt (2025), “*Giải quyết vụ án kinh doanh, thương mại tại Tòa án cấp sơ thẩm, thích ứng trạng thái bình thường mới sau đại dịch*”, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Trà Vinh.

97. Viện ngôn ngữ học (2000), Từ điển Tiếng Việt, Nxb Đà Nẵng.

98. Viện khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2006), Từ điển Luật học, Nxb Từ điển Bách khoa và Nxb Tư pháp.

99. Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học (2002), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

100. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Báo cáo số 06/BC-MTTQVN-BTT ngày 30/7/2025 về tổng kết thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt

động của Đoàn Hội thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết 1213/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

101. Nhà pháp luật Việt - Pháp (2000), Kỹ yếu Hội thảo pháp luật TTDS, ngày 9, 10 và 11/10/2000, Hà Nội

102. Xem: <https://tuoitre.vn/doi-luc-hoi-tham-chua-duoc-coi-trong-705360.htm>, truy cập lần cuối ngày 20/04/2025.

103. Xem: Hủy án sơ thẩm do sai sót trong xác định tư cách đương sự; nguồn: https://vksnd.dongthap.gov.vn/chi-tiet-bai-viet/-/asset_publisher/1mOzUrGkrdAE/content/id/6111014, truy cập ngày 19/3/2025

104. Xem: <https://dantri.com.vn/xa-hoi/hoi-tham-nhan-dan-chuyen-khong-the-cuoi-1125319573>, truy cập lần cuối ngày 26/10/2025.

105. Xem: Cảnh cáo Phó chủ tịch HĐND tỉnh Gia Lai vì can thiệp vào hoạt động tố tụng, <https://tienphong.vn/canh-cao-pho-chu-tich-hdnd-tinh-gia-lai-vi-can-thiep-hoat-dong-to-tung-post1258019.tpo>

Tài liệu nước ngoài

106. United Nations (1985), Basic Principles on the Independence of the Judiciary, Adopted by the Seventh United Nations Congress on the Prevention of Crime and the Treatment of Offenders held at Milan from 26 August to 6 September 1985 and endorsed by General Assembly resolutions 40/32 of 29 November 1985 and 40/146 of 13 December 1985, <https://www.icj.org/wp-content/uploads/2014/03/UN-Basic-principles-independence-judiciary-1985-eng.pdf>, truy cập ngày 22/4/2025.

107. Beijing Statement of Principles of the independence of the judiciary in the Lawasia region, <https://www.icj.org/wp-content/uploads/2014/10/Beijing-Statement.pdf>, truy cập ngày 20/8/2025.

108. UN Human Rights Council, *Independence and impartiality of the judiciary, jurors and assessors and the independence of lawyers: resolution / adopted by the Human Rights Council, A/HRC/RES/15/3*, 5 October 2010, <https://www.refworld.org/legal/resolution/unhrc/2010/en/76240>, [accessed 23 March 2025].

109. United States Department of State (2004), “*Outline of the U.S. Legal System*”, <https://usa.usembassy.de/etexts/gov/outlinelegalsystem.pdf>, truy cập ngày 22/4/2025.

110. Jay M. Feinman (2012), “*Law 101: Everything You Need To Know About American Law*”, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

111. Sanja Kutnjak Ivković, Shari Seidman Diamond, Valerie P. Hans and Nancy S. Marder (2021), “*Juries, Lay judges, and mixed court: A global perspective*”, Nxb Cambridge University Press, USA.

112. Hans, Valerie P.; Gastil, John; and Feller, Traci (2014), “*Deliberative Democracy and the American Civil Jury*”, Cornell Law Faculty Publications, nguồn: <http://scholarship.law.cornell.edu/facpub/1328> truy cập ngày 28/4/2025.

113. Hans, Valerie P. “*Jury Systems Around the World*”, Cornell Law Faculty Publications, số 305 (vol. 04) (2008), (04); nguồn: <https://scholarship.law.cornell.edu/facpub/305/>, truy cập ngày 20/4/2025.

114. Jackson JD, Kovalev, "Participatory Judicial Practices and Human Rights in Europe," *Columbia University Journal of European Law*, No. 13 (2006).

115. Machura, Stefan (2016), “*Civil Justice: Lay Judges in the EU Countries*”, *Oñati Socio-Legal Series*, v. 6, n. 2 (2016), Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=2665612>, truy cập ngày 26/4/2025.

116. Machura, S., Kutnjak Ivkovic, S., & Hans, V. P. (2024). “Recent Developments about Lay Judges in the European Union”. *Laikos*, 1(2), nguồn: <https://www.laikos.eu/abhandlungen/2493-recentdevelopments-about-lay-judges-in-the-european-union/>, truy cập ngày 26/4/2025.

117. Stefan Machura (2018), “*Lay Judges at Labour Courts: A Cross-national Study*”, *Industrial Law Journal*, Volume 47, Issue 3, nguồn: https://www.academia.edu/119252174/Lay_judges_in_labour_courts, truy cập ngày 25/4/2025.

118. Stefan Machura (2001), “*Interaction between lay assessors and professional judges in German mixed courts*”, *Revue internationale de droit pénal*, Vol. 72, nguồn: <https://droit.cairn.info/revue-internationale-de-droit-penal-2001-1-page-451?lang=en>, truy cập ngày 26/4/2025.

119. Lundmark, Thomas, “*Charting the Divide Between Common and Civil Law*”, Oxford University Press; 1st edition (September 12, 2012), New York.

120. Administrative Office of the United States Courts, Washington, D.C. 20544, “*Handbook for Trial Jurors Serving in the United States District Courts*”, nguồn: <https://www.uscourts.gov/sites/default/files/trial-handbook.pdf>, truy cập ngày 20/4/2025.

121. Boulanger-Bonnely Jérémy (2022), “*Civil Lay Judges: A Global Overview*”, (August 2, 2022), Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=4179703>, truy cập ngày 26/4/2025.

122. Jane E. Dudzinski (2013), “*justification for juries: a comparative perspective on models of jury composition*”, University of Illinois law review, (4): 1615-1647, nguồn: <https://www.illinoislawreview.org/wp-content/ilr-content/articles/2013/4/Dudzinski.pdf>, truy cập ngày 26/4/2025

123. British Columbia Law Institute, (August 2021), “*Civil Juries in British Columbia: Anachronism or Cornerstone of the Civil Justice Process?*” nguồn: <https://www2.gov.bc.ca/assets/gov/law-crime-and-justice/about-bc-justice-system/legislation-policy/civil-jury-trials/civil-jury-trials.pdf>, truy cập ngày 28/4/2025.

124. Adriana Sylwia Bartnik and Katarzyna Julia Kowalska (2017), “*The role of lay judges in the process of adjudication*”, Studia Iuridica, Volume: 71, Published: 20-11-2017, nguồn: <https://studiaiuridica.pl/article/105811/en>, truy cập ngày 22/4/2025.

125. Pissler, Knut Benjamin (2020), “*Lay Judges in China Under the New People's Assessors Law: The Shaping of a Legal Institution*”, Tsinghua China Law Review, Vol. 12, No. 2, Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=3667195>, truy cập ngày 22/4/2025.

126. Asia Development Bank (2004), *Law and Policy Reform at the Asia Development Bank*, nguồn: <https://www.asianlii.org/asia/other/ADBLPRes/2004/3.pdf>, truy cập ngày 9/9/2025.

127. D. Linzer, Jeffrey K. Staton (2012), “*A Measurement Model for Synthesizing Multiple Comparative Indicators: The Case of Judicial*

Independence”, nguồn: <https://www.semanticscholar.org/paper/A-Measurement-Model-for-Synthesizing-Multiple-The-Linzer-Staton/5387e6ab92a488955d951fba018e39e644bef49d>), truy cập ngày 16/3/2025.

128. Peter W. Culley (1983), “*In Defense of Civil Juries*”, 35 *Me. L. Rev.*, nguồn: <https://digitalcommons.maine.edu/mlr/vol35/iss1/3>, truy cập ngày 16/3/2025.

129. Shari Seidman Diamond and Mary R. Ros (2018), “*The Contemporary American Jury*”, *Annu. Rev. Law Soc. Sci.* 14:239-58, nguồn: <https://www.annualreviews.org/content/journals/10.1146/annurev-lawsocsci-110316-113618>, truy cập ngày 28/4/2025.

130. Richard L. Jolly, Valerie P. Hans, Robert S. Peck (2021) “*The Civil Jury: Reviving an American Institution*”, nguồn: https://civiljusticeinitiative.org/wp-content/uploads/2021/09/CJRI_The-Civil-Jury-Reviving-an-American-Institution.pdf, truy cập ngày 26/8/2025.

131. Ronald S. Longhofer (1999), “*Jury Trial Techniques in Complex Civil Litigation*”, 32 *U. MICH. J. L. REFORM* 335, Available at: <https://repository.law.umich.edu/mjlr/vol32/iss2/7>, truy cập ngày 26/4/2025.

132. 丁相顺 (2018), “*比较法视野下的人民陪审员制度改革*” *浙江大学学报, 第48卷第3期, 年5月*”.

Nguồn: <https://www.zjujournals.com/soc/EN/abstract/abstract11964.shtml#>, truy cập ngày 14/4/2025.

133. Black’s Law Dictionary (USA), 7th ed., published 1999, p.860

134. James Q. Wilson, “*American Government Institutions and Policies*” (5th Edition), D.C. Heath and Company, Massachusetts, United States, 1992.

135. Ivković, Sanja Kutnjak, “Exploring Lay Participation in Legal Decision-Making: Lessons from Mixed Tribunals”, *Cornell International Law Journal*, Vol. 40, No. 2, 2007, pp. 429–453. Nguồn: <https://scholarship.law.cornell.edu/cilj/vol40/iss2/4/>, truy cập ngày 27/6/2026.

136. Oldham JC, "Trial by Jury: The Seventh Amendment and the Special Jury of the Anglo-American System", New York University Press (2006).

137. JICA (2000), Luật Nhật Bản, tập 2: 1997-1998, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

138. Wolfgang Heyde, Justice and the Law in the Federal Republic of Germany, C.F. Muller Juristischer Verlag, Heidelberg, 1994.

139. Code of Arbitration Procedure of the Russian Federation 2002, as amended on April 1, 2025.

140. World development report (1997), the state in a changing world, nguồn: <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/518341468315316376/world-development-report-1997-the-state-in-a-changing-world>, truy cập ngày 7/5/2025.

141. Hobbes, Thomas, "Leviathan, or The Matter, Forme, & Power of a Common-Wealth Ecclesiastical and Civill", 1651. Nguồn: <https://www.gutenberg.org/files/3207/3207-h/3207-h.htm>, truy cập ngày 27/6/2026.

142. Locke, John, "Second Treatise of Government", 1690. Nguồn: <https://www.gutenberg.org/files/7370/7370-h/7370-h.htm>, truy cập ngày 27/6/2026.

143. Rousseau, Jean-Jacques, "The Social Contract & Discourses", translated by G.D.H. Cole. Nguồn: <https://www.gutenberg.org/files/46333/46333-h/46333-h.htm>, truy cập ngày 27/6/2026.

144. Rawls, John, "A Theory of Justice", Harvard University Press, 1971. Nguồn: <https://www.hup.harvard.edu/books/9780674000780>, truy cập ngày 27/6/2026.

145. Rawls, John, "Justice as Fairness: A Restatement", edited by Erin Kelly, Harvard University Press, 2001. Nguồn: https://openlibrary.org/books/OL7670497M/Justice_as_Fairness, truy cập ngày 27/6/2026.

146. Malsch, Marijke, “Democracy in the Courts: Lay Participation in European Criminal Justice Systems”, Ashgate/Routledge, 2009. Nguồn: <https://www.routledge.com/Democracy-in-the-Courts-Lay-Participation-in-European-Criminal-Justice-Systems/Malsch/p/book/9781138254312>, truy cập ngày 27/6/2026.

147. Ivković, Sanja Kutnjak, “Ears of the Deaf: The Theory and Reality of Lay Judges in Mixed Tribunals”, *Chicago-Kent Law Review*, Vol. 90, No. 3, 2015, pp. 1031–1067. Nguồn: <https://scholarship.kentlaw.iit.edu/cklawreview/vol90/iss3/11/>, truy cập ngày 27/6/2026.

148. Machura, Stefan, “Silent Lay Judges—Why Their Influence in the Community Falls Short of Expectations”, *Chicago-Kent Law Review*, Vol. 86, No. 2, 2011, pp. 769–788. Nguồn: <https://scholarship.kentlaw.iit.edu/cklawreview/vol86/iss2/11/>, truy cập ngày 27/6/2026.

149. Hans, Valerie P.; Diamond, Shari Seidman; Kutnjak Ivković, Sanja; Marder, Nancy S., “Judgment by Peers: Lay Participation in Legal Decision Making”, *Annual Review of Law and Social Science*, Vol. 20, 2024, pp. 141–61. Nguồn: <https://www.annualreviews.org/content/journals/10.1146/annurev-lawsocsci-041822-025652>, truy cập ngày 27/6/2026.

150. Kutnjak Ivković, Sanja; Hans, Valerie P., “Beacons of Democracy? A Worldwide Exploration of the Relationship Between Democracy and Lay Participation in Criminal Cases”, *Chicago-Kent Law Review*, Vol. 98, 2023, pp. 131–161. Nguồn: <https://scholarship.kentlaw.iit.edu/cklawreview/vol98/iss1/24/>, truy cập ngày 27/6/2026.

PHỤ LỤC**Phụ lục số 1: Phân biệt hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Bồi thẩm đoàn và Hội thẩm ở Việt Nam [PL1]**

Tiêu chí	Bồi thẩm	Hội thẩm
Hệ thống pháp luật	Thông luật (Mỹ, Anh, Canada, Úc...)	Việt Nam
Tiêu chuẩn	Là cử tri trong khu vực hành chính	Là công dân Việt Nam, có kiến thức pháp luật, hiểu biết xã hội, từ 21 tuổi đến 65 (đối với nữ) và đến 70 (đối với nam).
Quá trình hình thành	Tuyển chọn ngẫu nhiên	Do MTTQ giới thiệu, HĐND địa phương bầu
Thời gian hoạt động	1 VADS	5 năm
Tên gọi thành viên	Bồi thẩm viên	Hội thẩm
Đối tượng lựa chọn	Ngẫu nhiên	Mang tính cơ cấu và tùy thuộc từng loại vụ án
Chế tài đối với hành vi trốn tránh nghĩa vụ	Phạt tiền, phạt tù	Bãi nhiệm
Cơ quan tham gia lựa chọn	Tòa án	Tòa án, MTTQ, HĐND
Chấm dứt tư cách	Xét xử xong vụ án	Hết nhiệm kỳ, miễn nhiệm, bị bãi nhiệm
Trở lại tư cách	Được lựa chọn ngẫu nhiên sau 1-3 năm	Được bầu lại
Cơ chế bảo vệ	Có	Không
Trang phục khi xét xử	Không	Có
Cơ chế cách ly với Thẩm phán	Có	Không
Số lượng thành viên khi giải quyết một vụ án hình sự	Thông thường 6 đến 12 người	Thông thường 2 người, vụ án phức tạp 3 người
Vai trò trong xét xử	Quyết định về tình tiết vụ án, sự kiện pháp lý	Trực tiếp xét xử, nghị án và tuyên án
Mức thù lao, bồi dưỡng làm nhiệm vụ (một người/ngày)	40-50 USD	900.000 đồng

Phụ lục số 2: Phương án phát phiếu khảo sát ý kiến chuyên gia phục vụ đề tài luận án do NCS thực hiện [PL2]

TT	Cơ quan, đơn vị/địa phương	Lý do chọn	Chánh án	Thẩm phán	Hội thẩm	Thư ký	Thẩm tra viên	Luật sư	Nhà khoa học (TS)
1	TAND tối cao (Vụ 2, Vụ 3, Pháp chế)	Nơi ban hành chính sách					20		
2	Học viện Tòa án	Khảo sát ý kiến các nhà khoa học							3
3	Đại học Kiểm sát	Khảo sát ý kiến các nhà khoa học							1
4	Trường Đại học luật Hà Nội	Khảo sát ý kiến các nhà khoa học							1
5	Hà Nội	Thủ đô		5	5			5	
6	Lai Châu	Miền bắc		2	5				
7	Cao Bằng			2	3				
8	Hưng Yên			2	2				
9	Hải Phòng			2	2				
10	Lào Cai			5	5				
11	Bắc Ninh			2	3				
12	Thanh Hóa	Miền trung		5	5				
13	Nghệ An		1	5	5				
14	Hà Tĩnh		1	5	5				
15	Gia Lai	Tây Nguyên	1	5	5				
16	Hồ Chí Minh			2	1				
17	Đồng Nai	Miền nam	1	5	5				
18	Tiền Giang		1	5	5				
19	Cần Thơ			2	3				
20	Cà Mau			1	3				
	Tổng		5	55	100	15	15	5	5

Phụ lục số 3: Kết quả khảo sát ý kiến chuyên gia về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự của Hội thẩm tại Tòa án nhân dân ở Việt Nam [PL3]

PHIẾU KHẢO SÁT

(Dành cho Hội thẩm, Thẩm phán, Kiểm sát viên, Luật sư, Thư ký Tòa án)

Kính gửi: Ông (bà):.....

Hiện tại, chúng tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu **“Cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại TAND ở Việt Nam”**. Để đánh giá thực trạng và tìm kiếm giải pháp tăng cường, bảo đảm hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án, chúng tôi rất mong nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của quý vị bằng cách điền dấu chữ X vào ô vuông tương ứng (hoặc có ý kiến) vào các câu hỏi khảo sát dưới đây và xin sớm gửi lại. Mọi thông tin cá nhân của người tham gia được bảo đảm bí mật và hoạt động này chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, không nhằm mục đích thương mại.

A. ĐỊA BÀN PHÁT PHIẾU

Tỉnh/thành phố.....

B. THÔNG TIN CÁ NHÂN NGƯỜI TRẢ LỜI PHIẾU

1. Độ tuổi hiện tại của ông (bà)?

- Từ 18 tuổi đến 35 tuổi
 Từ 36 tuổi đến 50 tuổi
 Từ 51 đến 60 tuổi
 Từ 61 tuổi trở lên

2. Trình độ học vấn ở thời điểm hiện tại của ông (bà)?

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp
 Có bằng tốt nghiệp đại học
 Có bằng thạc sĩ
 Có bằng tiến sĩ

3. Giới tính

- Nam
 Nữ

4. Ông/bà là người dân tộc nào sau đây?

- Kinh
 Các dân tộc khác không phải người Kinh

C. NỘI DUNG KHẢO SÁT

1. Ông (bà) vui lòng cho biết vai trò đại diện cho người dân tham gia XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án trong thời gian vừa qua là?

- Góp phần quan trọng bảo đảm tính đúng đắn của bản án
 Sự có mặt của Hội thẩm mang tính hình thức
 Hội thẩm làm phức tạp hoạt động xét xử

2. Ông (bà) vui lòng cho biết yếu tố chính khiến vai trò của Hội thẩm khó đạt như yêu cầu là do? (Có thể chọn nhiều phương án)

- Pháp luật quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm chưa rõ ràng
 Ý thức và năng lực của Hội thẩm
 Sự chi phối từ thực tế

Khác (vui lòng ghi cụ thể)

3. Ông (bà) vui lòng cho biết sự tham gia của Hội thẩm trong hoạt động XXST VADS hiện nay tại TAND ở Việt Nam là?

Cần thiết Không phù hợp Nên có sự thay đổi

4. Ông (bà) vui lòng cho biết, cơ cấu, thành phần Hội thẩm (2/3 hoặc 3/5) trong HĐXX sơ thẩm VADS hiện nay là?

Phù hợp Không phù hợp Ý kiến khác:.....

5. Ông (bà) vui lòng cho biết để bảo đảm hoạt động XXST VADS, phát huy vai trò đại diện nhân dân tham gia xét xử các VADS thực sự hiệu quả nên theo mô hình?

Như hiện nay (bầu theo nhiệm kỳ) Lựa chọn ngẫu nhiên (như Bồi thẩm)

Ý kiến khác:.....

6. Ông (bà) vui lòng cho biết việc phân công Hội thẩm tham gia xét xử tại Tòa án theo phương thức lựa chọn ngẫu nhiên khi tham gia XXST VADS cụ thể? (Có thể chọn nhiều phương án)

Phù hợp, bảo đảm sự công bằng, phòng ngừa hành vi can thiệp trái pháp luật

Không phù hợp vì không bảo đảm thành phần, cơ cấu của Hội thẩm trong một số vụ án theo quy định

Không bảo đảm về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của Hội thẩm trong một số tranh chấp dân sự khó, phức tạp

Ý kiến khác

7. Ông (bà) vui lòng cho biết Hội thẩm khi được phân công tham gia XXST VADS có bao nhiêu thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa?

Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa

Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa

Hơn một ngày

Hơn một tuần

8. Ông (bà) vui lòng cho biết nếu Hội thẩm tham gia xét xử từ khi Tòa án thụ lý vụ án; tham gia cùng Thẩm phán tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định?

Rất cần thiết để Hội thẩm hiểu rõ bản chất vụ án, tranh chấp dân sự khi xét xử

Không cần thiết vì Hội thẩm có thời gian nghiên cứu hồ sơ trước khi xét xử

Ý kiến khác:.....

9. Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia XXST VADS, Hội thẩm thực hiện quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền?

Thường xuyên đề nghị

Có đề nghị nhưng không đáng kể

Chưa bao giờ đề nghị vì luật không quy định rõ và nhận thức rằng đó là trách nhiệm của Thẩm phán

10. Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia xét xử tại giai đoạn bắt đầu phiên tòa VADS sơ thẩm, Hội thẩm có tham gia vào việc hòa giải các đương sự trong vụ án không?

- Chủ động tham gia
- Tham gia khi Thẩm phán chủ tọa đề nghị
- Không tham gia

11. Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia hoạt động XXST VADS tại phiên tòa tại phần tranh tụng, Hội thẩm đã thể hiện vai trò như thế nào?

- Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của thành viên HĐXX
- Mức độ tham gia hạn chế
- Không có hoạt động nào đáng kể

12. Ông (bà) vui lòng cho biết trong hoạt động XXST VADS vừa qua, khi ra các quyết định của HĐXX, Hội thẩm đều thể hiện đồng tình với quan điểm của Thẩm phán (chủ tọa phiên tòa), lý do vì:

- Tin tưởng vào Thẩm phán
- Ngại va chạm
- Yếu kém, thiếu trách nhiệm

13. Ông (bà) vui lòng cho biết trong quá trình tham gia XXST VADS, Chủ tọa phiên tòa có tạo điều kiện để Hội thẩm độc lập, trao đổi bàn bạc dân chủ hay không?

- Tạo điều kiện tốt
- Bình thường
- Kém
- Không tạo điều kiện
- Không có ý kiến gì

14. Ông (bà) vui lòng cho biết khi nghị án, Chủ tọa phiên tòa có nêu quan điểm của lãnh đạo Tòa án về đường lối xét xử của vụ án hay không?

- Có nêu quan điểm rõ ràng
- Có nêu nhưng chỉ gợi ý
- Không nêu quan điểm
- Không có ý kiến gì

15. Ông (bà) vui lòng cho biết trong quá trình tham gia xét xử VADS, Hội thẩm có bị chịu áp lực của bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào không?

- Có bị chịu áp lực đối với hoạt động xét xử (Chuyển câu 17 và câu 18)
- Không bị chịu áp lực đối với hoạt động xét xử

16. Ông (bà) vui lòng cho biết trong quá trình tham gia xét xử VADS, Hội thẩm bị chịu áp lực của bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án)

- Chánh án Tòa án nơi đang mở phiên tòa xét xử
- Cấp ủy của Tòa án nơi đang mở phiên tòa xét xử
- Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp
- Kiểm sát viên kiểm sát hoạt động tư pháp tại tòa án
- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa.

17. Ông (bà) vui lòng cho biết trong quá trình tham gia xét xử VADS, Hội thẩm bị phụ thuộc vào ý kiến của thẩm phán ở giai đoạn nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- Ngay khi bắt đầu phiên tòa
- Ở giai đoạn xét hỏi
- Ở giai đoạn tranh luận
- Ở giai đoạn nghị án
- Khi biểu quyết từng nội dung của vụ án

18. Ông (bà) vui lòng cho biết điều kiện làm việc của Hội thẩm khi được phân công tham gia xét xử VADS tại Tòa án?

- Được bố trí phòng riêng để nghiên cứu hồ sơ
- Được bố trí ngồi chung với cán bộ Tòa án
- Không có chỗ ngồi bảo đảm để nghiên cứu hồ sơ
- Ý kiến khác

19. Ông (bà) vui lòng cho biết công tác quản lý Hội thẩm hiện nay có hợp lý?

- Hợp lý
- Không hợp lý
- Ý kiến khác

20. Ông (bà) vui lòng cho biết việc lựa chọn, phân công Hội thẩm tham gia XXST VADS của Tòa án trong thời gian qua được nhìn nhận như thế nào?

Chú trọng tính đại diện của các tầng lớp nhân dân cho đủ thành phần, cơ cấu theo quy định

Chú trọng những người nhằm bảo đảm cho Thẩm phán, Tòa án xét xử thuận lợi, nhanh chóng; chưa chú trọng những người có trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm công tác (chuyên gia trong một số lĩnh vực)

- Ý kiến khác

21. Ông (bà) vui lòng cho biết ý kiến về một số nhận định dưới đây về trách nhiệm của Hội thẩm trong XXST VADS tại phiên tòa?

	Đồng ý	Không đồng ý
Một số Hội thẩm chưa chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định		
Trong quá trình tham gia xét xử án dân sự tại Tòa án, một số Hội thẩm gặp khó khăn trong thu xếp thời gian tham gia xét xử		
Một số Hội thẩm chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ trước khi tham gia xét xử		
Một số Hội thẩm bị động, lúng túng trong đánh giá, biểu quyết kết quả xét xử tại phiên tòa		
Một số Hội thẩm trông chờ vào quyết định của Thẩm phán, không có tư duy độc lập		
Một số quyết định của HĐXX chủ yếu do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đưa ra và Hội thẩm chỉ đồng ý		
Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập trong xét xử chưa được coi trọng		

Ý kiến khác:

22. Ông (bà) vui lòng cho biết nguyên nhân vì sao Hội thẩm chưa phát huy hết trách nhiệm trong hoạt động XXST VADS ?

	Đồng ý	Không đồng ý
Chánh án Tòa án nhân dân một số nơi chưa cân nhắc đến kế hoạch công tác của Hội thẩm		
Chánh án Tòa án nhân dân một số nơi không trao đổi, tham khảo trực tiếp trước với Hội thẩm, cả với lãnh đạo của nơi Hội thẩm công tác để lên lịch xét xử hợp lý		
Hội thẩm không chủ động trong việc cập nhật văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động XXST các VADS		
Chánh án Tòa án nhân dân một số nơi chưa có kế hoạch thường xuyên, kịp thời cung cấp văn bản pháp qui cho Hội thẩm		
Chánh án Tòa án nhân dân một số nơi chưa dành điều kiện để Hội thẩm thể hiện quyền tham gia xét xử, thảo luận tại phiên tòa dân sự.		
Một số vụ án Thẩm phán không đảm bảo quyền phát biểu ý kiến của Hội thẩm khi nghị án		
Pháp luật chưa đề cao vị trí độc lập của Hội thẩm nhân dân		
Thù lao cho Hội thẩm tại phiên tòa chưa thỏa đáng		
Chất lượng đội ngũ Hội thẩm cấp tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu và nhiệm		
Cơ chế giám sát và xem xét trách nhiệm đối với hoạt động XXST VADS của Hội thẩm chưa rõ ràng		

23. Ông (bà) vui lòng cho biết trong giai đoạn hiện nay, để nâng cao chất lượng xét xử, ý thức, trách nhiệm của Hội thẩm thì trong trường hợp Hội thẩm có thiếu sót, vi phạm trong giải quyết, xét xử VADS thì cần có biện pháp gì?

- Xem xét xử lý trách nhiệm, kỷ luật Hội thẩm như Thẩm phán
- Xem xét xử lý trách nhiệm ở mức độ vừa phải vì Hội thẩm là người kiêm nhiệm
- Không xem xét xử lý trách nhiệm, kỷ luật.
- Ý kiến khác

24. Ông (bà) vui lòng cho biết cơ quan nào xem xét xử lý trách nhiệm, kỷ luật đối với Hội thẩm vi phạm trong công tác xét xử là phù hợp?

- TAND có thẩm quyền
- Cơ quan nơi Hội thẩm công tác
- HĐND nơi bầu Hội thẩm
- Đoàn Hội thẩm

25. Ông (bà) vui lòng đánh giá cơ sở vật chất, kỹ thuật để Hội thẩm thực hiện tốt nhiệm vụ xét xử tại các phiên tòa XXST các VADS của TAND?

- Rất tốt

- Tốt
- Bình thường
- Kém
- Rất kém

26. Ông (bà) vui lòng cho biết sự quan tâm tạo điều kiện về chế độ chính sách, sự tôn vinh đối với Hội thẩm, nhất là những Hội thẩm có đóng góp cho cộng đồng?

- Đã được quan tâm thích đáng
- Đã quan tâm nhưng chưa bảo đảm với công sức của Hội thẩm
- Chưa được quan tâm
- Ý kiến khác

27. Ông (bà) vui lòng cho biết công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm xét xử các VADS của TAND tối cao, TAND cấp tỉnh trong thời gian qua thể hiện như thế nào?

- Đã chú trọng thực hiện
- Đã thực hiện nhưng chưa đáp ứng
- Chưa chú trọng thực hiện

28. Ông (bà) vui lòng cho biết Tòa án có thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ và trang bị cho Hội thẩm nhân dân những tài liệu, văn bản pháp luật cần thiết để hội thẩm tham gia công tác xét xử.

- Thường xuyên
- Ít khi
- Chưa bao giờ

29. Ông (bà) vui lòng cho biết tiêu chuẩn về Hội thẩm theo pháp luật hiện hành?

- Phù hợp khi Hội thẩm tham gia XXST VADS
- Không phù hợp khi Hội thẩm tham gia XXST VADS

Ý kiến khác:

30. Ông (bà) vui lòng cho biết cần phải thực hiện một số giải pháp nào dưới đây để nâng cao chất lượng hoạt động XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án? (Có thể chọn nhiều phương án)

Cần tổ chức các khóa học đào tạo, bồi dưỡng cho Hội thẩm về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng xét xử các VADS, trong đó có các chuyên đề về các tranh chấp dân sự có nội dung phức tạp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới

- Quy định rõ tiêu chuẩn đối với Hội thẩm trong XXST từng loại VADS

Cải cách chế độ, thù lao cho Hội thẩm

Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật những văn bản pháp luật mới liên quan đến hoạt động xét xử VADS cho Hội thẩm

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm cho Hội thẩm độc lập khi xét xử

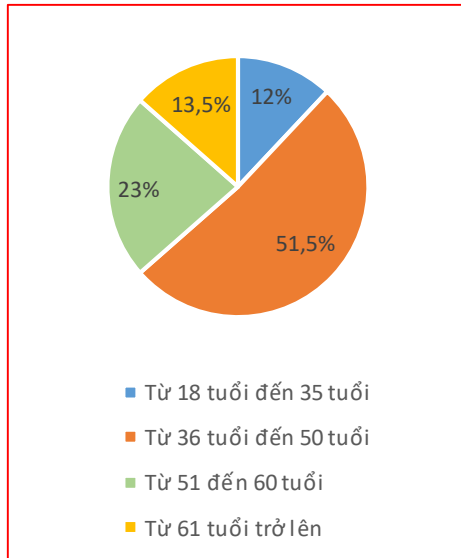
Quy định rõ trách nhiệm của Hội thẩm và chế tài xử lý khi vi phạm trong công tác xét xử

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Quý Ông (Bà)!

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHUYÊN GIA

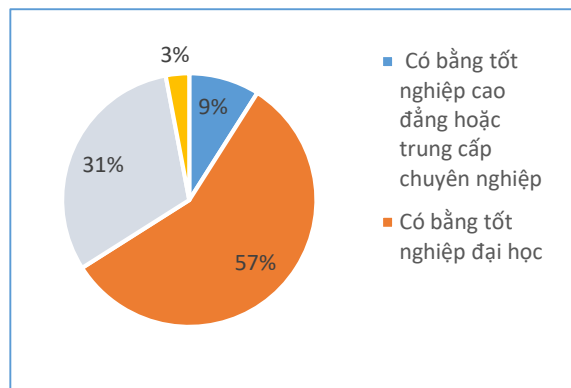
1. Cơ cấu nhân khẩu chuyên gia được khảo sát

Biểu đồ 1: Độ tuổi



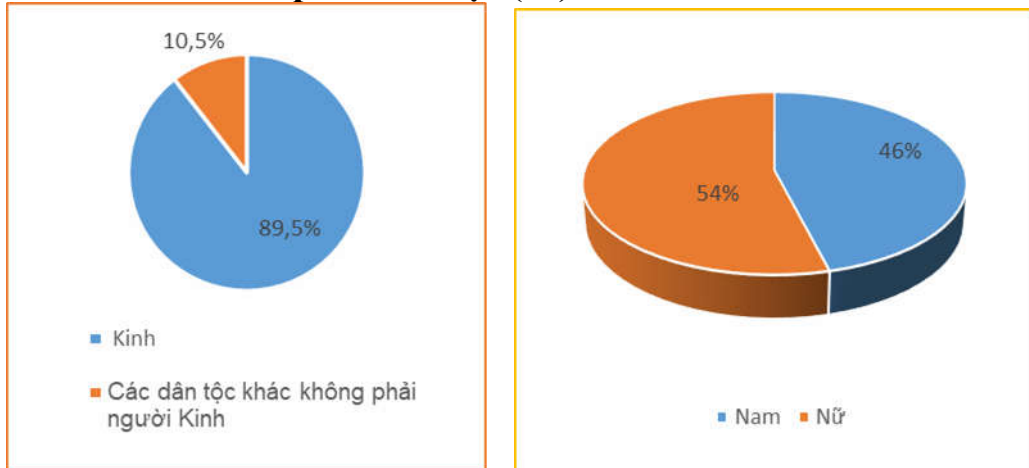
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 2: Trình độ học vấn



(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

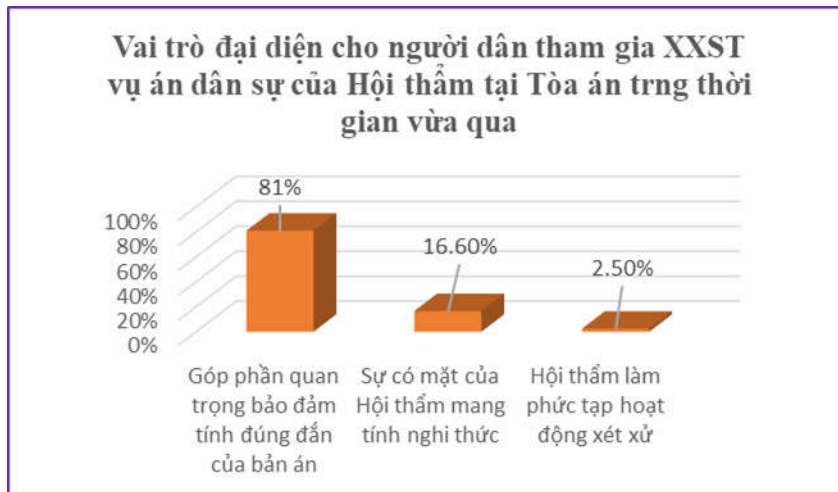
Biểu đồ 3: Thành phần dân tộc (%) **Biểu đồ 4: Giới tính**



(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

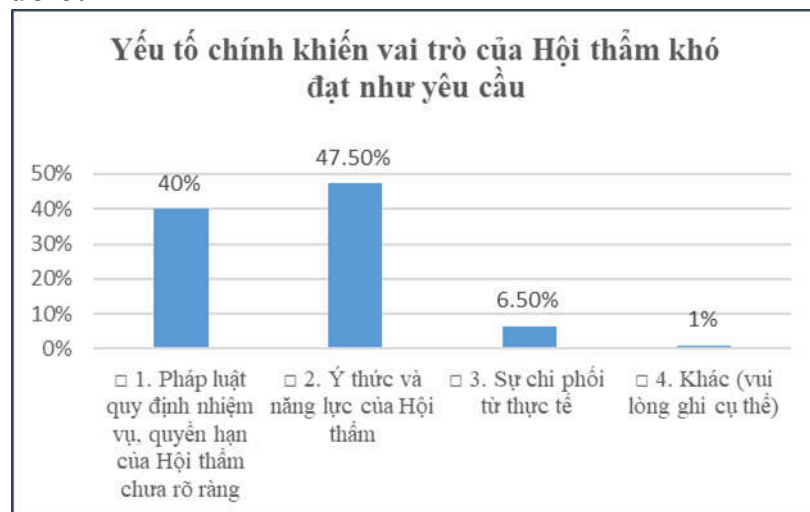
2. Nội dung khảo sát

Biểu đồ 5:



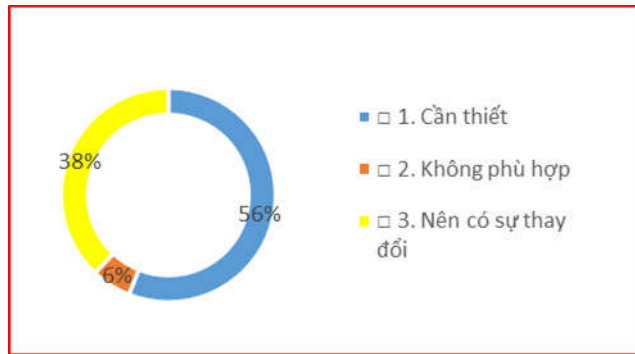
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 6:



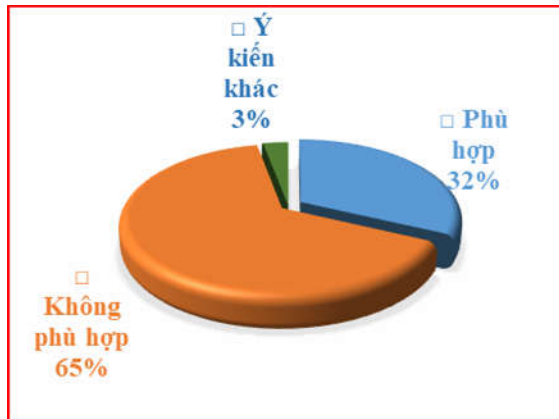
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 7: Sự tham gia của Hội thẩm vào hoạt động XXST VADS hiện nay tại TAND ở Việt Nam



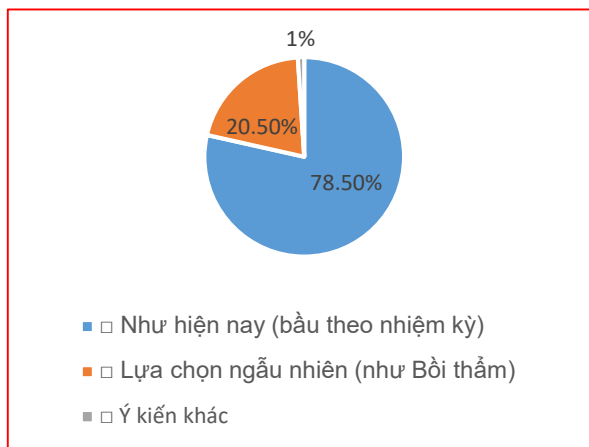
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 8: Cơ cấu, thành phần Hội thẩm tham gia HĐXX sơ thẩm VADS như quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay



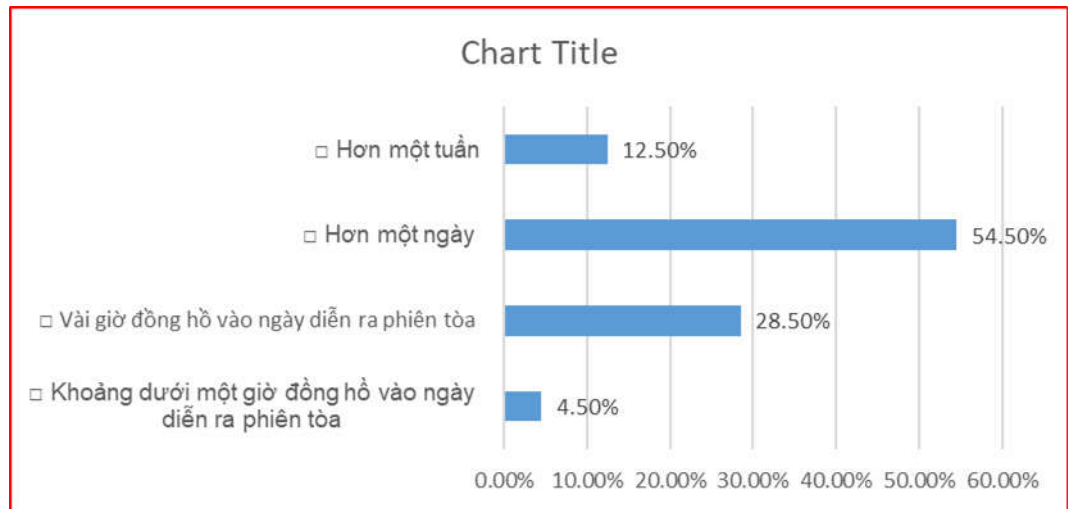
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 9: Mô hình đại diện nhân dân tham gia xét xử các VADS trong thời gian tới



(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 10: Thời gian nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm trước khi mở phiên tòa dân sự sơ thẩm



(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 11. Việc thực hiện quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra các quyết định tố tụng của Hội thẩm khi xét xử



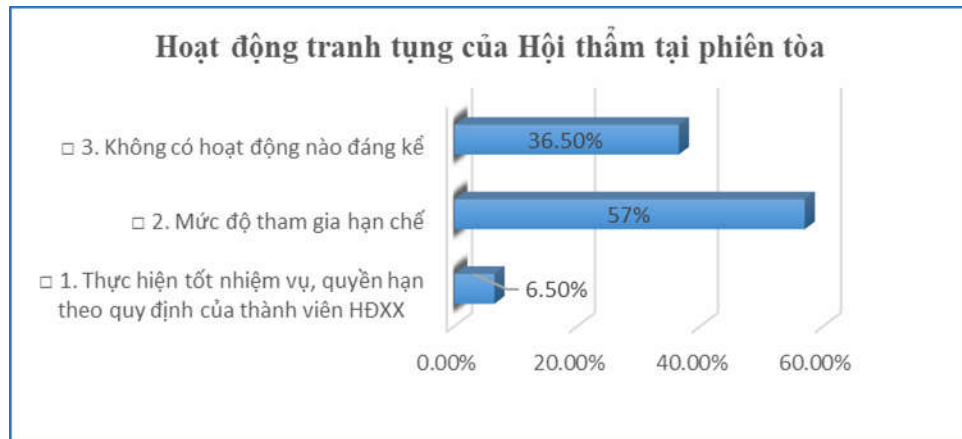
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 12:



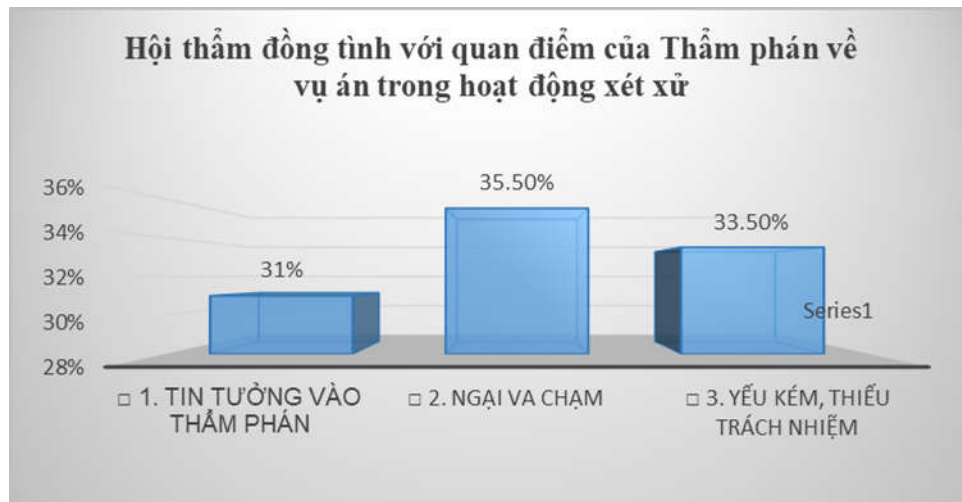
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 13:



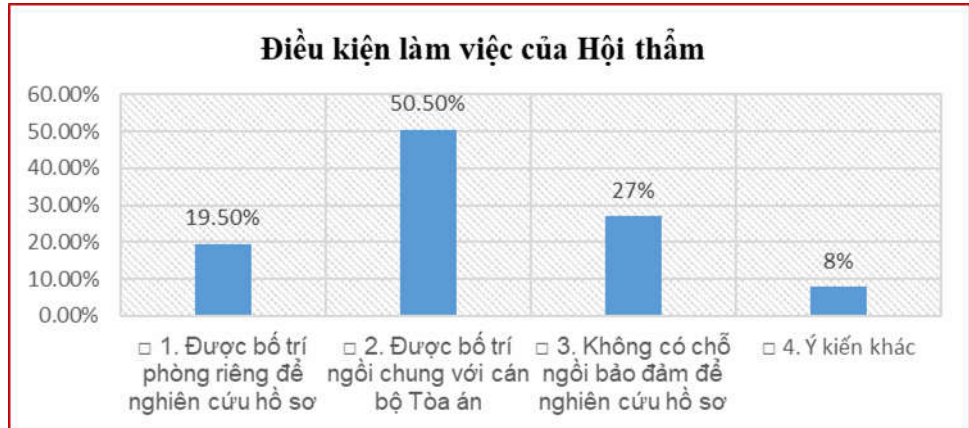
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 14:



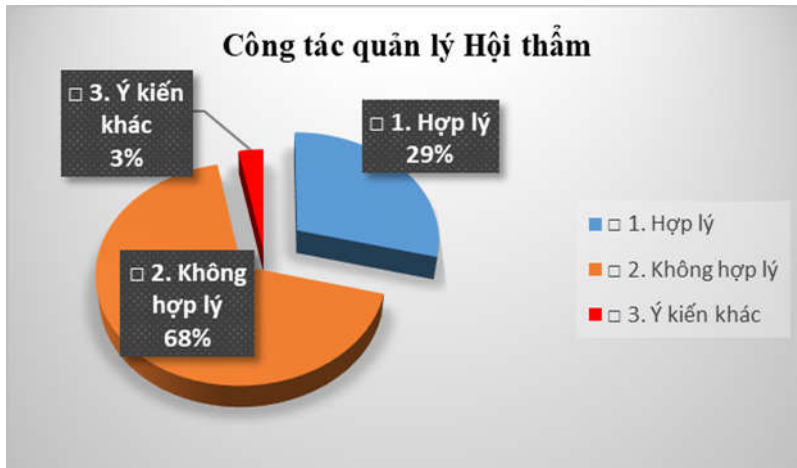
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 15:



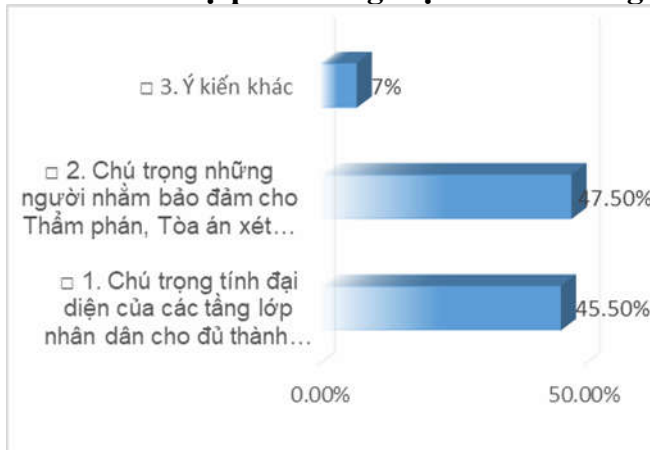
(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 16:



(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Biểu đồ 17: Sự phân công Hội thẩm tham gia xét xử VADS



(Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài của NCS năm 2025)

Bảng 18: Thẩm phán tạo điều kiện để Hội thẩm độc lập khi xét xử

	Số lượng	Tỷ lệ %
<input type="checkbox"/> 1. Tạo điều kiện tốt	29	14,5
<input type="checkbox"/> 2. Bình thường	146	73
<input type="checkbox"/> 3. Kém	17	8,5
<input type="checkbox"/> 4. Không tạo điều kiện	06	03
<input type="checkbox"/> 5. Không có ý kiến gì	02	01
Tổng	200	100

Bảng 19: Chủ tọa phiên tòa có nêu quan điểm của lãnh đạo về đường lối xét xử của vụ án khi nghị án

	Số lượng	Tỷ lệ %
<input type="checkbox"/> 1. Có nêu quan điểm rõ ràng	48	24
<input type="checkbox"/> 2. Có nêu nhưng chỉ gợi ý	77	38,5
<input type="checkbox"/> 3. Không nêu quan điểm	67	33,5
<input type="checkbox"/> 4. Không có ý kiến gì	08	04
Tổng	200	100

Bảng 20: Hội thẩm chịu áp lực trong hoạt động xét xử

	Số lượng	Tỷ lệ %
<input type="checkbox"/> 1. Có bị chịu áp lực đối với hoạt động xét xử	118	59
<input type="checkbox"/> 2. Không bị chịu áp lực đối với hoạt động xét xử	82	41
Tổng	200	100

Bảng 21: Tổ chức cá nhân gây áp lực cho Hội thẩm trong hoạt động xét xử

	Số lượng	Tỷ lệ %
<input type="checkbox"/> 1. Chánh án Tòa án nơi đang mở phiên tòa xét xử	52	26
<input type="checkbox"/> 2. Cấp ủy của Tòa án nơi đang mở phiên tòa xét xử	30	15
<input type="checkbox"/> 3. Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp	12	06
<input type="checkbox"/> 4. Kiểm sát viên kiểm sát hoạt động tư pháp tại tòa án	34	17
<input type="checkbox"/> 5. Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa	72	36
Tổng	200	100

Bảng 22: Giai đoạn tố tụng Hội thẩm phụ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán

	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> 1. Ngay khi bắt đầu phiên tòa	25	12,5
<input type="checkbox"/> 2. Ở giai đoạn xét hỏi	08	04
<input type="checkbox"/> 3. Ở giai đoạn tranh luận	11	5,5
<input type="checkbox"/> 4. Ở giai đoạn nghị án	135	67,5
<input type="checkbox"/> 5. Khi biểu quyết từng nội dung của vụ án	21	10,5
Tổng	200	100

Bảng 23. Chế độ chính sách, sự tôn vinh đối với Hội thẩm

<input type="checkbox"/> 1. Đã được quan tâm thích đáng	24	12
<input type="checkbox"/> 2. Đã quan tâm nhưng chưa bảo đảm với công sức của Hội thẩm	134	67
<input type="checkbox"/> 3. Chưa được quan tâm	40	20
<input type="checkbox"/> 4. Ý kiến khác	02	1

Bảng 24. Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với Hội thẩm

<input type="checkbox"/> 1. Đã chú trọng thực hiện	30	15
<input type="checkbox"/> 2. Đã thực hiện nhưng chưa đáp ứng	128	64
<input type="checkbox"/> 3. Chưa chú trọng thực hiện	42	21

Bảng 25. Tiêu chuẩn về Hội thẩm theo pháp luật hiện hành

<input type="checkbox"/> 1. Phù hợp khi Hội thẩm tham gia XXST VADS	68	34
<input type="checkbox"/> 2. Không phù hợp khi Hội thẩm tham gia XXST VADS	125	62,5
<input type="checkbox"/> 3. Ý kiến khác	07	3,5

Bảng 26. Hội thẩm tham gia xét xử VADS ngay từ khi thụ lý, tiến hành các hoạt động tố tụng

	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> 1. Rất cần thiết để Hội thẩm hiểu rõ bản chất vụ án, tranh chấp dân sự khi xét xử	123	61,5
<input type="checkbox"/> 2. Không cần thiết vì Hội thẩm có thời gian nghiên cứu hồ sơ trước khi xét xử	69	34,5
<input type="checkbox"/> 3. Ý kiến khác	08	4
Tổng	200	100

Bảng 27. Xem xét trách nhiệm của Hội thẩm khi có vi phạm

<input type="checkbox"/> 1. Xem xét xử lý trách nhiệm, kỷ luật Hội thẩm như Thẩm phán	36	18
<input type="checkbox"/> 2. Xem xét xử lý trách nhiệm ở mức độ vừa phải vì Hội thẩm là người kiêm nhiệm	141	70,5
<input type="checkbox"/> 3. Không xem xét xử lý trách nhiệm, kỷ luật.	16	8
<input type="checkbox"/> 4. Ý kiến khác	07	3,5

Bảng 28. Cơ quan xem xét xử lý trách nhiệm, kỷ luật đối với Hội thẩm

<input type="checkbox"/> 1. TAND có thẩm quyền	24	12
<input type="checkbox"/> 2. Cơ quan nơi Hội thẩm công tác	28	14
<input type="checkbox"/> 3. HĐND nơi bầu Hội thẩm	130	65
<input type="checkbox"/> 4. Đoàn Hội thẩm	18	9

**Phụ lục 4: PHÒNG VẤN CHUYÊN SÂU CHUYÊN GIA [PL4]
A. KẾ HOẠCH PHÒNG VẤN TỔNG QUAN**

Stt	Đối tượng	Yêu cầu	Người được mời phỏng vấn	Ngày phỏng vấn
1	Thẩm phán	<p>(1) Đang là Thẩm phán TAND khu vực; (2) đã và đang tham gia xét xử VADS; (3) có kinh nghiệm xét xử 5 năm đến 10 năm; (4) trình độ chuyên môn từ thạc sĩ luật trở lên.</p>	<p>(1) Họ và tên: Nguyễn Mạnh Tuấn Năm sinh: 1986 Chức vụ: Thẩm phán Đơn vị công tác: TAND khu vực 6 - Hà Nội Giới tính: Nam Kinh nghiệm xét xử: 05 năm ĐT: 0983929257</p> <p>(2) Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Nhung Năm sinh: 1982 Chức vụ: Thẩm phán/Chánh án Đơn vị công tác: TAND khu vực 6 - Nghệ An Giới tính: Nữ Kinh nghiệm xét xử: 12 năm ĐT: 0916879004</p> <p>(3) Họ và tên: Nguyễn Mạnh Dân Năm sinh: 1974 Chức vụ: Thẩm phán/Chánh án Đơn vị công tác: TAND khu vực 3 - Đồng Nai Giới tính: Nam Kinh nghiệm xét xử: 25 năm ĐT: 0918926530</p>	<p>Ngày 16, 17, 18/10/2025</p>
2	Hội thẩm	<p>(1) Đang là Hội thẩm TAND khu vực; (2) đã và đang được phân công xét xử VADS; (3) có thời gian làm Hội thẩm dưới 5 năm; (4) có kiến thức pháp luật và hiểu biết xã hội; (5) độ tuổi từ 35-60 tuổi; (6) là người dân tộc</p>	<p>(4) Họ và tên: Nguyễn Hữu Tường Năm sinh: 1961 Chức vụ: Hội thẩm Đơn vị công tác: TAND khu vực 6 Nghệ An Giới tính: Nam Số năm làm Hội thẩm: 8 năm Dân tộc: Kinh ĐT: 0984964095</p> <p>(5) Họ và tên: Lê Văn Kiệt Năm sinh: 1954 Chức vụ: Hội thẩm Đơn vị công tác: TAND khu vực 1 - Đồng Tháp</p>	<p>Ngày 16, 17, 18/10/2025</p>

		kinh.	Giới tính: Nam Số năm làm Hội thẩm: 15 năm Dân tộc: Kinh ĐT: 0985428346	
3	Thư ký Tòa án	(1) Đang là thư ký TAND; (2) Đã và đang được phân công làm nhiệm vụ thư ký phiên tòa dân sự; (3) Có thời gian làm thư ký tại TAND tỉnh hoặc khu vực (cấp huyện trước sắp xếp) từ 3 -5 năm	(6) Họ và tên: Lê Thị Thảo Năm sinh: 1991 Chức vụ: Thư ký Tòa án Đơn vị công tác: TAND tỉnh Bắc Ninh Giới tính: Nữ Số năm công tác: gần 10 năm ĐT: 0919036094	Ngày 16, 17, 18/10/2025
4	Kiểm sát viên	(1) Đang là kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực; (2) Đã và đang được phân công thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTDS tại TAND khu vực hoặc TAND cấp tỉnh, cấp huyện trước sắp xếp.	(7) Họ và tên: Phạm Thị Giang Năm sinh: 1988 Chức vụ: Kiểm sát viên Đơn vị công tác: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên Giới tính: Nữ Số năm công tác: 15 năm ĐT: 0984836388	Ngày 16, 17, 18/10/2025
5	Luật sư	(1) Đang là Luật sư thuộc liên đoàn Luật sư Việt Nam; (2) Có kinh nghiệm trong TTDS; (3) Đã từng được mời làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong VADS; (4) Có thời gian hành nghề luật sư từ năm trở lên; (5) Có kinh nghiệm tham gia tố tụng ít nhất 10 VADS;	(8) Họ và tên: Đặng Thị Dung Năm sinh: 1975 Chức vụ: Luật sư Đơn vị: Công ty Luật DZ Law Giới tính: Nữ Số năm công tác: hơn 20 năm. Điện thoại: 0945.762.615 ĐT: 0945762615	Ngày 6, 7, 8/10/2025
6	Đương sự trong VADS	(1) Là nguyên đơn hoặc bị đơn; (2) gắn với VADS (trừ vụ án lao động); (3) Có sức khỏe tốt,	(9) Họ và tên: Hoàng Văn Tân Năm sinh: 1965 Giới tính: Nam Dân tộc: Kinh Tư cách người tham gia tố tụng (đã	Ngày 16, 17, 18/10/2025

		minh mẫn; (4) đã tham dự phiên tòa dân sự.	hoặc đang): Bị đơn Vụ án: Tranh chấp đòi nhà và đất cho ở nhờ Năm xét xử: 2025 Tòa án: TAND quận Tây Hồ Bản án: 239/DSST ngày 22/8/2025 ĐT: 0903251639	
7	Chuyên gia xây dựng chính sách	(1) Là công chức TAND tối cao công tác tại Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học; hoặc Vụ Tổ chức - Cán bộ. (2) đã và đang được phân công nghiên cứu, xây dựng văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Hội thẩm, chế độ chính sách, điều kiện hoạt động của Hội thẩm. (3) Có kinh nghiệm công tác 5-10 năm	(10) Họ và tên: TS. Phan Thị Thu Hà Năm sinh: 1981 Chức vụ: Trưởng phòng Pháp luật dân sự, kinh doanh-thương mại, lao động, phá sản. Đơn vị công tác: Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Giới tính: Nữ Số năm công tác: hơn 20 năm. ĐT: 0902028949	Ngày 16, 17, 18/10/2025

B. BẢNG PHÒNG VẤN CỤ THỂ DÀNH CHO CÁC CHUYÊN GIA

I	Kế hoạch phỏng vấn		
(1)	Người phỏng vấn: NCS K38, chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Người được hỏi: Chuyên gia theo kế hoạch		
(2)	Phương thức phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp/phỏng vấn qua điện thoại; thiết bị trực tuyến; quá trình phỏng vấn có ghi âm, hoặc ghi chép trực tiếp kết quả phỏng vấn.		
3	Địa điểm phỏng vấn:		
(2)	Thời gian phỏng vấn	(3) Giới thiệu tổng quan chương trình	(4) Phương thức thực hiện phỏng vấn
-	Thời gian dự kiến: trong tháng 10 và tháng 11/2025	- Tổng quan chương trình:	(1) phỏng vấn trực tiếp;
-	Thời gian bắt đầu: 8 giờ	- Lý do thực hiện phỏng vấn:	(2) phỏng vấn qua điện thoại; thiết bị trực tuyến;
-	Thời gian kết thúc: 17 giờ	- Ý nghĩa, vai trò của hoạt động phỏng vấn:	quá trình phỏng vấn có ghi âm, hoặc ghi chép trực tiếp kết quả phỏng vấn.

-	Tổng thời gian phỏng vấn/01 chuyên gia: 60 phút		
II	Phiếu phỏng vấn		
Người phỏng vấn:		Dành cho đối tượng	
Câu 1: Ông (bà) vui lòng cho biết vai trò đại diện cho người dân tham gia XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án trong thời gian vừa qua được thể hiện như thế nào?		Tất cả chuyên gia	
Câu 2: Ông (bà) vui lòng cho biết, cơ cấu, thành phần Hội thẩm tham gia HĐXX sơ thẩm VADS hiện nay có phù hợp không? Để bảo đảm hoạt động XXST VADS, phát huy vai trò đại diện nhân dân thì Hội thẩm ở nước ta nên theo mô hình nào (mô hình bồi thẩm đoàn; mô hình Hội thẩm nhân dân như hiện nay; mô hình pha trộn Hội thẩm bao gồm Hội thẩm chuyên gia và Hội thẩm là công dân thường)?		Tất cả chuyên gia	
Câu 3: Ông (bà) vui lòng cho biết Hội thẩm khi được phân công tham gia XXST VADS có bao nhiêu thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa?		<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm phán; - Hội thẩm; - Thư ký. 	
Câu 4: Ông (bà) vui lòng cho biết Hội thẩm tham gia xét xử từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cùng Thẩm phán tiến hành các hoạt động tố tụng có hợp lý không?		Tất cả chuyên gia	
Câu 5: Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia XXST VADS, Hội thẩm có thực hiện đầy đủ quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền?		<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm phán; - Hội thẩm; - Kiểm sát viên; - Thư ký; - Luật sư; - Đương sự. 	
Câu 6: Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia xét xử tại giai đoạn bắt đầu phiên tòa VADS sơ thẩm, Hội thẩm có tham gia vào việc hòa giải các đương sự trong vụ án không? Chất lượng hoạt động hòa giải của Hội thẩm như thế nào?		Tất cả chuyên gia	
Câu 7: Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia hoạt động XXST VADS tại phiên tòa tại phần tranh tụng, Hội thẩm đã thể hiện vai trò như thế nào?		Tất cả chuyên gia	
Câu 8: Ông (bà) vui lòng cho biết việc thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật trong xét xử VADS? trong hoạt động xét xử VADS, Hội thẩm đã thực sự độc lập hay chưa? Các yếu tố nào tác động, chi phối đến tính độc lập của Hội thẩm?		Tất cả chuyên gia	
Câu 9: Ông (bà) vui lòng cho biết công tác quản lý Hội thẩm hiện nay có điểm nào hợp lý và điểm nào bất hợp lý? Ông (bà) có đánh giá như thế nào về việc quản lý, phân công Hội thẩm xét xử các VADS của Chánh án? điều kiện làm việc, chế độ chính sách, sự tôn vinh của xã hội đối với Hội thẩm		Tất cả chuyên gia (trừ đương sự)	

C: TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÒNG VẤN CHUYÊN SÂU**Bảng số 1**

Ông (bà) vui lòng cho biết vai trò đại diện cho người dân tham gia XXST VADS của Hội thẩm tại Tòa án trong thời gian vừa qua được thể hiện như thế nào?

Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Góp phần quan trọng bảo đảm tính đúng đắn của bản án	7/10	70%
<input type="checkbox"/> Sự có mặt của Hội thẩm rất hình thức:	3/10	30%
<input type="checkbox"/> Hội thẩm làm phức tạp hoạt động xét xử	0/00	00%

Bảng số 2

Ông (bà) vui lòng cho biết, cơ cấu, thành phần Hội thẩm tham gia HĐXX sơ thẩm VADS hiện nay có phù hợp không? Để bảo đảm hoạt động XXST VADS, phát huy vai trò đại diện nhân dân thì Hội thẩm ở nước ta nên theo mô hình nào? ((1) mô hình Bồi thẩm đoàn; (2) mô hình Hội thẩm là công dân thường; (3) mô hình Hội thẩm chuyên gia; (4) mô hình pha trộn bao gồm Hội thẩm chuyên gia và Hội thẩm là công dân thường))

- Quy định hiện hành về cơ cấu, thành phần Hội thẩm tham gia HĐXX sơ thẩm VADS

Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Phù hợp:	02/10	20%
<input type="checkbox"/> Không phù hợp	08/10	80%
<input type="checkbox"/> Ý kiến khác:.....	00/00	00%

- Mô hình Hội thẩm trong TTDS tại Việt Nam trong thời gian tới

<input type="checkbox"/> Mô hình Hội thẩm là công dân thường	02/10	20%
<input type="checkbox"/> Mô hình Bồi thẩm đoàn:	01/10	10%
<input type="checkbox"/> Mô hình tất cả Hội thẩm là chuyên gia	00/00	00%
<input type="checkbox"/> Mô hình pha trộn bao gồm Hội thẩm chuyên gia và Hội thẩm là công dân thường	07/10	70%
<input type="checkbox"/> Ý kiến khác:.....	00/10	00%

Bảng số 3

Ông (bà) vui lòng cho biết Hội thẩm khi được phân công tham gia XXST VADS có bao nhiêu thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa?

Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Khoảng dưới một giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	0/6	00%
<input type="checkbox"/> Vài giờ đồng hồ vào ngày diễn ra phiên tòa	2/6	33%
<input type="checkbox"/> Hơn một ngày	4/6	67%
<input type="checkbox"/> Hơn một tuần	0/6	00%

Bảng số 4

Ông (bà) vui lòng cho biết Hội thẩm tham gia xét xử từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cùng Thẩm phán tiến hành các hoạt động tố tụng có hợp lý không?

Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Cần thiết	07/10	70%
<input type="checkbox"/> Không cần thiết	03/10	30%
<input type="checkbox"/> Ý kiến khác	00/10	00%

Bảng số 5

Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia XXST VADS, Hội thẩm có thực hiện đầy đủ quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền?		
Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Thường xuyên đề nghị	2/9	22%
<input type="checkbox"/> Có đề nghị nhưng không đáng kể	1/9	11%
<input type="checkbox"/> Chưa bao giờ đề nghị vì luật không quy định rõ và nhận thức rằng đó là trách nhiệm của Thẩm phán	6/9	67%

Bảng số 6

Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia xét xử tại giai đoạn bắt đầu phiên tòa VADS sơ thẩm, Hội thẩm có tham gia vào việc hòa giải các đương sự trong vụ án không? Chất lượng hoạt động hòa giải của Hội thẩm như thế nào?		
Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Chủ động tham gia	3/10	30%
<input type="checkbox"/> Tham gia khi Thẩm phán chủ tọa đề nghị	2/10	20%
<input type="checkbox"/> Không tham gia	5/10	50%

Bảng số 7

Ông (bà) vui lòng cho biết khi tham gia hoạt động XXST VADS tại phiên tòa tại phần tranh tụng, Hội thẩm đã thể hiện vai trò như thế nào?		
Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của thành viên HĐXX	2/10	20%
<input type="checkbox"/> Mức độ tham gia hạn chế	3/10	30%
<input type="checkbox"/> Không có hoạt động nào đáng kể	5/10	50%

Bảng số 8

Ông (bà) vui lòng cho biết việc thực hiện nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm độc lập xét xử và chỉ tuân theo pháp luật trong xét xử VADS? trong hoạt động xét xử VADS, Hội thẩm đã thực sự độc lập hay chưa? Các yếu tố nào tác động, chi phối đến tính độc lập của Hội thẩm?		
- Trong hoạt động xét xử VADS, Hội thẩm đã thực sự độc lập hay chưa?		
Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
<input type="checkbox"/> Đã thực sự độc lập	4/10	40%
<input type="checkbox"/> Chưa thực sự độc lập	6/10	60%
- Các yếu tố nào tác động, chi phối đến tính độc lập của Hội thẩm?		
<input type="checkbox"/> Năng lực, trình độ chuyên môn của Hội thẩm	4/6	67%
<input type="checkbox"/> Vị trí, vai trò của Hội thẩm chưa ngang tầm nhiệm vụ (quy định của pháp luật, các điều kiện bảo đảm chưa được khả thi...)	2/6	33%

Bảng số 9

Ông (bà) vui lòng cho biết công tác quản lý Hội thẩm hiện nay có điểm nào hợp lý và điểm nào bất hợp lý? Ông (bà) có đánh giá như thế nào về việc quản lý, phân công Hội thẩm xét xử các VADS của Chánh án? Điều kiện làm việc, chế độ chính sách, sự tôn vinh của xã hội đối với Hội thẩm.		
Các phương án trả lời	Số lượng	Tỷ lệ
- Ông (bà) vui lòng cho biết công tác quản lý Hội thẩm hiện nay có điểm nào hợp lý và điểm nào bất hợp lý?		

<input type="checkbox"/> Hợp lý	1/9	11%
<input type="checkbox"/> Không hợp lý	7/9	78%
<input type="checkbox"/> Ý kiến khác	1/9	11%
- Việc quản lý, phân công Hội thẩm xét xử các VADS của Chánh án		
<input type="checkbox"/> Chú trọng tính đại diện của các tầng lớp nhân dân cho đủ thành phần, cơ cấu theo quy định	3/9	33%
<input type="checkbox"/> Chú trọng những người nhằm bảo đảm cho Thẩm phán, Tòa án xét xử thuận lợi, nhanh chóng; chưa chú trọng những người có trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm công tác (chuyên gia trong một số lĩnh vực)	6/9	67%
- Điều kiện làm việc, chế độ chính sách, sự tôn vinh của xã hội đối với Hội thẩm		
<input type="checkbox"/> Đã được quan tâm thích đáng	2/9	22%
<input type="checkbox"/> Đã quan tâm nhưng chưa bảo đảm với công sức của Hội thẩm	7/9	78%

D. KẾT QUẢ PHỎNG VẤN SÂU CHUYÊN GIA

PVS1:

Quan điểm thứ nhất. Nhìn chung trong thời gian vừa qua, nhận thức của Hội thẩm, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nhân dân về Hội thẩm có sự chuyển biến tích cực. Vị trí, vai trò của Hội thẩm được xã hội đánh giá cao trong việc tham gia quản lý, giám sát các Tòa án và góp phần bảo đảm cho các phán quyết của Tòa án được công bằng, khách quan, đúng pháp luật, bảo đảm công lý.

Quan điểm thứ 2⁽¹⁾. Phải nhìn nhận một cách thẳng thắn thì nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của Hội thẩm trong hoạt động xét xử còn ở mức thấp. Đương sự trong VADS họ không biết nhiều về chức danh Hội thẩm, phần lớn đều nghĩ các vị Hội thẩm là Thẩm phán; một số người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cho rằng chưa bao giờ tiếp xúc làm việc với các vị Hội thẩm, chưa được các vị Hội thẩm thẩm vấn tại phiên tòa dân sự. Trong hoạt động xét xử, Hội thẩm là những người làm việc kiêm nhiệm, không có kiến thức chuyên môn về tố tụng, pháp luật dân sự, đất đai, tài chính... chế độ đãi ngộ thấp dẫn đến tinh thần trách nhiệm chưa cao, nên chất lượng xét xử của Hội thẩm chưa đạt hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa phát huy hết được vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của mình nên việc tham gia phiên tòa xét xử VADS mang tính hình thức, ngồi xét xử cho đủ thành phần.

PVS2:

Quan điểm thứ nhất. Thành phần HĐXX hiện nay là phù hợp, không cần phải thêm số lượng Hội thẩm; bảo đảm HĐXX gồm 01 Thẩm phán 02 Hội thẩm là hợp lý. Mặc dù tranh chấp dân sự ngày càng phức tạp nhưng do trình độ pháp lý của Hội thẩm ngày càng được chú trọng nâng cao nên bảo đảm được chất lượng xét xử đối với tất cả các VADS. Do vậy, cũng không cần phải có thêm Hội thẩm có trình độ chuyên gia trong thành phần HĐXX. Vấn đề cải cách hiện nay là làm sao tăng cường đào tạo, tập huấn cho Hội thẩm, Pháp luật cũng cần quy định rõ cho Hội thẩm có đủ thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án, tham gia vụ án ngay từ đầu để có thời gian thẩm thấu, nghiên cứu kỹ, thấu đáo... vụ án thì đây là giải pháp thực sự hiệu quả bảo đảm cho Hội thẩm xét xử các vụ án khó, phức tạp.

Quan điểm thứ 2⁽²⁾. Với mặt bằng chất lượng hiện tại, đội ngũ Hội thẩm chưa có thể tham gia xét xử và làm tròn bổn phận của mình đối với tất cả các loại án dân sự. Các vụ án về tranh chấp đất đai, thương mại, sở hữu trí tuệ đến Thẩm phán, Kiểm sát viên là những chuyên gia pháp lý, có kinh nghiệm tố tụng mà còn thấy khó khăn, thì Hội thẩm chỉ là người dân bình thường không thể

¹ Bà Phạm Thị Giang - KSV Viện KSND khu vực 7-Hung Yên; bà Đặng Thị Dung, Luật sư; ông Hoàng Văn Tân, đương sự trong VADS.

² Bà Phạm Thị Giang - KSV Viện KSND khu vực 7-Hung Yên

đảm đương được, không thể phân xử được đúng sai, làm cho đương sự tâm phục. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung vào HĐXX một hoặc hai Hội thẩm có kiến thức chuyên gia am hiểu sâu sắc về lĩnh vực chuyên môn liên quan đến vụ án, họ đưa ra những nhận định, đánh giá chính xác, giúp cho Thẩm phán trong việc đưa ra phán quyết cuối cùng.

PVS3:

Thực tế thì tại các Tòa án cấp huyện trước đây và TAND khu vực hiện nay quy định trước khi xét xử, Hội thẩm được nghiên cứu hồ sơ vụ án một ngày; có trường hợp Hội thẩm sau một ngày nghiên cứu hồ sơ vụ án chưa sáng tỏ thì đến Tòa mượn hồ sơ, xin Thẩm phán thêm thời gian để nghiên cứu. Việc chỉ cho Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ trong một ngày là chưa bảo đảm đối với những VADS có tranh chấp phức tạp. Nếu có thời gian nghiên cứu đủ rộng giúp Hội thẩm nghiên cứu sâu vụ án, tạo niềm tin cho Hội thẩm khi xét xử³.

Pháp luật cũng chưa có quy định cụ thể về quyền hạn hoặc trách nhiệm của Hội thẩm trong nghiên cứu hồ sơ, dẫn đến một số Hội thẩm không coi trọng khâu này, ảnh hưởng lớn đến chất lượng xét xử của Hội thẩm. Thực tiễn xét xử, có những Hội thẩm không nghiên cứu hồ sơ vụ án vẫn tham gia xét xử, khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, đến ngày xử tại phiên tòa, do Hội thẩm được phân công vắng mặt, Thẩm phán phải gọi cho một Hội thẩm “xơ cua” nhờ ngồi phiên tòa giúp cho xong vụ án⁴.

PVS4:

Quan điểm thứ nhất⁵: Trong quá trình giải quyết các VADS, nhất là các vụ án về tranh chấp đất đai, đây là những vụ án quá trình xét xử đòi hỏi HĐXX phải tiến hành thực địa, quan sát, khảo sát, thẩm định đánh giá về thửa đất, về ngôi nhà, về lối đi, ranh giới... từ đó mới có một khối lượng thông tin thực tế, phân tích nguyên nhân, hoàn cảnh dẫn đến tranh chấp kết hợp với các quy định của pháp luật... từ đó mới có được một định hướng cơ bản để đưa ra được đường lối giải quyết đúng đắn vụ án. Việc chỉ căn cứ vào hồ sơ giấy mà không được sát với thực tế, thường là phiến diện, đưa ra các phán đoán, nhận định thiếu niềm tin nội tâm, điều này dễ dẫn đến án bị hủy, sửa, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do vậy, trong các vụ án tranh chấp đất đai, cần quy định cho Hội thẩm được tham gia xét xử vụ án ngay từ khi thụ lý vụ án, Hội thẩm chỉ tham gia vào một số hoạt động tố tụng cần thiết như: tiến hành hòa giải các đương sự; tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, lấy lời khai, đối chất. Điều này giúp Hội thẩm thu thập tài liệu chứng cứ, xây dựng quan điểm xét xử của mình để ra phán quyết một cách độc lập thực sự. Thực tế Hội thẩm chỉ được nghiên cứu hồ sơ, mặc dù trình độ Hội thẩm có nâng lên nhưng các VADS về đất đai rất phức tạp, nhiều hồ sơ vụ án có hàng ngàn bút lục, còn được phân thành nhiều tập, thì rất khó cho Hội thẩm nghiên cứu được sáng tỏ trong một thời gian ngắn.

Quan điểm thứ hai⁶: Hội thẩm tham gia xét xử VADS từ khi Tòa án thụ lý vụ án mới bảo đảm chất lượng xét xử của Hội thẩm chỉ mang tính chất lý thuyết. Việc thực hiện thu thập chứng cứ, tài liệu bằng các biện pháp tố tụng như thẩm định, xác minh, lấy lời khai, đối chất là rất phức tạp, đòi hỏi phải có phương pháp, kiến thức chuyên sâu, trình độ pháp lý mới thực hiện được; phải nghiên cứu, lên kế hoạch mới tiến hành thẩm định, xác minh... Hội thẩm không có kiến thức chuyên môn về pháp lý thì rất khó để thực hiện được, tự họ không có nhiều thời gian dành cho xét xử thì việc quy định cho Hội thẩm theo cả vụ án từ khi thụ lý là không khả thi.

Quan điểm thứ ba⁷: Hội thẩm nên tham gia xét xử từ khi thụ lý VADS đối với tất cả các loại vụ án để bảo đảm cho Hội thẩm hiểu sâu sắc về vụ án, và bảo đảm cho Hội thẩm độc lập xét xử với Thẩm phán.

PVS5:

³ Ông Lê Văn Kiệt, Hội thẩm TAND khu vực 1 - Đồng Tháp; ông Nguyễn Hữu Tường, Hội thẩm TAND khu vực 6 - Nghệ An

⁴ Bà Phạm Thị Giang - KSV Viện KSND khu vực 7-Hung Yên

⁵ Ông Lê Văn Kiệt, ông Nguyễn Hữu Tường, bà Đặng Thị Dung, ông Hoàng Văn Tân, bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thẩm phán TAND khu vực 6 - Nghệ An.

⁶ Ông Nguyễn Mạnh Dân, Chánh án TAND khu vực 3 - Đồng Nai; ông Nguyễn Mạnh Tuấn, Thẩm phán TAND khu vực 6 - Hà Nội.

⁷ Luật sư Đặng Thị Dung, ông Hoàng Văn Tân..

Quan điểm thứ nhất: Trong quá trình xét xử các VADS, Hội thẩm chủ động thực hiện tốt các quyền này. Khi nghiên cứu hồ sơ và kê cả tại phiên tòa, nếu Hội thẩm nhận thấy các quyết định tố tụng của Thẩm phán đã ban hành có điểm chưa phù hợp thì thường đề xuất quan điểm trao đổi, thảo luận và kiến nghị Thẩm phán ban hành, thay đổi, hủy bỏ các quyết định tố tụng để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm thứ hai: Việc thực hiện quyền đề nghị Chánh án, Thẩm phán ban hành các quyết định tố tụng của Hội thẩm chưa được thực hiện tốt và hiệu quả. Điều này do nhiều nguyên nhân, trước hết, BLTTDS quy định quyền này thiếu rõ ràng, thứ hai là trình độ pháp lý, năng lực, kinh nghiệm xét xử của Hội thẩm chưa thể đánh giá, nhận định vụ án cần những quyết định tố tụng gì để từ đó kiến nghị áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ; việc thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án ít làm cho Hội thẩm không nắm được bản chất vụ án. Quá trình xét xử, Hội thẩm thiếu tập trung, Hội thẩm chỉ ngồi im, không có ý kiến; có hỏi đương sự thì chỉ hỏi về những vấn đề liên quan đến đạo đức xã hội, tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Thực tiễn giải quyết vụ án, nhiều trường hợp Thẩm phán, Hội thẩm bỏ sót người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, thường gặp nhất là trong các vụ tranh chấp về thừa kế nhà đất, tranh chấp tài sản chung, đòi lại nhà cho ở nhờ, có người không phải là bị đơn, nhưng thực tế họ đang ở trong nhà, ở trên đất đang tranh chấp, nhưng Tòa án không xác định họ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội thẩm cũng không biết được điều đó để kiến nghị khắc phục. Điều này sẽ gặp trở ngại, khó khăn khi thi hành án

PVS6:

Nguyên tắc giải quyết các tranh chấp dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng ở nước ta hiện nay là tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự. Nguyên tắc cơ bản này thì thành viên HĐXX, cũng như Hội thẩm cần nhận thức đúng và đầy đủ. Trong các VADS, phương thức giải quyết được ưu tiên đó là hòa giải giữa các đương sự. Phần lớn các VADS thường do Thẩm phán tiến hành hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nhưng những lần hòa giải này Hội thẩm lại không được tham gia. Hội thẩm là người sống gần dân, cho nên họ biết được nguyên nhân, cội nguồn của các tranh chấp của các bên với nhau.

Việc hòa giải tại phiên tòa được Hội thẩm thực hiện tốt; luôn tiến hành giải thích, gợi mở cho các bên đương sự tự tìm thấy có tiếng nói chung để đoàn tụ trong các vụ về tranh chấp ly hôn hoặc thống nhất cách thức giải quyết tranh chấp trong các VADS khác, tạo niềm tin cho các đương sự và nhân dân về vai trò của Hội thẩm. Cần phải có quy định cụ thể và nâng cao vai trò của Hội thẩm được cùng với Thẩm phán tham gia các lần hòa giải cho các đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa; kê cả việc giao cho Hội thẩm tiến hành hòa giải các đương sự tại các khu phố, hoặc hòa giải trước khi vụ án được tố tụng theo quy định của Luật Hòa giải đối thoại.

PVS7:

Tại giai đoạn tranh tụng, Hội thẩm cũng thực hiện tốt trách nhiệm của mình, cùng với Thẩm phán điều khiển phiên tòa, điều hành phiên tranh tụng; tạo điều kiện để các bên trình bày đầy đủ ý kiến; đồng thời cũng theo sát, đề nghị Thẩm phán bảo đảm quyền tranh tụng, không hạn chế thời gian của các đương sự, bảo vệ tốt nhất quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án.

PVS8:

Quan điểm thứ nhất⁸: Về sự độc lập của Hội thẩm trong giải quyết, xét xử VADS luôn được bảo đảm thực hiện tốt. Khi xét xử, Thẩm phán luôn tạo điều kiện cho các Hội thẩm phát huy vai trò, trách nhiệm, thảo luận, phát biểu về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án. Không có việc lãnh đạo các cấp, Thẩm phán hoặc Viện kiểm sát can thiệp, tác động vào việc xét xử của Hội thẩm.

Quan điểm thứ hai⁹: Vấn đề độc lập xét xử của Hội thẩm liên quan nhiều đến yếu tố kinh nghiệm xét xử, đó là bản lĩnh của người Hội thẩm. Đối với Hội thẩm mới tham gia xét xử hoặc Hội thẩm ở những năm đầu của nhiệm kỳ thường có tâm lý e dè, ngại va chạm nên thường theo quan điểm của Thẩm phán. Nhưng đối với những Hội thẩm đã có kinh nghiệm trong công tác xét xử thì yếu tố độc lập được đặt lên hàng đầu, không chịu sự can thiệp của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân

⁸ Ông Lê Văn Kiệt, Hội thẩm TAND khu vực 1 - Đồng Tháp; các Thẩm phán,

⁹ Ông Nguyễn Hữu Tường, Hội thẩm TAND khu vực 6 - Nghệ An, bà Phan Thị Thu Hà-TANDTC.

nào; trong nghị án Hội thẩm có tiếng nói, đề xuất quan điểm và biểu quyết theo đa số không phụ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán.

Quan điểm thứ ba¹⁰: Thực tiễn xét xử có vụ án, tại phiên tòa Thẩm phán cũng trao đổi qua cho Hội thẩm biết về nội dung vụ án và quan điểm, đường lối xét xử. Sau khi nghe xong, Hội thẩm nhất trí và vào xét xử, nghị án, tuyên án. Hội thẩm thường vì không có kiến thức pháp lý nên việc tham gia xét xử rất khó khăn, đa phần các VADS Hội thẩm đều theo chỉ dẫn của Thẩm phán, đồng ý với quan điểm của Thẩm phán và biểu quyết, họ rất hiếm khi có chính kiến riêng của mình.

PVS9:

Cơ chế quản lý Hội thẩm hiện nay có nhiều cơ quan, tổ chức cùng quản lý, giám sát, theo dõi hoạt động của Hội thẩm. Điều này giúp nâng cao tinh thần, trách nhiệm của Hội thẩm khi được bầu; hạn chế được các vi phạm, thiếu sót của Hội thẩm khi tham gia xét xử. Tuy nhiên, cơ chế này còn có những hạn chế như sau: Vì nhiều cơ quan cùng quản lý, dẫn đến có sự chồng chéo, không rõ được cơ quan nào chịu trách nhiệm chính về hoạt động của Hội thẩm; cơ chế quản lý chưa tạo được sự chủ động việc phân công và Hội thẩm tham gia xét xử... Hiện nay, xóa bỏ HĐND cấp huyện, thì HĐND cấp tỉnh bầu Hội thẩm thì có thẩm quyền quản lý Hội thẩm là tốt nhất, với vị trí là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương thực hiện bầu một số chức danh, chức vụ như đại biểu HĐND, Hội thẩm nhân dân... thì việc giao HĐND quản lý là phù hợp nhất, điều này cũng nâng cao được địa vị pháp lý của Hội thẩm, tạo tâm lý tự tin để Hội thẩm thực hiện tốt nhiệm vụ xét xử. Đồng thời, giúp Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động XXST VADS.

Trước đây các Hội thẩm tham gia xét xử VADS thường do Thư ký Tòa án gọi điện, thông báo cho Hội thẩm kế hoạch xét xử, thời gian, tên vụ án, địa điểm để Hội thẩm sắp xếp công việc tham gia xét xử tại Tòa án, có trường hợp Hội thẩm chỉ đến tham dự cũng chưa kịp nghiên cứu hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025 trở lại đây, việc phân công Hội thẩm xét xử được Chánh án ủy quyền cho Phó Chánh án trực tiếp theo dõi, xây dựng kế hoạch phân công từng Hội thẩm xét xử vụ án cụ thể, tạo điều kiện cho Hội thẩm chủ động sắp xếp công việc để tham gia xét xử hợp lý; và bảo đảm tất cả các Hội thẩm đều được phân công xét xử. Việc này cho thấy có sự nhận thức thay đổi theo hướng đề cao vai trò Hội thẩm; tạo được sự công bằng cho các Hội thẩm, khắc phục được tình trạng có Hội thẩm xử nhiều, Hội thẩm xử ít hoặc không tham gia xét xử.

Đối với việc phân công ngẫu nhiên Hội thẩm cần phải nghiên cứu, triển khai hợp lý. Bởi vì, với điều kiện hiện nay của Việt Nam, cùng với quy định của pháp luật tổ tụng về cơ cấu thành phần Hội thẩm tham gia xét xử một số VADS có tính chất riêng biệt như: Đối với vụ án có đương sự là người chưa thành niên thì phải có Hội thẩm nhân dân là người đã hoặc đang công tác tại Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em. Đối với vụ án lao động thì phải có Hội thẩm nhân dân là người đã hoặc đang công tác trong tổ chức đại diện tập thể lao động hoặc người có kiến thức về pháp luật lao động. Vì vậy, việc phân công ngẫu nhiên Hội thẩm gặp khó khăn về căn cứ pháp lý; hoặc đối với Hội thẩm trong các Tòa án chuyên biệt tới đây, thì việc phân công ngẫu nhiên thực hiện như thế nào đối với Hội thẩm có kiến thức chuyên môn sâu. Vì vậy, thực hiện được điều này là rất khó khăn, cần phải có lộ trình và bước đi hợp lý.

¹⁰ Bà Phạm Thị Giang, KSV VKSND khu vực 7 - Hưng Yên, Luật sư, đương sự

Phụ lục 5:**DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG
LUẬT HỘI THẨM NHÂN DÂN****CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về vị trí, vai trò, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội thẩm; tổ chức Đoàn Hội thẩm; chế độ chính sách và các cơ chế bảo đảm, miễn trừ đối với Hội thẩm khi tham gia xét xử.

Điều 2. Vị trí, vai trò của Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm là người đại diện của Nhân dân, do cơ quan dân cử bầu ra để tham gia xét xử tại Tòa án, thực hiện quyền lực tư pháp, góp phần bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. Nguyên tắc tham gia xét xử

1. Hội thẩm tham gia xét xử sơ thẩm các vụ án; khi xét xử, Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán về các vấn đề thuộc thẩm quyền; xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; bảo đảm vô tư, khách quan khi xét xử.

2. Đối với các VADS, Hội thẩm chỉ tham gia xét xử đối với vụ án tranh chấp có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên; không tham gia xét xử các vụ án theo thủ tục rút gọn theo quy định.

3. Việc phân công Hội thẩm tham gia xét xử phải được thực hiện bằng phương thức lựa chọn ngẫu nhiên qua hệ thống quản trị án điện tử.

CHƯƠNG II**TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BẦU HỘI THẨM****Điều 4. Phân loại Hội thẩm**

1. Hội thẩm gồm có Hội thẩm quân nhân và Hội thẩm nhân dân

2. Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính trừ các vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự.

3. Hội thẩm tham gia xét xử VADS bao gồm:

a) Hội thẩm phổ thông tham gia xét xử các vụ dân sự thông thường tại TAND các cấp. Thành phần HĐXX 03 người, trong đó có 02 Hội thẩm phổ thông.

b) Hội thẩm chuyên gia tham gia xét xử sơ thẩm các VADS kinh doanh, thương mại, phá sản, sở hữu trí tuệ, tài chính, ngân hàng, đầu tư xây dựng cơ bản, đất đai môi trường có tính chất phức tạp, liên quan yếu tố nước ngoài và các vụ án khác theo quy định. Thành phần xét xử 05 người, hoặc 07 người tùy theo mức độ phức tạp của vụ án, trong đó, Hội thẩm bao gồm 3 người hoặc 5 người tham gia xét xử cùng các Thẩm phán.

Điều 5. Tiêu chuẩn của Hội thẩm

Người được bầu làm Hội thẩm phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1. Tiêu chuẩn chung:

a) Công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc và với Hiến pháp, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có tinh thần dũng cảm và kiên quyết bảo vệ công lý, liêm khiết và trung thực.

b) Từ đủ 28 tuổi đến 70 tuổi; có kiến thức pháp luật và hiểu biết xã hội.

c) Có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao; Không đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức; không bị xử lý kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc.

d) Không thuộc trường hợp đang bị xử lý hình sự hoặc đã bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật; Không thuộc trường hợp đã bị bãi nhiệm Hội thẩm.

2. Tiêu chuẩn đặc thù đối với Hội thẩm chuyên gia

Người được bầu làm Hội thẩm chuyên gia tham gia xét xử tại TAND để giải quyết các vụ án kinh tế, dân sự phức tạp phải đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện, như sau:

a) Có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Có bằng đại học trở lên, có kiến thức chuyên môn sâu và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác trong các lĩnh vực chuyên ngành tương ứng với các VADS thẩm quyền xét xử của Tòa án (tài chính, ngân hàng, kế toán, xây dựng, sở hữu trí tuệ).

Điều 6. Những người không được làm Hội thẩm

Những người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được làm Hội thẩm, bao gồm:

1. Người đang giữ chức danh tư pháp, công chức, viên chức và người lao động trong Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an, cơ quan Thi hành án, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định.

2. Luật sư, Công chứng viên, Thừa phát lại, Trợ giúp viên pháp lý.

Điều 7. Lựa chọn, giới thiệu và bầu Hội thẩm

1. Căn cứ vào yêu cầu xét xử, Tòa án đề xuất nhu cầu về số lượng, cơ cấu thành phần Hội thẩm; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp lựa chọn, giới thiệu người đủ tiêu chuẩn để Hội đồng có thẩm quyền bầu Hội thẩm.

2. Đối với Hội thẩm chuyên gia tại TAND khu vực, căn cứ vào nhu cầu xét xử, Tòa án đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ lựa chọn, giới thiệu để HĐND cấp tỉnh bầu.

3. Thành phần Hội thẩm bảo đảm cơ cấu hợp lý, số lượng nhân sự đề xuất bầu Hội thẩm phải có số dư để HĐND xem xét, quyết định.

Điều 8. Nhiệm kỳ của Hội thẩm

1. Nhiệm kỳ của Hội thẩm bằng $\frac{1}{2}$ nhiệm kỳ của HĐND đã bầu ra Hội thẩm. Một người không được làm Hội thẩm 02 nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Cơ quan Công an nhân dân và các tổ chức ngân hàng, các công ty, doanh nghiệp tham gia vào quá trình lập danh sách, giới thiệu Hội thẩm có kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực tương ứng.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm

1. Hội thẩm có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, theo nguyện vọng cá nhân hoặc lý do chính đáng khác theo quy định.

2. Trong trường hợp, Hội thẩm vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống, kỷ luật hoặc có hành vi vi phạm pháp luật không còn xứng đáng làm Hội thẩm thì bị bãi nhiệm.

3. Chánh án TAND sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp đề nghị HĐND có thẩm quyền quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm.

CHƯƠNG III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI THẨM

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TỐ TỤNG

Điều 10. Quyền tiếp cận và nghiên cứu hồ sơ vụ án

1. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày mở phiên tòa đối với vụ án thông thường, và 30 ngày đối với vụ án phức tạp, Tòa án có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ án (bản giấy hoặc bản điện tử) cho Hội thẩm nhân dân được phân công để thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án.

2. Quá thời hạn trên mà chưa nhận được hồ sơ hoặc hồ sơ không đầy đủ, Hội thẩm có quyền từ chối tham gia xét xử và yêu cầu hoãn phiên tòa để bảo

đảm quyền nghiên cứu hồ sơ, ngoại trừ các vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn do luật định.

3. Hội thẩm phải nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, phải có mặt ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

4. Hội thẩm có quyền tự mình quyết định hoặc đề nghị Thẩm phán chủ tọa tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định, quyền đề nghị đương sự cung cấp chứng cứ để Hội thẩm làm căn cứ xem xét, quyết định các vấn đề về tố tụng, nội dung vụ án, quyết định khi nghị án.

5. Đối với các VADS về tranh chấp đất đai... Hội thẩm có trách nhiệm xác minh, thẩm định tại chỗ để bảo đảm ra phán quyết khách quan, công bằng và chính xác.

Điều 11. Thẩm quyền chung tại phiên tòa

Khi tham gia phiên tòa xét xử, Hội thẩm có thẩm quyền như sau:

1. Đề nghị Chánh án Tòa án, Thẩm phán ban hành, thay đổi, hủy bỏ các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền.

2. Xét hỏi, thẩm tra chứng cứ và yêu cầu những người tham gia tố tụng trình bày làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án, bình đẳng với Thẩm phán.

3. Yêu cầu Thẩm phán chủ tọa phiên tòa giải thích các thuật ngữ pháp lý chuyên ngành, các văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án trước khi tiến hành nghị án.

Điều 12. Quyền bảo lưu ý kiến

Hội thẩm có quyền lập văn bản bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác biệt với đa số thành viên HĐXX hoặc khác biệt với Thẩm phán về việc đánh giá chứng cứ hoặc áp dụng pháp luật. Ý kiến bảo lưu phải được lưu giữ trong hồ sơ bí mật nghị án và là căn cứ bắt buộc để Tòa án cấp trên xem xét khi có kháng cáo, kháng nghị.

Điều 13. Phân công Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử

1. Việc phân công Hội thẩm tham gia xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc phải bảo đảm nguyên tắc vô tư, khách quan, ngẫu nhiên.

2. Chánh án Tòa án cùng cấp phân công Hội thẩm tham gia xét xử bằng phương pháp ngẫu nhiên, sử dụng hệ thống điện tử để phân công Hội thẩm tham gia xét xử, bảo đảm nguyên tắc Hội thẩm chuyên gia được ưu tiên phân công vào các VADS, kinh tế có tính chất chuyên môn tương ứng.

3. Nghiêm cấm Thẩm phán, Thư ký Tòa án tự ý liên hệ, lựa chọn, hoặc mời Hội thẩm tham gia HĐXX trái với kết quả phân công ngẫu nhiên của Đoàn Hội thẩm.

Mục 2**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ****Điều 14. Thẩm quyền tại phiên tòa hình sự**

1. Hội thẩm nhân dân có quyền trực tiếp xét hỏi bị cáo, bị hại, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác để làm rõ tính khách quan của hành vi phạm tội, động cơ, mục đích,
2. Yêu cầu Thẩm phán giải thích.....
3. Yêu cầu Kiểm sát viên giải thích rõ các căn cứ buộc tội hoặc gỡ tội; yêu cầu HĐXX

Điều 15. Giới hạn quyền nghị án và biểu quyết trong án hình sự

1. Đối với HĐXX 03 người, Hội thẩm có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định mọi vấn đề của vụ án,
2. Đối với HĐXX 05 người trong các vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp:

Mục 3**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG XÉT XỬ VADS****Điều 16. Thẩm quyền tại phiên tòa**

1. Hội thẩm có quyền chủ động đặt câu hỏi, yêu cầu đương sự, người làm chứng, người giám định trình bày, cung cấp tài liệu để làm rõ bản chất giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại.
2. Tiến hành hòa giải các bên đương sự.
3. Yêu cầu giám định bổ sung, giám định lại đối với các chứng từ kế toán, tài chính, hợp đồng chuyên ngành nếu phát hiện có dấu hiệu ngụy tạo, sai lệch hoặc vi phạm pháp luật.
4. Hội thẩm khi tham gia xét xử cùng thẩm phán điều khiển phiên tòa, điều khiển phiên tranh tụng bảo đảm quy định của pháp luật.
5. Tiến hành các hoạt động tố tụng và ngang quyền với Thẩm phán khi biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐXX.

Điều 17. Giới hạn quyền nghị án và biểu quyết trong án dân sự, kinh tế

1. Đối với HĐXX 03 người, Hội thẩm có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định mọi vấn đề của vụ án, bao gồm việc đánh giá chứng cứ, làm rõ sự thật khách quan (vấn đề sự kiện) và việc áp dụng pháp luật.
2. Đối với HĐXX 05 người trở lên, Hội thẩm chuyên gia chỉ có thẩm quyền tham gia thảo luận và biểu quyết quyết định về việc đánh giá chứng cứ, tính hợp lệ của giao dịch, mức độ thiệt hại thực tế (vấn đề sự kiện); đối với việc giải thích

và áp dụng pháp luật nội dung, Hội thẩm có quyền phát biểu ý kiến bảo lưu nhưng không tham gia biểu quyết. Quyền biểu quyết áp dụng pháp luật do các Thẩm phán quyết định.

Mục 4

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN TRONG XÉT XỬ VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

Điều 18. Thẩm quyền tại phiên tòa hành chính

1. Hội thẩm nhân dân tập trung thẩm tra tính khách quan, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính.....

2. Có quyền yêu cầu người bị kiện (cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước) giải trình rõ căn cứ thực tế dẫn đến việc ban hành quyết định hành chính.....

Điều 19. Giới hạn quyền nghị án và biểu quyết trong án hành chính

1. Đối với HĐXX 03 người,

2. Đối với HĐXX 05 người

Điều 20. Trách nhiệm của Hội thẩm trong hoạt động xét xử

1. Thực hiện nghiên cứu hồ sơ vụ án trong thời hạn theo quy định.

2. Tham gia xét xử theo đúng sự phân công của Chánh án Tòa án mà không được từ chối; trường hợp có lý do chính đáng hoặc thuộc các trường hợp phải từ chối tiến hành tố tụng, thay đổi người tiến hành tố tụng thì phải thông báo cho Tòa án thực hiện theo quy định.

3. Xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; vô tư, khách quan trong quá trình giải quyết vụ án, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

4. Giữ bí mật nhà nước, bí mật công tác; bảo mật thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân mà Hội thẩm biết được trong quá trình tiếp cận hồ sơ và xét xử vụ án.

5. Không được tư lợi, sách nhiễu đương sự; tiếp xúc, gặp gỡ riêng đương sự, người đại diện của đương sự hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự ngoài phòng xử án và trụ sở Tòa án.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC ĐOÀN HỘI THẨM NHÂN DÂN VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Điều 21. Địa vị pháp lý của Đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Đoàn Hội thẩm là tổ chức tự quản của các Hội thẩm cùng cấp, hoạt động dưới sự giám sát của HĐND cấp tỉnh; đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của các Hội thẩm tại các TAND cấp tỉnh và TAND khu vực.

2. Đoàn Hội thẩm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và hoạt động độc lập với bộ máy hành chính của TAND, nhằm bảo đảm tính khách quan trong công tác quản lý và phân công xét xử.

3. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và TAND tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 22. Cơ cấu tổ chức và Chế độ phụ cấp trách nhiệm của Đoàn Hội thẩm

1. Đoàn Hội thẩm có Trưởng đoàn, các Phó Trưởng đoàn do Hội nghị toàn thể Hội thẩm cùng cấp bầu ra.

2. Chế độ phụ cấp của Trưởng đoàn Hội thẩm, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm được ngân sách nhà nước bảo đảm và được dự toán kinh phí hoạt động do HĐND cấp tỉnh quyết định.

3. Thành lập Ban Thường trực của Đoàn Hội thẩm để giữ mối liên lạc.

Điều 23. Quản lý hoạt động và Bảo đảm điều kiện làm việc

1. Tòa án bảo đảm trang thiết bị, phòng làm việc để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử. Hội thẩm được cấp Giấy chứng minh Hội thẩm để làm nhiệm vụ xét xử, việc cấp, thu hồi do Chánh án TAND tối cao quy định.

2. Cơ quan, tổ chức nơi có người được bầu làm Hội thẩm có trách nhiệm tạo điều kiện tối đa để Hội thẩm làm nhiệm vụ. Trong thời gian Hội thẩm làm nhiệm vụ theo sự phân công, cơ quan, tổ chức không được điều động, phân công Hội thẩm làm việc khác, trừ trường hợp đặc biệt và phải thông báo cho Chánh án Tòa án nơi Hội thẩm làm nhiệm vụ biết.

Điều 24. Đánh giá, Khen thưởng và Xử lý vi phạm

1. Định kỳ hằng năm, Đoàn Hội thẩm chủ trì, phối hợp với Tòa án và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tiến hành đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng Hội thẩm dựa trên các tiêu chí: tỷ lệ tham gia xét xử, chất lượng nghiên cứu hồ sơ và việc tuân thủ quy tắc đạo đức.

2. Hội thẩm có thành tích trong công tác xét xử thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của TAND tối cao.

3. Hội thẩm xét xử vụ án bị cấp có thẩm quyền hủy, sửa do lỗi chủ quan thì phải chịu trách nhiệm theo quy định; lầy làm căn cứ xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chung của Hội thẩm tại nơi công tác.

4. Hội thẩm có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

CHƯƠNG V

CƠ CHẾ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC

Điều 25. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng

1. Tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ là quyền lợi và nghĩa vụ bắt buộc của Hội thẩm nhằm bảo đảm chất lượng xét xử và tính độc lập của phán quyết tư pháp.

2. Người được bầu làm Hội thẩm lần đầu năm thứ nhất của nhiệm kỳ bắt buộc phải tham gia và hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử theo quy định của TAND.

Điều 26. Nội dung và hình thức bồi dưỡng nghiệp vụ

1. Việc bồi dưỡng nghiệp vụ phải được thiết kế chuyên biệt, bám sát thực tiễn tố tụng và phân loại theo tính chất chuyên môn của Hội thẩm:

a) Đối với Hội thẩm phổ thông, tập trung bồi dưỡng kiến thức pháp luật cơ bản, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án, kỹ năng xét hỏi và đánh giá chứng cứ trong các vụ án hình sự, hành chính, dân sự thông thường;

b) Đối với Hội thẩm chuyên gia, tập trung bồi dưỡng chuyên sâu về pháp luật nội dung và kỹ năng tố tụng đặc thù giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại, phá sản, sở hữu trí tuệ, và kỹ năng thẩm tra, đánh giá kết luận, hồ sơ kỹ thuật chuyên ngành.

2. Hình thức bồi dưỡng bao gồm: tập huấn tập trung đối với Hội thẩm, bồi dưỡng trực tuyến hoặc kết hợp hội nghị trực tuyến ngành Tòa án, tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm và hội nghị tổng kết công tác xét xử thường niên.

Điều 27. Trách nhiệm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

1. TAND tối cao có trách nhiệm chủ trì, thống nhất xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu tập huấn và kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ cho Hội thẩm trên phạm vi toàn quốc.

2. TAND cấp tỉnh, TAND khu vực phối hợp với Đoàn Hội thẩm cùng cấp tổ chức các khóa bồi dưỡng thường xuyên và theo chuyên đề dựa trên nhu cầu thực tế của địa phương.

Điều 28. Đánh giá kết quả và chứng nhận bồi dưỡng

1. Kết thúc mỗi chu kỳ bồi dưỡng hằng năm, Tòa án phối hợp với Đoàn Hội thẩm tổ chức đánh giá kết quả tập huấn của Hội thẩm.

2. Việc hoàn thành đủ thời lượng và đạt kết quả đánh giá bồi dưỡng nghiệp vụ là điều kiện bắt buộc để Hội thẩm tiếp tục được phân công tham gia xét xử

trong năm tiếp theo. Những Hội thẩm trốn tránh nghĩa vụ bồi dưỡng mà không có lý do chính đáng sẽ bị Đoàn Hội thẩm đề nghị HĐND bãi nhiệm.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng... năm...

Các quy định trước đây trái với Luật này đều bị bãi bỏ.